



Văn nghệ

VÌ TỔ QUỐC,
VÌ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NĂM THỨ 64

Số: 1+2

(2656+2657)

HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

THỨ BẢY, 1 - 1 - 2011

CHÀO NĂM MỚI 2011



Tranh của THÁNH CHƯỜNG



VIGLACERA

CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA HÀ LONG

VIGLACERA HA LONG JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Phường Hà Khẩu - Thành phố Hạ Long - Quảng Ninh

Điện thoại: 033.3846561 - 3846239 * Fax: 84.33.3846577 *Email: halongceramic@hn.vnn.vn

Tổng Giám đốc Anh hùng Lao động NGUYỄN QUANG MÂU

LUÔN VƯƠN TỚI NHỮNG TẦM CAO MỚI ĐÓ LÀ VIGLACERA HÀ LONG

VỚI TRÊN 50 NĂM CHUYÊN SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ CÁC SẢN PHẨM ĐƯỢC LÀM BẰNG ĐẤT SÉT NUNG TỪ MỘT NGUYÊN LIỆU LÀ ĐẤT SÉT NỔI TIẾNG GIẾNG ĐÁY BỞI MỘT DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ TIỀN TIẾN, HIỆN ĐẠI TỪ CÁC NƯỚC: ĐỨC, Ý VÀ MỘT ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CÔNG NHÂN LÀNH NGHỀ, MỘT HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ ISO 9001: 2000, ĐƯỢC NGƯỜI TIÊU DÙNG 61 TỈNH THÀNH TRONG CẢ NƯỚC VÀ NHIỀU NƠI TRÊN THẾ GIỚI NHƯ: MALAYSIA, PHILIPIN, SINGAPORE, ĐÀI LOAN, HÀN QUỐC, ÚC VÀ CẢ NHẬT BẢN ƯA CHUỘNG.

... TRONG DỊP VỀ THĂM, CHỦ TỊCH QUỐC HỘI NGUYỄN PHÚ TRỌNG BIỂU DƯƠNG CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIGLACERA HÀ LONG ĐÃ Ý THỨC ĐẦY ĐỦ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI LÀM CHỦ DOANH NGHIỆP, BẢN LĨNH, NĂNG ĐỘNG VÀ CẢ DŨNG CẢM, SÁNG TẠO... ĐÃ LÀM NÊN MỘT THƯƠNG HIỆU SÁNG GIÁ; ĐẶC BIỆT LÀ "ĐÃ XÂY DỰNG ĐƯỢC VĂN HÓA DOANH NGHIỆP DŨNG HƯỚNG".





Ảnh: TRUNG KIẾN



THỜI GIAN, TÌNH YÊU VÀ HY VỌNG

TỞ lịch cuối cùng vừa bóc đi để khép lại một năm đầy ấn tượng, cũng là khép lại thập kỷ đầu tiên của một thế kỷ mới đầy khát khao và hoài vọng. Mười năm, với một đời người không phải là dài, song cũng đủ để làm nên một sự đổi thay cơ bản, trưởng thành hơn, vững vàng hơn, lịch lãm hơn. Còn đối với một đất nước, một dân tộc, mười năm ít nhiều cũng đủ để tạo nên những dấu ấn của một thời kỳ. Với chúng ta, đó là một thời kỳ đầy biến động và cũng nhiều thành tựu...

Cánh cửa của hội nhập Quốc tế mở ra cho chúng ta vô vàn cơ hội. Cơ hội để tiếp cận, cơ hội để học hỏi, cơ hội để vượt lên... Có thể nói chưa bao giờ đất nước Việt Nam thể hiện được một cách rõ rệt tiềm năng và tầm vóc về mặt kinh tế cũng như văn hóa của mình như trong mười năm vừa qua. Sự cần cù, chịu khó, tính năng động, khả năng sáng tạo của người Việt Nam từng làm nên hình ảnh của một đất nước kiên cường trong dấu sôi lửa bỏng chiến tranh, vững vàng, chung thủy trong đổi mới, giờ có dịp bứt phá, thăng hoa trên con đường xây dựng, sáng tạo để đạt đến vận hội hôm nay. Một nền văn hóa truyền thống đầy bản sắc, đáng tự hào, đang rộng cửa tiếp nhận những tinh hoa của bốn bề năm châu, vững bước tiến vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa...

Diện mạo của đất nước hôm nay, với những thành phố trẻ trung đầy sức vóc, với những công trình mang tầm thế kỷ đã và đang kiêu hãnh mọc lên trên khắp mọi miền, chính là hình ảnh dễ dàng nhận thấy nhất của ý chí và bản lĩnh Việt Nam trong sự nghiệp kiến thiết đất nước. Trên trường Quốc tế, vị thế Việt Nam cũng đã

mang một tầm vóc mới, sòng phẳng, tự tại, tự tin; để rồi từ đó, Việt Nam không những chỉ trở thành một môi trường hấp dẫn và tin cậy đối với nhiều nhà đầu tư nước ngoài, mà còn trở thành điểm hẹn hiếu khách và đầm ấm đối với bè bạn khắp năm châu...

Trên các diễn đàn chính trị, không khí dân chủ và cởi mở ngày càng được mở rộng và khuyến khích. Sự tham gia của các tầng lớp nhân dân, các tổ chức xã hội vào các vấn đề của xã hội, của đất nước ngày càng trở nên sâu rộng và trách nhiệm. Tinh thần đó, với bên trong, đã trở thành công cụ hữu hiệu đưa ý Đảng hợp với lòng dân, tạo nên động lực giúp cho việc củng cố và phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết, tình cảm tương thân tương ái tốt đẹp của dân tộc; với bên ngoài, đã tạo thêm sức mạnh và sự đồng thuận cho Việt Nam trong lĩnh vực ngoại giao nhân dân, góp phần đảm bảo quyền lợi và sự công bằng của chúng ta trong các hoạt động đối ngoại cũng như các vấn đề trong quan hệ thương mại quốc tế...

Hội nhập cũng có nghĩa là sẻ chia. Cánh cửa mở ra, những luồng gió mới ủa vào, ngoài việc đưa đến những tinh hoa, những cơ hội, thì cũng ít nhiều đem theo những khó khăn, thách thức, mà ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế Quốc tế trong những năm vừa qua, hay sự bất cập của công tác quy hoạch, những nan giải trong quản lý một số lĩnh vực kinh tế, văn hóa, giáo dục..., là một minh chứng cụ thể mà chúng ta đang và sẽ còn phải vượt qua. Điều đó âu cũng là lẽ đương nhiên đối với một nền kinh tế thị trường còn non trẻ, với một năng lực điều hành chưa nhiều kinh nghiệm, chưa qua va vấp... Nhưng nếu nhìn từ góc độ tích cực, ai cũng hiểu rằng thử thách chính là cơ hội để trưởng thành...

Gắn bó máu thịt với cuộc sống và đồng hành cùng

dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, các nhà văn Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ cũng đã gặt hái được nhiều thành tựu to lớn. Đại hội lần thứ VIII Hội Nhà văn Việt Nam được tổ chức vào năm 2010 vừa qua, đúng vào thời điểm có nhiều ngày lễ trọng đại của đất nước, đã nhân lên cả về niềm vui và trách nhiệm; và tinh thần Đoàn kết, Xây dựng, Dân chủ và Sáng tạo đã được xác định sẽ là phương châm của các nhà văn trong giai đoạn tiếp theo, để cùng sánh vai nhau hướng đến mục tiêu *Vi sự cường thịnh của đất nước, vì phẩm giá con người*...

Khép lại một năm với bao buồn, vui, được, mất; khép lại một thập kỷ với bao bài học từng trải, bao thất bại lo toan; ngày hôm nay chúng ta đang đứng trước ngưỡng cửa của một thời kỳ mới, với những cơ hội mới, cùng những thách thức mới; chắc hẳn trong lòng mỗi người đều có những náo nức và cả những bồn bẽ. Trong bối cảnh đó, Đại hội lần thứ XI của Đảng sắp tới chắc chắn sẽ là một dấu ấn lịch sử quan trọng, tạo nên những động lực mạnh mẽ để đưa đất nước và dân tộc cả quyết, vững vàng bước sang một thời đại mới...

Mùa Xuân và những vận hội của đất nước luôn luôn mang đến cho chúng ta thêm những cảm xúc; cảm xúc sáng tạo và cảm xúc tiếp nhận. Chưa bao giờ nguồn năng lượng đáp bồi cho những cảm xúc ấy lại dồi dào như hôm nay...

Gắn bó với dân tộc, song hành cùng thời đại, cống hiến tài năng và tâm huyết cho sự nghiệp xây dựng con người và chấn hưng văn hóa Việt Nam. Trên con đường dài đầy khát khao, đầy khẩn trương và náo nức ấy, bằng trái tim luôn nóng ấm với cuộc đời, mùa Xuân đang giục ta mạnh bước...■

VĂN NGHỆ

ĐƯỜNG XUÂN

Tuỳ bút của LÊ HUY QUANG

Đó là con đường của mùa xuân, con đường đón mùa xuân. Đó cũng là con đường đi tới mùa xuân của Tổ quốc Việt Nam. Trong xu thế hội nhập và phát triển vào năm thứ hai mươi của thế kỷ XXI. Từ biên giới phía Bắc, phía Nam đến các quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa xa xôi. Từ trung tâm kinh tế lớn - Tp. Hồ Chí Minh, vựa lúa đồng bằng sông Cửu Long lên đến vùng than Đông Bắc Quảng Ninh... theo quốc lộ 1A và đường Hồ Chí Minh chạy suốt chiều dài đất nước. Từ năm cửa ô, từ các cửa ngõ đi vào Hà Nội; ta đã nghe nhịp chuyển mình của dòng nhựa non trong lòng đất, trong từng gốc cây, nhành lá, trong nhịp sinh sôi của những hạt mưa mùa xuân, của đất trời, vũ trụ. Hoa Ngọc Hà và các vùng hoa mới ngoại thành đã muốn mầu khoe sắc. Quất Nghi Tàm đang cuốn vòm trĩu quả vàng da cam óng ả. Đào Nhật Tân, Quảng Bá đón gió xuân qua đê sông Hồng con nước đỏ phù sa, khoe sắc thắm của bích đào và khêp nếp lạng lê phơn phớt đào phai bên những cánh mai vàng của phương Nam, bùng nổ với muôn mầu hoa cao nguyên Đà Lạt...

Mùa xuân mở đầu của bốn mùa, tất niên của một năm, mùa của lời ca tiếng hát em bay xa không bao giờ dừng. Ta nghe vọng vang về Hà Nội - Thăng Long đã tròn ngàn năm tuổi - một nhịp khèn Hơ-mông, một điệu múa sạp của cô gái Thái và cánh ô dù cùng quả còn tung lên sắc sỡ của miền Tây Bắc. Ta đã nghe âm vang một điệu dân tình, dân ca Tây từ Việt Bắc, quê hương của thủ đô kháng chiến. Ta đã nghe nhịp công chiêng Hòa Bình và Tây Nguyên bên chế rượu cần bốc lửa. Và trong nhịp mùa xuân vẫy gọi, bỗng nhiên và bất chợt, một phút giây nào đó trong cuộc đời; ta thấy con người như bay lên, lâng lâng hư ảo. Cảm giác mới lạ ào đến, tóc em nhẹ bay và mắt sáng long lanh. Và gió mới mùa xuân đã về. Gió mơn man, như lướt nhẹ, như đùa giỡn cả trong từng hơi thở dịu êm. Trước mắt ta, trời trong trong thật cao, thật xanh và quang đãng. Ta nghe mầu gió tạo nên những cảm giác mới, sắc thái mới từ năm cửa ô Hà Nội hoà vào từng mái ngói cổ rêu phong. Trong muôn sắc hoa đón nắng xuân của nam nữ thanh niên Hà Thành thanh lịch, ta nghe riu riu tiếng đàn chim én bay về từng đôi trên mặt gương Tây Hồ gợn sóng. Ta nghe mùi mạ non từ các cánh đồng ngoại thành theo gió mới của vụ lúa giêng xuân vừa gieo cấy. Ta cứ ngỡ như xòe bàn tay là bắt được gió, là bắt được nắng, là hái được cả một đám mây trắng mỏng lững lờ trôi giữa trời cao. Ta đưa nhau vòng vòng từ Quảng trường Cách mạng Tháng 8 lịch sử; qua hồ Hoàn Kiếm rửa thiêng, qua phố Lê Thái Tổ, Trần Hưng Đạo, Lý Thường Kiệt; vòng lên đường Hùng Vương, qua Đài tưởng niệm các liệt sĩ, rồi từ quảng trường Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh lên đường Thanh Niên đầy sức trẻ; qua vùng hoa Nghi Tàm, Nhật Tân, Quảng Bá, thẳng một mạch lên Âu Cơ, Lạc Long Quân, An Dương Vương để vượt cầu Thăng Long lồng lộng gió xuân... Ta lại đưa nhau vòng vòng qua những ngã đường ngoại thành, theo nhịp chuyển mùa xuân với những đường cao tốc mở rộng từ khu công nghệ cao Hòa Lạc, qua Trung tâm



Các đại biểu về dự Đại Hội chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ VIII - 2011.

Hội nghị quốc gia Mỹ Đình hiện đại dưới ánh đèn sáng xanh cao áp. Những ngọn gió ngoại thành, người ngoại thành xuôi ngược sánh vai nhau, nụ cười trên môi bừng nở. Bỗng nhiên. Và bất chợt một phút giây nào đó trong cuộc đời. Ta như bay lên, hư ảo, lâng lâng và thoát tục. Ta bỗng thấy thanh thản lòng mình. Ta bỗng thấy những gì là tranh giành vật chất nhỏ nhen, tầm thường, đồ kỹ trong cuộc sống thường nhật, những hư danh hào huyền, hào nhoáng, đều là vô nghĩa trước thiên nhiên muôn đời lạ lùng và bất tử. Đó phải chăng là giây phút của nhịp chuyển mùa xuân mới đang lan tỏa trong tâm hồn mỗi người Việt Nam, trong đó có người dân đất kinh kỳ Thăng Long rồng bay; mà Đại lễ kỷ niệm 1000 năm Thăng long - Hà Nội kéo dài trong một tháng trên cả nước; là một dấu son, một cột mốc lớn để mở ra thời kỳ mới của một Thủ đô mới - Thành phố anh hùng, Thành phố Hòa bình - một biểu tượng ngời sáng của Tổ quốc Việt Nam ngàn đời yêu dấu!

Bất chợt một buổi sáng mùa xuân, thả mình thong dong vòng vòng theo dọc bờ đê đi ra ngoại thành Hà Nội - phóng tầm mắt nhìn ra tít tắp những cánh đồng xanh non, đón ngọn gió quê mát rượi của những vùng đất từ Mê Linh, qua Đông Anh, rồi Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc, thẳng một vạch lên Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài - nay đã và sẽ trở thành những khu công nghiệp vệ tinh hiện đại của Thủ đô - cảm giác của ta thật là thú vị. Không phải là cửa biển, càng không phải là cửa sông; vậy mà đây gió từ đâu thổi ủa về mơn man làm dịu mát và thanh thản lòng người. Chợt nghĩ, cách đây trên hai mươi năm thì khi đất nước bước vào công cuộc đổi mới, chúng ta như đã bừng tỉnh để mở cửa đón những ngọn gió

từ khắp bốn phương. Đó là những ngọn gió lành mà nhân dân ta đã tự lực cánh sinh, chịu thương chịu khó, chắt chiu, dồn góp để tự mình tạo ra cho chính mình quyết tâm đi lên, tự cứu lấy mình trước khi trời cứu... Cũng trên hai mươi năm đi qua chỉ như một chớp mắt đó, ngọn gió lành đầu tiên thổi về trên mọi miền quê đất nước - chính là Nghị quyết Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh - đã mở ra những cách nhìn mới, những hướng đi mới, những khát vọng và quyết tâm mới; nhưng điều quan trọng nhất là đã gọi dậy và trả lại những khả năng tiềm tàng vốn là truyền thống thắm sâu trong tâm hồn mỗi con người Việt Nam từ thuở ông cha mở nước, dựng nước và giữ nước - mà bấy lâu nay tưởng chừng như đã bị lãng quên - bởi yếu tố con người là quan trọng nhất để làm nên mọi thành công cho sự nghiệp đấu tranh cách mạng và xây dựng thành công Chủ nghĩa xã hội. Vì thế, chúng ta thật sự bình tâm các khi nhìn lại đội ngũ các thế hệ cán bộ lãnh đạo kế tiếp nhau từ nhiều năm qua; không ít người trong số họ là các cựu chiến binh đã từng vào sinh ra tử trên chiến trường đánh Mỹ ác liệt; và cùng đoàn kết, chung vai gánh vác những trọng trách với họ, là một đội ngũ các cán bộ trẻ hăm hở, sôi nổi, năng động, được đào tạo chính quy trên các khi nhìn chính trị, xã hội, kinh tế, giáo dục, y tế, văn hoá, pháp luật, tài chính... Bởi, chủ trương lớn nhất của Đảng ta là luôn đặt nhân tố con người lên hàng đầu và quan trọng nhất, nhằm tạo nên những sức mạnh mới, những tiềm lực mới để hoàn thành công cuộc đổi mới trong mười năm tiếp theo; đưa Việt Nam đứng vào hàng ngũ các nước công nghiệp của thế giới vào năm 2020...

Mùa xuân đã về. Con đường xuân của

đất nước đã rộng mở. Và trên con đường xuân ấy, vài ba năm nay, tôi may mắn luôn được ghé về miền Trung quê cha, đất mẹ của mình - mảnh đất và con người luôn phải gồng lên để đấu tranh với thiên nhiên ngàn năm đầy mưa giông, bão lụt. Tôi đã viếng thăm Nghĩa trang Liệt sĩ Đường 9, Nghĩa trang Liệt sĩ Trường Sơn; thấp nhen tâm nhang thành kính của lòng mình tưởng niệm hương hồn các chiến sĩ đã hy sinh cho Tổ quốc, trong đó có những bạn hữu đã từng cùng học trường cấp ba Huỳnh Thúc Kháng, Nghệ An... Tôi còn nhớ như in cuối niên học khoá 1963 - 1966; hàng trăm học sinh cả ba lớp 8, 9, 10 - tuổi đời còn rất trẻ, từ 18 đến 20 - đã xung phong tình nguyện lên đường nhập ngũ theo lời kêu gọi của Bác "Không có gì quý hơn Độc lập, Tự do"; và trong số đó đã có những người con của quê hương xứ Nghệ ra đi vĩnh viễn không bao giờ trở lại... Cho đến khi ghé về quê hương xứ Quảng - Đất Quảng Nam chưa mưa đã thấm/Rượu Hồng Đào chưa nhấm đã say - ta lại thấy dậy lên một hương vị ngọt ngào, đầm thắm và hình ảnh Quảng Nam - Đà Nẵng "Trung dũng, kiên cường đi đầu diệt Mỹ", với những chiến công vang dội, lại như bản hùng ca bất tận mãi mãi vang lên trong tâm trí mỗi người. Và rồi, ngay giữa mùa xuân tràn trề niềm vui và hạnh phúc này, hình ảnh mẹ Nguyễn Thị Thù - Mẹ Việt Nam Anh hùng của quê hương đất Quảng - đã gánh chịu những nỗi đau đớn đến tột cùng của một người đã chín lần nhận giấy báo tử con ruột, ba lần nhận giấy báo tử con rể và cháu ngoại... đã thanh thân ra đi vào tuổi đại thọ 107; chắc chắn, sẽ để lại trong lòng mỗi người dân đất Việt chúng ta những tình cảm tiếc thương, chia sẻ và lòng kính trọng khôn xiết.

Vâng. Mùa xuân Tân Mão Ấm lịch năm 2011 đã về... Trong những ngày giáp Tết Nguyên đán cổ truyền này. Một cuộc hội ngộ lớn đã diễn ra tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia Mỹ Đình - Hà Nội: Đó là Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ VIII, nơi gặp gỡ của hơn một ngàn đại biểu, đại diện cho hàng triệu điển hình tiên tiến trong mọi lĩnh vực của đời sống, những con người đã có những đóng góp lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Họ là hạt, là hoa, là quả của quá khứ, hiện tại và tương lai. Vào khoảnh khắc sang canh giao thừa đêm 30 Tết năm nay, trước bàn thờ Tổ tiên; các thế hệ cháu con chúng ta thành tâm cầu chúc cho ông bà, cha mẹ, anh em và gia tộc được an khang, thịnh vượng; cũng như cầu chúc cho Tổ quốc Việt Nam hòa bình, giàu đẹp... để đất nước ta vĩnh viễn đi lên và bay tới **Đường Xuân!**

THÔNG BÁO CUỘC THI TIỂU THUYẾT LẦN THỨ IV (2011-2013) HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

PHÁT huy kết quả cuộc thi tiểu thuyết lần thứ nhất, thứ hai và thứ ba, nhằm tiếp tục thực hiện Nghị quyết 23 của Bộ Chính trị khoá X, nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI về văn học nghệ thuật, để có được những tác phẩm văn học hay, giàu bản sắc dân tộc, phản ánh sinh động những biến đổi sâu sắc của công cuộc đổi mới, xứng đáng với chiến công oanh liệt của nhân dân ta trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, cũng như trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc; để thúc đẩy sự phát triển của thể loại tiểu thuyết, góp phần khẳng định thành tựu của nền văn học Việt Nam hiện đại, Hội Nhà văn Việt Nam phát động cuộc thi tiểu thuyết lần thứ 4 (2011-2014).

I. THỂ LỆ CUỘC THI

1. Tất cả các nhà văn Việt Nam, các tác giả đang sống, làm việc trong nước và nước ngoài đều có thể gửi tác phẩm dự thi.
2. Cuộc thi khuyến khích mọi đề tài, thể loại tiểu thuyết, đặc biệt chú ý tới những tác phẩm viết về chiến tranh cách mạng và sự nghiệp đổi mới của đất nước.
3. Tác phẩm đã in từ quý I năm 2011 ở bất cứ nhà xuất bản nào đều có thể gửi tham dự cuộc thi nhưng cần

ghi rõ trên trang bìa: "Hưởng ứng **cuộc thi Tiểu thuyết 2011-2013 của Hội Nhà văn Việt Nam**".

4. Mỗi tác giả có thể gửi từ một đến nhiều tác phẩm dự thi. Nếu là tác phẩm nhiều tập thì phải gửi trọn bộ.
5. Các tác phẩm dự thi không được gửi tham gia dự thi và dự xét giải thưởng ở các cơ quan, tổ chức văn học khác.
6. Thời gian nhận tác phẩm dự thi từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 1 tháng 1 năm 2013 (Theo đầu bưu điện).

Nơi nhận:
BAN SÁNG TÁC HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM
Số 9 Nguyễn Đình Chiểu, Hà Nội.

II. GIẢI THƯỞNG

- Hệ thống giải thưởng cuộc thi gồm có:
 - 1. Giải chính thức dành cho các tác phẩm xuất sắc xếp theo thứ tự: A, B, C
 - 2. Tặng thưởng và Tặng phẩm dành cho các tác phẩm có những đóng góp từng mặt về đề tài và thể loại.
- (Hội đồng Giải thưởng căn cứ vào chất lượng cuộc thi để quyết định số lượng giải thưởng)

III. BAN TỔ CHỨC CUỘC THI VÀ HỘI ĐỒNG GIẢI THƯỞNG

1. Ban Tổ chức cuộc thi do Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam thành lập gồm:
 - Đại diện Ban Chấp hành và các cơ quan giúp việc.
 - Ban Sáng tác, Nhà xuất bản Hội Nhà văn, Ban Hội viên, Ban Tài chính, Văn phòng Hội.
 Cơ quan thường trực cuộc thi do Ban Sáng tác và Nhà xuất bản Hội Nhà văn đảm nhiệm.
2. Hội đồng Giải thưởng do Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam thành lập gồm 2 Ban Sơ khảo và Chung khảo.

IV. MỘT SỐ ĐIỀU KHOẢN KHÁC

1. Tác phẩm tham dự cuộc thi cần được vi tính (nếu ở dạng bản thảo). Ban Tổ chức không trả lại bản thảo.
2. Ban Tổ chức cuộc thi có trách nhiệm thông báo danh sách tác giả và tác phẩm dự thi cho các nhà xuất bản trên Tuần báo Văn Nghệ và các phương tiện thông tin đại chúng mỗi quý một lần.

Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2010

**BAN CHẤP HÀNH
HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM**



Bác Hồ với các cháu học sinh trường Trưng Vương (1956)



Bác Hồ thăm lớp vỡ lòng ở Hàng Than (1961)

Ảnh: TL

MỘT KỶ NIỆM VỀ BÁC

BÙI BÌNH THỊ

VÀO một ngày cuối tháng năm giáp với ngày mồng một tháng sáu, có lẽ là vào giữa những năm sáu mươi. Vì thời gian đã quá lâu nên tôi không còn nhớ chính xác được là vào năm nào. Hồi ấy em gái tôi dạy học cấp I. Học trò của cô là lớp Một gồm bốn mươi em. Một hôm em gái tôi bảo tôi, hôm nay em đưa các cháu lên chơi ở vườn hoa Lý Tự Trọng bên bờ Hồ Tây chỗ đầu đường Thanh Niên và đối diện với chùa Quán Thánh. Tôi nói ngay, cho anh đi theo, để xem có gì viết cho ngày mồng một tháng Sáu này. Vậy là bấy đàn chúng tôi hẹn nhau ở cái ngã ba nhỏ trước công viên Lý Tự Trọng. Các cô bé cậu bé ríu rần thật vui. Ở đời này không có gì thú vị bằng chơi với trẻ, thích hơn nữa là xem trẻ nhỏ chơi đùa. Trong cuộc chơi đùa của các cháu thời hạn là tới 10 giờ sáng và một tiết mục cuối, do cô giáo Liên (em gái tôi) nêu ra là các trò sẽ cùng nhau đi bộ dạo qua cổng nhà Bác Hồ. Cô giáo vừa nói thế, trẻ nhỏ reo vang luôn vì có hai sự thích, thích một là được đi bộ dài dài, thích hai là được đi qua cổng nhà Bác Hồ. Chẳng phải nói gì trẻ, đến cô giáo em tôi và tôi cũng khoái (hồi bấy giờ tôi làm phóng viên của Phòng Văn nghệ Đài Tiếng nói Việt Nam). Cuộc chơi của trẻ nhỏ đã tới 9 giờ sáng. Cô giáo Liên, bèn gọi các cháu quây quần lại và phát cho mỗi cô cậu một nắm xôi có kẹp một lát giò mồng xính. Chẳng phải nói, các cô bé các cậu bé đều bất ngờ và rất sung sướng, nên vừa ăn vừa reo lên. Tiếng trẻ reo cả bấy, đấy là cái âm thanh hạnh phúc nhất của con người.

Làm phóng viên, tôi đi theo đằng sau bảy trẻ trai và gái ríu rần và líu lo trò chuyện hỏi han bạn đi bên và hỏi cô giáo Liên về nơi chúng đang đi qua. Đến cổng sắt lớn màu xanh nhìn thẳng vào toà nhà cao cao đằng xa. Bảy trẻ đứng sát vào cánh cổng, thế rồi một vài cánh tay trẻ giờ cao lướt qua những khe hoa văn vẩy vẩy mấy chú bộ đội đang thông thả đi tít trên sân rộng gần bầu cầu thang cao, rồi có tiếng trẻ gọi:

- Chú bộ đội ơi! Chúng cháu đây mà...
Bỗng một vài tiếng gọi bạo dạn:
- Bác Hồ ơi! Chúng cháu kính chào Bác Hồ ạ...

Cô giáo Liên bỗng nói với các cháu:
- Ày, các cháu đừng gọi Bác Hồ, Bác Hồ đang rất bận công việc nhé.

Mấy tiếng trẻ nhỏ thốt lên:
- Ừ... Cô giáo cho chúng cháu được

gọi Bác Hồ, chúng cháu nhớ Bác lắm ạ.
Mấy anh bộ đội đi nhanh ra cổng nói với các cháu và cô giáo:

- Cô giáo cứ cho các cháu chơi ở đây một lúc nữa, rồi cô giáo cho các cháu về kẻo đã gần trưa rồi.

Chú bộ đội nói vậy vừa ngừng, thì một chú bộ đội từ trong xa chạy nhanh ra nói với mấy chú khác đang trò chuyện với các cháu. Chú bộ đội nói to rất vui:

- Bác Hồ biết có các cháu rồi, Bác bảo mở cổng cho các cháu vào chơi. Còn lớp nào nữa không cô giáo? - Chú bộ đội hỏi cô giáo Liên.

Cô giáo Liên thưa:

- Dạ thưa anh, còn 3 lớp nữa là các cháu lớp 1 và 2 đang đi tới đây...

Chú bộ đội vừa mở khoá cổng vừa nói:

- Tốt lắm, cho các cháu vào đây hết.

Bác Hồ sẽ ra chơi với các cháu đấy, cô giáo à!

Cô giáo Liên reo lên:

- Ôi! Thế thì còn gì bằng nữa ạ - Cô nói với các trò: - Nào các trò, chúng ta đi hàng hai vào trong sân và vui chơi trong cánh rừng cây bên phải kia. Các chú bộ đội vừa mở to hai cánh cổng vừa dắt, hướng dẫn cho các cháu lần lượt đi vào.

Thế là tất cả các trò nhỏ gái trai ủa vào trong cánh rừng bên phải rợp mát. Còn cô giáo Liên thì đứng lại ngồi cổng và giờ tay vẫy vẫy mấy cô giáo đang dẫn các cháu nhi đồng của ba lớp nữa đang nhanh chân đi tới.

Khi tất cả ba lớp vào cả trong rừng cây trong vườn Phủ Chủ tịch, Bác Hồ và hai ba chú nữa hiện ra với các cháu trong rừng cây. Bác rất vui và đưa hai tay ra đón các cháu đang nô nức chạy ào ào đến quây quanh Bác. Bác ngồi xuống một chiếc ghế có sẵn trong rừng cây, và ân cần thân thiết hỏi thăm các cháu, các cháu bé gái bé trai hết sức hồn nhiên như với ông nội của chúng mà cười vui, vỗ tay rồi nhảy tung tung trước Bác.

Chúng kiến cảnh thần tiên ấy, tôi chỉ còn biết đứng ngẩn ra và trong lòng ngập tràn sung sướng và hạnh phúc, các cô giáo nữa và cả Liên em tôi cũng mừng vui không kể xiết. Điều kỳ diệu, những ngày ấy, tất cả những ai và lứa tuổi nào được gặp Bác, đều thấy hạnh phúc với niềm sung sướng tràn ngập.

Mấy hôm sau, Liên em gái tôi nói với tôi một tin làm nó nức lòng người. Nhất là với các cháu nhi đồng từ lớp Một cho đến lớp Năm và các cô giáo rằng: Bác Hồ cho

phép mở cửa toàn bộ sảnh đường rộng bên trong toà Chủ tịch phủ, để tổ chức triển lãm tranh ảnh đẹp nói về sinh hoạt, học tập và các danh lam thắng cảnh của đất nước, Bác nhấn mạnh - nhất là phong cảnh đất nước từ vĩ tuyến mười bảy vào đến mũi Cà Mau. Coi như các cháu nhi đồng lúc đến xem cũng là lúc các cháu đi tham quan du lịch toàn bộ non sông đất nước ta tươi đẹp từ Bắc chí Nam.

Chỉ còn chừng hai ba ngày nữa thì đến ngày khai mạc, Bộ Văn hoá đã mời các phóng viên báo và đài đến dự cuộc duyệt lần cuối cùng của Bác Hồ.

Thế là tôi vinh dự được có mặt tại cuộc triển lãm của Bác Hồ với các cháu nhi đồng tại sảnh đường Chủ tịch phủ.

Buổi sáng hôm ấy, tại đây mới tám giờ đã tề tựu đông đủ các phóng viên báo và các Đài Phát thanh trong miền Bắc. Bộ trưởng Bộ Văn hoá Hoàng Minh Giám, đứng trên một bục cao, ông giờ hai cánh tay ra hiệu chúng tôi im lặng để nghe ông nói.

Mối ồn ãn thế mà lát sau một không khí im phắc lặng tờ.

Ông Bộ trưởng Bộ Văn hoá Hoàng Minh Giám thông thả cất giọng:

- Chúng tôi mới tất cả các phóng viên báo đài hôm nay tới đây để một lát nữa, sau khi Bác Hồ duyệt xong, thì triển lãm sẽ khai trương. Ông nói và xem đồng hồ trong tiếng vỗ tay reo vang của chúng tôi.

Chợt tiếng vỗ tay dịu đi và tiếng hoan hô vang lên:

- Ôi Bác Hồ! Bác Hồ đến rồi! Chúng cháu chào Bác...

Chúng cháu chào Bác ạ.

Ông Hoàng Minh Giám đến trước Bác nói:

- Thưa bác, triển lãm đã trình bày xong. Chúng tôi mời Bác đi duyệt...

Bác Hồ tươi cười, nét mặt Bác thật rạng rỡ:

- Nào, các chú bắt đầu cho Bác xem từ đâu nào?

- Thưa Bác ngay từ chỗ Bác đứng vào trong kia, hết cả diện tích một sảnh đường lớn của Phủ Chủ tịch ạ.

- Rồi! Thế là rất tốt. Nào bây giờ tôi với chú ta cùng đi xem, mời tất cả các nhà báo cùng xem nữa.

Được lời Bác như cời tấm lòng, chúng tôi tự động một cách trật tự đi theo Bác và ông Bộ trưởng. Tất cả chúng tôi, không ai bảo ai đều đồng tai mà nghe những lời của Bác khi Bác đến xem từng đoạn ảnh trên tấm biển, các ảnh rất đẹp và trình

bầy cũng hoàn hảo. Bác đi mỗi đoạn một nhanh hơn và đến gần cuối của những tấm gỗ dán có dán ảnh, Bác dừng lại, tay Bác đặt vào vai ông Hoàng Minh Giám, Bác thân mật hỏi ông Giám:

- Hàng ngày, có lúc nào chú xếp thời gian chơi với các cháu trong nhà không?

- Dạ thưa Bác - Chúng tôi nhìn chăm chú vào nét mặt ông Bộ trưởng Bộ Văn hoá và đã thấy thoáng một nét gì đó băn khoăn lộ dần ra - Thưa Bác, cũng tại vì công việc quá bận nên tôi cũng ít thời giờ dành chơi với các cháu trong nhà.

- Phải rồi! Nếu biết thế thì nên chú ý sửa chữa nhé. Bấy giờ chú và các cán bộ làm triển lãm này nhìn kỹ Bác nhé. Nói rồi Bác Hồ ngồi xuống và ngồi xổm, rồi ngửa mặt lên nhìn trên kệ rồi nhìn trên các bức ảnh Bác thông thả - Ôi ôi thế này thì mới có các cháu quá. Các cháu, có cháu nào cao cao thì cũng chỉ cao bằng đầu Bác thôi, còn các cháu lớp một lớp hai, chắc là thấp ngang vai ngang ngực Bác đang ngồi đây. Vậy các chú làm triển lãm này là cho thanh niên và người lớn xem. Chú chưa phục vụ các cháu nhi! Chú Giám đồng ý không nào?

Ông Bộ trưởng Hoàng Minh Giám lúng túng kêu to với Bác:

- Thôi thôi thế là chúng tôi rất là chủ quan rồi ạ... Xin Bác bỏ qua cho. Chúng tôi xin làm lại ạ.

- Được rồi! Bác Hồ nói và kéo ông Bộ trưởng cùng ngồi xổm lại như Bác rồi Bác nói với các cán bộ - Có chú nào đầu cho bác cái thước nào.

Thế là có ngay một chiếc thước gỗ dài một mét được đặt vào tay Bác. Bác cầm thước nói to:

- Nào các chú lấy bút chì đánh dấu nào. Bác cầm chiếc thước gỗ đặt ngay từ đỉnh đầu Bác chấm tới tấm bảng gỗ đã dán đầy ảnh. Rồi vẩy cây thước ấy. Bác đây đập nhẹ xuống kệ rồi tiếp - Những cái kệ này cũng hạ xuống các chú nhé.

- Vâng. Vâng. Vâng ạ! Tất cả đồng thanh đáp lại.

Thế rồi bỗng có tiếng một ai đó cất cao lên trong làn tiếng cười nói rần rần:

- Ôi Bác ơi! Chúng cháu thế là hai mắt sáng trưng và nhớ suốt đời ạ.

Tiếng anh nói thay cho lòng chúng tôi. Đến nay, tôi thành thực không thể nhớ nổi ngày tháng năm của năm ấy vì tôi năm nay đã bảy mươi hai tuổi. Nhưng sự kiện thì chúng tôi nhớ suốt đời. Bấy giờ xin được kể lại. ■



BẢN ĐẢO MÙA XUÂN ĐANG ĐẾN

BẢN đảo Cam Ranh những ngày cuối năm, chúng tôi hòa mình trong không khí khẩn trương náo nức của những người lính đoàn M46 chuẩn bị ra đảo. Như một lời hẹn ước với đồng đội ở phía mặt trời, mùa chuyển quân, chuyển hàng tết năm nay có niềm thôi thúc gọi nhớ về những mùa hành quân lên đường mấy mươi năm về trước. Đêm trước hôm chia tay, chúng tôi đã ngồi với nhau rất khuya. Biển đêm thao thức cùng nhịp đập của những chàng trai tuổi mười tám đôi mươi. Phần lớn trong số họ lớn lên từ miền biển. Ngày mai chia tay đất liền, không ai ngủ được. Tiếng sóng biển dội về lấm tấm từ ba phía. Mọi người hát cho nhau nghe những ca khúc về quê hương và tình yêu. ~~Mấy tháng trên bãi tập thao trường đã cho chúng tôi sự ấm áp của tình bạn, tình đồng đội. Đợt kể về cái xóm nhỏ bên sông Đáy, nơi mỗi chiều vọng tiếng chuông nhà thờ loang loang trên sóng nước. Mẹ thường khóc thắm mỗi lần đi qua bến nước và mấy hôm nữa thôi cả xóm lại tít tít bên bậc đá rửa lá dong gói bánh. Y Dut - chàng trai Ê Đê có đôi mắt rực sáng, chậm rãi kể cho mọi người nghe về huyền thoại tình yêu của đôi trai gái nơi đầu nguồn dòng sông Sêrêpôk. Buồn Tráp của anh mùa này khi những đám lúa ngoài rẫy đã nằm im trên gác bếp là những ngày Tết Cơm mới diễn ra rộn rịp. Ở một góc sân ai đó đang kể về cô bạn gái mới quen ngoài thị xã, thỉnh thoảng có tiếng cười rộ lên. Tâm trạng chúng tôi đêm nay thật lạ, vừa bàng hoàng lưu luyến, vừa như háo hức đợi mong điều gì ở phía trước trong chuyến ra khơi đầu tiên trong đời.~~

Những ngày cuối đông, thời tiết vùng cực Nam Trung Bộ hơi se lạnh, những cánh mai rừng khẽ rung lên trong gió. Cả bản đảo bừng sáng trong sắc nắng, sắc mai vàng rực rỡ. Mấy hôm trước chúng tôi đã chọn những cảnh đẹp nhất để mang ra đảo. Hàng tết ra Trường Sa đã được đơn vị chuẩn bị hơn tháng nay, có đủ gạo nếp, lá dong, bánh kẹo... Tàu phải đi trước cả tháng để kịp cho anh em ngoài đó đón tết. Sáng nay trên cầu tàu, bên cạnh đội hình hành quân trang nghiêm của những người lính thủy còn có những người thân đến tiễn đưa

MÙA XUÂN NƠI ĐẦU SÓNG

NGUYỄN XUÂN TÌNH

Huyện đảo Trường Sa, Tỉnh Khánh Hòa – mảnh đất thiêng liêng máu thịt của Tổ Quốc, nơi ấy đã in dấu chân các anh. Với những người lính Trường Sa, mùa xuân thường đến sớm...

các anh. Các mẹ, các chị đến từ rất sớm để được nhìn ngắm con em mình. Trước giờ lên đường, cánh lính trẻ bồi hồi lần đầu cầm bàn tay con gái. Tôi đi bên em giữa xôn xao màu áo lính, cổ lưu giữ tất cả cùng với nụ cười thật hiền của em.

Một mùa xuân mới lên đường. Đi bên tôi, anh bạn thơ Duy Hoàn thảng thốt như gặp lại chính mình khi nhớ về câu thơ anh viết trên chiến hào biên giới: *Người lính đón xuân trên đường hành quân, có phải hương xuân vương đầy vai áo...* Những chuyến tàu cuối năm, chở theo nỗi niềm da diết và cả mùa xuân ra đảo. Những gương mặt lướt qua, tất cả đều rất trẻ, rạng rỡ trong quân phục mới, cái dải sóng phấp phới trên vai áo như níu gọi một điều gì đó rất thiêng liêng.

Cò tàu cất vang lên một hồi, chào nhé đất liền, hẹn gặp ở Trường Sa...

ĐÓN XUÂN Ở TRƯỜNG SA

Chúng tôi đến Trường Sa đúng dịp mùa xuân đang về. Vẫn đang là mùa biển động, tàu đi phải hàng tháng trời mới mới đến hết được các đảo. Trên biển, những đợt gió đông bắc cuối mùa khiến thân tàu rung lên chịu đựng những cơn sóng cấp bốn, cấp năm. Có những đảo nhận được hàng tết từ rất sớm, nhưng cũng có đảo hàng đến cũng vừa kịp đón năm mới. Khi tàu đến, chúng tôi vừa vận chuyển hàng lên đảo vừa phải lo cất giữ để dùng đúng vào dịp tết.

Xuân ở đảo không giống như ở đất liền. Nắng trên mặt đảo, gió thổi sức trên cao, sóng bạc đầu dội ầm vào bờ kè trắng xóa, tung lên lớp bụi nước mằn mặn. Hoa phong ba nở bung từng chùm trắng phơn phớt xanh với trời. Đi qua mùa biển mặn, cây trên đảo mấy tháng ròng phải gồng mình chịu những trận gió cát và nước biển. Rau xanh gần như không chống chịu được, chỉ có bàng vuông và phong ba là vững chãi kiên cường bám trụ.

Trường sa, nơi những cái tên lần đầu mới gặp: Tiên Nữ, Sơn Ca, Cô Lin, Len Đao... mềm mại, đẹp dịu dàng như cô gái. Mấy anh em trong khẩu đội chúng tôi được phân công về cụm đảo phía Bắc. Những ngày cuối năm cả đảo đang chuẩn bị đón tết, quang cảnh không khác đất liền là mấy. Năm nay đón xuân quân và dân Huyện đảo Trường Sa có thêm một niềm vui mới, điện đã có trên tất cả 33 điểm đảo và 15 nhà giàn DK. Điện về đã đem lại sự thay đổi lớn trong cuộc sống của bộ đội và người dân. Điện thấp sáng đảo về đêm, đời sống đã được nâng lên khi bà con đã có ti vi, tủ lạnh để dùng. Năm nay biển no, không có nhiều gió bão, công việc làm ăn đánh bắt của bà con trên đảo rất thuận lợi. Toàn đảo, từ các cụm chiến đấu, phân đội, khẩu đội đến các

nhà dân, đâu đâu cũng ngập tràn không khí tất bật. Góc này một tổ chiến sỹ lo dọn dẹp sửa sang doanh trại, bên sân nhà ăn một tổ đang chế lát, rửa lá. Bọn trẻ được nghỉ học lủi rủ theo chân các chú bộ đội trang trí bàn thờ Tổ quốc. Do điều kiện thời tiết của biển, những cảnh đào, cảnh mai theo tàu ra đảo dù được bảo quản cẩn thận đến mấy cũng khô héo hết. Lính Trường Sa đã sáng tạo nên những cảnh đào, cảnh mai rất Trường Sa. Khẩu đội tôi được phân công làm cảnh hoa tết. Y Dut và Đạt mang về những cành phong ba từ bãi cạn. Chúng tôi gắn lên đấy những bông hoa mai, hoa đào bằng giấy. Em nhận tin hỏi tôi về hoa tết ở Trường Sa, tôi kể với em về cảnh hoa do cánh lính trẻ tự tạo ra và gọi chúng với cái tên *Hoa Sinh Tồn, Hoa Song Tử*.

Hương vị tết Trường Sa có một cái gì đó rất riêng. Ngày tết ở đảo cũng đầy đủ bánh chưng, thịt lợn, giò, nem... của đất liền mang ra, còn có thêm thực phẩm do lính đảo tự tăng gia. Hôm chuyển hàng xuống, chúng tôi có sáng kiến vùi lá dong trong cát để được tươi lâu. Để bánh chưng được xanh, mọi người dùng lá bàng vuông gói lót bên trong, bên ngoài mới gói bằng lá dong. Cũng là gạo nếp, nhân đỗ xanh, thịt lợn, hạt tiêu... khi thưởng thức bánh chưng còn có thêm hương vị của lá cây nơi miền gió cát.

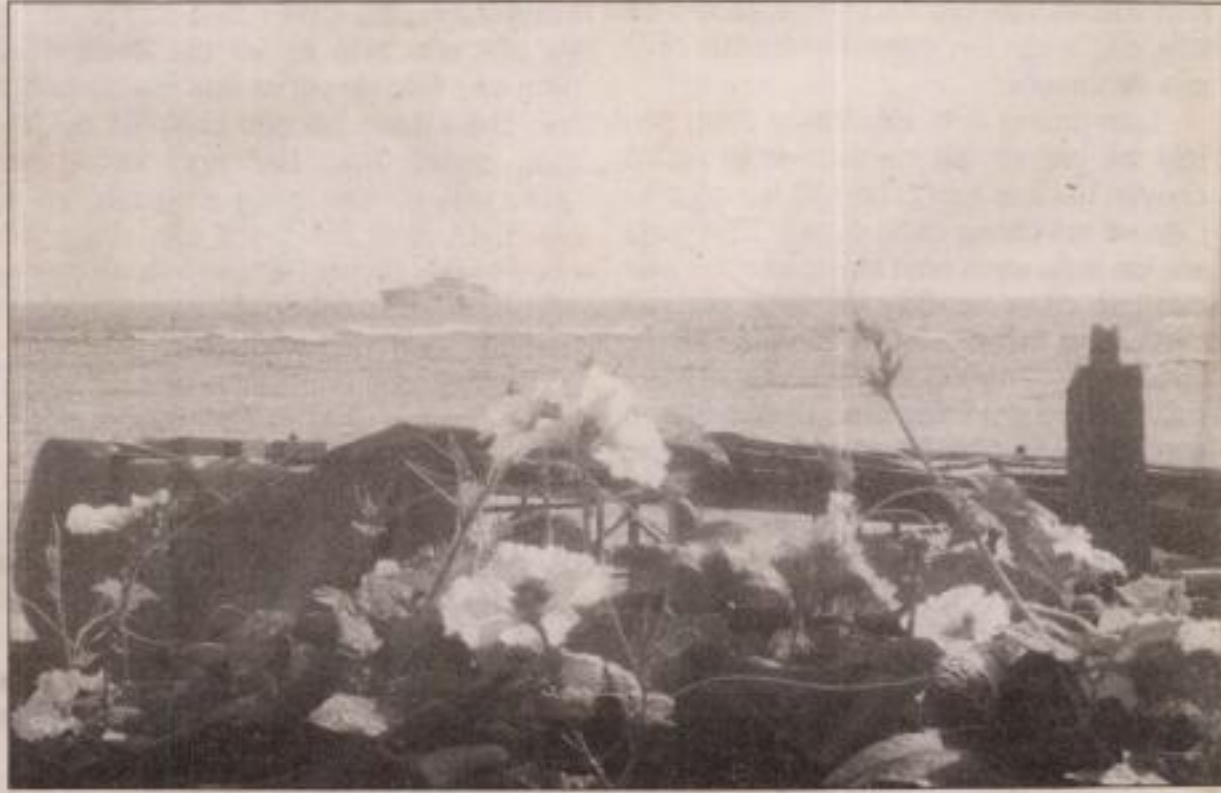
Bữa cơm tất niên chiều ba mươi đằm ấm, chúng tôi ngồi quây quần bên mâm cơm ngày tết. Trên bàn thờ là ảnh Bác và cờ Tổ quốc, cờ Đảng, mâm ngũ quả cùng với mai đào của lính đảo. Đêm giao thừa, đơn vị tổ chức thi hái hoa dân chủ, thi hát. Trong không khí trang nghiêm chúng tôi rung rung nhớ về gia đình nơi đất mẹ thân yêu. Đạt và Y Dut nắm tay tôi bước ra ngoài trời đêm. Một bầu không khí trong mát đậm vị mận mòi của biển. Tôi đứng lặng hít một hơi thật sâu. Hương xuân đang ngan ngát len lỏi trên từng tán lá, khóm hoa, ngọn cỏ; thắm thì lan tỏa vào từng góc chiến hào, mang mang trên bờ kè chắn sóng. Mùa xuân đã đến, khúc giao mùa lặng lẽ ở Trường Sa, chỉ có tiếng sóng bồi hồi không dứt.

Sáng mồng một tết, chúng tôi đội ngũ chỉnh tề chào cờ đầu năm mới. Cờ Tổ quốc reo trong nắng sớm giữa sóng nước mênh mông. Trường Sa thân yêu hiện lên như biểu tượng của sức sống mãnh liệt. Đối với những người lính đảo chúng tôi, những ngày xuân chỉ thực sự trọn vẹn và có ý nghĩa khi Tổ quốc được bình yên. Trong những ngày đón tết cổ truyền, cán bộ, chiến sỹ trên Quần đảo Trường Sa vẫn thực hiện nghiêm chế độ tuần tra canh gác. Phiên trực đầu năm, khẩu đội chúng tôi đứng uy nghiêm canh trời, canh biển. Ba chúng tôi xúc động bồi hồi, mắt dõi về phía chân trời, nơi ấy giờ này đất liền cũng đang đón tết.

Trường Sa, đất nước nơi đầu sóng, một mùa xuân mới đang về... ■



Ngày mới trên đảo Trường Sa



Ảnh: L.N.A.

QUANG KHẢI

Tháng giêng thơm

Ai vừa đi ngang ngõ
Ai chợt tới ngang vườn
Tóc dài – tháng Giêng
Thơm
Hoa bưởi

Lim dim đi tìm
Tháng Giêng lặn lội
Bàng qua đồng cải hoa đã ngổn
Chạm giậu cúc tần
Hong tơ cuối ngõ
Hoa thơm đầu gió
Vai tròn thon nhỏ
Lách ngang vườn thơm

Biết mình bước mỗi
Biết mình chân chốn
Lặng đi góc vườn
Chỉ còn mùa thơm
Chỉ còn hoa nở
Tự mình thơm... gió
Tự mình nhạt hương

NGUYỄN VĂN HÙNG

Nô-en

Nô-en năm nay không rét được như năm ngoái
Tha thần cùng tôi vẫn các con và em
Thấy thiếu thiếu màu rêu
trên tháp Nhà thờ mới
Và dư thừa hàng hoá Nô-en.

Các con háo hức lời cầu kinh, tò mò nhìn tượng Chúa
Đến với Đức Tin đêm nay sao bỗng quá đông người
Ông già Nô-en rất vui trong các quây
bản mỗi giờ mỗi rê
Lạy Chúa! Giá mua tặng trẻ con
tất cả tiếng Ông cười?



ĐOÀN VŨ

Chiều ba mươi

Ta đi nhặt câu thơ giữa chiều 30 tết
Ép trong hồn đậm thắm hơi men
Thôi quên đi một chút xiêu bon chen
Cái bóng hắt xuống lòng sông chơ chơ quá

Chiều ba mươi ta là người khách lạ
Tròn mắt thấy xuân, nhieu mắt nhớ quê nhà
Có con tàu toa cuối mới rời ga
Ta cái toa của tàu đời sót lại...

Sài Gòn cô gái ơi nét xuân em mềm mại
Bến Bạch Đằng đậu cả một trời thơ
Ta người khách xa quê lũng túng đứng bên bờ
Rượu đầu là bao mà cháy ruột?

Chiều ba mươi ta như dòng nước ngược
Vội vàng trôi sông hôn đôi bờ
Cò cọng cỏ đánh đu trên ngân nước
Công cánh chuồn cong mót một lời ru

Sài Gòn vào xuân, chiều đầu có sương mù
Mà ai hát về miền Trung xa lắc?
Thơ ta nhặt buộc trong hồn dần vật
Nên ngổ về còn khép giữa chiều ba mươi!

VĂN THUỶ

Cối Sen

Đất trời úp mở búp sen
Qua cơn lặn ngụp trời lên cõi đời.
Ẩn trong bùn đất dập vùi
Nón xanh ngửa mặt ngắm trời hứng mưa
Búp Sen cảm nể mặt hồ
Đài dâng kết bệ trên thờ Quan Âm
Hương Sen quện khói hương trầm
Xác phở đất tực, hồn thắm cõi tiên.
Thấp lòng tôn Phật linh thiêng
Thân dọc Thuỷ phủ, lá nghiêng kiếp trần
Dấu mai phấn nhụy lia thân
Còn tơ vương ngó, một lần niu nhau.
Thành trì vương miện vùi sâu
Chùa làng vẫn sắt son màu cánh sen
Vượt qua nước đục bùn đen
Bụi trần rũ sạch mà lên Niết bàn
Chuông đồng mõ gỗ còn ngân
Còn pho Bồ Tát, còn cần đài hoa

Thế nhân tu tỉnh nửa mùa
Tuần rằm nào cũng lễ chùa lay hoa
Thiền sư tu mãi phải già
Sen tàn gặp sấm lại là sen tơ
Hương Sen ướp ngát đất chùa
Tâm con cá bỗng dưng hồ cũng thơm.

VŨ TOÀN

Quê bạn

Lặng soi vào giếng nước làng
Long lanh bờ đá sẫm vàng cũng soi
Trăm năm nước chẳng hề vơi
Thời gian thấm lại cả nơi cát mòn.

Đường làng đôi ngã cỏ non
Bước chân lạc giữa rạ rơm quê mùa
Lạc đỉnh rồi lạc sang chùa
Mái đến ai tạc vắn thơ lên trời
Hỏi em, em chỉ mỉm cười
Hỏi đồng, đồng chỉ bởi bởi lúa xanh.

Tôi về nhà bạn, đêm thanh
Nửa đổi cây lá, nửa thành vườn quê
Đêm bên cửa sổ nằm nghe
Lan man tiếng gió bay về mái hiên
Lan man những giọt sương đêm
Tiếng gà cựa ổ, trắng mềm hoa cau...

HUY TRỤ

Chiếc lá

Tôi đứng trong chiều
Nhìn chiếc lá rơi
Một chiếc lá như trăm nghìn chiếc lá
Bứt khỏi cành nhẹ như hơi thở
Rơi trong chiều
Rơi trong mắt tôi...

Xoè bàn tay nhặt chiếc lá rơi
Bao nhiêu tuổi là trở về với cội?
Giọt nắng tiếc chi mà bối rối
Con chim tiếc chi mà lưu cả trời...

Dấu lá cây cũng có cuộc đời
Cũng vàng vọt, sau một thời là thắm
Tôi ngược mắt, mắt nhoe bao số phận
Nẻo đường chiều ai nhặt tiếng ve

Và tự lòng
ngõ lá hát
tôi nghe...



ĐÀO VĨNH

Ngày mới

24 giờ khép lại
Mở ra một ngày mới
Chân trời lục xúc nằm canh
Nhóm củi đốt lên ánh sáng
Mây mưa ngầu hứng dọn dẹp
Những vầng vất của đêm...

Em đi làm
Bè bạn đi làm
Mình ta trống vắng
Nghĩa vụ, bốn phần không điều hành
Mặt bàn trang giấy trắng
như cô chỉ nhối đầy cây bút
buông xuôi...

Biển Đổ Sơn tình khô
Cơn bão ngủ quên cả mình từng thức
Sông dân đợt bám nhau
Còn gió đang vờ hát
Ngày mới mở ra
Rồi gấp lại tổn kho...

ĐỖ QUYÊN

Tấm gương của nữ sĩ

Sáng xuân
nữ sĩ mở ra bài thơ
thấy mình bỗng đẹp hơn
sau mỗi câu thơ được sửa

rồi từ đó
người luôn mang theo
tấm gương bằng chữ
- một bài thơ đang dở

HOÀNG CHIẾN THẮNG

Câu hát người thương

Lại đây ta hát mình nghe
Câu ngày xưa ông bà đợi nhau cửa rừng ngồi hát

Câu hát có con chim
Làm tổ trên cành cây lá nhỏ
Câu hát có con chốn hỏi
Đi ngang ngõ ngẩn một ngày

Nào lại đây
Mình hát cho nhau nghe
Tình tấu mười hai dây kể vai ngồi hát
Hát qua đêm đến sáng
Mặt trăng không cả biết trốn mặt trời
Hát từ sáng vào đêm
Bóng người không biết đâu là thật

Nào lại đây
Hát cho nhau nghe
Chúng mình là hai mà thành như một
Lửa có mềm đến mấy
Chắc đã bằng câu hát chúng mình

Nào lại đây
Pụt Luồng* có giận cũng chỉ cất nổi mười đầu dây
Hát cho nhau nghe bằng hai dây chúng mình nhập lại
Tình tấu mười hai dây chúng mình hoá một
Hát câu ông bà
ngày xưa cửa rừng đợi nhau ngồi hát.

*Pụt Luồng: Người làm ra vụn vặt theo quan niệm người Tày

Bông trắng trắng ngà
Cỏ cây đa to
Cỏ chàng Cuội già ôm một khối mơ...
Cuội ơi ta nói Cuội nghe
Ở trên trăng mãi làm chi...
Cỏ con để mền
Hát trong đêm thâu
Hát sớm không tiền
Thân nghèo xác xơ..."

BÂY giờ thì hai người đã rũ được mỗi bán búa cũ về một tình yêu không có lối thoát. Hai anh chị, một già một trẻ, đúng là như đôi dưa lệch so sao cho bằng, họ vẫn đùa vui với nhau như vậy khi họ đã đến với nhau, đậm đà gặp nhau và nhẹ nhõm gần nhau – mỗi ngày yêu là một ngày vui, người đàn ông nói thế; mỗi bước yêu là một bậc thang lên miền ngày ngất, người đàn bà nói thế – hai người thì nhau nói cứ như thế đang tranh hết công việc của các người có nghề làm thơ.

Sau rồi, những phút giây nhẹ nhõm cứ hiếm dần. Cuộc đời mỗi ngày diễn ra như những tiếng thở dài ngắt nhịp, người đàn ông nói thế – cuộc sống trôi đi bằng tổng số những bước đi phải rút khăn thấm nước mắt, người đàn bà bỗng chuyển sang toán học lúc nào không ai hay biết. Mỗi ngày, của người đàn ông, cứ tích tụ mãi rồi cũng thành vô số ngày, làm sao mà nhẹ nhõm mãi cho được. Mỗi bước, của người đàn bà, cứ leo mãi rồi cũng mỏi căng, làm sao mà ngày ngất mãi cho được. Thế rồi, họ nhận ra là đã tới lúc hai người cần chia tay nhau thôi. Chia tay để giữ được những nét đẹp của cái niềm vui khi đang còn bám dấp yêu đương (cách nói của họ, không phải của người chép truyện), họ quyết định như thế và lý giải như thế – rành rành là những con người thời hậu hiện đại!

Đúng vào cái hôm họ ra quyết định chia tay thì người đàn bà đặt câu hỏi:

- Sau này, em và Cự sẽ nhớ lại những ngày qua với nhau như thế nào nhỉ?

Câu hỏi không được đáp lại, vì người đàn ông trả lời như sau:

- Cảm ơn em đã tìm ra được một cách xưng hô dùng cho chúng ta trong giai đoạn mới.

Người đàn bà nói:

- Em thế, từ nay không bao giờ yêu một người nào dù chỉ dính dáng một ly một leo đến thơ... Cự hiểu chứ?

Người đàn ông nói:

- Cảm ơn em đã có thái độ quyết liệt với thơ... Tôi hiểu, chứ sao lại không hiểu? Thơ khó tính lắm, khó chiều lắm...

...

Cho đến hôm nay, hai người ấy tức là vẫn "Cự" ấy và "em" ấy, cũng tức là mối tình của hai người khi đã bước sang giai đoạn mới không còn say đắm như thuở nào, thì hai người bỗng tỉnh cở lại được ngồi với nhau trước cảnh lồng lộng trăng lên. Trăng treo bên trên Hồ Tây. Một chút mây hoặc chút khói sương mờ mờ ở nhiệm làm cho trăng có màu vàng vàng đục đục, không trong xanh như bao giờ, nhưng cũng chẳng sao, vì trăng vẫn cứ là trăng.

Chưa kể là, người ta ngồi trước trăng không chỉ để nhìn trăng, mà để nhìn vào thăm sâu kỹ ức của mình. Người ta không ngắm trăng, mà còn nhớ trăng.

Và trong cái nỗi nhớ trăng khi đứng trước trăng, được thấy trăng treo lơ lửng trên đầu là chàng ta lại xao xuyến. Xao xuyến thực sự ấy. Chàng không có cái xao xuyến của trẻ con được chiếc bánh trông trăng và được chiếc đèn có con thiên thư để chạy dưới trăng. Một cuộc sống khô khan khiến chàng ta không từng có một tuổi thơ như vậy. Chàng ta chưa từng được lắm chiêm lạch chạy theo cây đèn cho tới khi ngọn nến tắt trong miệng con thiên thư. Nhưng đối lại một tuổi thơ khác khổ, chàng có cả một bầu trời cao cho cái khờ khạo của riêng mình để đón một ông trăng bao giờ cũng là của riêng mình. Sau này, và mãi mãi sau này, không suy xuyến, bao giờ chàng cũng nghĩ đôi mình thật hạnh phúc – cái hạnh phúc do mộng mơ và đại khờ đem lại.

Bây giờ thì chàng ta đã về già thật rồi. Vừa kéo ghế ngồi cùng nàng ở cái quán nước bên Hồ Tây thì chàng ta bỗng ngẩng mặt lên và khẽ nói "Trăng!". Ngay lập tức, mấy câu thơ hiện lên...

Nàng nhìn nàng trong dạ chắc hẳn là "Cự" đang nghĩ mấy vần thơ cho mình. Nàng không biết rằng "Cự" đang nhớ tới những câu thơ khác. Hôm đó có một cô giáo nào đó trong một cuộc đi chơi ở đâu đó đã nói với chàng như thế đó "anh làm bài thơ tặng em có ông trăng kia đi". Chàng dừng lại nắm lấy tay cô giáo ấy, chàng nhắm mắt lại để nhìn cho rõ hơn một đôi mắt được chàng gửi trong một tờ thơ bất chợt, trăng thu nhẹ lên đến, đi con mắt tròn bình yên... Người đàn bà dù có là một cô giáo mà phạm thì cũng vẫn nũng nịu như mọi người đàn bà: "Không đủ, trong bài thơ phải có cả tên em nữa kia!" Và chàng đã đọc tiếp để gửi phứa phứa được tên nàng vào thơ của mình "Trung thu linh thiêng, xa vời xa vời, tắt ngọn đèn trời, cất tiếng không lời..."

Người đàn bà hỏi rằng: "sao lại tắt ngọn đèn trời..." Người đàn ông không nói. Thơ là thế, cứ luôn luôn chứa đựng những miền bí ẩn, mà thiếu chúng nhà thơ vẫn làm ra đủ những vần những điệu, chỉ không làm ra thơ mà thôi. "Sao lại tắt ngọn đèn trời ... ?"

"Ồ, sao lại tắt ngọn đèn trời nhỉ?"

Người con gái đang cùng ngồi bên Hồ Tây lúc này với chàng ta vốn là người nhạy cảm, cái nhạy cảm đã khiến hai người đến với nhau và cũng cái nhạy cảm chia lìa kia, liên cất tiếng hỏi "... Cự đang nghĩ đến người tình thứ mấy đó?" Chàng ta mỉm cười, nhắc lại cái câu thơ đã dẫn tới một câu hỏi bằng quơ hơn cả thơ "Ồ, sao lại tắt ngọn đèn trời em nhỉ?"

Cô gái này quá thông minh, nên đoán gì cũng đúng, chỉ có điều cô đoán đúng tới đâu cũng vẫn là đoán không thấu. Họ đã đến với nhau – mỗi ngày yêu là một ngày vui, mỗi bước yêu là một bậc thang lên miền ngày ngất – hai người đã đến với nhau như các người làm thơ vẫn đến với nhau. Nhưng rồi họ vẫn không thấu được nhau.

Điều đáng hỏi của cô gái làm cho chàng ông trăng treo



Minh họa của THÀNH CHUÔNG

TRĂNG MÙA THU

Truyện ngắn của CHÂU DIỄN

lồng lộng bên trên Hồ Tây lúc này bỗng thành dung tục:

- Cự vừa nghĩ đến người tình thứ mấy đó?
- Nghĩ gì đâu?
- Có nghĩ! Cự cứ nói, em không tức đâu.
- Cứ cho là một người tình đầu tiên đi.
- Năm nào?
- Năm tròn sáu mươi tuổi.
- Thế thì làm sao lại có thể là "đầu tiên"? Trước đó đã lần lốc chán chê, đầu tiên sao cho đáng!
- Đầu tiên mà...
- Cự kể em nghe đi...
- Ờ ... Tháng trước, cũng ở cái ghế này, tôi và nàng ấy cũng ngồi đây, và trăng trước rằm tháng Tám khi đó cũng chợt hiện ra trên đầu trước mặt như đêm nay...

...

Chàng ta như lạc vào một miền đất lạ nào đó, chàng ta không biết rằng mình đã không nhớ đến và không kể lại câu chuyện hồi xưa có ngọn đèn trời "linh thiêng" để gieo cho đúng vần có tên nàng...

Kể làm sao bây giờ nhỉ? Người mà chàng đang yêu đắm đuối lúc này, hôm nay, đưa tay ra là với được đây, vẫn đang là một mối tình đầu thực thụ. Đó là một cô gái tuổi cách chàng hơn hai phần tư thế kỷ. Nhưng thực sự đây là một cuộc tình đầu. Bao giờ chàng ta cũng run rẩy khi nghĩ tới em, và bao giờ chàng ta cũng mang một nỗi đau chung tình như nỗi đau hỗn nhiên và chung tình của con Đế mền đêm nào cũng ngồi hát ở nơi kín đáo góc vườn góc vườn góc ao góc trái tim ta ...

Chàng ta ghi trong nhật ký hôm nay là ngày thứ sáu mươi tư từ ta đang nhớ đến em ... đã sáu mươi tư ngày rồi kể từ lần gặp gỡ hôm ấy, những sáu mươi tư ngày một tình cờ đã làm hai bên gặp nhau, và ngày nào cũng như ngày nào, mỗi lần hai người rời cái nơi cùng làm việc ấy, chàng ta lại lầm nhảm câu thơ đã thành như là thơ của kẻ khác làm ra và lúc này chàng ta chỉ đang lầm nhảm nhớ lại ... hạnh phúc phân vân ... Chợt xa đã thấy mây vẩn trời xanh ... Đã nghe nước nở nắng hành ... Chợt khuất lối nhỏ đã thành biệt ly ...

Mỗi buổi chia tay ấy chàng ta đều thấy đó là một cuộc biệt ly chẳng biết khi nào còn hy vọng gặp lại, chàng ta đều thấy thật sự đau quặn lòng, đầm nước mắt, không sao lý giải nổi vì sao chợt khuất lối nhỏ đã thành biệt ly ...

Người con gái ấy nhỏ nhắn và nhỏ nhẹ, nhưng bên trong là cả một sức mạnh. Một thế lực đủ để chàng ta luôn luôn hãi sợ. Một nỗi sợ chẳng những người si tình mới biết gọi tên ra, rằng đó là nỗi sợ! Chàng sợ đứng vào em thì chút tình cảm mạnh vun vén lúc này sẽ vỡ tan, và đó sẽ là cơ hội cuối cùng chàng-mất đi khi vẫn đang còn được mê mãi sống trên cõi đời này...

Nàng đã gửi cho người tình si những dòng thơ này.

Ngày ...

Ta bắt đầu lấy (quen?) từ Người cái cách nói nàng với kẻ

khác mà bao giờ cũng như nói với chính mình. Ta viết biết bao nhiêu lá thư và ta không gửi cho Người. Hồi kẻ đàn ông ích kỷ kia ơi, Người có biết ai đang viết thư cho Người mà chẳng hề gửi đi?

Ngày ...

Thế là hết rồi! Đêm đêm, ta bắt được Người trên mạng. Người làm gì trong khi ta đang mơ mộng? Người nhớ những ai trong khi ta nhớ những chính Người? Ngày xưa, những người yêu nhau có cản trở là đẳng cấp là giàu nghèo là quyền uy là bối cảnh. Thời nay có gì mà con người yêu nhau vẫn cắt chia nhau?

Ngày ...

Người ấy hỏi Ta "em có thích đi chơi xem trăng trên Hồ Tây không?" Minh mỉm cười. Và Người ấy run run sợ hãi, lắp bắp, "em không thích thì thôi". Ôi chao, ngần ấy tuổi mà vẫn như con nít, Người ấy, em không biết là Ta thèm khát được đi cùng Người. "Thôi, thôi, em không thích thì thôi". Sau rồi, mình lại chờ Người tới đứng chờ Người muốn ta cùng tới. Trăng mùa thu bên Hồ Tây. Một thế kỷ trước, trăng ở chốn đây có như đêm nay? Nhiều thế kỷ trước, trăng ở đây có khác trăng đêm nay? Giản dị thế, nhưng sao Người lại run sợ?

Cái câu hỏi dung tục, cái câu hỏi dẫn tới đổ vỡ, lại vang lên bên tai:

- Em hỏi "Cự" câu này. Khi yêu, "Cự" yêu cái gì?
- Yêu à? ... Yêu hử? ... Sao lại yêu?
- Nói đi, "Cự" yêu cái gì?
- Yêu ... có thể là cái bóng của mình trong kẻ khác.
- Nhưng cái bóng đó làm sao nguyên vẹn được như thật?
- Yêu ... có lẽ là những cảnh hiện ra ở lối ngoặt lúc ta đi trong rừng...
- Có thật hay không có thật...?
- Cái gì có thật, cái gì không có thật? Mà có lẽ chính vì cuộc đời áp dụng như thế, nên mới có đổ vỡ, có ảo tưởng, có si mê, có chán chường, có đủ nam vị của quả lê, chua cay mặn chát ngọt bùi...
- Chua cay mặn chát ngọt bùi ... đó là sáu vị...
- Năm tức là sáu. Sáu tức là năm.
- "Cự" vừa mới ngụy biện nhé!
- Không hề. Như khi Ta được phản chiếu trong Kẻ Đó, ta có sáu mắt một còn năm. Và có khi Ta có năm, bỗng dưng thêm một được sáu.
- Trăng kia ...

Trăng mùa thu như đã hiện ra để cứu họ khỏi sự bàn thảo nhạt nhẽo về tình yêu. Hai người ngồi im lặng ngẩng cao đầu nhìn trăng treo lơ lửng trên cái màn bằng láng khói sương đầu mùa thu Hồ Tây.

Chẳng biết vì sao mùa thu hay có khói...

Có lần Nàng của ta đã vô tình (hay cố ý) nhắc lại một câu văn xuôi làm già thơ đó. Bây giờ không có khói, chỉ có sương.

CHIỀU DÃ QUỲ

Tù bút của VĂN CÔNG HÙNG

Qua làn sương mỏng, trăng mùa thu chuyển sang mùa đông bao giờ cũng tỏ hơn mọi thời điểm khác.

Nàng lấy máy ảnh ra chụp. Nàng xoay quanh một cây liễu để lấy mấy cành mềm lè thè lơ thơ sẽ đổ một dáng lang thang lay lắt trên tấm hình có một bóng trắng như một ngọn đèn trong đêm đen ở bức hình kỹ thuật số.

Nàng không biết rằng cái vẻ hăm hở ghi hình vừa rồi đã khiến cho một người trong hai người hoàn toàn dốt bỏ được nhau.

Nàng vẫn hồn nhiên hỏi chàng:

- "Cụ" này! Có đúng là có một thời hình như chúng ta đã yêu nhau phải không nhỉ? Hay đó là ảo tưởng từ một trong hai phía?

- ... cũng không biết chắc nữa...

Trả lời trực diện vào "thời hiện tại" bao giờ cũng khó. Chưa kể lúc này chàng ta lại còn đang mải nghĩ đến một mối tình đầu khác nữa sau cái vụ trắng mùa thu linh thiêng như con mắt tròn bình yên từ từ hiện lên ở chân trời.

...

Bấy giờ là một ngôi nhà và hai hàng bạch đàn. Đó là một thị xã ở biên giới và ở gần một vùng kinh tế mới. Hai người quyết định thuê một cái xe máy để chạy tám mươi cây số về thăm những con người ở một vùng kinh tế mới có tên là Dương Minh Châu.

Sáng sớm hôm ấy, lẽ ra hai người phải nổ máy xe và cho xe chạy, thì bữa đó em lại lác đác nói là mình không muốn đi nữa.

- Không nên đi anh à.
- Vì sao?

- Anh không chịu đựng nổi đâu.
- Chịu đựng gì?
- Nơi cha mẹ em đang làm kinh tế mới không đẹp như bài thơ anh tặng em đêm qua.

"Em kể một lần rồi ta nhớ mãi ... Có một ngôi nhà và hai hàng bạch đàn..."

- Hai hàng bạch đàn ấy là của nhà hàng xóm. Nhà đó ở quá đối chệnh chệch phía trước mặt. Em kể rồi, nhưng mà anh không chịu nhớ, anh ghép chúng vào cho thành ngôi nhà của em...

- Ôi, anh xin lỗi, anh không cố tình...
- Em hiểu, nhưng em yêu anh chính vì điều đó. Em yêu anh vì bao giờ anh cũng xa cái thực tại cuộc đời đen đúa. Cả bài thơ của anh chỉ có một câu đúng sự thật.

- Câu nào?
- Đó anh biết đấy!
- Em nói đi, câu nào đúng sự thật?

- "Chẳng nhớ ngôi nhà cùng người yêu đâu, chỉ nhớ đêm đêm núi biết khóc òa". Một trái núi biết khóc và đang khóc.

- Anh viết thế thật à?
- Anh làm mọi việc hăm hở như trẻ con, rồi anh lại mau quên...

- Thật à?
- Nhưng em vẫn yêu anh, em yêu anh vì thế.
- Không, anh yêu em trước.

- Em yêu anh trước.
- Không thể. Anh nhớ, ngay khi gặp em, ý nghĩ đầu tiên là mình đã gặp người này ở đâu, từ khi nào... Hóa ra là một người trong mộng.

- Em yêu anh trước. Một gã đàn ông không có tuổi. Một quả lê ăn đủ năm mùi.

- Ô, ý hay quá, rồi sẽ có lúc anh đặt ý tưởng đó vào một bài thơ nào đó. Quả lê ăn đủ năm mùi...

...

Chàng ta không nói gì, cũng không kể lại những điều vừa hiện ra trong óc, không thấy buồn cũng không thấy vui, chàng lặng lẽ nắm lấy bàn tay nàng.

Hai người ngồi im như thế rất lâu, nàng khẽ hát bằng tiếng nước ngoài *Main dans la main ... Tay cầm tay, tay trong tay ...* Hát đi hát lại. Chàng ngả người cần khế vào vai nàng. Mặc dù đã chính thức cam kết chia tay.

Nàng lặng lẽ đẩy chàng ta ra. Nàng nói:

- Hôm qua cũng có một người cần vào vai em như "Cụ" lúc này.

- Em thì rắc rối lắm! Một hôm nào đó, tôi sẽ viết một câu chuyện kể về người tình thứ nhiều lắm của em, khi tôi không còn ở đây nữa để giỗ cọt em...

- Hai đứa chúng em đi chơi suốt ngày. Rác rỗng, ngồi lại chụp bốn cái chân sòng soài. Rồi cũng ngồi chính cái chỗ này đêm nay em và "Cụ" ngồi.

- Thế hử? Thế mà tôi cứ nghĩ mình đến đây chỉ vì mình mang tâm sự riêng, mình muốn đến cái nơi mình lại đang gờ tay quờ quạng hạnh phúc...

- Nhưng nó cần mạnh hơn "Cụ". Nó bảo "Em yêu chị". Và em để mặc cho nó cần. Em thêm khát...

- Một mối tình đầu?
- Em không biết nữa. Em sợ là mình không bao giờ có được mối tình đầu cả.

- Em nhầm. Một đời người có vô số mối tình đầu. Với điều kiện định nghĩa lại mối tình đầu.

- Em vẫn thêm khát một mối tình đầu ... đẹp như trong mộng.

- Cuộc sống thực không bao giờ "đẹp như trong mộng" hết, tôi nghĩ thế. Mối tình đầu là mối tình ta cho đi hết mình, chứ không phải là mối tình ta nhận được đầy đủ.

- Có lẽ vậy. Thôi, "thưa quý vị, cuộc trò chuyện lãng phí thời gian của chúng tôi đến đây là hết" ... Anh cần vào vai em đi. Cần nhẹ cũng được... Thế... thế... thế... Ôi em yêu anh, mối tình đầu của em...

Cô nàng không biết là mình vừa vi phạm quy chế hai người đặt ra với nhau khi họ quyết định sẽ chia tay nhau, vì cô vừa chột quên và đã gọi chàng ta là "Anh" thay vì gọi chàng ta bằng "Cụ".

Đĩ nhiên là tiếng "Cụ" được đặt trong ngoặc kép. ■

Hà Nội, 20-10-2010

(*) Lời một bài hát được hát khoảng sáu, bảy thập niên trước.

BAO giờ cũng thế, dã quỳ nở là hết mùa mưa. Mùa mưa Tây Nguyên dầm dề từ tháng 4 cho đến cuối tháng 10. Cứ sập sùi thế, những nhào thế, lảng bâng cách rách thế, đến một ngày, ngoài sang bên đường, ô quỳ nở.

Ban đầu chỉ là vài hoa riêng lẻ, nó thấp thoáng vàng lắt trong sắc lá xanh um của mưa mát mưa, phải nhìn tình mới thấy. Nhiều người có cái thú ngắm dã quỳ lúc này, nó e ấp, lè loi, rung rung vàng trong bát ngàn xanh, khép nép như thiếu nữ buổi dậy thì một sớm mai thức dậy thấy cơ thể mình có điều gì đó khác biệt. Cái khép nép vừa rạo rực đam mê lại vừa lạ lẫm khám phá. Nó như một giấc mơ không hẹn, lại như một khắc khoải mong chờ... Nó cũng là tín hiệu ban đầu của tết.

Chỉ chừng tháng sau, khi đã quên mất, có khi không để ý nữa, một ngày lại giật mình, vì lá xanh biến đâu hết cả, chỉ còn vàng, ràn rạt vàng, miên man vàng, thắc thóm vàng, dã quỳ như đại cả đi trong chiều cao nguyên lồng gió. Mà quỳ là đại rồi, còn cái đại tôi nói đây là cái đại của cảm giác, cũng chả biết quỳ đại hay chính người đang đại trước quỳ.

Và gió. Mùa này Cao Nguyên gió thổi như ngựa lồng trên thảo nguyên. Gió quất ràn rạt vào nắng, vào chính gió, vào bụi bazon, vào ngòm ngòm dã quỳ với cái màu vàng bất tử ngàn đời khiến ta có cảm giác gió cũng màu vàng.

Và nắng. Nắng mênh mang như rượu cất. Nắng luân loang trên thảo nguyên như có một họa sĩ tài danh vẽ đại nào đó từ trên trời pha một loại màu đặc biệt mang tên vàng cao nguyên, mỏng như tơ mà cũng mảnh như tơ, lảng lảng nhẹ bằng thả xuống để hòa với màu vàng dã quỳ làm nên một tuyệt sắc không lồ mà vĩ đại trên cao nguyên những ngày giáp tết.

Ấy là mùa dã quỳ nở. Nó vốn là một loài hoa đại, đã nở hàng triệu đời nay trên trái đất này. Có thể ai cũng đã từng thấy ở bất cứ nơi đâu trên đất nước ta, nhưng không hiểu sao, khi về với Tây Nguyên nó mới là... dã quỳ. Có lẽ do cái gió, cái nắng, cái thiên thời địa lợi, cái thông thổ khác nghiệt, cái gì đó không diễn tả nổi khiến nó mới là dã quỳ.

Đây là một loài hoa rất lạ. Nó không ưa mưa, mưa chỉ làm cho lá nó tốt, xanh một cách nghi ngại và bắn thần, xanh vô dụng và tức tưởi. Càng mưa càng nhiều dinh dưỡng lá càng xanh hoai xanh phỉ như thế. Đến mùa khô, cái mùa khắc nghiệt nhất của Tây Nguyên, sáu tháng không có nước, không khô nắng, đã thế còn gió, những cơn gió hoang đảng vô kỷ luật phóng túng hung dữ tràn trên cao nguyên, quật tan nát hết những gì chúng gặp, phá tanh bành những gì vướng trên hướng bay vô định của chúng. Nhưng lạ, gặp dã quỳ thì khác, gió trở thành một loại gió khác, nó hiền lành mà dịu dàng, mơn man và ve vuốt.

Dã quỳ không bao giờ mọc đơn lẻ, chúng quần vào nhau thành từng thảm, kết thành vạt, trùng điệp miên man và thăm thẳm trước sự rợn ngợp của chiều cao nguyên lúc nắng đang vàng nhất, gió đang lồng nhất, và người đang cô đơn nhất.

Khi cô đơn, đứng nhìn dã quỳ từng thảm nhấp nhô trong chiều cao nguyên, ràn rạt trong gió và ngòm ngòm trong nắng, con người thấy ấm lòng lại, thấy thanh thần và thêm yêu những ngày mình đang sống, đã sống và sẽ sống.

Và tôi phát hiện thêm điều này: Dã quỳ mọc rất nhiều xung quanh Biển Hồ, Hàm Rồng và các miệng núi lửa lớn nhỏ khác ở cao nguyên Pleiku. Không chỉ nhiều, dã quỳ ở đây đẹp hơn rất nhiều nơi khác. Cái dáng lắt lay, cái màu vàng bất tử, cái thể gối nhau trong chiều Cao nguyên lồng gió, cái bóng bệch, cái xa xăm, cái ảo hoặc, cái mong manh... đến vô ngôn, đến nín thở, đến phải tẽ mình ra mà ngắm về cả bốn phương tám hướng thành thành mây trời cao nguyên, để thấy trên đỉnh cao rợn ngợp của cao nguyên Pleiku này, Biển Hồ đúng là một viên ngọc lung linh trên độ cao nghìn mét so với mực nước biển, cứ ngẩn ngật xanh, cứ rung rung bạc và cứ viên mãn từng thảm quỳ trải dài tới chân trời trông cứ như đất đai nơi đây được dát bằng một lớp vàng tin cậy. Có lẽ dã quỳ Pleiku đẹp là vì nó được hít thở cái tinh túy của những dư chấn, những tàn dư nam thạch, được soi mình vào cái gương trời khổng lồ kia và nó tiếp màu tiếp sắc với đất đỏ bazan, với nắng với gió, cái thứ nắng gió nửa hoang dã nửa hiền lành, phóng túng hết mình mà cũng chừng mực có thể, ít nhất là nó tôn lên cái màu vàng mê đắm của dã quỳ kia chứ không vùi dập, không tàn phá như khi nó lọt vào các vườn hoa kiểng kín cổng cao tường của những loài hoa cao sang khác.

Nhưng mà ai bảo dã quỳ không cao sang. Tưởng như dân dã nhưng lại vô cùng khát khe khó tính và kén chọn. Cứ thử ngắt nó ra mà xem, quỳ nó lại thành vườn thành luống rồi tưới tắm chăm bẵm mà xem... nó nhệch nhạch, chán ngắt, ủ ẻ và vô hồn. Cứ phải cho nó trải hết mình ra trên thảo nguyên đầy nắng gió, ngạo nghễ phơi cái mỏng manh quyến rũ ra cùng đất cùng trời, mà đất thì đỏ, mà trời thì xanh, mà mây thì trắng, và quỳ vàng, cái màu vàng ám ảnh như ma lực, như thôi miên, như khát vọng, mà lại cứng cáp vững bền trong không gian thời gian khắc nghiệt... hoa cứ rung rục da diết vàng, vàng như điên như dại, vàng như chỉ lẫn này là lẫn chột, mà lại không gắt, không sượng, không chói chang, màu vàng của quỳ êm như gió thu mơn man trên thảo nguyên, nhẹ như tiếng thở dài thiếu phụ vắng hơi chồng trong một đêm đông mỏng tang hơi lửa, nó ru ta vào một thế giới ảo hoặc mà thanh thoát, diệu vợi mà gần gũi, nó tặng ta những buổi chiều bất tận nỗi niềm, khiến ta không thể vô lo, không thể đứng đưng, ta đành miên man cùng quỳ, miên man cùng bazon, cùng cuộc đời này...

Đã rất nhiều người tự tổ chức những tour du lịch đi ngắm dã quỳ. Và tôi cũng dầm ba lần được tham gia với vai trò người chỉ trở. Nhờ thế mà tôi thấy được cái cảm giác thú vị của những vị khách lãng mạn ấy, kể cả tây ta. Họ luôn ó lên thích thú rồi lẫn vào chụp ảnh, và cuối cùng là mỗi người một góc tư lự. Tận cùng cái đẹp là nỗi buồn, và nỗi buồn lại thành hoa thành cái đẹp. Tôi biết họ xốn xang vì dã quỳ, nhưng rồi cũng lắng lại vì dã quỳ. Và cuối cùng, dù là rất vô tình, hoàn toàn không định hướng, dã quỳ Tây Nguyên đã thấp lên trong mỗi con người một ngọn lửa ánh lên vẻ đẹp vừa sang trọng vừa dân dã. Một vẻ đẹp không vụ lợi bất tử với thời gian, dù càng ngày, dã quỳ càng trở nên hiếm khi mà người ta phải xây dựng để phát triển. Và có lẽ vì thế mà chiều nay cái màu vàng của dã quỳ mới lắt lay trong tôi làm vậy...■



C HÃNG hiểu sao, từ thuở còn thơ ấu, tôi đã có một cảm nhận thật mơ hồ nhưng cũng thật xác tín rằng: Chùa chính là nơi trú ngụ của những ông Bụt hay bà Tiên và khi nào gặp khó khăn hay đau khổ ta cứ đến đó thì thế nào cũng sẽ được giải toả hay cứu giúp...!

Nhưng từ khi lớn lên, được về sinh sống ở Huế khi đất nước vừa thống nhất và cho đến giờ đây khi đã sắp bước qua ngưỡng cửa cái tuổi "nhĩ bất hoạc", chợt nhiên tôi bỗng thấy những ngôi chùa ở cái xứ sở này có một sức hút gì đó thật lạ... Huế là một vùng đất tuy không rộng lắm nhưng lại có đến hơn 400 ngôi chùa lớn nhỏ, dù có là dân ngoại đạo đi chăng nữa thì cũng vẫn bị hình ảnh của những mái chùa đỏ âm ảnh và in đậm sâu vào trong trí nhớ...

Từ những năm đầu của thập kỷ 80, cuộc sống còn biết bao gian khó, gia đình tôi lại còn nhiều gian khó hơn. Người em trai tôi đi bộ đội hy sinh tại chiến trường Campuchia và cha tôi rất buồn rồi cũng lâm bệnh mà mất. Mẹ tôi đi qua những nỗi buồn ấy rồi lặng lẽ đem tên tuổi của những đứa con còn lại của mẹ lên chùa để quy y nơi ngài Thích Đôn Hậu, một nhà sư danh tiếng, người đã cống hiến cả cuộc đời mình cho những hoạt động ích đạo giúp đời, vị trụ trì đáng kính của ngôi chùa Linh Mục nổi tiếng...

với chốn thiền môn. Có Hỷ, Xả chúng ta mới có thể nở được nụ cười vui tươi chân thật và hạnh phúc đến như vậy... Sự thâm nghiêm và cổ kính của Phật điện còn làm cho lòng tôi tự nhiên phải lắng lại, để rồi được thấy nhẹ nhàng thanh thoi hơn trong cõi huyền hoặc, không còn có những ưu tư về cuộc đời và thân phận... Cũng ở nơi này, không chỉ một lần Bà Mụ linh thiêng đã chỉ cho chúa Nguyễn Hoàng nơi đóng đô, lập nên một triều đại nhà Nguyễn ở Đàng trong, mà hơn thế đã còn chỉ cho biết bao thân phận khác hướng tới tâm thiện, lòng từ bi để sống tốt hơn trong cuộc sống này...

Giờ đây, khi đời sống kinh tế đã phần nào đỡ hơn thuở ấy, nhưng áp lực của công việc mưu sinh cũng chẳng giảm đi được là bao bởi những toan lo khác... Nhất là từ khi đất nước đổi mới, tự nhiên tôi thấy người ta lại rủ nhau đi đến chùa thật nhiều, đặc biệt là tới các ngôi chùa cổ... Người đi chùa giờ đây đến với chùa trong những tâm thế rất khác nhau và cũng từ những ngày đó không khí sinh hoạt ở chốn thiền môn bắt đầu có cái gì đó khác biệt, không còn vẻ u tịch vắng lặng như ngày nào nữa...

Nhưng kỳ thực, vẻ đẹp của những ngôi chùa cổ kính như Linh Mục có từ năm 1601, Báo Quốc (1674), Từ Đàm (1683), Thuyền Tôn (1709), Phước Thọ Am (1831), Từ Hiếu (1843), Diệu Đế (1844)... đã hấp dẫn con người ta

*Nghe Đạo, hương rừng theo gió đến
Độc Thơ, trăng sáng vượt non về.**

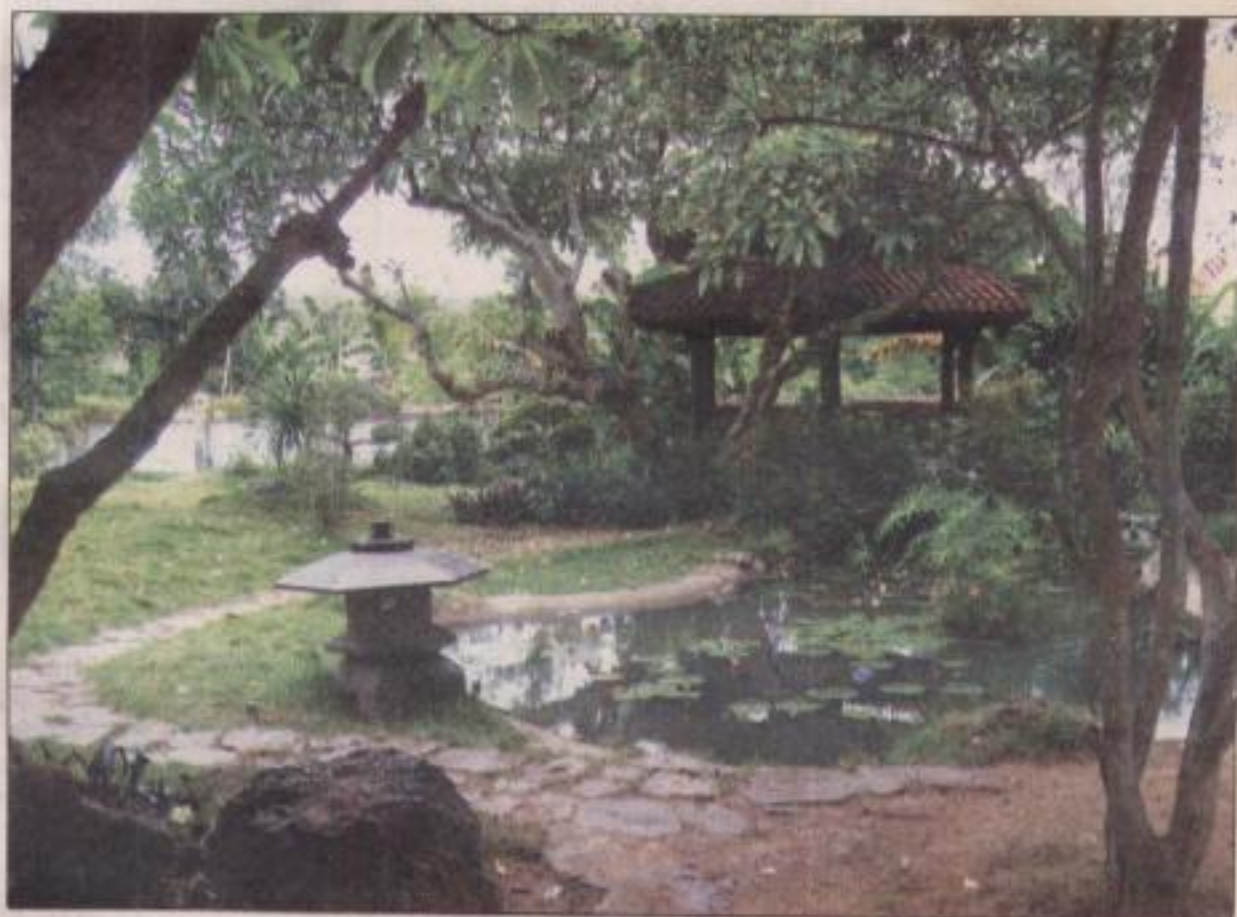
Cái khoảnh khắc nhẹ bỗng chợt nhiên ấy dường như đã thức dậy trong con người tôi một luồng điện cảm thật lạ, giống như khi đang tự nhận thức được chính tâm hồn mình và chỉ với riêng mình...!

Khiêm nhường về tâm vóc và sự bề thế của Phật điện Huyền Không Sơn thượng làm tôi thấy Đạo Phật sao mà thật gần gũi với nhân gian với con người đến vậy. Vườn cảnh Huyền Không như là một điểm nhấn về sự giao cảm giữa con người với thiên nhiên trời đất và được nâng lên thành nghệ thuật đặc sắc của một lối kiến tạo về cái đẹp. Mỗi công trình ở đây đều sử dụng chất liệu từ tranh, tre, nứa, lá, gỗ... mộc mạc, dung dị nhưng tất cả đều toát lên bản sắc của văn hoá dân tộc, văn hóa nhà vườn của xứ Huế. Dù cũng chỉ là do sự sắp xếp của bàn tay con người, nhưng với một ý thức lấy thiên nhiên làm chủ, dựa vào cảnh quan chung để kiến tạo và tìm trong cái hài hòa của thiên nhiên để làm thành cái hài hòa của kiến trúc, sự thấy Minh Đức đã biến nơi này trở thành một nơi có sức hút rất lạ kỳ.

Ở vườn cảnh của Huyền Không còn có rất nhiều hoa cỏ đủ loại với hương thơm phảng phất xa gần của các

HÀNH HƯƠNG VỀ CHỐN TÂM LINH

LÃNG HIỂN XUÂN



Thuở ấy, tôi lên chùa chỉ thấy chùa là... "chùa" một cách u tịch và các vị sư thì cứ như là những Tiên Ông xa vời với thật khó mà chạm gần tới được... Vậy mà chả hiểu sao, ba mẹ con chúng tôi và cả bà ngoại của tôi được ngài Đôn Hậu đặt cho những Pháp danh thật đẹp: Ngoại là Tâm Phước, mẹ là Tâm Hiếu, tôi là Tâm Thảo và em gái út là Tâm Hạnh... Thế là tôi thành Phật tử từ đó!

Rồi cuộc sống lại cứ cuốn anh em chúng tôi đi, để chỉ vẫn một mình mẹ tôi lặng lẽ lên chùa sinh hoạt cùng khuôn hội Phật giáo trong khói hương và trong những lời kinh Nhật tụng...

Hồi ấy, chùa Linh Mục trông thật thâm nghiêm vắng lặng. Xưa kia nơi đây vốn là một quả đồi hoang thuộc làng An Ninh, huyện Hương Trà, nay là phường Kim Long, thành phố Huế. Dưới con mắt của các nhà phong thủy thì vị trí của chùa Thiên Mục quả là một nơi đắc địa hiếm có để dựng lên một ngôi chùa mang tầm Quốc Tự. Từ dưới mép sông trông lên, tháp Phước Duyên cao vút lên như muốn dẫn đưa tâm hồn con người ta đến một cõi cao xanh nào đó vừa rất xa xôi nhưng cũng thật gần gũi. Qua khỏi cổng chùa, nơi có những bức tượng của các ngài Hộ pháp Kim cương canh giữ, một không gian mở ra thoáng rộng đầy rêu phong của sân chùa càng gợi lên một cảm giác như đang được trở về với quá khứ, trở về với "bản lai diện mục" của chính mình. Có lẽ, chỉ có ở chùa Linh Mục mới có một cái sân trước Phật điện rộng mênh mông đến như thế. Bước vào Phật điện, bắt gặp đức Phật Di lặc tọa bằng đồng ngồi một mình, áo phanh hở ngực, bụng phệ ngay giữa gian trước với nụ cười Hỷ, Xả như đã rũ bỏ tất thảy mọi tục lụy. Chỉ với nụ cười này thôi cũng đủ để cho ta thấy nhẹ lòng khi đến

trong những cuộc "Hành hương tâm linh" khi tìm về với quá khứ thì những ngôi chùa mới được tạo lập sau này lại hút hồn con người ta ở trong một hành trình khác...

"Hành trình đến với thực tại..." và Chùa Huyền Không Sơn thượng là một ngôi chùa như vậy!

Vốn nơi đây là một vùng rừng núi hoang vu do Nhà nước giao đất giao rừng cho nhà chùa khai hoang, trồng rừng và bảo vệ... nhưng đã được Thượng tọa Giới Đức, bút hiệu Minh Đức Triều Tâm Ảnh, khai sơn và tạo dựng từ năm 1989...

Khi cơn bão kinh tế thị trường vừa bắt đầu ào tới Huế, theo chân thi sĩ "Phương xích lộ", tôi lên đây chơi với một tâm thế như chỉ là một cuộc thư giãn tâm hồn bởi rất nhiều lẽ. Chùa lúc đó quả thực còn rất đơn sơ, chỉ là một ngôi Thảo am có cái tên thật thơ mộng là "Phong Trúc Am", nơi tá túc và an nghỉ của sư Giới Đức. Hơn nữa, ở nơi đây còn có một nhà thơ Thiền, nhà thơ Minh Đức Triều Tâm Ảnh... mà những bài thơ Thiền của Thầy đã vượt ra khỏi cánh rừng để đi đến mọi nẻo trên đất nước này...

Đến bây giờ, dấu vẫn chưa được Khang trang to lớn như những ngôi chùa khác, nhưng Huyền Không Sơn thượng lại có một không gian vườn, rừng, núi thật huyền ảo. Chùa ở đây được kiến tạo với một Chánh điện giản dị bằng gỗ, mái ngói trông rất hiền hoà và thanh thoát, lại vừa mộc mạc dựa trên nền xanh hùng vĩ của núi rừng. Trong một không gian, vừa thôn dã, vừa rất lãng mạn và như hoà lẫn vào với thiên nhiên, chợt nhiên bắt gặp một cặp câu đối viết theo lối thư pháp treo trước Phật điện đã làm cho con người tôi nhẹ bỗng đi và tâm hồn tôi như chợt nhận cảm ra một chân lý nào đó vừa ập tới:

loại thảo mộc quý được đưa về trồng ở đây. Cùng với những giò phong lan trên cao, bên dưới là những chậu cây cảnh, cội mai già, tùng bách bên lối cỏ đầy rêu phong và những khóm Địa Lan khoe vẻ đẹp tao nhã thật hoang sơ. Kể cả mỗi một hòn đá được đem về đặt ở nơi đây cũng mang được những tiếng nói rất riêng trong vẻ đẹp xù xì góc cạnh của mình. Trong một lần tôi đưa PGS.TS Tôn Đại lên thăm chùa, PGS.TS đã gọi nơi đây chính là một "Bài thơ về Kiến trúc phong cảnh"...

Đến với Huyền Không Sơn thượng là đến với cái vĩnh hằng của sự sống, của cái đẹp. Và ở đây tôi cũng đã tìm thấy được sự bằng an thanh tịnh của lòng mình:

*Dấu chân thiền về con đường
Mai kia một nọ yêu thương bụi vàng.**

và
*Trần gian trăm việc tạm quên
Thơ để góc núi đầy hiên nắng vàng
Giò trăng thế sự không bàn
Giấc thiền lặng lẽ nhẹ nhàng tình không!*

Những dòng thơ, mỗi con chữ trong "Huyền Không Sơn Uyển" dường như lại thêm một sự níu giữ khác cho bước chân của những lữ khách đã từng tới đây không muốn rời khỏi chốn non thiền cao xanh này. Ấn dụ trong những dòng thơ bay cùng dáng chữ, nét bút ấy của Nhà sư Nghệ sĩ như là một sự hành thiền đã lắng lại sự trong sáng, thanh thản vốn có trong tận đáy sâu tâm hồn ở mỗi con người. Với bức tranh cảnh trí non ngàn ấy, nơi này không thể mang cái tên nào khác ngoài hai chữ Huyền Không!■

(*) Thơ Minh Đức Triều Tâm ảnh.

ĐƯỢC LÀM VIỆC LÀ MỘT HẠNH PHÚC

HỌC PHI

NGÀY Tết là ngày vui sum họp gia đình, nhưng đã từ lâu đối với tôi ngày Tết lại là ngày buồn nhất. Nhìn những chỗ trống vắng bên mâm cỗ đầu xuân lòng tôi se lại. Trống vắng nhiều quá. Những tám chỗ: một vợ và bảy con.

Thằng con đầu lòng của tôi hy sinh từ khi nó chưa tròn 16 tuổi. Mới 13 tuổi đã tham gia cách mạng, làm liên lạc cho Đảng. Sau khởi nghĩa xung phong đi Nam Tiến trong chỉ đội của Vi Dân, sau chuyển sang chỉ đội Hữu Thanh, rồi hy sinh ở Buôn Ma Thuột.

Hôm nó ra đi tôi vào tiền nó ở chỗ đóng quân của nó ở trong Hà Đông. Thấy tôi rơm rớm nước mắt, nó nói:

- Việc gì cậu phải buồn - các con tôi đều gọi bố mẹ bằng cậu mợ - Năm nay con đã gần 16 tuổi rồi, ngày bằng tuổi con, cậu đã đi tù rồi thì sao?

Tôi còn nhớ mãi cái hình ảnh nó đeo lưng lủng lẳng khẩu pạc-học bên hông, khẩu súng mà nó tước được của bọn phi ở chiến khu Đông Triều, vai thì khoác khẩu súng Nga cũ dài ngoẵng, dài hơn người nó.

Trên đường đi nó gửi thư về cho mẹ, trong thư có hai câu: "Con đi con hẹn con về, bụi ngàn phương xóa lời thề còn đâu". Cả nhà bảo như thế là nó nói gở. Sau ngày thống nhất đất nước, em nó là nhà văn Chu Lai vào Buôn Ma Thuột tìm mộ anh, nhưng chỉ mang về được một nắm đất lấy ở nơi nó ngã xuống cùng với ngót một trăm đồng đội, bây giờ đã thành một ngôi mộ chung.

Mấy năm sau, năm 1951, lại một đứa con nữa của tôi bị giặc Pháp sát hại ngay ở làng tôi. Làng tôi là làng kháng chiến kiểu mẫu ở đồng bằng Bắc bộ, được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Giặc Pháp đã nhiều lần mở cuộc càn vào làng, nhưng đều bị thất bại thảm hại, nên chúng căm lắm. Chúng quyết tâm san làng tôi thành bình địa để trả thù. Hôm ấy chúng điều một lực lượng lớn quân Âu-Phi và quân nguy, có phi pháo yểm trợ, đánh phá suốt ngày. Từ sáng đến tối không lúc nào không có tiếng máy bay gầm rú ở trên đầu, dưới đất thì pháo lớn pháo nhỏ thì nhau nổ chát chúa. Làng mạc, nhà cửa bị thiêu trụi, cây cối đổ ngã nghiêng lắt cả lối đi, nhiều chuôm ao bị vét sạch nước. Con tôi bị chết trong càn này khi nó theo người làng qua sông chạy sang Thái Bình, để mẹ nó ở nhà chiến đấu. Nó bị trúng đạn pháo của giặc ngay trong thuyền. Năm ấy cháu mới tám tuổi.

Đến kháng chiến chống Mỹ tôi lại mất một con nữa. Cháu tên là Chu Minh An. Tên khai sinh của cháu là Chu Văn An, nhưng các cụ ở trong họ bảo lấy tên cụ tổ dòng họ đặt tên con là Sức, nên phải đổi là Chu Minh An. Cháu An là đứa con ngoan nhất trong

Theo kỷ yếu Nhà văn Việt Nam, nhà văn Học Phi đến Tết Tân Mão 2011 thượng thọ 98 tuổi. Nhưng theo nhà văn Chu Lai, con trai thứ 9 của ông, năm nay ông đã tròn 100 tuổi. 100 tuổi hay xấp xỉ 100 tuổi, với một sức khỏe và trí tuệ vẫn tiếp tục được thể hiện trong bài viết này vẫn là điều khiến chúng ta không khỏi ngỡ ngàng và kính ngạc.

Những ngày gần đây, Văn nghệ liên tiếp nhận được những sáng tác gồm truyện ngắn, hồi ức, bài viết góp ý với Dự thảo văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XI của ông, cho thấy sức nghĩ, sức viết của ông còn rất sung mãn.

Nhân dịp đầu năm mới, Văn nghệ xin kính chúc sức khỏe nhà văn Học Phi, mong ông tiếp tục có những sáng tác mới, đóng góp vào sự phát triển của nền văn học nước nhà.



Gia đình nhà văn Học Phi

Ảnh: CHU LAI

mười đứa con của tôi. Thời bao cấp, tuy còn bé, nhưng cháu đã biết lo việc nhà, thấy trong nhà thiếu cái đun, chiều nào đi học về qua rừng hoa sữa ở đầu phố, cháu cũng bê một ít cây về làm củi. Ngày nghỉ thì rửa hai em ra sông nhặt rêu. Có lần suýt chết đuối.

Ngày ấy ở đầu phố nhà tôi, phố 325 gần khu Văn Hồ, thường có ô tô của các tỉnh chở gạo đi đầu không biết, đêm họ đỗ ở đấy. Tối nào cháu An cũng mang ra ra vết gạo rơi vãi trên sàn xe, có tôi được gần đấy rửa. Hôm sau cả nhà được một ngày ăn cơm ngon lành, không phải trộn lẫn với ngô sắn, hay bọ bọ. Lớn lên học cấp ba, hè nào cháu cũng đi làm lao động thuê để lấy tiền mua sách vở, quần áo, khỏi phải xin tiền bố mẹ. Có hè vào tận Thanh Hóa làm đất thuê cùng với mấy đứa bạn, khi về mang về đầy một ba lô quà bánh.

Sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông, cháu thi vào Đại học, nhưng thi vào trường nào cũng trượt. Tôi chỉ cho là cháu lười học, mắng cháu. Cháu khóc nói là không phải bài thi của cháu kém, mà tại nhà trường trừ cháu, cho cháu hạnh kiểm xấu. Duyên do là vào cuối năm học, để biết ý kiến của học sinh về việc chọn ngành, nhà trường cho các cháu viết bài lên báo tường trình bày nguyện vọng. Ý của nhà trường muốn

hướng học sinh vào ngành Sư phạm, nhưng không cháu nào chọn ngành này. Nhà trường cho như thế là các cháu có tư tưởng chống đối, và nghỉ cho cháu An cầm đầu, vì cháu An là bí thư chi đoàn. Thú thật cho đến lúc ấy tôi mới biết con mình làm bí thư chi đoàn. Nhưng bí thư chi đoàn thì có trách nhiệm gì trong việc chọn ngành của đoàn viên. Vì đây là nguyện vọng riêng của từng người, lãnh đạo chỉ có thể gợi ý, chứ không thể bắt buộc được. Vậy mà nhà trường lại quy cho các cháu có tư tưởng chống đối thì thật là vô lý. Không thể bỏ qua việc làm sai trái này được, tôi liền lên Ban Tuyên giáo Trung ương báo cáo với anh Tố Hữu. Sau khi cho kiểm tra, anh Tố Hữu liền để nghỉ nhà trường kỷ luật đồng chí chủ nhiệm lớp, một mặt quyết định cho cháu An đi học Liên Xô, giao cho trường Đại học Bách Khoa rèn thêm cháu trong khi chờ đợi. Nhưng lúc ấy cháu đã xin vào học lớp lái tàu hỏa của Tổng cục Đường sắt, cháu để nghỉ cho cháu hãy đi lao động một thời gian để rèn luyện, theo lời kêu gọi của Thủ tướng Phạm Văn Đồng hồi ấy. Với lại, cháu nói thêm, đi học thì chẳng học trước sẽ học sau, chứ đánh Mỹ thì không thể chậm ngày nào được. Thấy ý cháu đã quyết, tôi đồng ý cho cháu đi học lái tàu. Năm sau học xong, vừa

trở thành tài xế chính và được kết nạp Đảng, thì bị trúng bom Mỹ ở ga Văn Phú, Yên Bái. Hôm ấy là ngày 22-10-1965. Được tin vợ tôi chết ngất đi. Rồi suốt ngày hôm ấy ngất đi ngất lại mấy lần. Hôm sau tôi lấy xe cơ quan đưa vợ tôi lên Yên Bái, định để đem xác cháu về, nhưng địa phương đã chôn cất chu đáo rồi, đành để đợi đến ngày cải táng vậy. Trước khi ra về, vợ tôi có làm mấy câu thơ để lại trên mộ cháu:

Năm mồ xanh con nghĩ mẹ về
Đòi đoạn từng cơn ruột tái tê
Mỗi cách năm ngày con biệt mẹ(1)
Nào ngờ mãi mãi phải chia ly
Khóc con mắt mẹ khô dòng lệ
Ngày tháng buồn đau mẹ xác xơ
Hăm một tuổi đầu con trọn kiếp
Cõi trần còn lại mẹ bơ vơ
Gây bao tang tóc đau thương ấy
Chính tại quân thù giặc Mỹ kia
Nợ máu bắt bay đến bằng máu
Lửa hôn ngàn ngút khắp Sơn Khê
Suối vàng con hãy yên tâm nhé!
Non nước rồi đây sạch bóng thù.

Tôi còn bốn con nữa bị chết bệnh. Trong số có một đứa chết vì hậu quả chiến tranh. Cháu tên là Chu Hồng Đức. Trong trận giặc Pháp đánh phá triệt hạ làng tôi nói ở trên, cháu Đức đã 12 tuổi. Cháu bé một đứa em nhỏ mới ba tuổi chạy xuống ẩn trong hầm tránh pháo suốt từ sáng đến tối, cây cối đè lấp cả miệng hầm. Khi moi được ra, cả hai anh em đều đã mê man.

Từ đấy nó hay kêu đau đầu, hay nói huyền huyền. Rồi dần dần thay đổi hẳn tính nết, sinh ra nói dối, ăn cắp, trốn học đi chơi, có lần đi biệt cả một tuần. Gia đình và nhà trường khuyên bảo thế nào cũng không được, phải nhờ công an đe nẹt hộ, nhưng nó vẫn tinh nào tật ấy, đành phải chịu. Cứ thế cho đến một hôm. Hôm ấy nó ngồi xem sách ở ngoài ban công, sẩy chân ngã xuống sân, bị thương ở đầu, phải đưa vào bệnh viện cấp cứu. Ở đây người ta phát hiện nó bị bệnh tâm thần - tinh thần phân lập. Lúc ấy gia đình tôi mới biết, thì ra nó đã có triệu chứng bệnh này từ hôm bị ngã trong hầm tránh pháo. Nó được chuyển sang bệnh viện tâm thần để điều trị. Những hết Tây y đến Đông y, rồi cả thuốc Mưng, thuốc Mãn đều vô hiệu. Bệnh nó mỗi ngày một nặng. Mặt mũi cứ sùi ra như người bị bỏng, chân tay thì lấy bẫy, phải chống gậy mới đi lại được. Vợ tôi phải xin về hưu sớm để ở nhà trông nom con. Năm rồi vợ tôi ốm chết, nó buồn quá, mấy tháng sau cũng đi theo mẹ. Trước đấy mấy năm, một em sát nó là Chu Thường Dân đã ra đi vì bệnh ung thư phổi. Khác với cháu Đức, cháu Dân rất chỉ thủ học hành. Ở ngoài kháng chiến thì hàng ngày đi kiếm củi, ngâm đồ xanh làm giá cho mẹ bán. Về thành thì ngày đi học, tối kê khẩu hiệu thuê ở ngoài đường để có thêm tiền ăn. Cháu học rất khá. Mới học hết lớp mười phổ thông ở ngoài kháng chiến, về Hà Nội học tư thêm một năm, thi vào đại học Bách Khoa đỗ ngay. Năm ấy, cháu mới 16 tuổi, phải làm đơn xin thêm hai tuổi mới được thi. Ở Bách Khoa ra, cháu được cử sang Liên Xô làm nghiên cứu sinh, rồi về nước công tác ở Viện Địa chất một dạo - cháu học ngành Địa chất - rồi chuyển sang làm Vụ trưởng Vụ Xây dựng cơ bản của Ủy ban Khoa học Kỹ thuật Nhà nước, nay là Bộ Khoa học Công nghệ.

Thế là kể cả hai đứa chết từ lúc còn tấm bé, tôi đã phải chôn 7 con. Những lúc bận bịu công việc thì còn khuấy khuấy, chứ những lúc ngồi không thì chỉ nhớ đến vợ con mà buồn đứt ruột. Nên tôi rất sợ phải ngồi không. Cũng may mà tôi còn khả năng sáng tác, chứ không thì không biết làm thế nào để vượt qua được những ngày cuối đời hiu quạnh này? Vì vậy mà tôi vẫn phải sáng tác. Bây giờ tôi càng thấm thía câu nói của đại văn hào V. Huy-gô: "Được làm việc là một hạnh phúc".■

(1) Cháu mới về thăm mẹ được năm ngày.

TẢN VĂN

BẢNG KHUÂNG TỜ LỊCH CUỐI NĂM

TRỊNH THỊ THUẬN

TAY xé tờ lịch cuối cùng của năm mỏng manh, nhẹ tênh mà lòng bỗng bẽ cảm xúc. Ta thao thức một đêm không ngủ. Một năm trôi qua nhanh quá, sớm lại chiều cứ thế nối nhau.

Thời gian qua mau. Nó không đợi chờ ai. Phũ phàng và lạnh lùng quá chăng? Có phần đúng. Ta băng khuâng nhớ thời tươi trẻ. Mỗi ngày nào là có bé hay cậu bé con, giờ tóc đã muối tiêu, mặt đầy những vết chân chim - vết hằn của thời gian tàn phá. Bụi ngùi lấm chùi! Nhưng thời gian là dòng chảy vô tận và quý hơn bạc vàng. Nếu không có thời gian, ta không có tất cả. Bởi vậy mà mỗi ngày trôi, nếu không làm được gì có ích, ta sẽ thấy tiếc nuối vô cùng.

Mỗi sớm mai thức dậy, còn hạnh phúc nào bằng, ta có thêm một ngày để làm việc, để yêu thương và được yêu thương. Thời gian cũng giúp ta cảm nhận được những vui buồn, những ngọt ngào, vị tha, nhân ái. Dù khôn lớn, vẫn có lúc nếm trải những đắng cay thất bại, nhưng thời gian sẽ làm lành vết thương, cho ta bài học mà vững bước tiếp trên đường đời. Thời gian cũng dạy ta làm người khi biết yêu đồng loại. Thời gian dạy ta đầu

bạn, đầu thù, biết nhận ra trung thực, dối lừa.

Thời gian là bão lũ trên cánh đồng đang gặt. Và mùa cấy cận kề, mẹ chất từng gầu nước. Bát cơm trắng ta ăn có giọt mồ hôi và nước mắt của mẹ cha ta, cô bác, bà con.

Qua thời gian, ta cảm nhận được hạnh phúc vẹn toàn khi có mặt trên cõi đời này. Mới thấy sự sống quý giá biết nhường nào! Vô vàn lần biết ơn đấng sinh thành!

Ngày tháng trôi nhanh, ta sẽ thấy tình yêu lứa đôi đẹp không gì sánh nổi. Như cây trái cho hoa thơm, trái ngọt, con cái là thiên thần mà cuộc đời ban tặng mỗi chúng ta. Còn hạnh phúc nào bằng khi mỗi ngày qua, chúng lớn khôn và thành người có ích. Mỗi khi đi xa, thời gian lại nhắc ta nhớ về tổ ấm, nhớ về quê hương, nơi ta cất tiếng khóc chào đời.

Thời gian quay theo bốn mùa tuyệt vời, để mỗi người cất giữ những kỷ niệm thiêng liêng nhất. Quên sao được thuở cha ông dựng nước, mồ hôi và máu đào tô thắm non sông. Ta tự hào sống trong thời đại Hồ Chí Minh, 81 năm Đảng đã làm nên trang sử hồng chói lọi, sức bật hôm nay vươn tới tương lai...

Ôi tờ lịch cuối năm, bỗng thấy bồi hồi, xốn xang!■

XUÂN LẠI VỀ TRÊN DẢI ĐẤT MIỀN TRUNG...

NGUYỄN TAM MỸ



Từ lịch cuối năm vừa rơi xuống, những cơn mưa tầm tã nhường chỗ cho cái nắng hanh vàng và cái rét lạnh se se báo hiệu một mùa đông khắc nghiệt đi qua và mùa xuân lại về trên dải đất miền Trung - chiếc đòn gánh tảo tần gánh hai đầu đất nước. Một năm vất vả với thiên tai, với những cơn lũ chồng lên lũ, với những đau thương mất mát suốt từ bắc tới nam thế là cũng đã trôi qua. Được sự quan tâm của Đảng, Chính phủ và các bộ ngành Trung ương, cũng như sự cảm thông chia sẻ của đồng bào cả nước, cho đến giờ phút này, người dân ở xứ sở "nắng lửa mưa dầm" đã nhanh chóng khắc phục hậu quả nặng nề do bão lũ gây ra để ổn định cuộc sống, đón chào mùa xuân khởi đầu cho một năm mới. Qua các phương tiện thông tin đại chúng, ai cũng có thể nhận ra rằng, đâu còn đó những lo toan vất vả, nhưng người dân miền Trung vẫn không hề yếm thế, bi quan. Họ vẫn vững tin vào cuộc sống, vào tương lai. Ai ai cũng hiểu rằng chỉ có thể bằng sự nỗ lực của mỗi cá nhân, cùng với sự sẻ chia, đùm bọc của đồng bào, đồng chí, rồi đây, cuộc sống của mọi người rồi sẽ đổi thay theo hướng đi lên...

Nằm bên bờ Biển Đông, năm nào dải đất miền Trung mảnh mai nghèo khó và thân thương cũng phải hứng chịu 5 - 7 cơn bão lũ từ ngoài khơi xa ập vào, từ trên núi cao đổ xuống quần thảo suốt ngày đêm. Tưởng rằng như thế đã là gian nan, đã là nghiệt ngã; ấy vậy mà năm 2010 vừa qua, dưới sự tác động mạnh mẽ của biến đổi khí hậu, hầu hết các tỉnh thành miền Trung, suốt từ Hà Tĩnh đến Ninh Thuận, đều phải chịu đựng những trận bão lũ khốc liệt đến tột bực. Như hung thần đến từ biển khơi/ Bão đổ bộ ở ngoài mạn bắc/ Thanh Hóa, Nghệ An, Thừa Thiên - Huế, Quảng Bình.../ Người chết, nhà trôi, sông bên lở bên bồi/ Như đại dương từ trời cao cửa mở/ Mưa ầm ào dội thác triển miên/ Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên.../ Nước dềnh lên thành biển nước đục ngầu/ Đường phố hóa sông sâu/ Xóm mạc ở đâu giữa mênh mông lục bình trời từng cụm/ Cửa nã một đời chắt chiu dành dùm/ Bập bênh xô dạt nơi nao?... Những câu thơ chợt hiện về trong đêm mưa lũ hoành hành ở Quảng Nam quê tôi, sau khi đã tàn phá khắp các tỉnh Bắc miền Trung rồi Nam miền Trung ấy, giờ đây đọc lại vẫn không khỏi rùng mình...

Những mất mát về người, về của mà thiên nhiên trong một chút giận hờn đã cướp đi ở dải đất này thật không bút nào tả xiết. Đường giao thông, nhất là đường giao thông dẫn về các huyện miền núi, vùng cao, đều bị sạt lở nghiêm trọng. Ruộng đồng, nơi bị nước lũ bào xói, phơi dưới ánh nắng lò nỏ đá cục đá hòn; nơi bị bồi lấp thành những bãi cát vàng chói chang dưới nắng... Và

không ít xóm thôn làng mạc bị "giặc thủy" san thành bình địa. Những địa danh như Tuyên Hóa (Quảng Bình), Hương Khê (Hà Tĩnh), Phú Hòa (Phú Yên), làng chài ven biển Phước Thiện (Quảng Ngãi), Khánh Sơn (Khánh Hòa), Phan Rang (Ninh Thuận)... bị thiệt hại nặng nề. Đó là chưa kể những mất mát của những gia đình có người thân ra đi mãi mãi không về! Nỗi đau ấy xát muối cõi lòng, đau đớn người ngoài... Về tiền của, có thể vài ba năm, hoặc lâu hơn nữa mới khắc phục được. Nhưng những khoảng trống trong mỗi gia đình, trong nỗi lòng của mỗi con người thì chưa biết phải bao lâu mới có thể lấp đầy... Thế nhưng *Chờ than phận khó ai ơi! Còn da lông mọc, còn chồi xanh cây...*, câu ca dao từ xa thẳm ấy không những đã động viên bao phận người nghèo khó miền Trung, mà còn tiếp thêm nghị lực để họ đứng lên và trụ vững ở xứ sở "nắng lửa mưa dầm" đầy khắc nghiệt nhưng cũng đầy thiết tha này...

Dân tộc Việt vốn có truyền thống thương yêu đùm bọc lẫn nhau. Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ. Lá lành đùm lá rách... Và truyền thống tốt đẹp ấy, ngày nay càng được phát huy, nhân rộng. Trong khó khăn hoạn nạn, người dân miền Trung không hề đơn độc. Họ được đồng bào cả nước nhường cơm sẻ áo, được bạn bè quốc tế giúp đỡ bằng những hành động cụ thể... Bên cạnh sự cứu trợ kịp thời, thiết thực của Đảng và Nhà nước, các tổ chức đoàn thể cũng như cá nhân... đã tự nguyện quyên góp ủng hộ đồng bào miền Trung vượt qua "ách tai trời" - nói theo cách nói của cổ nhà thơ Phan Trường Viên. Nhờ thế, sau khi bão lũ đi qua, người dân ở các vùng bị bão lũ ở miền Trung đã nhanh chóng ổn định cuộc sống. Nhà cửa được dựng lại. Đường làng ngõ xóm được tu sửa. Ruộng đồng được khôi phục, gieo cấy đúng theo lịch thời vụ để bây giờ cây lúa đã lên xanh trên các cánh đồng... Và trong những ngày cuối năm vừa rồi, người dân các vùng bị bão lũ ở miền Trung còn nhận được chần chiếu mừng miến, lương thực thực phẩm của các tổ chức đoàn thể của người dân cả nước để chuẩn bị vui xuân đón tết năm mới. Cái lạnh, cái rét phần nào được xua đi không phải chỉ bằng những sự giúp đỡ về vật chất, mà còn từ những ngọn lửa được đốt lên để sưởi ấm những tâm hồn...

"Em ơi! Mùa xuân đến rồi đó, thắm đỏ ngàn hoa sắc mặt trời...". Lời bài hát quen thuộc vang lên từ nhà ai trên đường phố chính của thành phố Tam Kỳ - Quảng Nam, khiến lòng tôi xao xuyến bồi hồi. Và tôi chợt nhận ra, sau bão lũ, mùa xuân tươi thắm lại về trên dải đất miền Trung. Cùng với đó, xuân cũng đang về trong lòng người miền Trung... ■

NHỚ HUẾ

NGUYỄN THỊ HẬU

Nửa đêm, nhận điện thoại: ra Huế chơi đi, mọi người đang nhắc đây nè! Trời ạ, mãi mới ngủ được, cú điện thoại này sẽ lại làm mình thức suốt đêm cho mà coi...

Ừ, Huế... lâu quá rồi chưa ghé Huế. Bạn đừng vội tự ái khi mình bảo: chưa **Ghé** Huế mà không phải là đến/ trở về/ ra với Huế! Bạn còn lạ gì nghề của mình, cái nghề đi suốt nhưng chả ở đâu lâu được quá vài tuần, có khi chỉ vài ngày... Mỗi nơi đã đến, nói cho cùng cũng chỉ là ghé qua, thì liệu mình có đủ "tư cách" để có thể gọi là "trở về" dù không ít những kỷ niệm?... nhưng cũng không thể chỉ là "đến" một cách lạnh lùng như một người khách lạ. Huế với mình cũng vậy. Xuôi ngược dải đất miền Trung bao lần (chưa kể những lần đi bằng xe lửa, hay... bay ngang qua trời), hầu như lần nào mình cũng ghé Huế. Có lần vì công việc, nhưng cũng nhiều lần chỉ ghé vào chơi với bạn bè, ngồi với nhau một ly cà phê hay vài li rượu, rồi lại tiếp tục lên đường...

Biết Huế lần đầu vào một đêm tháng Năm năm 1975. Theo đoàn xe đi từ Hà Nội vào Sài Gòn ngay sau những ngày mới giải phóng, mình đến Huế sau... 4 ngày đi đường vô cùng vất vả! Xăm tối xe vào đến thành phố, mọi người ồ lên khi nhận ra cây cầu Tràng Tiền vắt ngang hai bờ sông Hương ngày ấy còn rất vắng lặng. Đêm ấy đoàn nghỉ lại ngay bên bờ sông, mọi người tản ra mắc võng nghỉ rải rác quanh xe... còn mình, mình cứ loay quanh dọc bờ sông, nhìn mấy con đò neo lại gần bờ, nghe giọng Huế nhẹ nhàng nửa lạ nửa quen, cố tìm trong đêm xem núi Ngự đang ngự nơi nào... Đêm qua mau, sáng sớm đoàn xe tiếp tục hành trình...

Lần đầu Huế để lại trong mình một cảm giác buồn buồn...

Không hiểu sao những lần sau cũng vậy... Dù luôn có những kỷ niệm vui ở Huế. Ví như, mình nhớ bạn tìm ra một quán "Bún bò Huế" tại Huế, bạn bảo để ợ! Nhưng rồi bạn phải mất với mình một chiều cả phê hoành tráng, vì quả thật chỉ có những quán "Bún bò" mà không có quán nào kèm thêm chữ "Huế"! Hay, sau khi tấm tắc khen các loại bánh của Huế quá ngon, mình hỏi, bạn có biết tại sao các loại bánh Huế ngon không? Bạn lập tức thuyết trình như một chuyên gia ẩm thực lành nghề... Nhưng mình đã tỉnh bơ giải thích: bánh Huế ngon vì... quá ít! Chả lẽ ăn nhiều thì... xấu hổ quá, mà ăn ít thì cứ thòm thèm mãi... vậy là bánh Huế lúc nào cũng ngon!!! "Đồ nói xạo" - nhiều lần mình đã khiến bạn phải thốt lên như thế... Bạn vẫn luôn nhớ mình không ăn cay được, đi ăn gì bạn cũng dặn 1 tô không ớt. Thế mà nhìn mình vừa ăn vừa sục sục để bạn cứ xột xa tự "chê" món Huế của mình "cay hổng giống ai!"...

Bạn biết mình luôn yêu Huế mà, vì ở đó có bạn, bạn ơi... ■



SÂN bay Nội Bài hiện ra mờ ảo trong mưa. Màn liễu thướt tha trôi nước. Mùa đông chậm chậm trôi như đang cố dồn nén công việc trước lúc rời xa.

Đón mùa xuân về hình như ai ai cũng muốn dành ít thời gian nhìn lại ngày qua, tìm cho ra cái được và cái chưa được. Hỏi rằng đã có được những thành quả gì sau ba trăm sáu mươi nhăm lần đón mặt trời mọc và trông mặt trời lặn?

Như lời hẹn tình tứ, hoa đào chum chim dưới mưa làm nên sắc xuân Hà Nội. Vườn Nhật Tân đã thu hẹp nhưng chợ đào vẫn đầy hoa, ngày càng thêm những màu sắc mới, kiểu cách mới. Và cuộc sống cũng có nhiều cái mới gợi mở. Người Hà Nội ngày càng giàu hơn, sang hơn. Biệt thự nguy nga, hoành tráng. Một anh bạn hai mươi năm gặp lại. Anh hào hứng dẫn tôi về nhà. Ba bố con, ba biệt thự sang trọng cạnh hồ Tây. Ba người, ba xe con loại xịn. Lại còn nhiều nhà khác, biệt thự khác. Mỗi tháng về quê chơi một đôi lần. Vài tháng làm một tua du lịch đón hoa anh đào nở trên đảo Phú Tang đầy sóng, ngắm tháp Ép-phen bên bờ sông Sen thơ mộng, thăm Nữ thần Tự Do bên bờ Đại Tây Dương lộng sóng. Nhớ lại cái thời hai anh chị sống ở một gác xép, đi làm bằng chiếc hon-da sáu bảy, quả thật thấy sự đổi thay đầy lãng mạn. Đến thăm nhiều bạn bè, lắng nghe nhiều bàn luận, thấy sự thay đổi đó là khá phổ biến. Phải chăng đó là niềm vui to đùng mỗi độ xuân về? Hay vẫn còn đâu đó những vấn vương? Gia sản của anh bạn tính ra nhiều tỷ đồng. Ngắm lương cán bộ cấp chuyên viên ở một cơ quan quản lý, tính cho hai mươi năm qua, chắc không đến nổi một tỷ, là cả tiền ăn uống, may mặc, mừng đám cưới, viếng đám ma, mới thấy cái nhiều tỷ kia quả là điều phi thường. Phi thường mà vẫn lý giải được một cách hồn nhiên. Đi về vùng quê chiêm trũng, vùng sâu, vùng xa và chợt thấp thoáng đâu đó câu trả lời. Ông kính truyền hình cho ta thấy đời sống nhiều nơi còn quá gian nan, vất vả. Bác nông dân cặm cuì trên đồng ruộng, ao cá, đánh vật với nắng mưa, úng hạn. Cô công nhân đứng ca ở các khu công nghiệp, sống trong căn nhà thuê chật chội, ăn cơm theo định suất, khó khăn đến cả chuyện chống con, nói chi đến chuyện sinh nở. Và chợt thấy là ông Bin-Ghét ở trời Tây thật có lý. Nhà tỷ phú số một thế giới đã dành phần lớn tài sản của mình cho quỹ vì người nghèo, còn thuyết phục nhiều nhà tỷ phú khác làm theo. Những cuộc quyên góp từ thiện đây đó lóe lên niềm hy vọng.

Đại lễ ngàn năm Thăng Long đem lại biết bao nhiêu ước mơ của cảm hứng, lấy điểm tựa lịch sử làm cù hích đặt nền móng để thủ đô tiến lên văn minh, hiện đại. Một đại lễ hoành tráng. Một cuộc duyệt binh thể hiện sức mạnh của lòng yêu hòa bình. Một bài diễn văn làm sáng danh tin thần Bình Ngô Đại Cáo. Thật là sảng khoái. Lại mang nặng nét riêng. Đó có lẽ cũng góp một nét mới với xuân này. Tuy nhiên... cũng còn đây đó những vấn vương. Mười ngày lễ hội. Ba ngày trọng lễ. Ngoài cảm nhận trên, có còn gì đọng lại trong ta với sức nặng của ngàn năm Thăng Long? Trong và sau đại lễ, bao câu hỏi vẫn day dứt và thậm chí còn đặt cả trên bàn Quốc hội. Đại lộ số một Việt Nam mới đưa vào đã thấy bao hình ảnh chảnh... đại lộ tí nào. Còn gì nữa nhỉ? Thấy ở đâu đó luôn luôn gặp hình ảnh cổ phở sự giàu sang, quý phái của mình. Lời ăn, tiếng nói, cách hành xử nhiều khi chưa thể coi là được. Mong là xuân sau, xuân sau nữa, đến với thủ đô luôn cảm nhận được nét đẹp kiểu điểm, duyên dáng kín đáo của đất "chả tham cũng thế hoa nhai".

Trên đường trở lại thành phố đầy nắng, chợt nhớ khúc ruột miền Trung cả tháng trời vật vờ trong lũ lụt. Bao nhiêu người bỏ mình giữa dòng nước phũ

phàng. Bao nhà cửa, lớp học, trạm xá, văn phòng, doanh nghiệp bị cuốn phàng. Đường bị phá. Cầu bị sập. Xe cộ chìm trong dòng sâu. Cả Chủ tịch nước. Cả Thủ tướng. Cả Phó Thủ tướng. Các vị đã lội nước, đeo phao đến những vùng bị tàn phá để tìm cách hạn chế tác hại, nâng đỡ tinh thần người dân đang quặn quai trong tai họa. Một thành phố cả Bí thư, Phó bí thư, cả Chủ tịch, mỗi người dẫn đầu một đoàn đi cứu trợ, gặp gỡ, trao quà cho bà con. Bao thanh niên dấn mình trong nước, bao người đứng cầm lao trong lũ cứu hộ. Những hình ảnh đó làm dịu đi một phần những vất vả gian nan và mất mát của người dân. Tuy nhiên, cứ ước là giá mỗi năm qua, cả cộng đồng xắn tay lo thực hiện các giải pháp để mức độ tàn phá lũ lụt giảm đi được vài phần thì sắc màu mùa xuân sẽ trọn vẹn hơn.

Những cây mai đang chờ ngày trụi lá để bật hoa đúng mùa lúc Tết về. Thành phố Hồ Chí Minh hồi hả đón xuân. Lo sao để bình ổn giá. Lo sao đủ hàng đến vùng sâu, vùng xa. Lo sao cho người nghèo có tết. Đại lộ Đông Tây đã thông. Nhiều cây cầu vượt sông vắt ngang thành phố đã ngạo nghễ soi dòng. Một cao ốc mấy chục tầng có cả sân đáp trực thăng, điểm một bông hoa cho thành phố. Mức đóng góp tổng thu nhập quốc nội của thành phố, của các quận huyện ngày càng tăng. Tuy nhiên, có một điều trần trở là sự hài lòng của người dân hình như chưa được nâng lên. Bước chân ra khỏi nhà đã chứng kiến bao điều phiền phức. Đường phố đang ngon lành, đơn vị thì công đến rồi đi, để lại sự ngổn ngang tai hại. Lỗ cốt trơ cùng tuế nguyệt, cái này đẹp cái kia mọc, kèm theo bao lời thanh minh hùng hồn và hoa mỹ trước những thiệt hại khôn lường người dân phải hứng chịu. Bao con đường bị cây xối, đổ đá lớn nhón hàng tháng sau. Dự án môi trường đô thị đã quá hạn đến hai lần tiến độ mà hai bên bờ vẫn đầy nham nhở. Con cầu tí hon phải mười hai năm mới xây xong. Đường cận kề cầu bị chiếm dụng, phá nát mấy năm rồi. Nạn đua xe xảy ra hàng đêm, phá tan giấc ngủ thanh bình của nhà cao tầng cận kề. Vía hè dành cho người đi bộ đã biến thành nơi bán hàng, để xe ở khắp mọi

nơi... Cầu mong sao mỗi mùa xuân về lại có dăm con phố được trả lại vỉa hè cho người đi bộ, người dân không còn thấy những cái lỗ cốt đáng ghét nữa. Nhiều dự án chống ngập được tập trung chỉ đạo xây dựng mà ngập úng chưa thấy giảm được chút nào. Động mưa là phố biến thành sông. Bao nhiều dự án phát triển mạng lưới giao thông mà nạn kẹt xe luôn gây kinh hoàng cho dân phố. Hy vọng mùa xuân sẽ gợi mở những ý tưởng khả thi để khắc phục dần các vấn nạn này.

Có người hỏi rằng người dân sợ nhất cái gì? Chắc là hai cái. Sợ thứ nhất là có việc đến với chính quyền. Chả biết đường nào mà mò. Ngại nhất là các thủ tục về nhà đất. Khó quá nên phải tìm đến cò thủ tục. Đàn cò phát triển liên tục như hoa dại gặp mưa xuân. Ước sao sau mỗi mùa xuân, sự hài lòng đối với các cấp hành chính được đo lường cụ thể và mỗi năm tăng thêm được chút xíu là dân mừng. Bác Hồ nói *chính quyền là của dân, do dân và vì dân*. Mùa xuân ơi, hãy đem sức quyền rũ của mình để cảm hóa những người có trách nhiệm *hãy là của dân, hãy vì dân*, để dân đến cửa công cảm thấy mình có thực quyền, quyền cơ bản của nền dân chủ mà Bác Hồ đã dựng công xây dựng từ thuở khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Dân chủ trước cộng hòa. Đó là dụng ý của Bác. Cái sợ thứ hai là đất mình nằm trong dự án. Đang nằm trong tay một tài sản, một đêm thức dậy, được báo nó lọt vào khu dự án. Ôi thôi, giá đáng trăm đồng chỉ còn lại mấy đồng. Chả biết kêu ai. Đơn đi khắp nơi lại trả về chính quyền sở tại. Ông xã, ông phường bảo lên huyện, lên quận. Ông huyện, ông quận bảo đấy là lệnh cấp trên, theo thông tư này, chỉ thị nọ, quyết định kia, dẫn đủ mọi thứ để một mét vuông đất đang giá dăm bảy triệu nay phải nhận tiền đền bù một trăm năm mươi ngàn. Điều trần trở này đã làm một Đại biểu Quốc hội bức xúc, "phát biểu tại nghị trường, đại ý, luật đất đai có lẽ có vấn đề, nên mức độ khiếu nại chiếm tỷ lệ 70% tổng số đơn và đang ngày càng tăng nhanh. Ước mong sao đến xuân sau có những luật mới để các vị hành quyền bắt buộc phải bảo vệ quyền lợi của dân,

nếu không muốn vì dân thì chí ít cũng phải theo luật pháp công minh. Làm được điều này, chắc chắn sự đồng thuận của xã hội sẽ nở như hoa mùa xuân.

Đi nhiều nơi luôn gặp sự ta thán, trách móc. Điều khen ngợi là hiếm lắm. Ấy thế mà có một ngoại lệ tại một thành phố biển nằm giữa hai miền đất nước. Đến đấy, được anh lái tắc-xi, chị bán hàng, ông về hưu kể chuyện sôi nổi, nghe cứ thấy mát như là làn gió trưa hè, đẹp như mưa xuân gội cánh đào. Người ta kể nửa đêm ông đầu tỉnh tìm đến một bệnh viện, phát hiện các bác sĩ, hộ lý trực bỏ mặc người bệnh vật lộn với cơn bệnh hiểm nghèo, vùi đầu ngủ. Ông khiển trách bệnh viện trưởng, kỷ luật các người thiếu trách nhiệm. Hiệu quả thấy rõ. Các bệnh viện phải gồng mình xây dựng tác phong làm việc theo chức trách. Ông kiểm tra trung tâm cai nghiện, phát hiện tiến giúp người cai đã dùng việc gì việc gì. Giám đốc trung tâm bị cách chức tại chỗ. Và trung tâm đi vào quỹ đạo. Gần hai trăm thanh niên chậm tiến chuẩn bị vào trại giam, ông bảo người đứng đầu ngành chức năng "Hãy để tôi làm việc với họ. Nếu không xong, các anh sẽ hành xử theo cách bấy lâu nay". Ông dẫn đám trẻ đến thăm trại giam. Lại dẫn chúng đến khu du lịch cáp treo hoành tráng. Chiều đãi đám trẻ một bữa thịnh soạn, rồi bảo "Thế đấy các cháu ạ! Đường vào trại giam hay đến với thiên đường trần gian là do các cháu. Nếu các cháu muốn nên người, tôi sẽ cho các cháu một nghề, xếp việc cho các cháu làm. Các cháu tự nuôi mình bằng chính tài năng tiềm ẩn ai cũng có để vươn lên. Có thể trong các cháu sau này có nhiều người thành đạt. Để làm điều đó, các cháu phải cam kết với tôi từ bỏ con đường xấu, quyết tâm học tập và lao động tốt. Còn không thì...". Đám trẻ đó đã cải tà quy chính, tránh được trại giam và nay đều có nghề nghiệp ổn định. Nhiều nhà đầu tư tìm đến mảnh đất này vì ông đầu tỉnh giải quyết hết sức nhanh chóng, hiệu quả, tạo sự đồng thuận trong xã hội việc đền bù giải phóng mặt bằng, có lẽ là việc đáng sợ nhất của nhà đầu tư. Thành phố ngày càng khang trang. Đời sống người dân ngày càng cải thiện. Bộ mặt thành phố sạch sẽ. Không có ăn xin bám khách. Không có sự lấn chiếm vỉa hè bừa bãi. Lấn đầu gặp hiện tượng người dân không muốn ông đầu tỉnh phải đi đâu khác. Hình như ông cũng muốn thế. Thế mới biết dân mình thấu tình đạt lý, tấm lòng rộng mở và hướng thiện, luôn quý trọng những người biết lo cho họ. Đó có lẽ là một bông hoa đẹp mùa xuân.

Xã hội đi lên nhờ cộng đồng luôn tự biết khắc phục các điều chưa phù hợp, phòng ngừa những khiếm khuyết, luôn cải tiến, luôn đổi mới. Mùa xuân là sự đổi mới của đất trời. Chắc chắn mùa xuân sẽ tạo cảm hứng để cộng đồng đổi mới, bắt đầu từ những người có trách nhiệm với cộng đồng, sau đó là toàn thể cộng đồng để cuộc sống ngày càng xuân hơn, tốt hơn. Đó chắc chắn là ước vọng đầu xuân của mọi người. Mong là ước vọng đó ngày càng trở thành hiện thực. ■



Mùa xuân

Ảnh: TRUNG KIÊN

TRÊN ĐƯỜNG THIÊN LÝ TÔI ĐI...

TRẦN HƯƠNG

SỐNG giữa Sài Gòn, vậy mà những miền đất xa cứ vậy gọi tôi. Những năm gần đây, ý thức ranh giới mong manh giữa được và mất, giữa phù du công danh và sự bền vững của giá trị sống đời thường, tôi bắt đầu can đảm vượt qua những ràng buộc "những mối lợi nhỏ nhỏ" để dẫn thân vào những chuyến đi. Đó là những chuyến đi do mình chủ động, không vì sự chỉ đạo của ai, chỉ có sự thôi thúc của trái tim mình, chỉ có niềm an ủi, rằng ở một nơi gió nắng xa xôi kia còn có những ẩn số về cuộc đời, số phận, còn có ai đó đang chờ đợi, hy vọng mình đến để chia sẻ, dù chỉ trong vô thức. Vậy là chất lên xe chiếc ba lô, máy ảnh, máy quay phim, thùng nước lọc lên xe, tôi ra đi...

Trên đường thiên lý, tôi gặp những bông hoa, đẹp đến nao lòng. Ẩn trong vẻ đẹp của những bông hoa bình dị, thôn dã ấy là những số phận trĩu nặng lòng người. Đó là chị Võ Thị Phục - cựu nữ TNXP Hòn Đất, một người ngỡ như đã chết 40 năm nay chợt sống dậy. Qua Ban liên lạc TNXP 1C, tôi được biết chị Phục hiện đang sống tại ấp Hồ Thùng, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Tôi gửi xe ngoài ủy ban xã, đi xe ôm xuyên qua cánh đồng đầy thuốc cá mèn mén, qua những lùm rau mui, rau muống biển... Một ngôi nhà lá lụp xụp mọc lên bên rìa đất miền duyên hải nắng gió. Ngôi nhà ấy mấy mươi năm đã che chở cho một số phận bị quên lãng, hẩm hiu. Mười hai tuổi, cô bé Võ Thị Phục, quê xã Tây Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang mồ côi mẹ tham gia TNXP 1C. Trong một trận càn khốc liệt ở rừng tràm Nam Thái Sơn (Hòn Đất), chị Phục đã dũng cảm lao dưới đạn lửa cứu đồng đội, bị lạc đơn vị. Sau thời gian điều trị vết thương, ban lãnh đạo đơn vị mới làm lại giấy tờ, thay tên đổi họ, quê quán, với ý định đưa chị làm trinh sát công khai. Cuộc sống đưa đẩy, chị gặp anh Danh Văn Trật - một TNXP người Khơme. Tổ chức tạo điều kiện cho họ thành vợ chồng... Rồi chiến tranh kết thúc. Chị Phục theo chồng về sinh sống ở ấp Hồ Thùng. Cuộc sống khó khăn, vật lộn với mưu sinh, nuôi đàn con 8 đứa nheo nhóc, bệnh tật hoành hành, trí nhớ bị giảm sút dữ dội. Anh Danh Văn Trật nhiều lần lỡ hẹn đưa vợ về quê ngoại. Họ không hay rằng ở quê nhà, bằng liệt sĩ ghi công mang tên chị được đặt trang trọng trên bàn thờ...

Đứng bên thềm ngôi nhà rách nát, lòng tôi thắt lại vì sự trở trêu của số phận. Người con gái đẹp năm xưa giờ bị dặt vào một góc của sự quên lãng. Chị không muốn trở về quê xưa, bởi sự trở về của chị chắc chắn không được người mẹ kể đón nhận, khi nhiều năm bà đã hưởng chế độ liệt sĩ của chị. Với chị, cái tên Võ Thị Phục đã chết 40 năm rồi. Còn giờ đây, chị là Nguyễn Thị Thắm... Tôi biết mình chỉ là người đi tìm lại những câu chuyện trong quá khứ, không có quyền gì để can thiệp về sự chọn lựa của chị. Nhưng tôi biết mình có thể giúp chị làm được một điều thiết thực nhất. Đó là qua sự mạng của ngôn từ, là cầu nối để kêu gọi sự giúp đỡ của các nhà hảo tâm. Chỉ vài tháng sau, ngôi nhà tình nghĩa đã được dựng lên nơi góc trời miền duyên

hải nắng gió. Ngày khánh thành ngôi nhà, tôi thấy đôi mắt đen nhúc của chị Phục rưng rưng nhìn đứa con trai út đen trũi trũi của mình treo lên trước nhà lá cờ Tổ quốc. Tổ quốc nằm ngay chính ngôi nhà mình. Một mảnh thương quân cũng đã tặng chị vài triệu đồng khoan một cây nước để trồng tía. Đất và nước! Ngày tôi trở lại ấp Hồ Thùng xa xôi mừng ngôi nhà mới của chị Phục, chợt nhận ra những đóa hoa đại nơi miền duyên hải lần này dường như nhạt sắc hơn xưa...

Đi, lắng nghe và viết, đó là hạnh phúc của đời tôi. Tôi gõ lên máy tính: "Ngày mai, về miền Tây, gặp gỡ các nhân chứng 'Con đường 1C huyền thoại'". Con gái tôi tròn mắt hỏi: "Mẹ lại đi công tác nữa rồi. À, mẹ ơi, đường 1C là gì?". Tôi dừng lại, ngẩn ngơ trước câu hỏi của con. Đường 1C là gì, tôi biết khá rõ vì đó là một con đường lịch sử. Lịch sử hào hùng, bi tráng khiến tôi luôn bị ám ảnh, tìm mọi phương

bao nhân chứng chiến tranh với những phận đời nổi nênh, sóng gió, đói khổ, với bầu tâm sự trĩu nặng, những chiến tích, uẩn khúc, hy sinh đang chờ đợi tôi. Những chuyến đi giúp tôi khám phá những bí ẩn một "Trường sơn giữa đồng bằng" - con đường vận chuyển vũ khí từ miền Đông Nam bộ năm ấy về đến mũi Cà Mau phần lớn đã được làm nên bởi những bờ vai con gái. Dịch dùng sức mạnh chiến tranh tàn khốc, nghĩ ra mọi cách, mọi biện pháp, dùng đến những loại vũ khí mang tính sát thương và hủy diệt cao nhất, huy động hàng sư đoàn với các binh chủng phối thuộc bằng phương tiện hiện đại tràn ngập chiến trường, quyết hủy diệt con đường 1C bằng mọi giá. Khu lòng chảo tuyến đường Vĩnh Tế - Tám Ngàn - Cái Sắn - Bảy Núi, Ba Hòn mà trung tâm là những cánh rừng với những địa danh Vĩnh Diệu - Tràm Đường - Đồng Cừ - Gộc Xây... đã hứng chịu

hoan trở về quê hương. Nhưng cũng từ đó, họ bước vào cuộc chiến đấu thời bình, với cuộc mưu sinh nghiệt ngã.

Hàng trăm chị em đã tìm đến các lãnh đạo Khu đoàn thời trước nhờ xác nhận danh sách liệt sĩ, thương bệnh binh. Đến lúc đó, những "cựu lãnh đạo" không khỏi giật mình khi được biết vẫn còn nhiều gia đình TNXP trên tuyến đường 1C chưa làm được chính sách liệt sĩ, thương bệnh binh. Số TNXP Liên đội 1 còn lại chỉ khoảng 400 người, đang sống rải rác các tỉnh Cà Mau, Sóc Trăng, Cần Thơ, Vĩnh Long, Kiên Giang... Đó là món nợ chung cho những người đang được sống, bởi hàng trăm hài cốt các đồng đội còn nằm rải rác trên tuyến đường, chưa quy tập được về nghĩa trang liệt sĩ. Nhiều nơi các anh chị ngã xuống nay chẳng còn lại dấu vết. Không ít chị em phải vay nóng tiền đi tìm lãnh đạo nhờ xác nhận thương tích, khi trở về lặng lẽ lau những giọt nước mắt ngậm ngùi, thương mình, thương đồng đội, bởi từ ngày Khu Đoàn giải thể, Liên đội 1 TNXP cũng chìm trong quên lãng... Đội quân vận chuyển anh hùng năm xưa giờ rã rời như những cánh bèo trôi trên dòng sông cuộc đời.

Tháng 10 năm 2010, tôi về ấp Hòa Hiệp, xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, dự khánh thành căn nhà tình nghĩa, do công ty Golf Long Thành tài trợ, qua cầu nối của Bảo tàng Phụ nữ Nam bộ. Và ở đây, tôi vô tình chạm vào nỗi đau của một người mẹ đã gần 30 năm dang dở làm lụng, đơn thân nuôi con. Chị là Thanh niên xung phong hỏa tuyến của tỉnh Đồng Tháp. Đối chận chị đã từng rã rời vượt qua cánh đồng nước lủ mênh mang, trên vai oằn nặng "hàng", khiêng thương. Chị trở về sau cuộc chiến tranh, đầu mùa bông điên điển chớm yêu một cán bộ tập kết từ miền Bắc chuyển về để rồi. Cuối mùa bông điên điển ông bỏ chị đi biệt. Chị sinh con, đặt tên là Hoài Hận. Vậy mà Hoài Hận không hận cha. Nghe tin ông hấp hối, cậu bé chạy qua mấy quãng đồng, lội qua mấy con sông. Cậu bé đến nơi, ông vừa trút hơi thở cuối cùng, mắt không nhắm được. Những đứa con của ông ôm lấy cậu bé òa khóc... Mùa xuân này, mẹ con Hoài Hận được ăn tết trong ngôi nhà mới. Có nhà mới, Hoài Hận sắp cưới vợ, mong được làm người cha tốt, không giống như người đã sinh ra cậu...

Đi, viết, lắng nghe, đồng cảm và chia sẻ, một năm miệt mài, chống sổ tay ghi chép của tôi đầy lên mãi. Và mặc nhiên tôi tự gánh trên đôi vai mình trách nhiệm của người kết nối những phận người trong quá khứ và hiện tại, chiến tranh và hòa bình. Nơi có những người mẹ sinh ra những đứa con bị nhiễm chất độc da cam đang ngày đêm sống với nhọc nhằn, trách nhiệm, yêu thương; nơi có những người phụ nữ sau chiến tranh trở về sống trong đói nghèo, quên lãng. Họ cần lắm lời thăm hỏi, sẻ chia, cần lắm một mái nhà tình nghĩa. Đọc những dòng này, các con tôi hiểu năm mới, mẹ vẫn còn tiếp tục những chuyến đi. Hai đứa trẻ động viên tôi: "Không sao đâu mà, tụi con hứa học giỏi, mẹ cứ yên tâm đi công tác. Đi để năm mới còn có chuyện kể cho tụi con nghe..."



Những phút thư giãn hiếm hoi của các nữ TNXP 1C ở rừng tràm Hà Tiên

Ảnh BS. TRẦN MINH HỮU

tiện để kết nối. Nhờ vậy mà ngày mai tôi sẽ về Cần Thơ để gặp gỡ các nhân chứng con đường lịch sử ấy. Ở ngôi nhà của chị Tuyết Thu (Tô Thị Thanh Xuân) và út Mạnh - Trưởng ban liên lạc cựu TNXP miền Tây Nam bộ đã có nhiều chị từ nhiều tỉnh miền Tây đổ về. Giờ này, các chị đang đợi tôi. Còn tôi đang sắp xếp nhiều thứ chuẩn bị cho một chuyến đi. Vậy mà giải thích cho con đường 1C là gì, tôi không biết phải bắt đầu từ đâu để nói lên tầm vóc to lớn của một con đường mà chính những người trong cuộc đã thốt lên: "Tôi chắc chắn không anh chị nào nhớ và ghi chép hết, cũng không bút mực nào viết hết sự gian khổ, hy sinh của TNXP 1C Con đường huyền thoại". Để giải thích câu hỏi của con, tôi chỉ có cách duy nhất là bắt đầu chuyến đi về miền Tây.

Nhưng không chỉ có một chuyến đi mà rất nhiều chuyến đi xa. Con gái con trai mới hơn 10 tuổi của tôi cần mẹ biết bao, đặc biệt trong hoàn cảnh tôi phải vừa làm cha vừa làm mẹ. Nhưng nếu không ra đi, tôi thấy mình mắc nợ. Tôi mắc nợ dòng sông, mắc nợ cánh đồng, mắc nợ những cánh rừng, mắc nợ mùa nước nổi... Những nơi ấy vẫn còn biết

hàng ngàn tấn bom đạn. Những bờ vai con gái, con trai lại bước vào cuộc chiến đấu không cân sức diễn ra mỗi ngày, đặc biệt ở lòng chảo Gộc Xây và kênh Vĩnh Tế. Suốt 10 năm liền, lực lượng TNXP đường 1C đã cùng chính quyền, du kích địa phương liên kết nhau, bám địa bàn, sẵn sàng hy sinh, bền bỉ thực hiện nhiệm vụ vận chuyển hàng chục ngàn tấn vũ khí, phương tiện chiến tranh. Họ đã làm nên huyền thoại con đường 1C lịch sử.

...Những chuyến đi đã khiến những quyển sổ ghi chép của tôi dày lên mãi, rồi nhiều quyển sổ tay khác. Sau chiến tranh, những người tham gia khởi xướng con đường còn sống trở về, ngôi làng trước những tổn thất. Trong số 800 TNXP tuyến đường 1C đã có 400 người hy sinh. Số còn lại hầu hết đều kiệt sức. Đường 1C giải tán sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ lịch sử. Ngay cả đơn vị chủ trì là Khu đoàn miền tây Nam bộ cũng giải thể, số cán bộ phụ trách được phân tán về các tỉnh. Lực lượng TNXP phần đông trở về địa phương, với số tiền trợ cấp ít ỏi. Hòa bình, hòa bình! Những người con trai, con gái năm ấy trên tuyến đường được mệnh danh "Trường Sơn giữa đồng bằng" hàn

Tôi nghĩ nhớ trong một thiền viện Phật giáo Nepal. Lang thang cả tháng trời trên dãy Himalaya, loanh quanh ở vùng biên giới Nepal - Ấn Độ, tôi tình cờ tìm ra cái thiền viện này và xin tá túc. Chùa Nepal nhưng có ảnh hưởng phong cách Tây Tạng. Vùng này người Tây Tạng lưu vong khá nhiều, giống như vùng Dharamshala bên bắc Ấn. Bên ấy có cả thiền viện trung ương của người Tây Tạng. Tôi có lần ghé lại mấy ngày, có lần nghe Đa Lai Lạt Ma giáo chủ giảng bài. Một thứ tiếng Anh truyền cảm, trong vắt. Chuyện đã lâu rồi, nhưng nhớ mãi cái giọng ngai.

Còn ở vùng này, đất Nepal, nóc chùa Phật là bảo tháp hình bán cầu, đặt trên bán cầu là một kiến trúc hình vuông, vẽ cặp mắt Phật. Đây là kiến trúc điển hình chùa Phật của Nepal. Nhưng dấu ấn Tây Tạng lại ở những cái bánh xe cầu nguyện kinh luân khắp xung quanh chùa. Người đến chùa vừa cầu nguyện vừa đẩy cho bánh xe kinh luân quay tít. Dòng chữ Phạn khắc trên ấy cứ thế mà quay. Om mani padme hum. Quay mãi.

Bên trong thiền viện có hai nhà sư Nepal đang tỉ mỉ dán dựng một bức tranh bằng bơ. Thêm một nét Tây Tạng. Thông thường tranh bằng bơ chỉ có người Tây Tạng làm. Xứ lạnh cao nguyên. Nước còn đóng băng chứ chưa kể đến bơ. Bơ cất từ sữa bò, người ta đem nhuộm, nhuộm nhiều màu, rồi dùng thứ bơ đặc sệt làm chất liệu để tạo tác những bức tranh. Tôi chỉ mới biết đến nghệ thuật tạo tác mandala bằng cát nhuộm màu của Tây Tạng. Tranh bằng bơ là một điều mới lạ. Thế là tôi sà ngay vào.

Đúng lúc ấy nhà sư Tây Tạng đến. Áo choàng màu nâu đỏ, gần như màu mặt chín, tay nải trên vai. Nhà sư đang ở tuổi thanh niên. Ông chấp hai tay trước ngực chào hai vị sư Nepal, xin được nghỉ lại. Xong thủ tục chào hỏi và nhận lời chỉ trong vài phút. Nhà sư Tây Tạng bỏ tay nải xuống, cũng sà ngay đến bên bức tranh đang dựng. Ông lấy cái bút chứa bơ màu trắng, tỉ mỉ bơm nó lên trên nền xanh đồng sông có bóng một con thuyền. Những làn sóng nước màu trắng cứ thế mà lần lần chạy ra tứ tay ông. Sóng nhấp nhô.

Ngày hôm sau tôi đã thân với nhà sư Tây Tạng. Ông dạy tôi những động tác rèn luyện thân thể. Nằm ngửa, dùng lực của thân dưới, đẩy cho hai chân duỗi thẳng bật lên chỉ hướng lên trời. Đây là tập cho khớp hông và xương sống. Hai tay dang ngang bằng vai, cứ thế mà quay toàn thân theo chiều kim đồng hồ. Đây là tập cho các luân xa trong thân bùng thức và chuyển động trở lại sau một giấc ngủ. Quay. Điều cốt yếu là trong khi quay phải luôn ngắm vào một điểm nào đó làm mốc. Vừa quay vừa nhớ luôn đưa mắt tìm về cái mốc ấy. Để tránh mất phương hướng. Để tránh mất thăng bằng. Để tránh chóng mặt và ngã. Quay bảy vòng. Quay chín vòng. Quay mười lăm vòng. Quay đến hăm một vòng. Phải nhớ luôn để mắt xác định được điểm mốc.

TÌM

Truyện ngắn của HỒ ANH THÁI

Buổi chiều có năm nhà sư Tây Tạng tìm đến chùa. Những bóng áo cà sa nâu đỏ đi khắp nơi trong thiền viện. Họ được phép tìm kiếm khắp nơi. Bấy giờ tôi mới nhận ra nhà sư kia đã biến đâu mất. Năm nhà sư này thuộc đội duy trì giới luật của một ngôi chùa Tây Tạng, công việc của họ ở chùa cũng giống như đội quy tắc, đội trật tự trị an trong các làng xóm phường phố. Không ai hỏi, nhưng đều biết nhà sư đến chùa hôm qua đã phạm giới luật. Năm nhà sư này đang lùng tìm ông ta.

Các nhà sư vào chùa thỉnh một tiếng chuông bằng chiếc chuông to. Kính báo về sự hiện diện của họ. Kính báo về việc họ đang làm. Rồi họ tản đi khắp chính điện, khắp khu giảng đường, khắp khu trai phòng, ký túc xá. Không rón rén theo kiểu đội đặc nhiệm. Không khom người trước một cánh cửa hoặc sau một bức tường. Không đưa mắt lảo liển hoặc dỏng tai nghe ngóng. Mỗi người một chiếc chuông nhỏ và một cái chày nhỏ bằng gỗ. Nhà sư cầm chuông trên tay, dùng cái chày miết thành vòng tròn xung quanh vành chuông. Một âm thanh tròn đều, ban đầu nhỏ, sau to dần lên, cao vút lên, cho đến khi nó rít lên như một mũi kim đâm thẳng vào màng nhĩ. Không phải là tiếng chuông bình boong. Không khoan nhặt từng tiếng. Âm thanh dài, mảnh, triển miên, kéo dài mãi không dứt. Tạo ra tiếng chuông ấy cũng phải là người trong trang thái thiền. Chỉ cần nâng đi một tí, chỉ cần không đều tay, tiếng chuông càng dài sẽ đứt. Khực một cái. Lúc ấy người ta phải khởi động lại tay quay xung quanh vành chuông, từ đầu.

Tiếng chuông của năm nhà sư này thì đã thành thiện nghệ. Không một vết đứt. Nó cứ vi vút quay đều. Cứ kéo căng ra. Đó là công cụ tìm kiếm. Nói cho chính xác, đó chỉ là cái chuông cầu nguyện, nhưng các nhà sư đã phát minh ra cho nó cái tính năng tìm kiếm. Cái sợi dây âm thanh ấy đang kéo căng ra, nếu vướng phải một vật thể nào đó, một người đang nấp đâu đó trong góc tối chẳng hạn, âm thanh sẽ mắc lại. Các nhà sư sẽ nhận được sóng âm thanh dội lại mà phán đoán được chỗ nấp của kẻ bị truy lùng. Ở đây có cái gì giống như cách loài dơi bay trong đêm tối, vừa bay vừa phóng ra những sóng âm thanh dò đường, nếu gặp vật cản, âm thanh sẽ dội ngược lại, con dơi nhận được sóng dội lại mà bay tránh đi, không đâm vào vật cản.

Vì vút vi vút. Những chùm âm thanh cứ thế được phóng ra. Viiiii. Vuuuuuuuu.

Từng sợi dây một được thả ra, kéo căng ra. Tiếng chuông chạm vào tường vào chuông vào nền. Tiếng chuông dội lại khi chạm vào những bức tường là bích họa kể chuyện đời Phật. Chuông chạm vào vật bằng gỗ, bằng kim khí, vào tường gạch tường đá, vào lá vào cây. Mọi vật thể đều được xác định. Mọi thứ đều không qua được mắt năm nhà sư. Không qua được thính giác họ. Viiiii. Vuuuuuuuu.

Cuộc tìm kiếm kết thúc. Nhà sư kia đã biến mất.

Năm nhà sư vào chính điện, đánh một tiếng chuông kính cáo rồi xin phép ra đi.

Nửa giờ sau khi đội giới luật đã đi rồi, nhà sư kia xuất hiện. Ông đã thay chiếc áo cà sa bằng bộ trang phục của thường dân, trông như một thanh niên Tây Tạng hoặc Nepal. Chiếc áo cà sa ông vừa giặt đang phơi phía sau chùa. Chắc là ông vừa nấp ở một chỗ ở uế lắm và sau khi chui ra, ông phải đi giặt ngay.

Như đọc được ý nghĩ của tôi, ông bảo một nhà sư không có gì phải nấp phải trốn, nhưng một khi buộc phải nấp trong một nơi dù ứp đầy mùi trâm chẳng hạn, thì chiếc áo khi ấy không còn sạch nữa. Phải giặt. Thân thể khi ấy không sạch nữa. Phải tắm gội. Tâm khi ấy phải được tự thanh tẩy.

Vậy là lúc này ông đã trốn trong một nơi đặc biệt lắm, đến mức tiếng chuông họ đã không thể len vào góc ngách ấy được? Nói cho đúng, có hai vị sư đã đi qua cái ngách ấy, đã đều tay quay chuông, ông phải nằm im như một tử thi trong ngách tối. Hầu như không còn hơi thở, không còn sự sống trong mấy phút ấy.

Tôi lại hỏi chắc ông phạm tội gì nghiêm trọng lắm, khiến cả một nửa tiểu đội giới luật phải lùng tìm?

Có đấy, nhà sư thừa nhận thành thực. Ông chỉ tay vào ngọn tháp chùa bảo sáng nay khi hướng dẫn tôi cách tập quay nhiều vòng, ông thấy tôi ngắm vào ngọn tháp. Lấy cặp mắt Phật phía trên tháp làm mốc. Phía trên cái kiến trúc hình vuông vẽ cặp mắt Phật "nhìn thấu mọi lẽ đời" là ngọn tháp hình xoáy tròn ốc mười ba nấc, tượng trưng cho mười ba bậc đi tới giác ngộ. Nhưng ở phía dưới ngọn tháp, cùng với hình vẽ cặp mắt Phật có một nét vẽ mà ai cũng tưởng là mũi Phật. Tôi cũng tưởng vậy. Nhà sư bây giờ mới cười bảo không phải. Cặp mắt Phật đã được vẽ theo phương pháp cách điệu, không cần vẽ miệng, thế thì việc gì người ta lại phải vẽ thêm cái mũi. Vậy, đó không phải là cái mũi. Đó là số một theo mẫu tự

Nepal. Số một. Hàm ý con đường duy nhất để được khai minh là con đường mà Đức Phật đã chỉ ra.

Tôi đã lấy con số một ấy làm mốc khi tập quay tròn.

Còn nhà sư này, trong một cuộc thảo luận lý thuyết tại thiền viện của mình, ông đã sa vào tranh luận nảy lửa với các pháp hữu. Một cái gì nghiêm túc lắm, nghiêm trọng lắm mà ông không diễn đạt ra với tôi. Chỉ là tranh luận mà một người phải bỏ ra đi. Chỉ là lời lẽ mà một người phải bỏ ra đi. Không có xúc phạm, không có khiêu khích, không có gây tổn thương. Chỉ là người đi thấy rằng mình phải tự trừng phạt, phải tự lấy làm hổ thẹn mà ra đi.

Sáng hôm sau tôi rời chùa. Trùng hợp, nhà sư họ cũng tay nải ra đi. Ông mặc lại chiếc áo cà sa màu nâu đỏ đã giặt sạch. Chúng tôi đi bộ một đoạn đường xuống núi. Từ đây mới bắt xe khách đi tiếp. Ông kể rằng hôm qua lúc nằm trốn trong một ngách chùa, ông biết có hai nhà sư giới luật đã tìm kiếm xung quanh cái ngách ấy. Họ đi qua và đều tay quay chuông. Viiiii. Vuuuuuuuu. Tiếng chuông đã va phải người ông. Khực một cái. Ông nằm trốn vẫn nghe thấy. Vị sư thứ hai ở cách đó một quãng cũng nghe thấy. Vị sư quay chuông đi ra lăm lăm với người kia, xin pháp hữu thứ lỗi, ta phân tâm, làm lỡ một nhịp chuông. Vị sư thứ hai không nói gì, bước vào thay, lại đều tay quay chuông. Viiiii. Vuuuuuuuu. Tiếng chuông này cũng va phải người đang trốn. Khực một cái. Ông ta lại quay ra, nói như xin lỗi, ta cũng phân tâm, ta cũng lỡ một nhịp chuông.

Người nằm trốn thì biết. Không có chuyện lỡ nhịp gì ở đây cả. Hai vị sư kia đã tìm ra. Nhiệm vụ của đội giới luật là phải đi tìm. Có người bỏ trốn thì phải có người đi tìm. Tìm bằng được. Nhưng ngay cả khi tìm được thì tìm được cũng không có nghĩa là bắt.

Con đường xuống núi thênh thang. Dãy Himalaya những đỉnh núi tuyết vĩnh cửu tung bùng trong nắng vàng mặt ong. Chuyện trò nhiều nên đường ngắn lại. Nhà sư lại nhắc tôi khi mới tập quay vòng tròn phải luôn nhớ xác định một điểm mốc. Không thì sẽ ngã. Hôm qua tôi đã phải lấy mốc là con số một trên tháp chùa mà tôi tưởng là mũi Phật. Con số một. Nhưng nhà sư bảo nhiều người đã tập cho đến khi không còn nhìn thấy một nữa. Không cần mốc nữa. Họ đã quay quanh thân, khi ấy họ lấy thân mình làm trụ, mắt vẫn mở mà không cần tìm về điểm mốc. Không nhìn con số một nữa. Không còn cái duy nhất nữa. Chỉ còn không.

Tôi định hỏi nhà sư bỏ đi rồi thì sẽ đi đâu. Rồi tôi không hỏi, câu trả lời sẽ không có gì lạ. Phật tử dù có đi bất cứ nơi đâu thì dưới gầm trời này cũng không có chỗ nào ở bên ngoài cửa Phật.

Đến bến xe ở chân núi, chúng tôi chia tay. ■



Mình họa của THÀNH CHUÔNG

LÊ MINH QUỐC

Ký Hiệu

Nhìn bàn phím, tôi thấy gì ở đó
một dấu chân trên sóng trắng lãng du?
cầm gió rét tiếng gà trưa heo hút
sương chập chùng hoa tím cũng tương tư?

một chữ T đoan trang tà áo lụa
em nồn nà tuổi mới búp sen non?
một chữ H vỗ về chân gối ấm
yêu một người? lúc ấy trưởng thành hơn?

một chữ A bơ vơ nay hội ngộ
đã quay về bếp lửa khói chiều xanh?
em ở đâu? đã trong từng mạch máu
của tin yêu như cổ đại chân thành

một chữ O hện hò muôn kiếp trước
chẳng muộn màng trang giấy mới phải không?
tôi xin viết một dòng thơ run rẩy
từ chất chiu sông nước chảy xuôi dòng...

một dấu hỏi thao thức trên bàn phím
cũng như tôi mong mỏi hết một ngày?
trầm hương của tuổi thơ mộng mị
em đem về nặng trĩu áo mơ phai?

PHẠM NGUYỄN TƯỜNG

Gió mùa đông bắc

Em làm khóc cả cơn mưa
Đám chân phố ướt cho vừa lòng ư?
Gió chiều xam ngon mù u
Nỗi đau đông bắc đường như lại về

Nhiều năm chớp tỉnh mưa mê
Dùng dằng nhân ảnh kịp nhoe tan chưa?
Em làm khóc cả cơn mưa
Cơn mưa làm khóc những mùa mầu đén.

PHAN TRUNG THÀNH

Buổi sáng Từ Đường

Loài dơi treo ngược mình trí não đông đưa
hương khói
bụi bám trên ảnh tượng trên mái cong phồn thực
giấy chuông ngậm thanh đồng hồ chết
bên tả hữu sập gục xỉn màu, đồng sập khay ly hát
búng một màu chàm trở đi nơi khác
sẽ còn gì ngoài đổ nát
ngoài tiếng điệu vơi của linh hồn khoảng đạt
tổ tiên đánh lửa vào khát vọng không bị mất lửa
những con dơi treo mình chực lao vào im lặng
màu tối được phủ bằng màu tối khác
nhưng tôi đốt nhang bái từ đường tôi
bái từ đường tôi nương nhờ thanh tao bước khỏi
sông ngả màu tóc mẹ vừa ban mai áp thấp tuổi mình.



TRẦN CHẤN UY

Điện Biên Phủ

Kính tặng Đại tướng Võ Nguyên Giáp

Vượt dốc Pha đin là Tuấn giáo
Ngược mắt đầu chạm trời
Cong vút những chùm hoa lau lạnh lẽo
Núi chìm vào mây, núi bạc đầu

Tôi sinh ra nơi cuối nguồn đầu bãi
Những dòng sông như dải lụa chảy vào thơ
Giờ ngược núi thấy sông như kiếm dựng
Ảnh thép xanh chớp trắng giữa rừng chiều

Núi đã chạm trời, đường vẫn dốc
Bản Mèo nhà mọc trong mây
Đã thấp thoáng một vài ánh lửa
Giò đầu đông thổi buốt những nương ngô

Dọc triển thung vài ba cô gái Thái
Gửi sương đi về phía cuối đồi
Tóc tằm cầu⁽¹⁾ chống trời cao thêm chút
Ảnh lửa bập bùng, bản Thái thơm nếp xôi.

Xổ hết một con đèo rắn lượn
Gập dòng Nậm rốm chảy dưới chân
Thêm một loạt những đèo con, dốc cháu
Trước mặt đã Điện Biên

Nơi tôi đến những người lính năm xưa đã đến
Họ từng kéo pháo qua dốc thẳm những tầng trời
Chiếm thế thượng phong trút lửa xuống đầu giặc
Tướng Giáp đứng nơi nào trên những rặng núi xa kia

Him Lam, Hồng Cúm, Đồi A1, cầu Mường Thanh,
Đất...

Lịch sử dày lên trên mọi thước đất Điện Biên
Tôi đi giữa Mường Trời⁽²⁾ reo gió
Hay tiếng reo khải hoàn những người lính năm xưa.

1. Tầng cầu – người phụ nữ dân tộc Thái khi lấy chồng thì búi tóc cao lên gọi là tầng cầu.
2. Mường then – có nghĩa là Mường Trời, đọc chệch đi gọi là Mường Thanh.

TRƯƠNG QUANG KHIÊN

Hợp âm chầm chậm

Chưa làm được việc định làm, nợ mình
bạn trượt chân chưa giúp, nợ bạn
gửi gắm vào con tim, vương nợ

Tình dịu nhau như sóng biển tới chân trời
khi thuận chiều khi ngược gió hồi hồi mang vị
mồ hôi mặn

Có lúc phong phanh đơn lẻ
có lúc trùng trùng núi dựng

Ồi! Những hàng cọc tiêu
làm run rẩy những âm hồn
làm tan những thói đời mờ ám
ta thăm vào nhau
dịu nhau lên
trao nhau cảm hứng

Gửi lại biển vài giọt buồn
ngày cuối năm, những hợp âm chầm chậm.

HẢI NHƯ

Bác Hồ ở Cát Bà

Khác với nhiều địa phương cả nước
Dựng tượng Bác Hồ hoành tráng cao to
Đảo ngọc Cát Bà chọn một cách thể hiện riêng
Dựng bia tưởng niệm
Đặt một khối đá quý giữa công viên nhìn ra biển
Khắc ghi dòng chữ khiêm nhường:
"Nơi đây Hồ Chủ Tịch đặt dấu chân ngày
31 tháng 3 năm 1959"

Thăm làng cá Cát Bà"

Đứng trước khối "Linh thạch" uy nghiêm
Chúng ta được thả sức tư duy tưởng tượng
Dáng hình vị Lãnh tụ trọn đời đau đầu thương dân
Theo cảm nhận rất riêng liên hệ của mình...

Khánh thơ từ phía Nam ra ao ước
Cát Bà có thể nghiền cứu khắc họa thêm
Hình tượng đôi dép lốp cao su đã đi vào Lịch sử
nhân loại
Đặt trên mặt khối "Linh thạch" trầm mặc – có hồn!



PHƯƠNG VŨ

Thành phố và thời gian

Từ Hồ Gươm đạp xe đi một nhaoáng
Cặp bờ lúa đương thì xanh mượt tuổi thơ
Thành phố tôi bốn mùa hoa tươi, bốn mùa thong thả
Kịp chào nhau, thơm thảo những nụ cười...

Mấy chục năm xa, phố xá trào sôi biển người và xe cộ
Ngập sáng hàng, choáng mặt ngày đêm
Đầu rối, hoa muống tím, cánh chuồn say chập chờn
giàn gió
Xe hơi vượt vòng vèo, phố vẫn phố đèn giăng.

Thành thị mở... pháp phờ mây trắng lượn
Tân Viên Sơn tranh treo lừng phở trời
Tôi đã đi qua tưởng tượng không lời
Những phố ngắn như bàn tay con trẻ
Tiếng rao đêm, bát bún riêu quanh lễ hè cổ
Mãi rêu phong, cột điện mốc chợ vơ.

Tôi đã đi dọc phố xưa, ngõ chỉ trong vài bước
Chiếc kẹo bột chưa tan đã ngưỡng cửa nhà mình
Tiếng ve ran lột mùa sáu chín vòm
Nhà ngất ngưỡng, tán cây lớn dưới tấm tay vờ
Thành phố bây giờ, thế đấy ngược nhìn
Chín phương đất đổ về, cơ man người
Có ai còn ngoài lại!

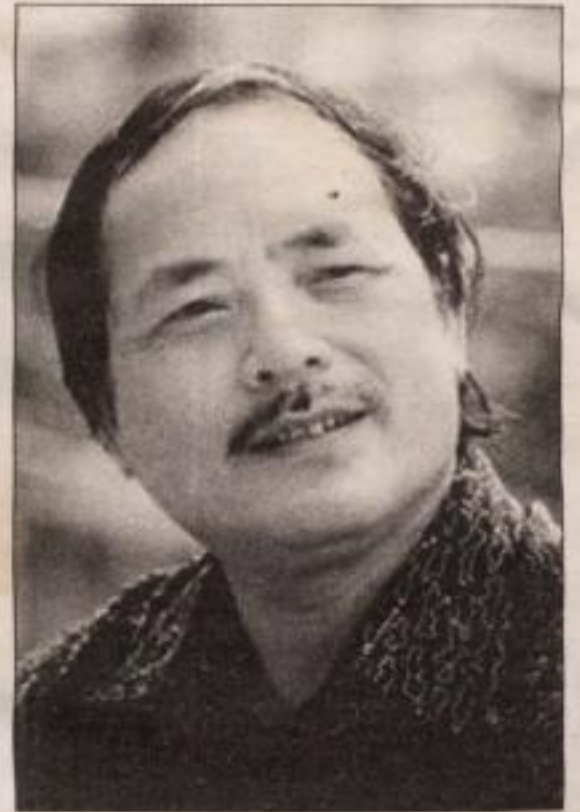
Thời gian, sẽ ra sao?
Thế giới của đồ vật!
Phố dài rộng, nhà cao, chẳng kịp chào,
Vàng vằng nét cười trao!



Nhà thơ Y Phương tên thật là Hứa Vĩnh Sước. Ông sinh ngày 24 tháng 12 năm 1948 tại Trùng Khánh, Cao Bằng. Hiện ông đang công tác tại Hội Nhà văn Việt Nam. Bắt đầu sự nghiệp văn chương của mình khi còn là một chiến sĩ bộ đội đặc công, sau khi chuyển ngành, ông từng theo học và tốt nghiệp Trường Sân khấu Điện ảnh Việt Nam và Trường Viết văn Nguyễn Du. Ông ghi dấu tên mình vào đời sống văn học Việt Nam từ bài thơ Tiếng hát tháng Giêng - Giải A cuộc thi thơ tạp chí Văn nghệ Quân đội năm 1984. Và cũng từ ấy, cuộc đời ông gắn với thơ như duyên nghiệp và lẽ sống. Hơn hai mươi năm qua, ông sáng tác và công bố 6 tập thơ: *Tiếng hát tháng Giêng* (1986); *Lời chúc* (1987); *Đàn then* (1996); *Chín tháng* (trường ca, 1998), *Thơ Y Phương* (2000); *Thất tầng lóm* (*Ngược gió*, song ngữ Tày - Việt, 2006). Ông được trao tặng Giải thưởng Nhà nước về VHNT.

NGƯỜI “KÊ CAO” NỀN THƠ TÀY HIỆN ĐẠI

NGUYỄN THÚY QUỲNH



Y Phương quan niệm: “Văn chương là một việc làm trả ơn cha mẹ, người sinh thành và nuôi dưỡng mình”. Trên thực tế, ông đã không chỉ làm được việc trả ơn cha mẹ, cho dân tộc đã sinh ra và nuôi dưỡng mình, mà bằng tài năng và quá trình lao động nghệ thuật nghiêm túc, ông đã thực sự làm rạng danh cho thơ Tày, và góp một giọng điệu lạ cho thơ Việt thế kỷ XX. Đặt thơ Y Phương trong dòng chảy liên tục của thơ Tày thế kỷ XX, chúng tôi nhận ra: Nếu như thơ của các thế hệ trước Y Phương như Nông Quốc Chấn, Nông Minh Châu, Nông Viết Toại, Triều Ân... trên cơ sở kế thừa sâu sắc truyền thống thi ca Tày đã thực hiện sứ mệnh mang thơ Tày gia nhập nền thơ Việt Nam hiện đại, thì trong khoảng hai mươi năm qua, thơ Y Phương đã đưa thơ Tày lên một tầm cao mới, vừa chiếm lĩnh tư duy và thi pháp thơ hiện đại, vừa làm giàu bản sắc dân tộc.

1. Cũng như thơ ca ở thời đại mà giá trị của con người được đo bằng sự cống hiến của anh ta đối với cộng đồng, với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thơ Y Phương thấm đậm tinh thần yêu quê hương, đất nước, yêu dân tộc mình. Nhưng sự khác biệt so với các nhà thơ thế hệ trước thể hiện rõ ở cách mà ông thể hiện tinh thần ấy. Nếu thơ Nông Quốc Chấn, Nông Minh Châu, Nông Viết Toại, Triều Ân... trực tiếp lấy quê hương - đất nước làm đề tài chủ đạo, họ làm thơ để hát lên những tiếng ca hào sảng về tình yêu quê hương đất nước, về những đổi thay lớn lao của số phận dân tộc mình, từ kiếp đời nghèo, nó lẽ được làm chủ cuộc đời mình, thì thơ Y Phương trải rộng trên một hệ thống đề tài: chiến tranh, cuộc sống và con người miền núi, đô thị, tình cảm gia đình, tình yêu lứa đôi... ở đề tài nào ông cũng thể hiện rất thành công.

Sự phong phú về đề tài thể hiện sự trải nghiệm của cuộc đời ông, một cuộc đời bắt đầu từ mạch nguồn... *cái làng của mẹ sinh con/ Có ngôi nhà xây bằng đá học/ Có con đường trâu bò đi vàng đen kín kỹ/ Có niềm vui lúa chín tràn trề/ Có tình yêu tan tành tiếng thác (Tén lảng)*, đi qua khói lửa chiến tranh và trường thành: *Nhận khẩu súng, đeo ngôi sao/ Đi dẹp lớp đập bao thăng xâm lược/ Ăn cơm muối vùng mà thắng giặc/ Lớn lên chân cứng đá mềm (Thưa mẹ chúng con đã lớn)*; trải qua những thăng trầm của đất nước và thời cuộc, tìm về và khẳng định mình trong quan hệ máu thịt với cội nguồn dân tộc, khẳng định bản lĩnh, tài năng của một nhà thơ và niềm tin vào con người: *Mặt trăng/ Mặt trời từ đâu mà có/ Mặt trời, mặt trăng ư?/ Từ chúng ta người lên mà thành (Trò chuyện với các thần)*.

Niềm tin vào sức mạnh của chính mình, sức mạnh của Con Người không chỉ là niềm tin cá nhân của nhà thơ. Niềm tin ấy phải chăng có nguồn gốc sâu xa từ văn hóa tín ngưỡng - tôn giáo của dân tộc Tày? Trong lịch sử văn hoá của mình, người Tày đã tiếp nhận nhiều giá trị văn hoá - văn minh trong khi giao lưu văn hoá với các cộng đồng dân tộc khác, nhưng riêng về tôn giáo thì hầu như chưa có một tôn giáo nào từ bên ngoài lại có thể tìm được chỗ đứng trong sinh hoạt tâm linh của người Tày. Ở thời hiện đại, điều này vẫn có ý nghĩa của nó. Người Tày tin vào sức mạnh của chính mình. Họ, chứ không

phải thế lực siêu nhiên nào khác, tự làm nên cuộc sống, làm nên xứ sở của mình, như Y Phương kiêu hãnh: *“Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương” (Nói với con)*. Họ dựa vào các quy luật tồn tại và phát triển của vạn vật trong thiên nhiên để củng cố tồn tại và phát triển. Niềm tin và lòng tự tôn dân tộc trải qua ngàn năm, tạo nên một tâm thức, một trạng thái sống vững vàng và hài hòa của các thế hệ người Tày. Niềm tin lớn lao ấy nuôi dưỡng tâm hồn và tài năng thơ của nhà thơ Y Phương, giúp ông nghiệm sinh những chiều kích khác của cuộc sống.

Có thể thấy ở thơ Y Phương sự đối mới không ngừng trong ý thức điều hòa quan hệ giữa lý trí và tình cảm, giữa cái riêng của cộng đồng xuất phát và cái chung của cộng đồng gia nhập. Đó là sự tự nghiệm: *Tôi có một dòng suối mơ/ Ra biển lớn vẫn chưa bằng lòng/ Bạc đầu sông không một ngày ngơi nghỉ/ Cả cuộc đời tự vận mình sinh nở/ Chảy mãi hoai vào người (Tôi có một dòng suối)*. Đó là ý thức về cội nguồn, truyền thống dân tộc, như những con đường núi, như tên làng, như câu hát tháng Giêng, như lời ru của bà... không bao giờ mất đi. Ông không chỉ ý thức được việc giữ gìn bản sắc dân tộc, mà còn chủ động tìm kiếm và hòa nhập với sự biến đổi của cuộc sống theo thời gian. Điều đó làm cho thơ Y Phương vượt lên trên các nhà thơ Tày cùng thời và ngày càng chiếm lĩnh các giá trị mới.

2. Sự trải nghiệm cuộc sống, bản lĩnh và niềm tin cùng với tài năng và ý thức nghệ nghiệp của nhà thơ đã làm nên trong thơ ông một giọng điệu *đằm thắm, vừa đằm thắm chất trữ tình vừa hào hùng chất sử thi, vừa hồn nhiên chân chất vừa sâu lắng tâm tư*. Điều đó là sự khác biệt rõ nét đối với giọng điệu mạnh mẽ, hào sảng mang đậm chất sử thi, vốn là giọng điệu chủ đạo thể hiện qua lối kể tả chân thực của các nhà thơ thế hệ trước.

Khi viết về quê hương mình, dân tộc mình (trong các bài *Lên Cao Bằng, Phòng tuyến Khau Liêu, Tên làng, Nói với con, Người sinh ra bài ca, Chín tháng*...) ông sử dụng giọng điệu sử thi hào sảng và kiêu hãnh: *Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương/ Con quê hương thì làm nên phong tục (Nói với con)*; *Thấp sáng lên ngọn đèn/ Lịch sử hiện dần lên mặt vôi/ Dân tộc vừa bơi thuyền vừa hát trường ca Khâm hải (Chín tháng)*. Và lớn hơn thế, là tình yêu, niềm tự hào và ý chí giữ gìn đất nước, giữ gìn nền văn hóa làm nên đất nước: *Ta quyết không lùi/ Cả đất nước trong vòng tay ta giữ/ Câu hát thiêng liêng làm chủ/ Hát bây giờ còn để hát mai sau (Tiếng hát tháng Giêng)*.

Nhưng cũng trong những bài thơ ấy lại rung lên những bè trầm đằm thắm, thiết tha mà nhà thơ nhẩn nha và chân thành gieo vào lòng người: *Đất nước/ Chưa một ngày yên nghỉ/ Ngủ cũng đi/ Mà ăn cũng đi/ Biển reo dâng kia/ Con trời/ Con đau khổ/ Đất nước dài nước mắt người thiếu phụ (Chín tháng)*, *Em có buồn?/ Sao em bằng khuôn/ Quê hương mãi nghèo thế... (Tiếng hát tháng Giêng)*, *Mẹ và em nhớ/ Đeo dây nhớ thương/ Con cả đường cái quan (Phòng tuyến Khau Liêu)*, *Bài hát ấy ở trong tôi/ Mỗi khi hát lại đắm địa nước mắt/ Thương cho dân tộc mình lao đao bốn mặt/ Những phương*

trời lửa vừa tắt, lại bùng lên (Người sinh ra bài ca)... Đó là những vần thơ được viết từ trái tim nhiều rung cảm tình đời, từ sự trải nghiệm và thấu hiểu của một người yêu nước yêu dân tộc, không chỉ có niềm lạc quan chiến thắng mà còn hiểu cả sự bi tráng phía sau những chiến thắng ấy. Đó là khổ khăn gian khổ và sự hy sinh, mất mát, điều mà các nhà thơ Tày trước ông ít khi đề cập tới.

Sự hòa nhịp giữa chất sử thi và chất trữ tình làm nên giọng điệu trữ tình - sử thi, là giọng điệu chủ đạo của thơ Y Phương trong khoảng mười năm đầu. Sau này, trong khoảng mười năm trở lại đây, thơ Y Phương thể hiện một giọng điệu mới, giọng điệu trữ tình - thể sử. Trong thơ đằm thắm niềm vui, khi nhà thơ nhận ra những nét đẹp làm nên giá trị của cuộc sống quanh mình: *Mong một Tết thấp hương/ Khỏi đi lang thang/ Theo khói/ Gặp buổi vàng/ Đọc đường làng/ Chọc lá cười/ Bầy trẻ nhỏ vừa mổ vừa ăn vừa đem ra nghịch/ Chân tay thơm quê hương/ Chúng nó nói giọng ông bà ngoại (Lời ru quê ngoại)*. Bất chợt ủa ra đường/ Từng đôi trăng đi/ Từng đôi trăng đi/ Cười lóa/ Sung sướng về đâu em (Một chút Lặng Sơn), *Sớm nay/ gian mướp rung rinh dài hoa/ Con ếch cốm ngâm vớt bơi rình rích/ Con giò nồm chảy qua người xanh mướt/ Thuong lũng như em/ Chim lạng yêu thương (Chim trắng)*...

Nhưng thơ Y Phương cũng chứa đựng những suy tư, lo lắng về nhân tính thế thái, về những nỗi buồn, những hoài niệm mang sắc thái, cung bậc khác nhau, mà sự tinh tế đã giúp nhà thơ nhận ra. Đó là sự tù túng của vùng đất hay của thời cuộc, khiến nhà thơ hoang mang: *Những mùa dài sông Bằng không chảy/ Tôm cá đi thơ thẩn như người/ Mải chèo chèo nổi lòng gợn sóng/ Đi đâu? Về đâu? Bè ơi! (Những mùa sông Bằng không chảy)*. Đó là nỗi lòng của một người mẹ: *Con thương mẹ bằng mưa/ Mưa một ngày đã nhạt/ mưa cả tháng thì sao (Lời mẹ)*... Là nỗi lo lắng cho quê hương không thể nói hết lời trong câu thơ buông lửng vừa hàm chứa những nỗi niềm, vừa độc đáo về cách diễn đạt, và “bắt” người đọc phải tự hoàn tất cái khoảng trống thẩm mỹ ấy: *Đời ông còn đun củi/ Đời cha đã chặt cành/ Đến đời con đun... củi/ Đất mỗi ngày mỗi khô/ Người mỗi ngày mỗi... (Người mỗi ngày)*.

Còn đây là sự cô độc của một người miền núi ở nơi thị thành, một cá nhân bé nhỏ, xa lạ giữa dòng chảy khổng lồ của thế giới hiện đại. Là nỗi đau đớn đến xót xa, giống như nỗi đau của một cái cây đã bứt khỏi cội rễ: *Đầy đâu phải nhà mình/ Không thấy cánh đồng lúa vàng/ Bãi đá sau làng/ ... / Mở cửa ra/ Nhà chống lên nhà/ Nhà cũng quẹo chân chạy/ Những dòng sông người sôi lên ầm ào/ Chạy khét/ Lnh tại nhứ ợc/... Đông cửa vào/ Tiếng mây lạnh thổ dài/ Mảnh hình chớp như khò/ Gối/ Chân/ Ga/ Đem/ Nói tiếng gì/ Không biết/ Cây trong bốn/ Hoa trong bình/ Tranh trên tường/ Cười nổi gì/ Không biết. (Cười nói gì)*

Sự đa giọng điệu trong thơ Y Phương mà giọng điệu nào cũng thành công là nét khác biệt và nổi bật không chỉ so với các tác giả thơ Tày lớp trước mà ngay cả với lớp tác giả cùng thời và sau ông cũng chưa ai có được.

3. Thơ Y Phương là kết quả của một quá trình tự ý thức trong tiếp nhận và

sáng tạo để đạt tới sự hài hòa giữa dân tộc và hiện đại.

Y Phương chủ động làm cho hai thi pháp cổ điển và tự do hoà quyện với nhau. Ông kết hợp hài hòa giữa lối trần thuật, phổ biến gần với diễn xướng dân gian và lối viết cô đọng, súc tích, nói ít gợi nhiều của thơ hiện đại. Các tác phẩm *Chín tháng*, *Tiếng vọng trên đèo Hèo*, *Người vùng cao... về sau này là Lời ru quê ngoại*, *Người mỗi ngày... Mưa*, *Keng Pằng...* thể hiện rõ điều này. Trong thơ Y Phương, ta thường bắt gặp những hình ảnh, ngôn từ, cách diễn đạt mang đậm chất Tày, đó là sử dụng cú pháp theo mạch liên kết thẳng, ít khi phá vỡ cấu trúc thông thường, thông tin thẩm mỹ đến trực tiếp; xây dựng những hình tượng thơ giàu tính biểu cảm, lối so sánh ví von, lối diễn đạt mang phong vị dân gian: *Núi như trâm voi rừng rinh/ Suối như bạc ào ào chảy... / Mẹ già ơi nhớ mẹ râm râm khắp người/ Như chàm đã kín nường/ Như lửa trêu đối/ Mẹ yêu con bằng trời/ Nhưng không giữ/ Mẹ thả con mình theo nước về xuôi (Người vùng cao)*; *Bất ngờ/ Em đổ vào tôi/ Cúi mục cảnh khô lại xanh chổi/ Hồn đã vỡ mọc lên cây nghiêng (Yêu muốn)*...

Những nếu như các nhà thơ trước ông dùng lại ở đây, thì Y Phương đi tiếp. Ông luôn tìm tòi và thành công trong việc phá vỡ cấu trúc ngôn ngữ thông thường để cấu tạo lại (tái cấu trúc), tạo ra giá trị biểu đạt cao. Ông rất giỏi trong việc lập tứ, bài thơ nào của ông cũng có tứ mới. Đồng thời, ông hay tạo ra những phá cách về ngữ nghĩa, tạo ra những hình ảnh thơ lạ, có sức gợi rất cao:

Khi lửa tắt/ Nó thoát vào không khí/ Khi mặt trời lặn/ Nó thoát vào không khí/ Khi mặt trời lặn/ Nó thoát vào da thịt em (Da thịt em); *Bàn tay mềm ra vuốt mọc thành cây/ Cầm ngọn khói dựng lên trời thẳng tắp (Em - con mưa rào - ngọn lửa)*; *Cháu tình rồi/ Đồi mắt đen như chữ Hán/Hau hâu nhìn (Lời chúc)*.

Ông luôn cố gắng “lạ hóa” ngôn ngữ thơ, sáng tạo ra những từ láy mới nhằm tạo ấn tượng thẩm mỹ cao hơn: *Cổ lấp lánh/ Khe khe ướt (Ánh trăng)*, *Lúc bấy giờ/ Tốc tác hạt mưa/... Quà gì từng tình đầy mình ơi/... Quà gì nhum nhum đầy mình ơi/... Mẹ nhớ nhĩ nói... (Chín tháng)*, *Cháu bé vừa đầy tháng/ Non non như vầng trăng (Lời chúc)*...

Nhìn lại sự thành công của Y Phương mà đỉnh cao là Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật, xin tạm cất nghĩa, có lẽ đó là sự kết tinh và toả sáng của một bản năng thơ thiên phú, một quá trình lao động nghệ thuật mà ở đó thơ như một lẽ sống, và vốn văn hoá sâu rộng khỏi nguồn từ văn hoá Tày đặc sắc. Xã hội càng hiện đại, nhà thơ dân tộc thiểu số càng làm cho mình giàu có lên bằng trí thức và bản sắc văn hoá dân tộc, thì càng vững vàng hơn nhập mà không đánh mất mình. Điều đó lý giải vì sao ngay cả ở những năm đầu của thế kỷ XXI này, trong khi các nhà thơ Tày cùng thế hệ với ông hầu như vẫn giữ lối nghĩ, lối viết như cách đây vài mươi năm, khó thay đổi, còn lớp trẻ hòa nhập nhanh với đời sống đương đại nhưng lại có phần nhạt nhòa bản sắc dân tộc, thì Y Phương vẫn vững vàng trên cả hai phương diện: dân tộc và hiện đại. Những thành quả sáng tạo của ông đã làm cho thơ Tày bay cao hơn trên bầu trời thi ca Việt Nam. ■

LINH CẢM CỦA NGƯỜI LEO NÚI

Truyện ngắn của NGUYỄN THỊ HẢI

1.

Cô ấy thức dậy lúc 6 giờ 10, bằng một điệu nhạc trên máy di động hẹn giờ trước khi đi ngủ, hôm nay cô dạy hai tiết đầu. Tôi nằm im trên giường, nhắm mắt, nghe cô ấy đi ra nhà vệ sinh, tiếng xúc miệng ọc ọc rất to, rồi cô trở lên mặc quần áo, chải đầu, nhặt mở sách trên bàn bỏ vào cặp, ra góc nhà mang giày sau đó mở khóa cửa, khi đi ra cô đóng cửa và chặn lại bằng một viên gạch có sẵn trên thềm. Cô làm những việc đó trong bóng tối lờ mờ của căn phòng, chắc ngày thường không có tôi cô đã bật các bóng đèn lên rồi. Tôi trằm chằm lên đầu lúc cô mở cửa rồi từ từ kéo chân xuống khi gian phòng trở lại như cũ. Một ít ánh sáng hazy còn đậm sương mù lọt qua những khe hở của cánh cửa chính và cửa sổ ghép bằng gỗ tạp, để mộc, bề mặt sần sùi. Bốn bề lại yên ắng như đêm sâu, tôi có cảm tưởng hazy còn sớm lắm và thế là tôi ngủ say thêm một giấc nữa.

Tôi chợt nghe tiếng con mèo rừ rừ ngay đầu giường, nó cứ loay quanh ở đó như người mù và phát ra cái tiếng đó. Tôi vẫn nhắm mắt, nghĩ chắc là nó đói, muốn thức tôi dậy cho ăn. Thế là tôi mở mắt ra, ngoài trời đã sáng rõ, ánh nắng lọt vào nhà in xuống nền mấy vệt sáng bất động. Tôi ngồi dậy, trên mình chỉ có mỗi cái áo thun, nhưng cũng không cảm thấy quá lạnh.

Đầu tiên tôi đứng lên tháo bốn dây màn ở bốn góc rồi gấp lại, để sang một bên. Sau đó gấp tấm chăn duy nhất mà tôi với cô đắp chung thành một hình chữ nhật dài dài, đặt màn vào trong đó rồi cuộn lại ngay ngắn xếp lên đầu giường, chống hai cái gối lên trên cùng. Bước xuống đất, tôi vuốt phẳng tấm đệm, chỉnh nó ngay ngắn lại. Tôi mặc chiếc áo khoác trắng để ở đầu giường rồi đi ra sau. Con mèo khẽ ngược nhìn tôi rồi lảng lảng bước theo, nó không rừ rừ nữa.

Ở đây, đêm và sáng trời lạnh nhưng khoảng từ 9 giờ trở đi thì ấm áp, trời nắng suốt ngày. Tôi rửa mặt, chải răng bằng nước giếng khoan đựng trong bể lớn, chỉ hơi giá giá một chút, thậm chí tôi còn thích nữa là khác. Đến khi chải tóc thì hơi khó chịu, nó bị xơ và bết chứ không suôn sẻ, nhẹ nhàng như ở trong miền Nam. Lần nào về miền Bắc vào mùa đông, tóc tai tôi cũng bị như thế. Tôi búi gọn nó lên và cài bằng cây trâm gỗ cũ, dùng từ lâu lắm rồi, như một vật gắn liền với thân thể mình, tôi dự tính buổi trưa sẽ gội đầu. Lần trước tôi gội bằng nước lạnh vào buổi trưa và đi hong tóc ngoài nắng rất dễ chịu.

Cô ấy đi dạy sớm thường không ăn sáng ở nhà mà sẽ tranh thủ ăn tại căng tin vào giờ nghỉ giữa hai tiết. Tôi tự lo đồ ăn sáng cho mình, bằng bánh ngọt và cà phê gói, hoặc mì gói gì đó, và lấy thức ăn còn lại hồi tối trộn cho con mèo. Mới ở đây mấy ngày nhưng tôi đã có được một nếp sinh hoạt đều đặn, tự chủ, không bị lệ thuộc nhiều vào cô. Cô ấy cũng không bị xáo trộn gì nhiều trong giờ giấc cũng như trong các sinh hoạt của mình khi có tôi lên, ngoại trừ những lúc hai đứa ra

ngoài đi đến một vài nơi để tôi tham quan, tìm hiểu gì đó.

Có nước nóng ở trong phích, tôi cắt hai gói cà phê Vina vào chiếc ly nhựa màu xanh, rồi chế nước nóng khuấy đều. Có bánh ngọt trái nho mới mua ở tạp hóa hôm qua. Tôi cho con mèo ăn sáng bằng chút thịt heo kho và cơm nguội. Vì biết con chó Sam nhà hàng xóm hay lên đến bắt ngừ giành hết đồ ăn của nó nên tôi cẩn thận đóng cánh cửa nhà bếp lại. Để con mèo ăn từ từ trong góc nhà bếp, tôi quay lên ăn bữa sáng của mình.

Khi chỉ có tôi và con mèo ở nhà, tôi thấy dễ chịu hơn là có mặt cô. Tôi và cô là bạn từ hồi cấp hai, hồi đó chơi với nhau thân nhất, nhưng gặp lại lần này lại có nhiều điều xung khắc, thất vọng về nhau. Tôi mới từ miền Nam ra, sau khi dự đám cưới đứa em họ ở quê xong là tôi lên đây. Tôi đi hôm Mười Hai tháng Chạp và định ở cho đến khi cô ấy được nghỉ Tết, khoảng Hai Ba, ngày ông Táo lên trời, cùng lắm là Hai Tư, sẽ về quê cùng nhau. Có lúc tôi giận định bỏ về trước, rồi kim lại được, nhưng không khỏi cảm thấy ở đến tận Hăm Ba, Hăm Tư thì lâu quá.

Cô dạy môn Sinh học ở khoa Nông Lâm, trường Đại học Tây Bắc. Khi tốt nghiệp đại học Nông nghiệp Hà Nội, cô đi làm một thời gian ở phòng bảo vệ thực vật trên Sơn La, sau nhờ người quen giới thiệu xin được vào trường Tây Bắc. Hiện giờ cô ấy vừa giảng dạy vừa học cao học. Chương trình cao học do các thầy cô ở trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội lên dạy, khi bảo vệ luận án thạc sĩ thì cô phải trở xuống dưới ấy. Ngày thường, lịch học và dạy kín mít cả tuần nhưng bây giờ gần tết, bên lớp cao học đã được nghỉ, cô chỉ còn dạy một số tiết và coi thi hết học kỳ.

Trường Đại học Tây Bắc đã chuyển xuống thành phố Sơn La từ năm trước (2008), hiện ở Thuận Châu chỉ còn một khoa Nông Lâm, tương lai cũng sẽ tụt về tuy không biết cụ thể chính xác về thời gian. Tuy nhiên, cô thích ở lại trên này hơn, một trong những lý do là ở đây không phải tốn tiền thuê nhà, cô được bố trí ở một mình một căn phòng trong khu tập thể của trường.

Trường ở ngay thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu, cách thành phố Sơn La hơn 40 cây số về phía tây bắc. Thị trấn nhỏ nằm giữa miền đồi núi, nhìn từ trên cao nhà cửa san sát, tóe tít trong một vòng lòng chảo. Gần trường có nhiều khu nhà trọ cho sinh viên. Ở đây luôn tấp nập những khuôn mặt trẻ măng, có vẻ là chỗ đông vui nhất trong thị trấn miền cao này.

Khu tập thể của giảng viên nằm kế bên trường học, gồm những dãy nhà cấp bốn xây dựng sơ sài, mỗi dãy khoảng năm phòng. Nhìn bên ngoài phòng nào cũng giống nhau, còn nội thất ai có điều kiện thì sửa sang, tu bổ lại. Phòng của cô thì chẳng hề được tu sửa gì cả, thậm chí cô còn để nguyên tấm simili lót nền nhà đã rách thủng nhiều chỗ và cũng chẳng mấy sạch sẽ của người ở trước để lại. Trước đó, khi trường còn chưa chuyển về thành phố Sơn La, khu nhà tập thể không

đủ cho tất cả giảng viên, cô phải đi thuê nhà. Đến khi trường dời đi, các giảng viên tất nhiên cũng phải đi theo nên cô được dọn vào một mình một phòng. Thậm chí bây giờ còn có một vài phòng để trống. Những phòng ấy, không có người ở một thời gian đã xuống cấp nhanh chóng, đầy vẻ hoang phế, mái lợp sạt thủng, cánh cửa bật khỏi bản lề, như thể điểm trang cho cô đại mộc lẩn sát chân tường.

Bù lại cảnh nhà cửa hạn chế, không gian nơi này rất tuyệt, thoáng đãng, trong sạch. Mùa đông không lạnh lắm, mùa hè cũng không nóng bức, cô bảo, mùa thu thì dễ chịu hơn cả. Tôi thích quang cảnh lặng lẽ, yên tĩnh của buổi sáng này. Ánh nắng lan tỏa khắp nơi mang đến vẻ sáng sủa, khô ráo và ấm áp. Trời mát lạnh. Những thân cây lát hoa nứt nẻ, vết mốc trắng loang lổ nổi lên trên nền vỏ nâu ăm ăm. Lá non đồng loạt trở ra một màu đỏ tía.

Dãy nhà của cô nằm xa nhất, trước mặt có hai ba dãy khác liền kề, còn sau lưng là khu vực nhà dân. Xung quanh trường trồng nhiều lát hoa, khoảng hai mươi năm tuổi. Lát hoa là loại cây gỗ quý, nghe cô bảo nó phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu nơi đây. Trong cả nước, nó chỉ trồng được ở một số nơi mà thôi. Rải rác thì còn có một vài cây long não. Cây long não to nhất đứng một mình nó bên đường, ngay lối rẽ xuống trường. Bên cạnh đó có một trụ đèn. Buổi tối tôi đi dạo qua, nhìn ánh sáng của trụ đèn soi sáng trên tán lá xanh rộng, và bên dưới mặt đất những quả long não nhỏ xíu, tím đen rụng vương vãi.

Tôi ăn một vài cái bánh rồi đem ly cà phê ra ngồi trước thềm. Thêm và lối đi nhỏ tót tít vôi vữa, lá cây khô rụng xuống đầy bấy giờ cũng nằm im như phơi nắng. Xung quanh thật là yên tĩnh. Các dãy nhà phía trước không nghe tiếng người, còn dãy của cô, các phòng khóa cửa bên ngoài, riêng phòng chị Linh, đồng nghiệp của cô, đang có bà nội lên ở giữ cháu, là mở cửa.

Phía bên phải, cách một vườn lát hoa hơn mười cây, căn nhà khùng tre đắp bằng đất lùn thấp chia thành bốn căn nhỏ xíu là chỗ trọ học của một đám học sinh người Mông. Hàng rào dăm bụi xanh thẫm không được cắt xén bung ra tự do điểm những bông hoa đỏ mới nở che chắn trước nhà, phía sau đó có cái dây phơi quần áo của bọn trẻ. Chúng phơi quần áo lên dây không dùng móc, cách phơi cầu thủ, chống chéo lên nhau. Tôi đã sang bên đó vài lần, ban đầu ngạc nhiên vì có những đứa còn quá nhỏ, mũi dài lò thò, quần áo lôi thôi, sau được cho biết là chúng phải đi trọ học ngay từ lớp Một. Ở tại bản làng của chúng cũng có trường nhưng rất xa, bọn trẻ phải tự đi sáu bảy cây số, lên đây chúng được những anh chị lớn trông nom, trường lại gần và tốt hơn hẳn trường bản. Căn nhà đó là của anh công an người Mông làm việc trong thị trấn mua lại và cho đám học sinh cùng dân tộc với anh thuê giá 30 ngàn đồng một phòng một tháng. Như vậy chẳng khác gì giúp cho. Chúng ăn ở

quây quần với nhau, tự chế củi, đi chợ, nấu cơm, giặt giũ, đứa lớn bảo ban đứa bé. Chúng sống tách biệt, không hề giao tiếp với bên khu tập thể này. Nhưng khi tôi sang chơi, những đứa lớn rất cởi mở, thân thiện sau phút e thẹn, rụt rè ban đầu.

Tôi nhấp một ngụm cà phê đậm ngọt vị sữa, ngậm miệng hít ngửi mùi thơm bằng mũi. Trước mặt tôi là bụi quỳnh dao trồng dưới bậc sân. Quỳnh và dao đan xen với nhau, tưởng chừng cây nọ trở ra cành của cây kia. Đối diện với tôi là những mái nhà lợp phipro xi măng, do địa hình dốc cao, nên những dãy trước thấp hẳn xuống. Chiều hôm qua một thầy giáo trạc tuổi tôi leo lên mái quét lá mục. Bụi làm cho thầy giáo ấy bất ho, hai tay bịt miệng, đứng chênh vênh trên mái nhà lưa thưa nắng từ trên vòm lát hoa rơi xuống. Một cánh cửa sổ để ngỏ mở vào gian bếp tối tối, bếp gas, xoong nồi và chạn chén bát im lìm như mãi ngủ. Rồi bỗng dung tôi bị giật mình rất mạnh, trong tấm gương cỡ hai bàn tay treo trên vách tường nhà bếp phản chiếu một hình ảnh động đậy mà thoát trông tôi ngỡ gian bếp có người. Tôi đảo mắt đi chỗ khác, lắng nghe động tĩnh trong căn bếp một cách kín đáo. Không có một tiếng động nào chứng tỏ có người. Thế là tôi nhìn lại vào tấm gương và phát hiện ra chính là bàn chân đi tất của mình đã vô tình soi vào trong đó. Hẳn là tôi đã nhích chân theo thói quen, và cử động đó qua tấm gương tác động lại tôi, tuy chỉ thoáng qua nhưng thật khó quên. Dù sao sau đó tôi cũng ngồi xích sang một bên, tránh khỏi tấm nhìn lạng lẽ của tấm gương bí mật.

2.

Buổi tối đầu tiên tôi đến nơi, trời đổ mưa to như mưa mùa hạ. Cô bảo thật may đã về kịp. Sau khi ăn xong, tôi và cô tắt đèn đi ngủ, hầu như không trò chuyện gì, có vẻ thắm mệt sau chặng đường núi vừa qua. Từ thành phố Sơn La về Thuận Châu, đường núi tối và vắng vẻ, nhiều chỗ cong ra sát thung lũng sâu. Khi cô ấy im lặng chăm chăm chạy, tôi lo âu nhìn những dãy núi mờ mịt, tìm ngưng đập khi đi vào bóng đen sùng sững của quả núi bên đường. Tôi nhìn những cột cây số qua ánh đèn xe, ở đó hiện ra những địa danh xa lạ, gọi lên trong tôi nỗi hoang mang, buồn bã không cất thành lời. Còn vì, tôi cảm nhận nơi cô ấy một sự cứng cỏi, phủ phàng nào đó gây tổn thương tôi một cách mơ hồ, nó giống như một niềm đau đớn.

Tôi nhắm mắt làm quen với bóng tối trong không gian lạ lẫm chờ giấc ngủ đến. Mưa ào ả, lạnh buốt ngoài trời, còn tôi thì ấm áp. Cô ấy ngủ nhanh, đã nghe hơi thở đều đều vô tư tự. Bỗng dung tôi cảm giác những dãy núi quanh nhà đang từ từ tiến sát lại, ghé khuôn mặt đầm nước mưa nhìn xuống tôi. Tôi như nhìn thấy những dòng nước nhỏ từ đỉnh núi len lỏi bỏ xuống qua những cổ cây run rẩy. Tim tôi đập nặng nhọc như lúc đi qua bóng núi nặng nề khi nãy. Tôi úp hai bàn tay che mắt, lắng tránh sự chào đón nồng nhiệt và lạ lùng đó. Nhưng rồi không nỡ

khước từ, tôi bỏ tay ra, thả lỏng toàn thân và nghĩ: "Xin chào! Tôi mới đến. Xin hãy che chở cho tôi."

Tôi hỏi cô đường lên đỉnh núi phía trái ngôi nhà, đó là ngọn cao nhất, bên trên hình như có trạm phát sóng di động nằm giữa đôi thông. Tôi nhìn thấy lối mòn trên sườn một quả núi cạnh đó, thỉnh thoảng có một chiếc Win băng qua, chỉ có xe Win mới có thể leo lên được độ cao đó. Hình như là một cặp vợ chồng người Thái đi làm rẫy, chiếc váy đen của người vợ bay phấp phất trong khi người chồng chăm chú lái chiếc xe Win lao tới. Trên quả núi có trạm phát sóng thì không có đường mòn như thế, hoặc giả nó nằm về một phía nào đó mà tôi không biết. Cô ấy bảo tôi đi vào trong xóm, từ đó có lối dẫn lên. Lối này chỉ đi bộ được thôi.

Nhưng rồi cô ấy cũng dẫn tôi đi. Hôm đó trời ảm, cả ngày tôi không cần mặc đến áo khoác, chỉ đồ bộ giống như mùa hè. Cho nên khi đi leo núi, tôi cũng không nghĩ cần áo khoác theo làm gì. Cô ấy mua một chai nước trong cái quán nhỏ trong con hẻm chật chội, rồi rẽ vào một con hẻm khác dốc thoải thoải. Từ đó, đường cứ lên cao mãi, tôi đã bắt đầu thở mệt, nhưng cố không để lộ ra.

Khi đi qua đường hẻm, tôi nhìn vào những mảnh vườn bé bé trước mỗi căn nhà thấy hoa đào đã nở đỏ cây và hoa mận nở trắng hồng. Chiều đang xuống nhưng những mảnh vườn vẫn còn đầy ánh nắng, thứ ánh nắng heo héo ấy có vẻ đã làm tàn phai sớm loài hoa đón tết.

Đường dẫn lên xây thành từng bậc bằng gạch viên. Khi leo lên sườn núi trơ trụi, mặt trời hiện ra ở sau lưng, nóng như thiêu đốt, mồ hôi tôi toát ra đầm đìa, nhìn mặt cô ấy cũng đỏ bừng. Chúng tôi núp vào sau bụi dây leo chẳng chịt uống chung chai nước. Thực ra bên sườn chệch về phía tay phải đã rậm rạp rồi nhưng đường đi mé trái thì lại bị nắng rọi. Chúng tôi ngồi một lát rồi đi tiếp, tôi đội chiếc mũ lưỡi trai màu xanh rêu, còn cô ấy để đầu trần. Cô mặc chiếc quần thể thao gọn ghẽ, áo thun cộc tay, tay xách cái túi đựng chai nước đi từng bước chắc chắn trước mặt tôi. Tôi thì mệt, thở rất dữ, thậm chí còn cảm thấy đau tim. Nhưng tôi muốn leo lên đến tận nơi. Tôi không nghĩ bỏ dở giữa chừng.

Nhưng cô ấy thì không chịu đi tiếp nữa. Còn một đoạn lên thẳng đứng. Cô ấy nhìn tôi rồi bảo: "Thôi nhé! Leo không nổi đâu!", ý cô ấy là tôi leo không nổi, tôi chưa trả lời thì cô tiếp tục: "Với lại trên ấy cũng chả có gì mà xem. Có mỗi cái trạm phát sóng di động vắng teo. Tới đây thôi là được rồi."

Tôi mệt thật chứ. Nhưng là cái mệt hào hứng, chỉ cần nghỉ một chút là có thể tiếp tục. Nhưng nghe cô ấy nói thì tôi đồng ý là không leo tiếp nữa. Tôi lấy máy ảnh ra chụp, lại nhờ cô ấy chụp giúp một số tấm. Chúng tôi ngồi xuống, duỗi chân thẳng ra, mặt hướng về phía thị trấn. Từ trên đây dễ dàng quan sát toàn bộ khu vực trường học, một vài người đang chơi bóng chuyền trong sân trường và tôi reo lên chỉ cho cô ấy con chó Sam nhà chị Linh đang la cà ở ngay trước dãy nhà của cô ấy.

Một toán sinh viên ba người, hai nam một nữ, đi qua chỗ chúng tôi leo lên đỉnh núi. Họ leo núi để vận động thân thể, nhìn họ đi thật khỏe khoắn, tôi nghĩ chắc họ leo rất thường xuyên. Cô gái đi giữa, tóc cột cao, đuôi tóc nhọn hoắt ngoe nguẩy có vẻ gì đó mạnh mẽ. Tôi nhìn họ và sau đó họ khuất hẳn vào bụi cây. Lối lên bị che kín, thỉnh thoảng mới lộ ra một số bậc gạch thẳng đứng, nhìn thôi đã mệt rồi.

Trên đường trở về, tôi không tìm được cảm giác thất vọng. Không phải vì chuyện leo núi mà là mối quan hệ giữa chúng tôi. Tôi tự nhủ, tình bạn này sao lại

thành ra nhạt nhẽo quá vậy, và người bạn này sao mà xa cách lạnh lùng.

3. ít ngày sau tôi leo núi một mình. Cô ấy ra khỏi nhà trước, đi giày bata, cầm vợt cầu lông, mặc quần thể thao ống bó lưng qua gối, áo thun hồng nhạt. Hình như khoa cô tổ chức thi cầu lông giữa các giảng viên. Tôi thấy cô khệ thủ một đường vợt ngoài con đường dốc dẫn xuống sân trường. Lúc đó là 4 giờ chiều. Tôi sửa soạn một vài thứ, máy ảnh, nón, áo-khoác mỏng, chai nước và bánh quy, tất cả đựng trong chiếc túi vải nhỏ gọn, rồi tôi vào toilet, rửa mặt, chải đầu, sau đó bước ra ngoài, bóp khóa cửa lại. Tôi đứng trên thềm nhìn lên ngọn núi mà tôi sắp sửa leo lên.

Tôi đi lại con đường hẻm cũ, nhưng loang quanh một hồi không tìm thấy cái quán mà lần trước cô đã mua chai nước, tôi phải hỏi thăm nhiều lần, cho đến lúc tìm ra được những bậc gạch đầu tiên dẫn lên núi. Chỗ này chệch khỏi con đường, len vào giữa một bên là vườn rau cải, bên hàng rào đậu Hà Lan leo kín, một bên là rặng tre um tùm, khuất vắng, rì rào tiếng gió. Tôi nèn sợ đi thật nhanh khỏi đó, ra đến chỗ sáng quay lại đã thấy mặt trời tỏa chói sau lưng.

Ngoài tôi ra, không còn một ai lên núi trong chiều hôm đó. Trước sau tôi chỉ có một mình. Không bị lệ thuộc vào ai, mệt thì tôi ngồi nghỉ, nhưng cũng ý thức canh chia thời gian để có thể leo lên đến nơi rồi còn trở về mà không bị tối.

Nhưng bên trong con người tôi lúc đó đã bắt đầu âm thầm cất lên những suy tưởng thâm sâu. Nó là tiếng hát, là lời than, là nỗi buồn phiền, là khát vọng mãnh liệt... Chỉ một mình như thế này tôi thấy đạt đến tự do. Suy tưởng của tôi dường như có một giai điệu nào đó, tôi tạm gọi nó là "Bài thơ của người leo núi".

Bài thơ của người leo núi

Tôi một mình trèo lên đồi cao. Nâng chiếu sau lưng gay gắt. Những bậc gạch lở lỏi dẫn đường lên hun hút. Những bụi cây lúp xúp, cháy khô không thể là nơi trú. Mồ hôi nhễ nhại, tay chân bải hoải, miệng thở hổn hển. Mất hết tác phong thường ngày. Tôi thám nghiệm rửa những thứ huyền hoặc thần tiên đi mây về gió.

Tôi lấy chai nước uống từng ngụm nhỏ, nuốt vào nghe đau tức lồng ngực. Trong tình trạng này mà tu ừng ực dễ chết như chơi. Cũng không được ngồi xuống ngay, phải đợi nhịp tim dịu hòa trở lại.

Tôi thêm ra ngồi dưới gốc cây hoa ban kia một lát, nhưng lại sợ mất nhiều thời gian. Sẽ ra sao nếu tôi ngồi ở đó và ngủ quên trong đêm. Tôi sẽ kêu lên thẳng thốt như chim lạc và nhân đó nhìn thấy được một hình dạng mới của mình.

Có những bước đi gần như vô tri giác. Cây cỏ xước cào một vết máu nhỏ nơi tay. Gió lùa mặt đất xào xạc. Không có một điểm tựa. Không có một bóng người. Trời đất bỗng chênh chao như không đủ sức níu giữ nổi tôi, như muốn để mặc tôi tuột rơi xuống lòng thung lũng.

Ở lưng chừng quả đồi bên kia có một ngôi nhà đơn chiếc, nhỏ xíu, tối tăm. Một làn khói bay lên. Nhà của người Thái, Kinh, hay Mông? Ai cũng chất chứa tâm sự. Ở đây có thể là cuộc sống đơn chiếc hoặc khó khăn? Tôi kỳ vọng được nghe về một tình yêu đau đớn. Nhưng cũng có thể là sự đầm ấm và yêu thương, là tự do và bình yên. Tôi không thể nào biết được.

Dưới chân tôi cánh rừng cổ đại đang ra đời. Nhìn đâu cũng thấy hai lá mầm nhỏ bé. Đầu chỉ là cỏ dại song vẫn làm tôi xúc động, mừng vui. "Cái chết, tình yêu, sự sống", tựa đề bài thơ của Pôn Êluya, ở đây sự sống vừa mới bắt đầu.

Trên đường tôi đi thỉnh thoảng lại hiện ra một loài hoa lạ. Tôi không biết tên.

Nhưng lòng tôi thanh thản. Không rối rít truy tầm. Vì tôi nhớ tôi tiếng nói ngây thơ của em, em bé người Mông có đôi má đỏ ửng tôi gặp bên đường dẫn vào Co Mạ. Tôi hỏi em: "Hoa gì đây?" Em trả lời bằng tiếng Kinh dịu dàng: "Hoa gì a? Không biết. Chỉ biết là hoa thôi." Lúc đó, tôi như người tỉnh ngộ, ngộ ngàng, nhìn đóa hoa em hái cầm tay với đôi mắt triu mến. Thật là cảm ơn.

Tôi luôn luôn canh chừng mặt trời. Tôi phải cố leo lên tận đỉnh. Tôi sợ mặt trời bỏ rơi tôi giữa cuộc hành trình. Tôi sợ đêm tối ảm u biến tôi thành hồn ma phiêu lãng.

Tôi vừa thở vừa tâm niệm hãy cố lên. Đoạn đường chót cùng dựng đứng như một thử thách khắc nghiệt. Tôi quyết không chịu thua. Có biến thành con kiến tôi cũng cố bò lên đến nơi.

Người bạn dưới mặt đất của tôi đã cảnh báo là tôi sẽ chẳng thấy gì ở trên đỉnh núi hiu quạnh này ngoài vài cây thông và cái trạm phát sóng di động như món đồ bị bỏ quên. Có thực như thế chăng? Bạn không thấy được gì khác nữa sao?

Tôi dỗi mắt xuống thị trấn be bé chen chúc nhà cửa, nhớ đến khuôn mặt người bạn ánh lên vẻ ngạo nghễ mùa mai, tất cả bây giờ đã chìm lìm trong bóng chiều sẫm sịt. Mặt trời của tôi bây giờ đang thẳm lạng trút hơi tàn trên chóp núi xa xôi, nơi đó sương khói trào dâng như bức đại phong cảnh nhạt nhòa, diễm lệ.

Thật may mắn và vinh hạnh cho tôi được làm kẻ truy điệu mặt trời vào đúng lúc tôi chiến thắng cái thân xác xương thịt của tôi, nó trở nên nhẹ tênh khi đặt chân lên đến đỉnh đồi lồng lộng.

Tôi nhớ tiếng hát của người con trai dân tộc Mông học trong trường dân tộc nội trú thị trấn đã hát trong một buổi tối gặp mặt quây quần. Tiếng hát thắm thì đau xót, giai điệu giản đơn mộc mạc của nỗi cô quạnh ngút ngàn. Tiếng hát thắm đắm tình yêu. Tôi xin dâng lên mặt trời bài hát tâm linh đó, nó đang lan tỏa trong bản ngã tôi, trong trái tim tôi. Thế giới rộng lớn giờ phút này đã đưa tôi đến gần mặt trời. Tôi xin cảm tạ.

Tôi trở về mặt đất. Đêm xuống trắng lên. Ánh trăng tỏa khắp núi đồi, soi xuống từng bông hoa xuyên chi trắng nhỏ tràn lan trên đất trống xung quanh nhà, ngoài bia đường. Núi non trầm mặc nhẹ nhàng. Tôi đứng nhìn lặng lẽ. Sắp đến ngày tôi phải từ giả nơi đây.

Khi tôi quay đầu lại, bên mép cửa, con mèo đen đã ngồi ở đó từ lâu. Ánh mắt mở to, đen lóng lánh. Nó giống hệt người đang ngồi thiền, giấu hết mọi nỗi niềm vào trong. Nó thường ngày rất cô độc, đói khát. Hiện giờ đang mang thai. Cái bụng to phồng nhưng nhìn kỹ thì nó thực gầy gò, tội nghiệp. Sự nhỏ bé, âm thầm của cõi sống hiện qua bóng dáng của nó. Tôi cảm thấy trái tim mình không chịu nổi cái buồn này.

Rồi chợt nhiên tôi rùng mình, sau gáy lạnh toát, trực cảm núi non hùng vĩ vừa choàng mắt nhìn tôi. Con mắt bí ẩn đầy thấu cảm. Tôi thành tín nghĩ hẳn là những bước chân nhọc nhằn lên đỉnh núi đã đánh thức tâm lòng của núi non.

Tôi ngồi xuống bên con mèo, làm người bạn lặng lẽ của nó. Chúng tôi cùng chìm đắm trong một cảnh tượng mơ màng. Và tôi có một niềm tin thầm kín, rằng chúng tôi đang ở trong con mắt của vô biên bình lặng. Con mắt quán chiếu, dung nạp và hóa giải, ít nhất là cho những nỗi niềm của tôi trong những ngày lưu lại nơi đây. ■



Minh họa của PHẠM MINH HẢI

NHỮNG SỨ GIẢ CỦA VĂN HÓA VIỆT NAM

HOÀNG CHƯƠNG

ĐÚNG 10 giờ sáng giờ Hoa Kỳ, chiếc máy bay Boeing 777 từ từ giảm độ cao. Nước Mỹ hiện ra thật mênh mông từ mở cửa đến rở dần như một bức tranh đa sắc. Qua cửa sổ máy bay tôi thấy những cánh đồng mênh mông, những rừng cây êm ả, những làng xóm và thành phố rất lạ được quy hoạch ngay ngắn. Sân bay quốc tế mang tên cố Tổng thống John F. Kennedy thật đồ sộ. Hàng trăm chiếc máy bay từ đủ loại của nhiều quốc gia đổ đầy bãi như một đàn chim khổng lồ. Những con chim "đại bàng" mang quốc kỳ nhiều nước khác nhau và khoác trên mình những bộ cánh khác nhau nối tiếp cất cánh và hạ cánh một cách nhẹ nhàng, khó ai nghĩ nó nặng hàng nghìn tấn...GS. Nguyễn Thuyết Phong đón chúng tôi khi vừa đặt chân đến Mỹ, và ông đưa chúng tôi đi ngay Geneva. Đường xa, xe chạy bon bon bình quân 120 cây số giờ, tôi phải moi hết cái kho chuyện cổ dân gian Việt Nam, chuyện mục tiêu làm cả truyền thống và hiện đại ra, làm cho GS. Phong không buồn ngủ và càng vững vàng tay lái...

Geneva, vừa cổ kính vừa hiện đại. Trường đại học Hobart & William Smith rộng lớn gần như chiếm mất một góc thành phố Geneva. Xe chúng tôi vừa từ từ dừng lại, đã thấy GS. Harris và vợ ông đang chờ ở cửa nhà khách. Gặp nhau, tay bắt mặt mừng, GS. Harris xách giúp hành lý chúng tôi vào phòng nghỉ giống như một người phục vụ, mặc dù ông là một giáo sư danh tiếng, Chủ nhiệm khoa Nhân học và Xã hội học toàn cầu. GS. Harris cho biết: "Cách đây 13 năm, ông cùng đoàn sinh viên Mỹ đã được nghe tôi thuyết trình về nghệ thuật Tuồng, Chèo Việt Nam tại Khoa quốc tế trường Đại học Bách Khoa Hà Nội; đặc biệt là đêm diễn trích đoạn Tuồng, Chèo cũng do tôi giới thiệu như một bữa tiệc nghệ thuật đã làm cho ông và các bạn của ông, cùng sinh viên Mỹ hết sức thích thú. Đó là ấn tượng đẹp về văn hóa Việt Nam đầu tiên đối với ông. Vì vậy, lần này ông quyết tâm mời chúng tôi trình bày nghệ thuật truyền thống Việt Nam tại trường đại học Hobart, để cán bộ và sinh viên ở đây

được "thực mục sở thị" một nền nghệ thuật độc đáo và đặc sắc của dân tộc Việt Nam.

Bữa cơm chiều đầu tiên ở thành phố Geneva do vợ chồng GS. Harris chiêu đãi chúng tôi ở một nhà hàng sang trọng. Chúng tôi vừa ăn cơm vừa bàn chương trình làm việc ngày mai; như tham quan trường đại học, chuẩn bị sân khấu, ăn trưa tại chỗ và hội thảo, minh họa buổi chiều và trình diễn buổi tối...Đêm càng khuya, trời càng lạnh, nhưng ở trong một phòng khách của trường đại học đầy đủ tiện nghi, nên chúng tôi ngủ được một giấc ngon lành. Trời sáng dần, những bông tuyết trắng đầu mùa bắt đầu rơi và các cô gái Việt Nam trong đoàn cũng lần đầu được thấy tuyết rơi trên mái tóc mình. GS. Thomas D'Agostino, Giám đốc Trung tâm Giáo dục toàn cầu, đến tận nhà khách đưa chúng tôi vào thăm trường đại học. Đường trong khuôn viên trường không được đi ô tô, vì thế chúng tôi phải đi bộ dưới trời tuyết phủ. Tuyết rơi quá đậm nên GS. D'Agostino phải chạy đi lấy ô che cho chúng tôi. Một cử chỉ đẹp, khiến chúng tôi cảm động và càng hiểu ra rằng người Mỹ nào cũng có những ứng xử văn minh và nhiệt tình hữu nghị...Thật là cảm động, khi chúng tôi nhìn thấy ảnh Bác Hồ đặt trang trọng giữa ảnh những danh nhân của nước Mỹ, ở ngay mặt tiền thư viện của trường đại học, nơi ai mới bước vào cũng đều trông thấy ngay chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa kiệt xuất của Việt Nam. GS. Nguyễn Thuyết Phong cho biết, chính GS. Harris đã tự mình sưu tầm ảnh Bác Hồ và cũng tự tay ông xếp đặt như vậy. Điều đó càng cho thấy ảnh hưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh sâu sắc biết chừng nào trong lòng nhân dân thế giới. Chúng tôi được hai giáo sư Harris và D'Agostino đưa vào khu nhà ăn của trường đại học, ở đây có phòng ăn rộng lớn phục vụ cho hàng trăm sinh viên và một phòng bên cạnh, dành riêng cho thầy cô giáo. Phòng này được phục vụ như khách sạn nhiều sao, muốn ăn gì cũng có. Ông Hiệu trưởng bắt chặt tay chúng tôi hết sức cordi, thân tình. Đây là lần đầu tiên, chúng tôi được

thưởng thức những hương vị ẩm thực hoàn toàn theo "gu" trí thức Mỹ, trong trường đại học. Sau bữa ăn, GS. D'Agostino đưa chúng tôi về nhà để chuẩn bị cho hai cuộc trình diễn vào lúc 16 giờ chiều và 19 giờ 30 tối. Ngoài trời tuyết vẫn rơi, cộng với gió lạnh đến tê người; nhưng trong lòng chúng tôi vẫn thấy ấm áp, vì được sống trong những giờ phút thật vui, thật hạnh phúc trên đất Mỹ, nhất là trước giờ phút được nói về nghệ thuật VN. Chúng tôi tranh thủ luyện tập tiết mục để cho những buổi trình diễn không có sơ sẩy về kỹ thuật. Đúng 15 giờ, GS. D'Agostino lại đến giúp chúng tôi đưa dụng cụ biểu diễn ra sân khấu, đúng ra đó là một phòng học sang trọng và rộng lớn.

Buổi giới thiệu và thảo luận nghệ thuật đầu tiên, chúng tôi không phải hoá trang, phục trang; nhưng cũng làm cho người xem nhận biết được phần nào nghệ thuật dân gian truyền thống Việt Nam, qua việc giới thiệu có minh họa những động tác Tuồng theo nguyên tắc cách điệu, ước lệ, tượng trưng như bắt ngựa, đi ngựa, uống rượu, câu cá, xiển, bê, lăn, quay, té... cũng như cách sử dụng võ thuật và binh khí trong Tuồng. Người xem là các thầy giáo, sinh viên - trí thức Mỹ, đều cảm nhận được và tỏ ra thích thú khi lần đầu tiên tiếp xúc với nghệ thuật Tuồng truyền thống VN. Họ còn tỏ ra rất hào hứng, khi nghe GS. Nguyễn Thuyết Phong thuyết trình về âm nhạc dân tộc Việt Nam, và hai nữ nghệ sĩ Mai Tuyết Hoa, Kiều Oanh hát dân ca. Đặc biệt, đêm diễn tổng hợp được tổ chức tại sân khấu câu lạc bộ trường đại học Hobart & William Smith, khán giả đến dự khá đông, hầu hết là cán bộ và thầy giáo của trường. GS. Harris vui vẻ cho biết: "Đây là lần đầu tiên, các nghệ sĩ từ Việt Nam sang biểu diễn tại đây. Chính vì vậy mà chúng ta quyết tâm chinh phục cho được đối tượng khán giả hoàn toàn mới mẻ này".

Mở đầu, GS. Nguyễn Thuyết Phong giới thiệu Kiều Oanh cùng Mai Tuyết Hoa hát bài dân ca Quan họ Bắc Ninh Khách đến chơi nhà, như một lời chào hỏi độc đáo; rồi GS. Phong đọc tấu đàn



Ông Bob Meekeev - một trí thức Mỹ trong trang phục ông vua - GS Hoàng Chương giảng.

nguyệt, đàn bầu; Kiều Oanh hát Dân ca ru con Nam bộ; Mai Tuyết Hoa hát Xẩm và độc tấu đàn tính. Cả hội trường yên lặng lắng nghe những giai điệu lạ lẫm, độc đáo; cứ dần ngấm sâu vào lòng người, cũng giống như lần đầu tiên, người Mỹ được thưởng thức phở, bún chả, nem rán Việt Nam; vừa ăn vừa gật gù khen ngon vậy. Đặc biệt, qua giới thiệu của GS. Phong, hơn nửa thế kỷ qua, hình thức hát rong (hát Xẩm) vắng bóng trên đường phố Thủ đô Hà Nội; nay nhờ nỗ lực của các nghệ sĩ đất Hà Thành, mà hát Xẩm dần được phục hồi, và giờ đây được nghệ sĩ Mai Tuyết Hoa mang đến nước Mỹ lần đầu tiên, để khán giả được nghe những giai điệu hiếm có và độc đáo này. Để tạo không khí giao lưu, vui vẻ cho khán giả; tôi, Kiều Oanh cùng Mai Tuyết Hoa diễn lớp Bài chòi cổ Ông Xà - bà Đợi. Nhờ có sự diễn giải linh hoạt của GS Nguyễn Thuyết Phong, nên người xem hiểu được nội dung và cùng chú ý lắng nghe những âm thanh mới lạ từ phương Đông xa xôi.

Điểm nhấn của chương trình nghệ thuật tại trường đại học này là Tuồng (hát Bội). Tôi giới thiệu khái quát về đặc trưng tuồng qua hai câu: Đường dài muôn dặm đi ba bước / Ngựa chạy hai chân quất một roi... đồng thời diễn minh họa những trình thức của Tuồng như uống rượu, đi ngựa, câu cá...Khán giả tỏ ra rất thích thú khi theo dõi các tiết mục này. Để thấy được tính tổng hợp của nghệ thuật Tuồng là vừa múa, hát và diễn; tôi và Kiều Oanh cùng diễn lớp tuồng nổi tiếng Hồ Nguyệt Cô hoá cáo. Thật ra, tôi diễn vai Tiết Giao đoạt ngọc có tính minh họa là để làm cái cớ cho khán giả hiểu vì sao Hồ Nguyệt Cô phải hoá cáo. Ở chỗ này, Kiều Oanh đã cố gắng hết mức để diễn tả tâm bi kịch của Hồ Nguyệt Cô - vì không kim chế được tình yêu của mình, mất cảnh giác, đã để cho kẻ thù cướp mất viên ngọc quý - nên nàng phải trở lại kiếp cáo. Khán giả tiếp nhận được ý nghĩa triết học sâu sắc của lớp Tuồng, nên vỗ tay nhiệt liệt. Chương trình giới thiệu nghệ thuật của chúng tôi tại trường đại học Hobart & William Smith đã thành công. Giáo sư Harris bước lên sân khấu, chân thành cảm ơn chúng tôi, những sứ giả tình nguyện đi quảng bá văn hoá Việt Nam trên đất Mỹ, đồng thời còn nói thêm nhịp cầu hữu nghị giữa hai dân tộc Việt Nam và Hoa Kỳ. Để đáp lại tấm lòng yêu quý Việt Nam của giáo sư Harris, tôi trân trọng tặng ông ba bức tranh sơn mài cỡ nhỏ mang ba chữ truyền thống Việt Nam: Phúc, Lộc, Thọ. GS Harris và vợ ông xúc động nhận tặng phẩm và nói: "Chúng tôi sẽ treo vật kỷ niệm quý này ở một nơi trang trọng nhất trong gia đình; để khi nhìn nó là nhớ tới Việt Nam, nhớ tới các bạn, những sứ giả văn hoá- nghệ thuật của Việt Nam". ■



GS Hoàng Chương đang giảng Tuồng tại trường đại học Hobart and willam Smith ngày 1/12/2010.

NHỮNG CÂU CHUYỆN ISRAEL

MASADA VÀ NGƯỜI DẪN ĐƯỜNG

(KỲ 1)

Ghi chép của ĐỖ TRUNG LAI

Sau nhiều tháng thu xếp, từ ngày 30-11 đến ngày 6-12 năm nay, đoàn nhà văn Việt Nam đầu tiên, theo lời mời của Bộ Ngoại giao Israel, đã đến thăm xứ sở xa xôi này.

Lễ ra, nhà thơ Hữu Thỉnh- Chủ tịch Hội Nhà văn, Chủ tịch UBTV Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam- là trưởng đoàn. Nhưng trước khi bay, anh Thỉnh phải ở lại vì lý do sức khỏe và tôi bất đắc dĩ, được chỉ định làm trưởng đoàn thay anh.

Thế là đoàn còn lại 4 người. Ngoài tôi có dịch giả Đào Minh Hiệp, nguyên Chủ tịch Hội Văn nghệ Phú Yên, từng dịch lời cho các phim "Người giàu cũng khóc", "Trở về Eden"... từ những năm 90 của thế kỷ trước; nhà thơ nữ Nguyễn Thu Nguyệt, quê Đồng Tháp, công tác tại báo Tuổi trẻ TP. Hồ Chí Minh và chị Đào Kim Hoa, Phó ban Đối ngoại Hội Nhà văn. Chị Hoa từng dịch thơ Israel ra tiếng Việt, từng học tiếng Anh tại Liên Xô cũ, nên vừa là thành viên, vừa phiên dịch cho cả đoàn, rất thông suốt.

Trước khi lên đường, tôi và chị Hoa, theo kế hoạch, tới chào Đại sứ Israel tại Hà Nội. Ông Đại sứ cùng bà Phó Đại sứ tiếp chúng tôi thân mật và giới thiệu qua về tình hình Israel. Tôi bảo: "Tôi coi việc đến thăm sứ quán là sự bắt đầu của chuyến thăm Israel và tôi muốn có một bức ảnh ở đây." Ông Đại sứ cho một cán bộ sứ quán chụp ngay và hẹn sẽ mail cho tôi. Ông đã làm đúng như vậy.

TRONG bảy ngày ở Israel thì sáu ngày, người dẫn đường của chúng tôi là Shimon Eyal. Khá nhiều lần, có thêm Ruth Schatz. Ruth Schatz là người của Bộ Ngoại giao, còn Shimon Eyal là người lái xe. Ruth hiền hậu, ít nói. Shimon thì nói suốt dọc đường, không bao giờ tỏ ra nhàm chán hay mệt mỏi với công việc của mình. Chỉ có một lần duy nhất, tối, khi đi chơi Biển Chết và thăm Masada về, dọc đường, Shimon xin dừng xe, để "Một cốc cà phê cho tôi"- Anh đã dẫn chúng tôi đi suốt cả một ngày!

Lúc đầu, Ruth ngồi ghế trước. Nặng quá! Tôi vui lòng đổi chỗ vì vừa dễ quay camera, chụp ảnh, lại được tha hồ nói chuyện với Shimon.

Thấy ở tay phải của Shimon có một vết sẹo, sâu vào tận khuỷu, ăn cả lên cẳng tay lẫn cánh tay và cũng lớn cỡ bàn tay, tôi hỏi, Shimon bảo, đó là sẹo do vết thương xưa để lại, vết thương khi Shimon là lính và đi đánh nhau ở Li Băng, năm 1978. "Bị thương nặng lắm. Vào viện, tay trái tôi ôm lấy tay phải. Tôi nói với bác sĩ, hãy cứu lấy cánh tay này cho tôi. Tôi còn trẻ và còn nhiều việc phải làm". Họ đã cứu được và bây giờ, trông Shimon càng có vẻ phong trần. Nhân tiện, Ruth kể, chị cũng đã thực hiện nghĩa vụ quân sự. Vì thông thạo cả tiếng Hebrew, tiếng Anh và tiếng Arab, chị chuyên thu lượm và dịch tin chiến sự. Còn Shimon thì ở đơn vị chiến đấu. Thế là trên xe có ba cựu chiến binh, tính cả tôi. Shimon còn giống tôi ở chỗ, chỉ có hai con gái. Shimon kém tôi mười tuổi, bằng tuổi vợ tôi. Con gái lớn của anh làm ở hãng Hàng không Tel Aviv, đường bay Tel Aviv - Bangkok. Con gái nhỏ mới có 7 tuổi. Ruth bảo: "Shimon không chỉ là lái xe. Anh ấy còn là hướng dẫn viên du lịch chuyên nghiệp. Ở Israel, để trở thành hướng dẫn viên du lịch, phải học rất nhiều".

Thảo nào, cái gì Shimon cũng biết. Đang đi trên đường cao tốc số 6, chạy từ Jerusalem tới Haifa, Shimon bảo, con đường này dài 130 km. Người ta còn làm dài nữa, để nó thành cao tốc Bắc - Nam. Rồi trở sang phải, Shimon nói: "Đó là Bờ Tây, trước cuộc chiến tranh 6 ngày là của Jordan, nhưng cổ xưa là của chúng tôi, rộng gần 6.000 km". Bên trái ta là vùng của người Palestin. Người Do Thái cũng không vào được". Đi một hồi nữa, Shimon lại chỉ sang trái: "Kia là Ramala, có các cơ quan đầu não Palestin". Rồi Shimon trở một chóp nhà cao trên đồi nơi đó: "Đây là nóc nhà Nghị viện Palestin". Tôi hỏi về "Bức tường phía Tây", Shimon chỉ vào hàng rào điện tử bên đường cao tốc và cho biết, đó chính là cái mà người ta gọi là "Bức tường phía Tây". Từ khi có nó, xung đột gần như không còn. Người Palestin, nếu có giấy thông hành, nếu được chủ lao động Do Thái bảo đảm, có thể sang vùng đất của người Do Thái để làm việc. Israel cũng xuất khẩu những "Bức tường" này

sang một số nước. "Anh đừng nghĩ người Palestin nghèo. Trong làng, nhiều nhà có cả bể bơi"- Shimon nói tiếp. Lại nhớ hôm đến thành phố cổ Jafa, Shimon bảo, Tel Aviv mới có 1.500 năm tuổi. Jafa có từ hơn 4.000 năm, dưới thời Đế chế Hy Lạp. Anh trở một nhà thờ cổ và nói: "Kia là Nhà thờ Thánh Peter. Trên cây cầu vào nhà thờ, có 12 biểu tượng của 12 tháng. Ai sinh vào tháng nào, khi đi qua cầu, đặt tay lên biểu tượng của tháng ấy mà cầu nguyện và sẽ toại nguyện. Nhà thờ Thánh Peter, khi Napoleon chiếm Israel, đã trở thành bệnh viện dã chiến của chúng tôi và đã cứu được rất nhiều người". Tôi sinh tháng Tư, biểu tượng hình con dê. Tôi đặt tay lên hình con dê, cầu cho Nhà thờ Thánh Peter không bao giờ còn phải trở thành bệnh viện dã chiến nữa. Lúc đến Ceasaria, một thành phố cổ khác, nay được phục chế để thành khu du lịch, Shimon bảo: "Tên thành phố là từ tên tướng Ceasa (Xê-da) của La Mã. Thành phố có từ đời vua Herold, 2.500 năm trước. Khi chiếm nó, Ceasa xây rộng ra, to đẹp lên". Quả nhiên, cái máng nước dài 25 km, đưa nước từ độ cao 30 m, từ núi về, vẫn còn gần như nguyên vẹn. Ở những hố thăm sát khảo cổ, rất nhiều cột đá cẩm thạch trắng lộ ra, thứ đá đặc trưng của người La Mã. Rồi Shimon hướng dẫn chúng tôi xem nhà tắm hơi La Mã, đấu trường và nhà hát La Mã. Thời Ceasa, nhà hát chứa được 6.000 người, xây hình xoắn ốc. Giờ đang phục chế, đã chứa được 3.500 người. Shimon dẫn tôi đi theo đúng lối đi của diễn viên ngày xưa, tức là đi theo đường hầm rồi leo lên sân khấu theo một cầu thang hình xoắn ốc, rồi bảo tôi: "Anh hát đi!". Tôi đã đứng đó và hát một đoạn trong *Trường ca sông Lô* của Văn Cao. Shimon cười: "Very nice!".

Trên đường đi Biển Chết, từ đồi Olive, nơi có thể thấy "Mộ Chúa" và "Bức tường than khóc" của Jerusalem, khi xe xuống đồi, Shimon bảo: "Dưới chân đồi, là bắt đầu tới Sa mạc Judea. Ta còn đang ở độ cao 250 m so với mực nước biển". Xuống đồi, qua một cái cầu, Shimon nói: "Thế là ta đã xuống thấp hơn mặt nước biển. Bên trái ta là Jerico. Bên kia Biển Chết, chỗ đây núi kia kia, là Jordan. Jordan và Israel đã ký hiệp định hòa bình. Ai cập cũng vậy. Không đánh nhau với hai nước này nữa" v.v...

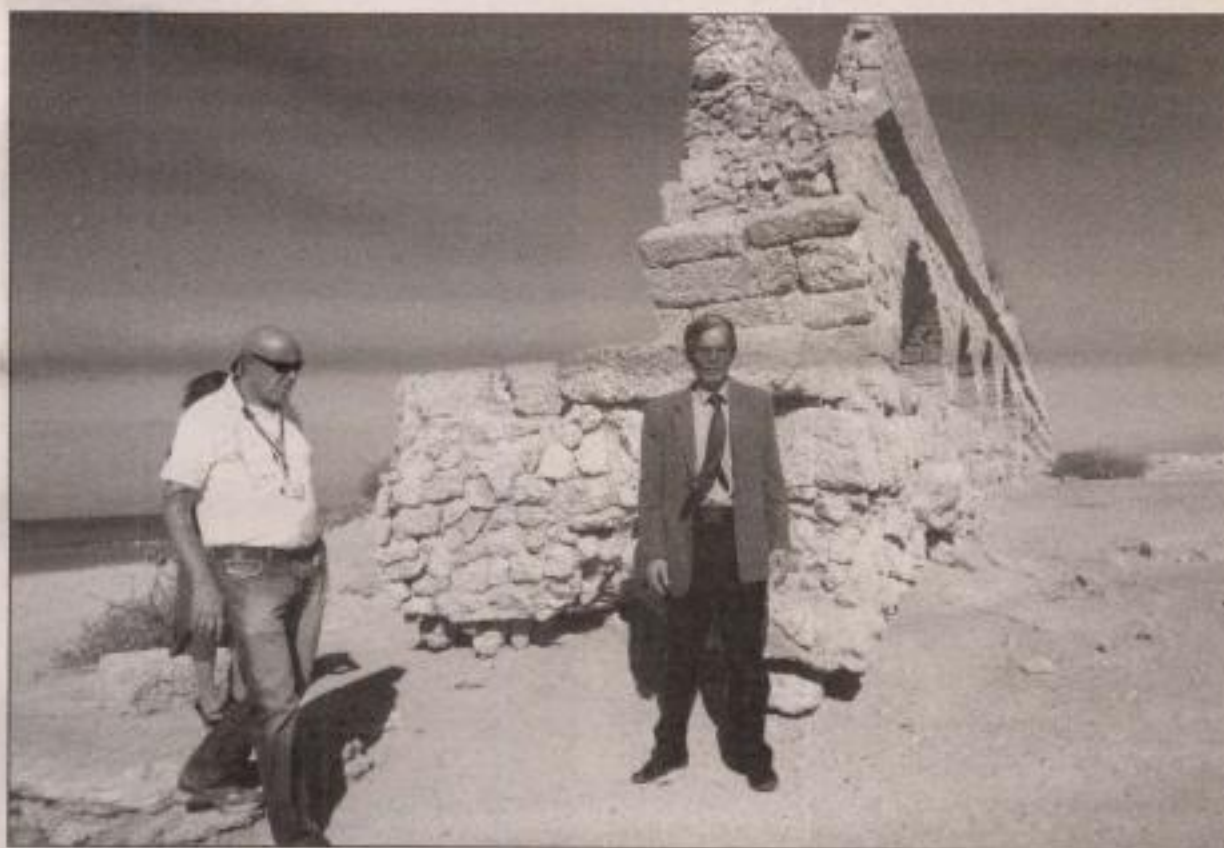
Khi tôi khen con gái Do Thái đẹp. Shimon bảo: "Nếu anh đến đây vào mùa hè thì anh hỏng hết mắt. Mùa hè, con gái Israel mặc váy ngắn đến mức không thể ngắn hơn được nữa".

Tóm lại, tôi đã viết, Shimon rất hay chuyện và chuyện rất hay. Tôi đùa gọi anh là "Shimon no Peres!". Shimon Peres là Tổng thống Israel bây giờ. Anh cười, nhận tên họ mới.

Nhưng chuyện Shimon kể mà tôi nhớ nhất là chuyện về pháo đài Masada.



Thứ bảy, người Israel đến cầu nguyện trước "Bức tường than thở" ở Jerusalem



Shimon Eyal - người dẫn đường - hướng dẫn đoàn thăm di tích máng nước cổ 2500 năm tại TP cổ Ceasaria

Pháo đài Masada nằm trên sa mạc Judea, giáp Biển Chết, ở phía đông nam Jerusalem. Tháp pháo đài cao 450 m so với mực nước biển, xung quanh là những ngọn núi đá dựng đứng, cao tới 300m, Herold Đại đế đã cho xây ở đây một tổ hợp cung điện với những bức tường và tháp canh bao quanh. Nhà sử học Josephus, trong tác phẩm "Những cuộc chiến của người Do Thái", đã đánh giá Masada là pháo đài mạnh mẽ nhất trong tất cả các pháo đài. Vào những năm 70 sau Công nguyên (tức là sau Khởi nghĩa Hai Bà Trưng ở ta 30 năm), khi quân La Mã chiếm được Jerusalem và phá hủy Nhà thờ Do Thái (cuộc phá hủy lần thứ hai, để giờ chỉ còn "Bức tường than khóc"), Masada trở thành thành trì cuối cùng của người Do Thái. 970 người Do Thái gồm có 300 chiến binh và vợ con họ, từ Jerusalem chạy về cố thủ ở đây. Trong pháo đài có 23 kho lương, có rất nhiều bể nước. Người Do Thái xưa đã buộc dây, treo người ngoài sườn núi, đục những lòng máng xoắn ốc để dẫn nước mưa vào các bể chứa của họ. Với lực lượng ít ỏi như vậy, với số lương thực từ 23 kho lương và những bể nước ấy, họ đã chống lại đội quân La Mã đông đến 10 vạn người cùng 15 vạn nô lệ lo hậu cần, suốt ba năm ròng. Kiệt quệ vì bị vây kín, họ còn cho phụ nữ lên mặt thành hát múa và tắm để quân La Mã phát thèm nước nổi của họ, để giều cột La Mã. Vô cùng tức giận, viên tướng La Mã xưa quân

hạ pháo đài bằng được. Khi pháo đài sắp thất thủ, những người Do Thái họp nhau lại. Người chỉ huy pháo đài nói: "Thành trì bị hạ, chúng ta sẽ chết. Vợ con chúng ta sẽ trở thành nô lệ của La Mã. Bây giờ, chết với thành hay là làm nô lệ?". Tất cả đều xin được chết chứ không ai hàng giặc, không làm nô lệ. Nhưng thế thì phải tự sát. Mà tự sát là điều cấm kỵ của luật Do Thái. Cuối cùng, 300 chiến binh kia giết vợ con họ trước. Rồi 100 người trong số 300 chiến binh phải giết 200 đồng đội. Rồi 10 người được chọn giết 90 bạn chiến đấu của mình. Rồi 1 người trong số 10 người cuối cùng giết 9 người bên cạnh. Rồi... anh ta tự sát. Thế là "chỉ có một người phạm luật Do Thái".

Kể xong, Shimon im lặng. Chúng tôi cũng im lặng. Cáp treo Masada vẫn chạy. Nắng Biển Chết vẫn soi rõ từng ô vuông đánh dấu các đội hình tấn công của quân La Mã.

Tôi không biết, Biển Chết có tên ấy là vì nước mặn quá, không sinh vật biển nào sống được; hay do nước ngọt chảy vào không đủ để bay hơi, mà một đời biển chết dần? Hay là... hay là chính vì cái chết của 970 con người "Bắt thụ nô lệ" thời thượng cổ kia, làm nên cái tên Biển Chết?

Thật là bí hù! Sao loài người lại cứ "viết" ra những chuyện bí hù thế nhỉ? Không thể biết được. Chỉ biết rằng, Masada đã trở thành biểu tượng của chủ nghĩa anh hùng Do Thái. ■

ĐẾN đất Lào, theo đoàn Chi hội nhà văn Việt Nam tại Đà Nẵng, gồm các nhà văn Thái Bá Lợi, nhà văn Thanh Quế, nhà thơ Ngân Vịnh, nhà thơ Nguyễn Hoàng Thu, nhà văn Bùi Tự Lực, nhà thơ Lê Anh Dũng... lúc đầu cũng thấy hơi ngỡ ngàng, đầu mình đã một lần qua...

Lần ấy, cách đây cũng hơn ba mươi năm, cùng đồng đội hành quân vào nam. Đường giao liên bên tây Trường Sơn, qua nước bạn Lào. Nơi đất khách, dọc đường chủ yếu chỉ có người Việt với nhau. Đi trong rừng, cố tránh bom đạn, cố gắng để sống... cả đoàn quân, người tiếp người, dài dằng dặc, gần như cúi mặt mà đi, đi thật nhanh để về bãi khách tìm chỗ nghỉ. Nếu nhớ những kỷ niệm trên đất Lào về người Việt, là nhớ những kỷ niệm cháy ruột về đồng đội...

Ở tỉnh Udonsay, người Lào vẫn nhắc đến một cái hang, do trúng bom Mỹ thả, một tảng đá cỡ vài chục tấn lấp cửa hang, không thể dùng cách gì phá được. Lúc ấy trong hang có hai anh bộ đội Việt

đây, sang Lào đã hơn hai mươi năm. Khai phá chỉ là một quán ăn nhỏ, nhặt nhạnh từ từ một. Cố hòa đồng thật nhanh phong tục tập quán từ lời ăn, tiếng nói đến cách xã giao ở nơi đất lạ, làm thế nào để người Lào không nghĩ xấu về mình. Đối xử với người Lào là thế, với người Việt là hơn thế. Cứ thấy người Việt từ quê sang, người chủ quán nói tiếng Huế mừng lắm, mới vào quán, già cả phải chăng, món ăn vẫn hương vị quê hương... đồng hương gặp nhau chỉ có tiếng cười. Rồi quán ăn của người Huế ở thị xã Atop lại thêm một nỗi nhớ, một địa chỉ thân, để lần sau nhất định phải ghé lại.

Nhớ buổi sáng ở kinh đô cổ của Lào Luôngprabang mình với nhà thơ quân đội Lê Anh Dũng bị lạc đoàn, không biết đường nào mà về. May gặp một người mẹ, quê ở Ninh Bình sang Lào đã hơn sáu mươi năm chỉ đường mà không lạc. Nghe tiếng mẹ trả lời bằng tiếng Việt, làm cho mình và nhà thơ Lê Anh Dũng sững người: "Tôi không phải người Lào mà là người Việt, để tôi chỉ đường cho hai chú!".

từng học tập, giảng dạy ở Việt Nam, nói tiếng Việt như người Việt, gặp buổi tối ở nhà của nhà văn nữ Lào PhiêuLavan, Chủ tịch Hội Nhà Văn Lào, đã cho mình có cảm giác đó. Các bạn hát với mình "Gặp nhau trên đỉnh Trường Sơn". "Tiếng đàn Ta Lư", "Tiếng hát từ thành phố mang tên Người..." thế là không khí hòa lẫn, chan hòa không còn biết đâu là khách, đâu là chủ. Không khí này gợi lại cho mình nhớ kỷ niệm Trường Sơn, khi bọn mình, nhân ngày nghỉ quây quần bên nhau cạnh một con suối, vừa tắm, vừa đùa... Mấy ông bộ đội Pha thét Lào đi ngang qua, thấy vui quá cũng vội cởi quần áo xuống tắm chung, cũng đùa ngất trời, vui y như đêm nay ở nhà chị PhiêuLavan.

Còn một chuyện nữa, mà nhà văn Thái Bá Lợi nói với mình: "Cố ghi lại làm kỷ niệm, để gì đã ai được gặp". Ở Xavanaket, buổi sớm hôm ấy, trước khi đoàn nhà văn Việt Nam đi Viên Chăn, vào uống cà phê của một quán người Lào. Ông chủ quán đáng béo tròn, nụ

Hỏi ra, ông chủ quán cà phê Lào này đã từng ở Việt Nam học ở trường Đảng cao cấp đến sáu năm, hèn gì mà ông không thuộc những khái niệm đó. Nhưng sao ông ấy lại đứng bán cà phê, cứ như bên Việt Nam cũ như ông cũng phải chức này, ông nọ rồi chứ! Hỏi chuyện, ông bạn Lào kể, vui không thể vui hơn. Té ra thời gian ông học Trường Đảng cao cấp bên Việt Nam có yêu một cô gái, hai người đã có chung một đứa con ngoài giá thú. Kể ra mà đẹp trai như ông, thì có khối cô gái Việt Nam chết, huống hồ lại là học trưởng Đảng Việt Nam là cán bộ nguồn thì, có lấy tay gạt, cũng không hết gái theo ông. Lẽ ra ông sẽ nên vợ, nên chồng với cô gái Việt Nam, nhưng vì bên Lào đã có vợ, không thể "đèo bồng" nên ông về lại Lào. Ngẫm đi, ngẫm lại để thỏa mãn trí tang bồng, để có dịp để gặp lại người Việt Nam và biết đâu... cũng một lần thăm lại chốn cũ, gặp người tình xưa, ông bạn Lào đã từng học trưởng Đảng cao cấp bên Việt Nam xin ra khỏi biên chế, đi bán cà phê cạnh đường, cố gặp người quen. Nếu

MỘT LẦN ĐẾN ĐẤT NƯỚC TRIỆU VOI

TRẦN KỲ TRUNG

Nam, nhưng không giống hang tám cô bên Việt Nam, ở vụ bị đá lấp hang này có một kẻ hồ có thể dùng liên lạc, tiếp tế, nghĩa là vẫn có thể đổ cháo, nước để tiếp tế bên trong. Bên ngoài nói, bên trong nghe được, bên trong truyền lời nói ra, bên ngoài hiểu. Một ông già người Lào quá thương hai anh bộ đội Việt Nam mắc kẹt trong hang nên hàng ngày, qua kẻ hồ đó, ông tiếp tế cháo, nước cho hai anh bộ đội Việt Nam. Nhưng rồi, chuyện tiếp tế đó chỉ được hơn một tuần, vì ông già Lào nghe thấy tiếng của một người bộ đội Việt Nam ở trong hang, vọng ra qua kẻ hồ của hang: "... Bắt đầu từ ngày mai, bố không phải tiếp tế cho chúng con nữa. Bố cho con gửi lời kính thăm tất cả, chúng con thương bố lắm, cảm ơn nhân dân Lào...". Bên ngoài, ông già Lào không hiểu vì sao hai anh bộ đội Việt Nam lại nói như vậy? Đang phân vân thì nghe từ trong hang, qua khe hở, dội ra hai tiếng sấm nổ, rồi mọi việc trở nên im ắng, im ắng một cách lạ thường. Ông già Lào cố gọi, trong hang không có một tiếng thưa, không một lời đáp lại như thường ngày. Ông già Lào đã hiểu chuyện gì xảy ra, cứ đứng cạnh tảng đá lấp cửa hang mà khóc.

Mình và các anh trong đoàn Nhà Văn Việt Nam nghe chị PhiêuLavan kể, lặng người.

Lần này đi trên đất Lào, điều đầu tiên, mình để ý, là cái tình người Việt trên đất khách quê người. Ở đâu cũng vậy, người Việt xa quê, khi gặp nhau, chỉ cần nghe một tiếng nói đã thân. Cả đoàn nhà văn Việt Nam đến thị xã Atop đang ngỡ ngàng tìm chỗ ăn trưa, tiếng Lào không biết, người của Hội Nhà Văn Lào chưa tới, bất chợt nghe thấy một tiếng Huế: "Các anh là người Việt Nam mới sang phải không? Vào quán kia mà nghỉ." Tất cả mừng rỡ, nhưng rồi lại lo lắng, không biết vào quán kia có bị "chặt chém" không? Người Việt với nhau, giờ là kinh tế thị trường, quan hệ khác trước nhiều lắm! Vào quán rồi bao nỗi lo lắng tan biến sau cuộc trò chuyện. Người Việt mình vốn sẵn tính chịu thương, chịu khó. Chỗ nào có thể tạo thế an cư, lạc nghiệp là đến. Như gia đình người Việt mở quán ăn ở



Đoàn Nhà Văn Việt Nam tại Lào

Rồi mẹ tắt tà về đường, dẫn giải rất cẩn thận. Sở mình và nhà thơ Lê Anh Dũng lạc một lần nữa, mẹ ghi tiếng Lào vào một mảnh giấy đưa cho mình, dặn: "Nếu không tìm đúng địa chỉ, cứ đưa mảnh giấy này cho người Lào, họ xem rồi chỉ đường cho". Mình hỏi Mẹ: "Mẹ sang đây hơn sáu mươi năm, sao mẹ vẫn nói tiếng Việt rõ thế?". Mẹ giảng giải: "Mẹ rời quê lúc mới có bảy tuổi, đời người, tài sản có mỗi tiếng Việt để bám vào mà sống, để tự an ủi những lúc mình khốn khó nhất, rằng cố gắng mà bươn trải để rồi còn về quê chào hỏi họ hàng, bà con. Mẹ nói rõ tiếng Việt là vì thế. Gặp được các con, cả ngày hôm nay mẹ vui lắm." Nghe mẹ nói mà thương đến lạ lùng, người xa xứ quê hương, cứ gặp, thật lạ, là nhớ. Giữa đất Lào, cứ nghe ai nói tiếng Việt, lại giống như hồi ở đây Trường Sơn dạo nào, cứ muốn quây quần để hát hò, để trò chuyện, để tâm sự, để gợi lại những kỷ niệm mỗi người đã trải qua như đã thân nhau từ lâu lắm rồi. Mấy bạn nhà văn Lào, lại cả một số cán bộ người Lào đã

cười hiền hậu, sỏi sỏi, đeo một tạp dề đỏ, biết đây là đoàn nhà văn Việt Nam, ông vui ra mặt. Vui nhất là ông nói được tiếng Việt, nói rõ ràng, nói như người Việt. Ông giảng giải một bài chính trị bằng tiếng Việt làm cho cả đoàn nhà văn Việt Nam tròn mắt ngạc nhiên: "...Xây dựng chủ nghĩa xã hội phải đồng thời tiến hành ba cuộc cách mạng, lấy cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt...". Cách mạng Lào cũng như cách mạng Việt Nam hiện chưa dựng những mâu thuẫn mang tính thời đại, là nơi hội tụ của ba dòng thác Cách mạng. Cách mạng hai nước là ngọn cờ đầu của phong trào giải phóng dân tộc, là ngọn hải đăng dẫn đường cho các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Dưới sự lãnh đạo của Đảng giai cấp tiên phong, hai nước Lào - Việt sẽ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển chủ nghĩa tư bản...". Trời ạ! Những khái niệm, những luận chứng, trong đoàn, có người từng qua những lớp chính trị, đã quên, nay ở đất Lào có người Lào nói tiếng Việt nhắc lại để nhớ.

gặp được người Việt Nam, là mừng vô hạn, hồn Việt thấm vào ông rồi, để "oai" thì nhắc lại nhưng lời thấy Việt Nam dạy: "... Tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, lấy cách mạng khoa học là then chốt!", còn nhớ, hoài niệm một nỗi buồn thì khóc và nói: "Tôi thương cô ấy lắm. Cô ấy và đứa con là một phần máu thịt của tôi, thế nào tôi cũng sang Việt Nam các anh ạ! Quê hương thứ hai đấy!".

Sang thăm Lào, một đất nước quá đổi hiền hòa, chân thật. Mà hình như, không biết mình nhận xét có vô đoàn không? Sự hiền hòa, chân thật của người Lào gặp người Việt Nam, nâng lên tầm cao hơn. Chẳng thế, đoàn nhà văn Việt Nam sinh hoạt trong Chi hội Nhà Văn Việt Nam tại Đà Nẵng khi đến Viên Chăn được mời tham dự lễ đón hơn bảy trăm cựu chiến binh Việt Nam đã từng chiến đấu trên chiến trường Lào của Đảng và Nhà nước CHDCND Lào trong một hội trường lớn trang hoàng long lầy. Buổi lễ đón tiếp diễn ra thật ấm cúng, không còn phân biệt đâu là người Việt, đâu là người Lào. Đêm văn nghệ hoàn toàn những là những diễn viên nghiệp dư biểu diễn mà hay lạ lùng, bài hát Việt xen lẫn bài hát Lào, ai cũng thuộc, cùng vỗ tay hát theo.

Đến đất Lào, càng tiếp xúc, càng thấy nghĩa tình của người Lào dành cho Việt Nam, khó có cách nào tả hết. Vì ở đâu, người dân Lào cũng nâng niu, gìn giữ nghĩa tình với người Việt. Hôm mình cùng nhà văn Thái Bá Lợi, nhà thơ, nhà văn Nguyễn Hoàng Thu đến thăm nhà văn Chanthay, nguyên chủ tịch Hội Nhà Văn Lào. Nhà văn bị tai biến, hiện chỉ ngồi trên xe lăn, sức khỏe yếu đi nhiều ấy vậy vẫn không dấu được sự hóm hỉnh, nhà văn nói với mình cùng nhà văn Thái Bá Lợi, Nguyễn Hoàng Thu, bằng tiếng Việt: "Tiếc là sức khỏe không còn, nếu không, mình dẫn các ông đi chơi, vui phải biết! Nhà văn Lào, nhà Văn Việt Nam là một nhà mà, đoàn kết chơi chung, vui chung, không thể xa rời. Các ông về, tôi nhớ lắm!".

"Đoàn kết, chơi chung, vui chung, không thể xa rời" - Thưa anh Chanthay, nhà văn Việt Nam chúng tôi cũng sẽ như thế khi nghĩ về đất nước Lào. ■

“DOANH ĐIỀN SÚ” MANG TÂM HỒN THI SĨ

Ký của NGỌC TẤN

XEM xong tập cuối “Bí thư Tỉnh uỷ”, bố tôi bỗng ngồi thừ ra. Một lúc lâu sau ông bỗng thốt lên như với riêng mình:

- Cái phim này khiến mình nhớ tới ông Nguyễn Tư Thoan. Hai ông ở hai tỉnh khác nhau mà cái đức liêm khiết, lo cho dân còn hơn cả nhà mình thì giống nhau đến lạ. Thời thế sao có những con người sống đẹp đến thế!

...Cổ bí thư Tỉnh uỷ Quảng Bình Nguyễn Tư Thoan – con người suốt 17 năm ròng đứng mũi chịu sào một tỉnh tuyến đầu miền Bắc, con người lừng danh với những “Gió Đại Phong”, “Quê hương Hai giới” ấy, cống hiến của một thời đánh giặc... Trong cuộc sống đối diện với áo cơm thường nhật bây giờ, điều người dân nhớ nhiều đến ông hơn là những sinh kế mà ông để lại cho đời... Cùng thời với ông Nguyễn Tư Thoan, bố tôi chỉ là người lính bình thường ngoài mặt trận. Nhưng là người nông dân ra đi cầm súng, hết giặc lại trở về với gốc gác của mình, tôi hiểu điều gì đã chạm vào cõi sâu kín của lòng ông...

Quê tôi – làng Minh Lệ, xã Quảng Minh một trong 9 xã vùng Nam huyện Quảng Trạch, mảnh đất kẹp giữa hai dòng chảy của sông Gianh – bên nguồn Sơn, bên nguồn Nậy. Cho đến bây giờ trong tôi vẫn mồn mồn một cái cảnh ruộng đồng: Một mảnh đất hẹp hình lưỡi búa mà đầu cũng ríu rỏ những “rộc” với cồn. “Rộc” là ruộng trũng, chỉ cấy được một thứ lúa gọi là “nước hai” đồ quạch. Còn đất cồn, vụ Mười chỉ gieo giống lúa chịu hạn “mạnh” hoặc “ré”. Nhìn thì đẹp mắt nhưng chỉ có thể rang “lớ” (lúa lửng rang giả nhỏ thành cám) ăn qua ngày. Nguồn sống đích thực chỉ có vụ Năm khi đất cồn bắt ngát một màu khoai.

Câu hát vui “Quảng Bình khoai khoai là khoai” vẫn vào quê tôi có lẽ là đúng nhất. Trừ ba ngày Tết hoặc giỗ chạp, bữa cơm không khi nào ngớt dọn khoai. Ấy thế nhưng khoai đâu có thừa mùa, rế rừng gì... Mùa bói khoai, thừa nào cũng kín người. Người làm thì ít, con mót thì nhiều. Dân tận dưới Thái Hoà, bên Hoà Ninh cũng kéo đến mót khoai. Còn lũ chúng tôi thì khỏi nói. Tan học, có đứa khăn quàng đỏ chưa kịp cởi đã tay cò tay rổ xông ra ruộng. Dưới cái nắng hè như quạt lửa, chúng tôi hăm hở bới tung từng hốc đất để tìm từng mẫu khoai sót. Tôi vẫn nhớ cái cảm giác mừng đến run người khi lưỡi cò vấp vào một mẫu khoai đứt lại dưới lòng đất. Để đối phó với đội quân mót đông đảo ấy, đích thân đội trưởng phải cầm roi cây giữ trật tự. Có khi ông phải thẳng tay lia những cục đất cứng như đá vào đám người cứ mon men đến bên đồng khoai chưa kịp gánh đi...

Chúng tôi đâu biết giữa những ngày cơ cực đó tương lai của một vùng đất đã được định đoạt với quyết tâm không gì lay chuyển của ông Nguyễn Tư Thoan: “Vũ khí trang phục không làm được, còn hạt gạo để ăn hàng ngày mà cũng không tự lo được là một nỗi nhục của Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình”. Ông phát biểu trong một cuộc họp Đảng uỷ. Quảng Trạch là huyện lớn nhất, đông dân nhất tỉnh. Quảng Trạch đủ ăn là Quảng Bình đủ ăn. Biết vậy nhưng triển khai một công trình lớn giữa lúc chiến tranh đang vào thời điểm ác liệt nhất, sức người sức của đã vót cạn cho tiến tuyến có phải là một hành động liều lĩnh, khoác thêm nỗi khổ cho dân? “Tay trắng, đất không bàn tính mãi; mười năm đảng đảng vẫn chưa làm”. Sau này vào những ngày cuối đời trở lại thăm công trình, ông đã hồi ức như vậy trong một bài thơ của mình. Đủ thấy quyết tâm

và trở lực chạm nhau quyết liệt đến thế nào để khởi công được thủy lợi Rào Nan...

Tôi có một người anh họ, bấy giờ vì không đủ sức đi bộ đội nên được điều động vào công trình thủy lợi này. Những người như anh, xóm tôi bấy giờ vẫn gọi là “bộ đội Rào Nan”. Đùa mà thật, họ được quân sự hoá từ tổ chức đến kỷ luật làm việc. Công trường có thể trở thành trận địa khi cần. Bất chấp đường sá bom đạn, đêm mười ngày ông Thoan lại về kiểm tra tình hình công việc. Khẩu nào vướng mắc, ông giải quyết ngay tại chỗ... Chỉ một công trình thủy lợi này cũng đủ thấy tài tổ chức, tài phát động quần chúng của ông Nguyễn Tư Thoan: Giữa bối cảnh bầu trời không lúc nào ngời tiếng máy bay giặc; mỗi xóm mỗi thôn sức người sức của đã vót cạn cho tiến tuyến, vậy mà chỉ hơn 1 năm – từ đầu 1968 đến giữa 1969 đã huy động được hơn 1 vạn lượt người – được trang bị đủ phương tiện cần thiết, được ăn đủ no để làm việc... Và không chỉ có thế, ông còn chứng tỏ tài năng trong vai trò của một công trình sư: Tự mình đi khảo sát, đích thân lặn cả xuống sông để đo độ nông sâu, ông đã chọn được vị trí vô cùng đắc địa để ngăn sông. Con đập dài hơn 100m, cao 6m kiểu bara bằng đá đan rọ sắt, rất phù hợp với điều kiện thi công thủ công mà vô cùng vững chãi. Đã hơn 40 năm trôi qua con đập vẫn vững vàng, thi gan với bao mùa lũ dữ...

Năm 1970 nước thủy lợi Rào Nan về đến quê tôi. Chẳng tổ chức lễ lạt đón mừng gì mà ai cũng biết. Nước chảy đến đâu lũ trẻ con đuổi theo hò reo muốn vỡ xóm... Chỉ một, hai năm sau chẳng cứ ruộng cồn, những mảnh đất vườn phủ dưới bóng tre rậm rì vẫn được trồng thứ khoai “chiêm châu” nhào nhọt để chống đói cũng thành ruộng lúa. Đêm đêm tiếng gàu tát nước ập oà vang động làng trên xóm dưới. Chúng tôi lên cấp III. Trường bấy giờ đóng ở Quảng Thủy. Đi trên bờ kênh âm ập, nước trong vát nom rõ từng bông cỏ dong đưa dưới đáy, lòng cứ lâng lâng cái cảm giác thanh sạch và no đủ.

Mới đó, củ khoai lang mà người dân quê tôi ngỡ chẳng bao giờ thoát nổi bấy giờ đã trở thành của hiếm. Nồi khoai xắt lát xéo như xưa là bữa ăn mùa giáp hạt đã trở thành “đặc sản”... Cũng như quê tôi, nhờ thủy lợi Rào Nan mà dân 9 xã vùng Nam Quảng Trạch đã thoát được nạn đói cổ hữu. Không chỉ có Rào Nan, với các đập Tiên Lang, Vực Tròn, Vực Nổi, Mỹ Trung... hàng chục vạn dân vùng Bắc Quảng Trạch, Bố Trạch, Lệ Ninh cũng đã thoát đói. Tất cả các công trình này đều

do ông Nguyễn Tư Thoan khởi xướng và chỉ đạo giữa thời bom đạn mù trời ấy. Quê tôi có người vẫn nói: Phải chi như ngày xưa, hẳn ông Thoan đã được dân lập đền thờ...

Cùng Hội đồng hương Quảng Bình, giờ tôi mới hay Nguyễn Thanh Bình là con ông Nguyễn Tư Thoan. Không thể ngờ con trai út của ông cũng có mặt ở chốn Cao nguyên này...

Tôi kể cho Bình nghe vào thời điểm công trình thủy lợi Rào Nan đang triển khai dưới làn bom đạn địch, quê tôi cũng nổ rộ phong trào “Tiếng hát át tiếng bom”. Tự điểm biểu diễn văn nghệ là sân kho hợp tác. Không sân khấu, không phục trang vậy mà đêm nào cũng chật ních người. Trong các tiết mục “cây nhà lá vườn” nổi bật là giọng ngâm thơ của cô Khấn gồm hai bài “**Nhớ đồng chí Phùng**” và “**Tôi lại làm thơ**” của ông Nguyễn Tư Thoan. “**Nhớ đồng chí Phùng**” kể về một người đội trưởng đội sản xuất tên Phùng. “**Đội ni trước đây gian khổ lắm/ nửa ở trên bờ nửa dưới sông. Lương gạo hai chòm chưa hợp lại/ kẻ xuôi người ngược khá long đong**”. Thế nhưng khi chỉ bộ cử Phùng về phụ trách thì “**Đoàn kết giao lương gần bờ chân tình/ tất cả đều bảm lòng chiến đấu/ bảm hổ bom mà sản xuất thâm canh**”. Phùng đã hy sinh trong một đêm làm nhiệm vụ gác cho dân làng xem chiếu bóng với lời trăng trối “**Tôi còn ước chưa giết xong loài quỷ Mỹ/ mà nửa chừng đã phải hy sinh**”. Bài thơ mộc mạc, được cô Khấn ngâm nhiều lần mà người nghe cứ lặng đi rưng rưng. Và tôi – bây giờ đã hơn 40 năm, thật lạ vẫn còn nhớ gần hết bài thơ ấy...

Mấy hôm sau Bình đưa cho tôi 5 bài thơ của ông Nguyễn Tư Thoan mà anh còn giữ được. Thơ ông phần lớn là cảm xúc chính trị, khó lấy ra được những câu “thật thần” nhưng đọc xong toàn bài vẫn rất xúc động, bởi đó là những cảm xúc rất chân thật về lý tưởng thời đại lúc ấy:

Cầu nối lại xe chưa qua nhà cử đỡ
Đường chưa thông chẳng tiếc máu
tiếng công
Thuyền cứ vượt thủy lôi đưa hàng lên
phía trước
Xe băng bom nổ chậm chờ đạn đến
tiền phương
Trút gạo trong nỗi cho miền Nam
không tiếc
Ăn cháo rau đánh Mỹ khoẻ
như thường...

Bây giờ thì tôi đã hiểu vì sao mình vẫn nhớ thơ ông. Chính là sự mộc mạc mà

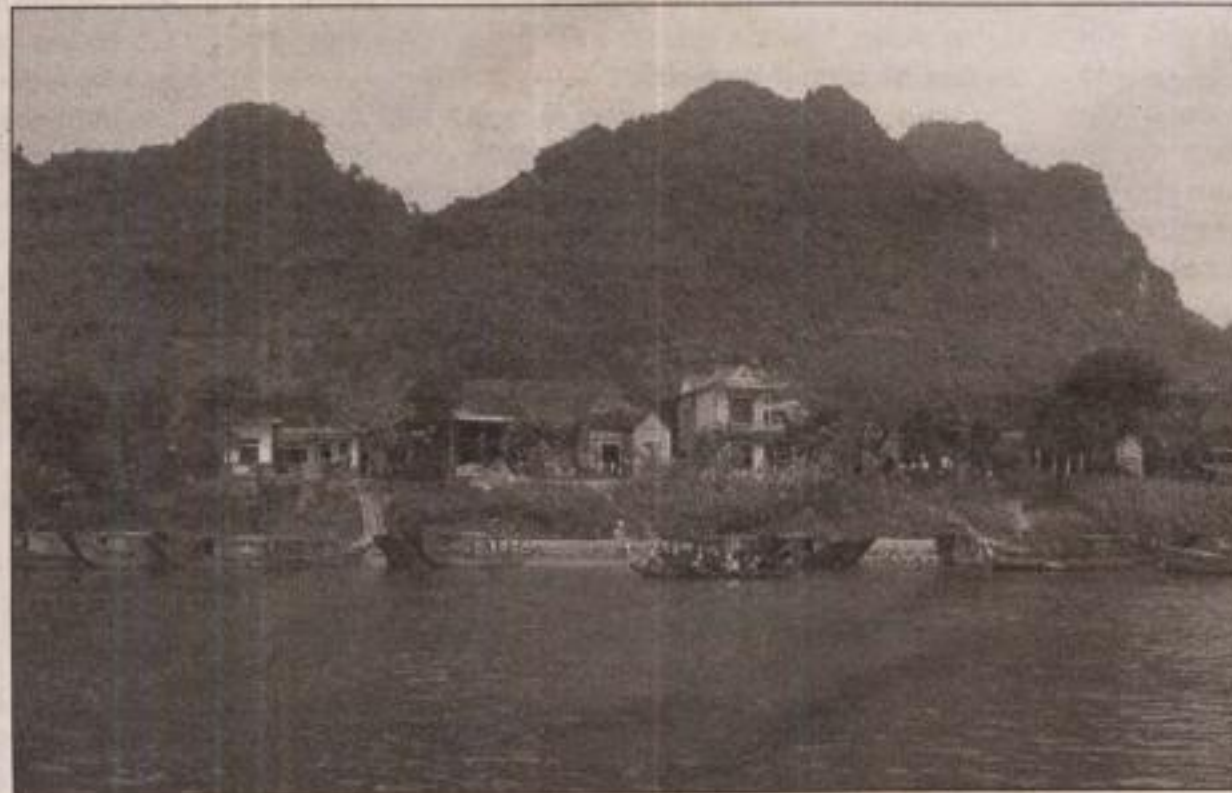
thấm đẫm tinh thần thời đại ấy... Sinh thời, ông Thoan vẫn nói với bạn bè: Thơ mình chưa phải là thơ mà mình cũng chẳng muốn làm thơ. Nhưng nhân dân anh hùng quá, chỉ nói bằng hình thức ấy thì mới diễn tả được... Bình kể rằng ông Thoan rất mê hò đối đáp. Xuống cơ sở, biết cán bộ nào có năng khiếu là ông lại rủ “thử tài”. Đại tướng Nguyễn Chí Thanh mỗi lần vào thăm Quảng Bình là lại cùng ông hò đối đáp... Với tâm hồn thi sĩ, ông rất giỏi đúc kết một điển hình thành khẩu hiệu mang tôn chỉ hành động rộng rãi, ví như “**Xe chưa qua nhà không tiếc**”; “**Cho không lấy, thấy không xin; của công giữ gìn, của rơi trả lại**” vv. Ông đặc biệt quý mến văn nghệ sĩ. Giữa thời đạn bom thiếu thốn đủ bề, ông vẫn tạo điều kiện hết mình để họ sáng tác. Nhạc sĩ Hoàng Văn với ca khúc bất hủ “**Quảng Bình quê ta ơi**” là một thí dụ...

“Văn là người”. Con người ấy đã sống trọn một cuộc đời chỉ công vô tư trong sạch... Ông có 7 người con. Hai con trai đầu với cương vị của ông, chẳng khó gì để kiếm suất du học nhưng ông đã cho đi bộ đội. Một người là lính trinh sát, sau này là thương binh hạng hai. Một người là lính tàu không số. Hết chiến tranh hai người mới thi vào đại học. Những người còn lại tất cả đều tự học, thân tự lập thân. 17 năm giữ cương vị lãnh đạo tỉnh nhưng cả gần ấy thời gian gia đình ông toàn ở nhà tập thể. Mãi đến năm 1974 được xã Nghĩa Ninh cho đất, ông mới mua lại một căn nhà gỗ 2 gian chấy dỡ mang về ở tạm. Nghỉ hưu rồi ông mới xin mua ít gỗ dựng căn nhà ngôi đơn sơ, tự đóng lấy tấp lỏ, nhặt từng mảnh gỗ vụn về làm chuồng lợn... Năm 1974 khi được điều động ra Ủy ban Nông nghiệp Trung ương nhận nhiệm vụ, có chiếc radio casset đáng giá nhất ông mang trả Tỉnh uỷ. Vật duy nhất mà ông giữ lại là chiếc bình hoa gò bằng xác máy bay Mỹ thứ 200 bị bắn rơi trên đất Quảng Bình... Ở Hà Nội, ông để sên từng miếng thịt để rán mỡ gửi về quê cho vợ con. “Đặc lợi” duy nhất với ông là được mua một chiếc xe đạp “Phượng hoàng” giá cung cấp. Ông xin trả dần bằng tiền với sổ tiết kiệm trừ lương tháng...

Từ một Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh uỷ, đến một chuyên viên thường để về hưu, ông cũng chẳng lấy làm điều. Những ngày cuối đời mặc dù phải đánh vật với căn bệnh suyễn và cuộc sống thanh đạm ông vẫn thanh thản, coi mình chỉ là một công dân bình thường đã hoàn thành trách nhiệm với đất nước... Thế nhưng lòng dân thì rất công bằng. Đám tang ông đã có hàng ngàn người dân đưa tiễn. Họ lặng lẽ dắt xe đạp đi bộ theo linh cữu ông... Nhà thơ Phan Văn Khuyển đã có bài thơ khóc ông cảm động “**Anh ra đi chẳng để lại gì/ Một căn nhà đơn sơ như những nhà đơn sơ nhấ/ Người vợ tảo tần với đàn con nheo nhóc/ Sống gian nan trước sông gió cuộc đời.../ Hôm nay có cơn trăng áo lạnh/ Bà con nhớ anh trên các công trình thủy lợi/ Anh lo cho mỗi gia đình thiếu đói/ Hơn cả lo chăm cuộc sống riêng mình...**”

Vinh biệt thế giới đã hơn 20 năm nhưng trong lòng dân Quảng Bình ông Nguyễn Tư Thoan không bao giờ mất... Với tôi, nghĩ về ông xin được mượn lời nhà thơ Tố Hữu viết về Nguyễn Công Trứ “**Tướng công - thi sĩ - doanh điền sứ/ Quan lớn đời nay được mấy ông**”? ■

Plei Ku 20/11/ 2010



Sông Sơn - Quảng Trạch - Quảng Bình

TRUYỆN NGẮN CỦA NGƯỜI VIỆT ĐỊNH CƯ Ở NƯỚC NGOÀI

KHÔNG AI YÊU THƯƠNG TÔI

Truyện ngắn của MCAMMOND NGUYEN THI TU

"Không ai yêu thương tôi ngoại trừ mẹ tôi nhưng có thể bà cũng chỉ đùa thôi..."

N GÀY mẹ gã từ Việt Nam qua, gã đặt tên gã là Daniel. Gã tập cho mẹ gã phát âm cái tên Daniel. Gã bảo: Nói cho đúng, kẻo Tây người ta cười. Tây nào cười? Mẹ gã hỏi. Gã đáp: Chẳng Henry chẳng hạn. Chẳng Henry sống chung trong nhà với gã từ lâu, trước khi mẹ gã qua. Thế mà mẹ gã cứ quên, cứ gọi gã là Phúc. Gã khó chịu. Gã đã xóa sổ nó từ lâu. Bằng lái xe, bảo hiểm y tế, tài khoản ngân hàng của gã, chẳng chỗ nào còn cái tên Phúc. Cái tên mà người bên này nhìn vào hay đọc ra thành Phắc, lại còn giấu theo nụ cười tủm tỉm. Thoạt đầu gã không phản ứng. Bấy giờ gã mới tám tuổi, đến Canada như bước vào một hành tinh lạ, tiếng Anh lồm bồm nhờ mấy tháng sống trong trại tị nạn. Thế nên gọi Phúc hay Phắc, với gã chẳng nghĩa lý gì. Sau gã để ý mấy lần lũ trẻ trong trường tiến đến chỗ gã, một đứa hô "Phắc", cả bọn té ra cười. Gã đứng thộn. Về nhà, Lucy đưa con gái của bố mẹ nuôi gã giải thích, gã té ngựa. Từ đó hễ nghe tên mình bị phát âm sai, gã trợn mắt chình liến. Nhưng bọn trẻ trong trường không tha, thích lời tên gã ra chọc ghẹo. Gã cầm cái tên Phúc. Phải chờ đến mười tám tuổi gã mới hóa vàng được cái tên cứng cộm oái oăm này. Đó là dịp gã thi nhập quốc tịch Canada, được phép đổi tên. Gã liến bỏ tên Phúc, đẹp luôn họ Trần, vứt cả chữ lót Văn. Đoạn tuyệt những thứ "trần văn, nguyên thị" của đám di dân. Gã nắn nót xuống tờ đơn cái tên mới toanh gã ấp ủ suốt những năm trung học. Daniel Thompson! Thompson là lấy theo họ bố mẹ nuôi. Còn Daniel là lấy tên một đảng tiên tri trong thời Cựu Ước bị vua nghe kẻ xúc xiểm ném vào hang sư tử nhưng cuối cùng được cứu thoát bởi phép màu của Chúa.

Mẹ gã thì tiếc tên Phúc. "Phúc là bố mẹ đặt cho con lúc mới đẻ," mẹ gã lâu lâu bảo. "Nhưng bây giờ con là Daniel, không Phúc nữa," gã gắt lên. "Đa-ni-el. Mẹ nghe chưa?" "ừ thì Đa-nheo," mẹ gã dần dỗi. "Nhưng Đa-nheo thì hơn Phúc cái gì. Tên Phúc dễ đọc, lại có ý nghĩa." Mẹ gã đồng dài thêm về cái tên Phúc. Gã bỏ ngoài tai. Mẹ gã lái sang chuyện vợ con. Cái đề tài mẹ gã tra tấn gã gần như mỗi ngày từ hôm hai mẹ con đoàn tụ. "Qua năm là mày đã bốn mươi. Mẹ lo lắm. Nhà chỉ còn mình mày chưa đâu vào đâu. Mà sao thằng Henry cũng vậy, hai đứa mày cứ cả nhổng chẳng thấy lo tính vợ con". Mẹ gã thở dài. "Bằng tuổi mày tao đã chục đứa con, có cả cháu ngoại rồi... Phúc này... à... Đa-nheo..." giọng mẹ gã chợt mềm lại. "Mẹ nghĩ đi nghĩ lại rồi. Mẹ thấy có con Đoàn nhà ông Trùm Đường cùng giáo xứ mình bên đó là xứng với con. Công dung ngôn hạnh đủ hết. Con về cưới nó đi..." Trời. Gã cảm thấy ngột thở. Mẹ gã thao thao nói, nhiều từ nhiều câu gã không hiểu hết. Gã muốn hét lên, muốn tông cửa lao ra khỏi nhà. Mẹ gã lại động vào vết thương lòng sâu kín của gã. Ba tháng nay, từ lúc mẹ gã xuất hiện trong nhà, đầu óc gã một mớ và căng thẳng. Gã muốn yên thân mà không được. Gã đã quyết định bỏ gia đình Thompson, trốn chạy khỏi cái nhà thờ Tin Lành nơi vùng quê ấy, dọn tới thành phố xa hơn cả ngàn cây số này những mong có một chốn nương náu bình yên. Rồi chuyện bảo lãnh mẹ gã, cũng do gã đổi tên Tây, giấy tờ trực trặc mất hơn năm năm mẹ gã mới qua được. Gã muốn nuôi mẹ, vì bố đã mất, các anh chị ai cũng yên bề gia thất. Nào ngờ sự có mặt của mẹ gã đã làm khổ gã thêm. Mẹ gã đầy ư! Sao không giống với sự trông đợi của gã. Gã đã không biết rằng mẹ gã có tính nói dai và hay xía vào đời tư của gã một cách sẵn sàng. Sự lảm nhảm của mẹ gã khiến gã phát điên. Gã quen kiểu đối xử tế nhị của ông bà Thompson. Gã muốn nạt cho mẹ gã im. Gã không chịu nổi. Đáng lẽ gã đừng đưa mẹ gã qua, đáng lẽ gã cứ tiếp tục cuộc hành trình cô lẻ trong đời như bấy lâu. Hơn ba chục năm qua, bắt đầu từ lúc gã là đứa bé thất lạc gia đình trong chuyến vượt đại dương sinh từ đến nay, gã tự mình bươn chải, tự mình chèo chống. Bao đêm nằm trong nhà Thompson, gã để mặc nước mắt chảy, gã nghĩ đến mái gia đình gã từng có ở một nơi gọi là Việt Nam. Gã từng có bố mẹ, ba anh trai sáu chị gái. Nhưng thật ra gã không nhớ ai chỉ nhớ mỗi mẹ gã. Gã mơ tưởng ngày sum họp.

Và bây giờ thì mẹ gã đang ngồi lù lù cả ngày trong nhà gã, sờ sờ trước mặt gã. Gã nuốt nước miếng, nghe

thấm nhói trong ngực. Mẹ gã chẳng thể nào hiểu. Gã nhìn thấy giữa gã và người đàn bà để ra gã là khoảng cách với vợ.

Mày là ai? Gã tự hỏi. Gã khổ sở với câu hỏi thường xuyên leo neho trong đầu gã. Nó lặp đi lặp lại từ hôm ấy. Bấy giờ gã đã rời gia đình Thompson và dọn lên thành phố Vancouver, nơi gã vừa mới kết thúc năm thứ ba đại học. Một buổi sáng mùa hè, gã đang đứng đón xe buýt đi làm, một người đàn ông da trắng từ đâu sấn tới: "Ê, thằng đầu đen. Cút mẹ về quê hương của mày, thằng lại cái chó đẻ!" Người đàn ông quát vào mặt gã, hơi rượu phà ra. Gã bất ngờ, nghẹn họng. Chung quanh im thinh. Gã biết bao nhiêu ánh mắt đang nhìn vào gã. Thương hại. Soi mói. Cầm ghét. Gã lùi lên xe buýt như con chim trúng đạn. Gã chết lặng suốt chặng đường đến chỗ làm. Mày là ai? Mày là ai? Điệp khúc vang trong đầu gã. Gã nghe như có tiếng cười khinh bỉ. Mày là thằng lại cái, thằng gay. Nhìn mày kia. Ha ha! Mày tưởng mày giấu được. Nó rành rành ra đó. Đồ bệnh hoạn. Dơ dáy. Mày là ai? Mày là thằng đầu đen. Vừa đầu đen vừa gay. Thật tởm lợm. Mày tưởng mày giấu được. Tóc mày nhuộm màu hạt dẻ, nhưng nhìn mắt mày, mũi mày, miệng mày, da mày... Mày vẫn là một thằng châu Á mọi rợ. Nó rành rành ra đó. Mày nói mày tên Daniel Thompson? Luyện thuyên! Mày là Trần Văn Phúc. Đứng! Trần Văn Phúc. Đứng hòng chối. Gã lạnh người. Ông bà Thompson không muốn nhìn nhận mày. Người ta không muốn mày trong cộng đồng này. Người ta đang đuổi mày về quê hương. Nhưng quê hương mày đâu? Gã ế chế. Tự bao giờ trong tâm tưởng gã xứ Bắc Mỹ này là quê hương của gã. Gã lớn lên ở đây. Gã hít thở không khí ở đây. Gã nói tiếng Anh hoàn hảo. Gã ăn mặc như dân bản xứ. Tên gã không còn dấu vết những thứ "trần văn", "nguyên thị". Ừ, thì gã được để ra ở Việt Nam. Nhưng gã biết quái gì về Việt Nam. Gã còn chẳng nói được tiếng Việt nên hồn nữa là.

Ái không tin một đứa trẻ lúc rời quê hương đã tám tuổi, mà sau này lại có thể mất hoàn toàn tiếng mẹ đẻ của nó? Hỏi gã. Gã thể có Chúa, tiếng Việt gã mất hẳn từ ngày tháng năm nào gã không biết. Sau mười năm ra đi, gã trở về Việt Nam như kẻ vừa cảm vừa điếc. Tại phi trường, gã hụ lên khóc. "Phúc. Trời ơi thằng Phúc đây!" Mẹ gã nhào tới. Gã không nói không nghe được. Mẹ gã anh chị gã ngơ ngác không chịu tin. Mười năm sống trong gia đình Thompson đã cướp sạch của gã tất cả vốn liếng tiếng Việt tám năm gã gầy dựng. Đám người hiếu kỳ vây quanh gã, khen gã đẹp trai như Tây, nói tiếng Anh cũng như Tây. Gã cao lêu nghêu không giống ai trong nhà. (mẹ gã nói tại ăn pho-mát uống sữa Tây), da trắng mịn như con gái, tóc hoe nâu, áo sơ mi xoàng xĩnh ngắn tay. Mọi người chết khiếp với chiếc quần jeans lửng lơ ngang đầu gối, gấu tua rua lồm chồm, lại có hai lỗ thủng to tướng đằng sau mông. Fashion! Gã nói, như đọc được ý mọi người. Trên đường về nhà, gã mắc tiểu, muốn xe dừng lại. Không ai hiểu gã nói gì, gã phải ôm bụng chịu trận. Chuyến đó gã về bốn tháng để học lại ngôn ngữ mà gã đã đánh mất. Ngày trở qua Canada, gã khôi phục được một mớ từ vựng, nói và nghe tạm tạm, nhưng cái giọng Việt Nam thì không còn lấy lại được. Mỗi lần gã mở miệng nói tiếng Việt, máy chỉ của gã bùm miệng cười.

Ở vùng quê Westbridge gã là người Việt duy nhất, đến trường gã cũng là học sinh á Châu duy nhất, gã đã lột xác để hoà nhập. Gã nhớ hôm tới phi trường thành phố Kelowna, ông bà Thompson cùng con gái Lucy ra đón. Một dàn phóng viên chờ sẵn, có cả người thông dịch. Gã ngêch ra vì sợ. Lần đầu gã nhìn thấy Tây. Cũng lần đầu gã hóa ra người quan trọng. Người ta giành nhau hỏi gã về cuộc hành trình bảy ngày đêm trên biển trước khi con thuyền nhỏ mang 128 con người đã kiệt sức vì đói khát dạt đến Ku-ku, một hòn đảo hẻo lánh ở Nam Dương. Người ta hỏi gã về bốn tháng ở trại tị nạn Ga-lăng, hỏi gã có nhớ bố mẹ anh chị còn bị kẹt lại ở Việt Nam, hỏi gã nghĩ gì về cuộc sống sắp tới trong một gia đình người Canada. Bà Thompson ôm hôn gã lúc người ta chớp máy ảnh lia lịa. Gã không nhớ người mẹ lam lũ của gã đã bao giờ ôm hôn gã như thế. Cũng lần đầu gã biết đến cái mùi thơm không tả nổi của người da trắng. Ông bà Thompson lái xe đưa gã về nhà. Gã ngơ ngác nhìn chốn ở mới của mình: một nông trại nuôi bò sữa rộng gần 200 héc-ta bên cạnh một con sông.

Làng Westbridge vốn vẹn ba chục gia đình. Mỗi nhà cách cả cây số. Hàng xóm tới coi mặt đứa bé tị nạn. Nhân viên y tế đến gặp gã. Chúa lòng lành! Bà y tá gần như rú lên. Đầu gã là một ổ chấy. Con nào con nấy úc núc đen trĩu. Người ta cạo trọc gã, xịt thuốc lên đầu gã trước khi tẩy trùng khắp nhà. Con Lucy sợ không dám đến gần. Gã còn phải uống viên thuốc to như đồng xu để xổ cái bụng toàn giun sán của gã. Mấy tuần đầu, gã hay lánh trong phòng. Đến bữa gã ăn chiếu lệ. Gã không ăn nổi khoai tây hay pho-mát. Gã thêm mì gói, cơm chiên. Gã thêm mắm tép mẹ gã kho. Con Lucy mách mẹ nó mỗi lần nó rình thấy gã khóc. Bà Thompson nghi gã mắc chứng trầm cảm sau chuyến vượt biển thất lạc gia đình. Bà đưa gã đi nhà thương. Bác sĩ khuyến khích gã tham gia hoạt động ngoài trời. Đi học về, gã được ông Thompson cho tập cưỡi ngựa, phụ tưới rau, chẻ củi, vắt sữa bò. Cuối tuần thì đi nhà thờ học kinh thánh và tập cầu nguyện. Gã bớt ủ dột. Gã không còn khóc nhớ mẹ gã. Dần dần gã thấy ở đây vui hơn sướng hơn. Tuổi thơ ở Việt Nam lụi dần như những đám mây mù mờ trong ký ức. Gã chỉ nhớ lảng máng căn nhà tranh bé xiu, chung quanh là mấy luống rau cải rau mùng tơi. Những chén cơm khi độn chuối khi độn ngô gã ăn mấy vẫn thấy mới lũng bụng. Tiếng chuông nhà thờ mỗi sớm mỗi chiều. Những trưa hè không có gì chơi gã bắt mấy con nhện trên trần nhà cho chúng đánh nhau. Gã nhớ gã thêm đi bán bi hay bắt đé với thằng Công trong xóm, nhưng cứ ra khỏi nhà là về bị bố gã nện. Trong nhà, gã nhỏ nhất nên ăn đòn nhiều nhất. Có lần bố gã trói gã vào cột nhà rồi lấy dao cứa chân gã chảy máu cho chữa cái tội lên sang nhà ông Lâm coi phim Lý Tiểu Long chiếu trên truyền hình. Gã kinh hoàng, vừa đau vừa sợ chết. Về chuyện trường học thì gã chỉ nhớ bị mấy bà sơ véo sung tai vì không thuộc kinh Lạy Cha và hay đọc trật bản cầu chương.

Quê nhà với gã là thế. Gã không thiết nhắc tới. Gã nhanh chóng quên dần những điều gã muốn quên và cần quên. Rồi bỗng chốc gã trở thành niềm kiêu hãnh của gia đình bố mẹ nuôi. Bà Thompson thương quý gã đến mức con Lucy phải ganh tị. Gã học giỏi, được học bổng mỗi năm. Thể thao thì môn nào gã cũng nổi bật, đến lớp 12 gã được vào đội tuyển hockey quốc gia. Gã lại có năng khiếu nấu nướng, gã trình bày thức ăn lên đĩa trông như một tác phẩm nghệ thuật. Gã đẹp trai, ăn mặc hợp thời trang, phong thái lịch lãm. Mỗi mùa hè đi làm ở các tiệm ăn gã luôn được tiến tấp cao hơn đồng nghiệp. Con gái nhiều đứa bộc lộ cảm tình với gã. Gã không thích. Và đây là điều khốn nạn đeo đẳng suốt cuộc đời gã.

Từ khi có thể nhớ được, lúc gã mới sang Canada được hai ba năm gì đó, gã bắt đầu phát hiện sự bất thường trong cảm giác của mình. Trong lớp khi thấy cô chia nhóm học, gã tìm cách chui vào nhóm con trai. Gã tránh bọn con gái. Gã không ghét con gái, nhưng không muốn gần. Lên đến trung học, gã nổi quạu mỗi khi bị cặp đôi với một đứa con gái. Rồi gã nhận thấy mình bị hấp dẫn bởi những đứa con trai khác. Đêm gã mơ lướt ái với người đồng giới. Gã đâm hoảng. Gã vừa muốn trốn chạy vừa trông chờ những giấc mơ ấy trở lại. Gã sợ. Gã không biết mình có thực sự là đàn ông không. Gã vào tiệm giả vờ mua tạp chí thể thao, nhưng thực ra là lên xem những hình ảnh trong mấy cuốn Playboy. Gã muốn thay đổi cảm xúc khác thường của mình. Trong một buổi tập dợt kịch tại nhà một đứa con gái cùng trường, bố mẹ nó đi vắng, nó kéo gã lên giường, gã đã tự chứng minh mình cũng giống những thằng đàn ông khác. Nhưng điều đó thực ra chỉ làm tăng thêm những khao khát thầm kín của gã với người cùng phái. Sự khát khao bùng cháy vào cuối năm lớp 12 khi gã bắt được tin hiệu từ John, một thầy giáo dạy tiểu học từ Toronto chuyển đến. John hơn gã năm tuổi, cũng sinh hoạt chung nhà thờ. Gặp John là gã thấy bị thu hút. Hai người có nhiều sở thích giống nhau. Chơi hockey, lái xe mô-tô, đi bộ việt dã, chụp ảnh phong cảnh. Gã và John gặp nhau hầu như mỗi ngày. Gã đưa John về nhà. Ông bà Thompson cũng quý John. Tội con Lucy khoái John ra mặt. Tất nhiên John chỉ coi nó như bạn. Với John, gã có thể trò chuyện về mọi lĩnh vực. John không những nhiều kiến thức mà còn lắm kinh nghiệm sống, không như lũ con gái đồng đẳng, nông cạn, và phức tạp. Rồi một ngày gã và John lên lút ăn trái cấm với nhau. Trong một bụi

cây bên con suối. Sau lần ấy, gã và John không dừng lại được nữa. Có hôm cả hai còn liêu mạng tình tự ngay trong kho chứa đồ của nhà thờ. Suốt mùa hè năm ấy gã sống trong mặc cảm tội lỗi. Bao năm được giáo huấn trong nhà thờ, gã tin rằng đồng tính luyến ái là chuyện đối bại, bẩn thỉu, trái với tự nhiên, một hành động gớm ghiếc xúc phạm đấng linh thiêng. Gã tìm cách tránh John với cố chuẩn bị vào đại học. Gã âm thầm cầu nguyện cho mình được giải thoát. Gã nghĩ đến việc bỏ ngành kỹ sư gã đã đăng ký học, chuyển sang ngành ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc và tiếng Tây Ban Nha để trở thành sứ đồ rao giảng Tin Lành trên khắp đất. Chỉ cách đó gã mới có sức mạnh tháo gỡ gông cùm của ma quỷ đang trói buộc gã. Nhưng lòng quyết tâm của gã chỉ kéo dài được dăm bữa. Gã lại điện gặp John. Tiếp tục lén lút. Gã chỉ còn hy vọng thứ cảm giác mọi người lên án đó chỉ là nhất thời, sau này gã sẽ tự nhiên thay đổi, vì gã không muốn nó, không chấp nhận nó.

Thế rồi giữa lúc gã không ngờ, tai họa ập xuống. Lúc ấy gã là sinh viên năm thứ hai, từ Vancouver trở về nhà dịp nghỉ đông. Gã và John đến nhà thờ chuẩn bị cho lễ Giáng Sinh. Bà vợ mục sư kiêm trợ tế bắt quả tang gã và John đang mút lưỡi nhau trong nhà bếp. Đồng tính luyến ái đã là tội tày đình. Hai kẻ tội phạm còn cả gan làm chuyện nhớp nhúa ngay trong nhà Chúa, lại giữa thanh thiên bạch nhật. Nỗi điểm nhục tăng lên, lớn nhất từ trước đến nay của nhà thờ Pentecostal trong vùng, khủng khiếp hơn tất cả các tội liệt kê trong mười điều răn của Chúa.

Gã không bao giờ quên bữa cơm tối ở nhà ông bà Thompson hôm ấy. Con Lucy nặng mặt suốt bữa ăn. Ông Thompson buồn bã không nói nửa lời. Còn bà Thompson, gương mặt chưa hết kinh sợ, đôi mắt đau đớn hổ thẹn. Bà nói, không nhìn mặt gã: "Mỗi người có quyền lựa chọn lối sống cho mình, nhưng phải biết kính sợ Thiên Chúa." Gã cảm nhận việc làm của gã đã đâm thấu trái tim người đàn bà bấy lâu nuôi dưỡng gã còn hơn người đẻ ra gã. Gã muốn oà khóc vì giọng nói trơ lạnh của bà. Gã hiểu đó là dấu chấm hết trong tình cảm của gia đình ông bà Thompson với gã. Gã đã làm họ thất vọng tột cùng.

Tự trong thâm tâm gã bấy giờ, gã tấm tức muốn cãi lại rằng gã không hề lựa chọn lối sống đó. Gã không bao giờ muốn là gay. Gã đã tìm cách chối bỏ, nhưng không thể chế ngự được thiên hướng tình dục của mình. Vì mục sư cái nghĩa với gã rằng trong chuyện này ma quỷ phải chịu trách nhiệm, và gã cần hợp tác đuổi trừ nó ra, không cho nó có chỗ trú ngụ trong đời sống của mình nữa. Gã buộc phải khai ra hết với Chúa về những ý nghĩ và hành động tình dục gã bùng phát từ trước đến nay.

Nghi lễ xua trừ ma quỷ tiến hành ngay tại phòng ngủ của gã. Nơi mà Xa-tăng và đồ đệ của nó thí đồ gã, bắt đầu từ những cuộc thủ dâm và những giấc mơ luyến ái với người đồng giới. Gã nằm trên giường, tay ôm cây thánh giá trên ngực. Mục sư và các thành viên trong sạch được chọn lọc của nhà thờ đặt tay lên người gã. Họ cầu nguyện và đọc kinh. Mục sư gọi tên Chúa Giê-su, và tên các tổng lãnh thiên thần Micael, Gabriel and Raphael. Ai đó cất lên những tiếng nói lạ, lạnh lốt như gọi hồn khiến gã hoảng hốt. Tâm thần gã bỗng trở nên bất an. Gã ngỡ rằng có những con quỷ, không phải một con, mà cả một bầy đang vùng vẫy chống cự trong thân thể mình. "Chỉ có niềm tin mới giải thoát con khỏi tội lỗi gớm ghiếc này. Lạy Chúa nhân từ xin thương người tôi

tớ Chúa...." vì mục sư cất giọng trầm buồn trong lúc vẩy nước thánh lên khắp người gã. Tất cả trong đầu gã lúc ấy chỉ có hình ảnh John. Tựa như có người rì rầm bên tai gã: Đừng sợ. Hãy cứ vui thú tận hưởng với những gì mình đang có. Mà không thấy hài lòng sao? Mà không nhớ những phút giây hoan lạc sao... Hãy là chính mình. Đừng hoài công sửa cái điều không thể... Gã lao đảo muốn chồm dậy. Tức thời những bàn tay bạo liệt đè gã xuống. Những lời kinh cất cao hơn. Bất chợt tiếng ai kêu: "Kìa, Xa-tăng và đồ đệ của nó!" Tiếp theo là những tiếng rú rít hoảng loạn. Gã chắc mọi người đã nhìn thấy lũ quỷ. Có phải chúng đang nhảy múa ngay chân giường gã. Gã thờ đốc. Những con quỷ đen có ngà có đuôi, mang xiềng xích loằng xoằng đang loay hoay bắt gã. Gã như người thấy mùi lưu huỳnh của chúng. Tiếng kêu, tiếng rú và những tiếng lạ như đàn hợp xướng bên tai gã. "Cút đi. Tất cả bọn bay!" Gã bỗng bật ra tiếng hét trong lúc giây phút tìm cách chồm dậy. Người ta lại đè gã xuống. "Xa-tăng và bọn ma quỷ các ngươi! Hãy cút ra khỏi linh hồn người tôi tớ Chúa đây là Daniel. Lạy Chúa Giê-su đẩy quyền năng và nhân từ, ngày xưa Ngài đã cứu tiên tri Daniel khỏi nanh vuốt sư tử, nay xin thương đến tôi tớ Ngài đây cũng là Daniel được thoát khỏi hiệp ước đã ký kết với Xa-tăng..." Tiếng cầu của mục sư át đi những âm thanh hoảng loạn. Gã cong người. Ướt. Lạnh. Những giọt nước thánh không ngừng vẩy lên cơ thể gã. Bấy giờ đang lao nhao điên cuồng với gã, chúng không muốn trở về địa ngục tối tăm với những vạc dầu sôi ngày đêm thiêu đốt các linh hồn tội lỗi. Chúng đang ráng sức thò chân leo trở lại vào người gã. Gã nghĩ và lịm đi.

John cũng phải trải qua nghi lễ ấy, sau gã hai ngày. Tưởng thế là xong. Không ngờ gã và John vẫn bị mọi người trong nhà thờ đối xử khác biệt. Người ta sợ sệt lẫn cảm ghét khi thấy gã và John đến gần. Gã bị tước mất trách nhiệm đầu bếp cho bữa tiệc Giáng Sinh. Còn nhiệm vụ đánh đàn piano trong đêm lễ Vọng của John cũng được giao cho người khác. Gã và John đã làm ô uế hội thánh, không xứng đáng được hầu hạ công việc nhà Chúa nữa. Không một lời chia tay, gã và John tự động rút lui khỏi cuộc đời của nhau từ đó. Gã dọn đồ ra khỏi nhà ông bà Thompson, chuyển hẳn tới Vancouver. Học xong đại học, gã tìm được một việc làm ở Calgary, một thành phố nằm ở sườn đông dãy núi Rocky và sinh sống ở đó đến nay.

Ngót hai chục năm từ khi gã rời gia đình Thompson là ngót hai chục năm gã sống hai cuộc đời. Trước mắt công chúng, gã là một huấn luyện viên thành công và đầy uy tín cho đội hockey thanh niên thành phố. Nhiều cầu thủ trong đội huấn luyện của gã được tuyển lựa vào đội quốc gia. Học sinh của gã là những cậu trai tuổi mười sáu mười bảy. Chúng coi gã như thần tượng. Bố mẹ chúng nể trọng gã. Không một ai biết gã là gay. Gã không chỉ kèm cặp những chàng cầu thủ trẻ về chuyện thể thao, gã còn là tư vấn khi chúng gặp rắc rối chuyện đời tư. Rời chỗ làm, gã trở về với thế giới riêng tư và bí mật, một thế giới của những người đồng tính. Sau mỗi tình dục với John, gã tắt lịm cảm xúc si mê say đắm ấy trong suốt thời gian dài. Biến cố xảy ra ở nhà thờ Tin Lành ấy như một cú đòn chí mạng đánh gã gục hoàn toàn. Gã mất phương hướng. Có lúc gã định tự vẫn. Gã dành thời gian tìm hiểu về thiên hướng tình dục của con người. Gã vẫn có ý muốn sửa đổi tính dục của mình. Gã nghiên cứu các học thuyết khác nhau. Càng đọc gã

càng thấy mù mờ, càng thấy bị bế tắc. Gã vẫn không thể kết luận đâu là nguyên nhân gây nên sự đồng tính, cái điều khốn nạn đeo đẳng cuộc đời gã khiến gã không thể tự tin nhìn thẳng vào mặt mọi người. Với gã, điều ấy tự nhiên như thế. Gã chẳng đổ thừa ai. Nhưng nhất định không phải do gã, vì gã không bao giờ chọn lựa nó. Mẹ gã ư? Ma quỷ ư? Hay do yếu tố sinh học? Tâm lý học? Xã hội? Hay gì gì nữa? Gã phát chán những sự phân tích loằng ngoằng của người đời. Đâu đâu gã cũng thấy kêu gọi gay hãy bước ra khỏi "cái tù", hãy là chính mình. Gã làm thinh. Lâu lâu báo chí lại rùm beng đăng tin một ông huấn luyện viên thể thao nào đó bị bắt và kết án vì tội xâm phạm tình dục những cầu thủ trẻ. Tuy không có bằng chứng, người ta cứ gán những kẻ phạm tội ấy là gay. Nghĩ tới những định kiến, hằn thù đối với người đồng tính gã lại co người không dám lộ diện. Gã thà chịu đựng nỗi bức mình phải sống giả dối với người chung quanh, cả với mẹ gã. Gã không dám hình dung chuyện gì sẽ xảy ra cho tên tuổi và sự nghiệp của gã nếu gã vén ra bức màn bí mật của đời mình.

Sao lại đến nỗi này, Chúa ơi. Mẹ gã lạc giọng, mếu máo. Mẹ đẻ mười đứa con đủ hình đủ dạng. Con cũng đầy đủ các thứ của một đứa con trai. Không, không thể như thế được. Con bị bệnh này từ bao giờ hả Phúc? ở nhà thờ người ta nói chuyện thẳng Henry ở chung nhà với con. Mẹ không tin, cứ nghĩ người Việt hay ganh tị nói xấu bịa đặt cho người khác. Không, không thể là tự nhiên được... Bảo thẳng Henry dọn ra. Chính nó đã cảm dỗ con vào con đường tội lỗi này...

Mẹ gã sụt sịt, rên rĩ, kể lể như bà điên. Ma quỷ đã nhập vào con. Con phải đi với mẹ đến gặp Cha để xưng tội. Chỉ có Cha mới gỡ cho con được. Cha sẽ nhân danh Chúa đánh đuổi ma quỷ và tẩy rửa linh hồn con. Phúc ơi, nghe mẹ. Hồi mới đẻ con đã chịu phép rửa, tên thánh của con là Giu-se, sao con dám phản bội Thiên Chúa đi theo Tin Lành? Mẹ gã lê thê chuyện này sang chuyện khác.

Không, gã nhất định không đi gặp vị linh mục nào cả. Vẫn còn nguyên trong ký ức gã cuộc đuổi trừ ma quỷ nhà thờ Pentecostal dành cho gã hôm nào. Gã rùng mình. Trí óc gã lại chuyển sang hình ảnh người đàn ông da trắng say rượu từ đầu sấn tới. Ế, thằng đầu đen. Cút mẹ về quê hương của mày. Đổ lại cái chó đẻ.

Rồi con sẽ trở lại bình thường. Con sẽ có vợ có con như người ta. Con Đoàn nhà ông Trùm Đường... Tết này con về Việt Nam cưới đi... Chỉ còn cách đó. Phúc ơi nghe mẹ đi. Người ngoài biết được chuyện này thì mẹ còn mặt mũi nào... Con đi. Bỏ cái tên Đa-nheo đa nhếch gi đi, nghe nó kỳ lắm...

Người đàn bà đẻ ra gã vẫn còn chưa dứt nói.

Nước mắt gã chảy ra. Gã bặm môi để khỏi khóc rống lên. Gã nghĩ đến bài ca gã lên nghe trong đêm cuối cùng ở gia đình Thompson. Thứ nhạc Blues nhà thờ nơi ấy cấm. Bông cát-xét đó là món quà cuối cùng của John, John giấu đưa cho gã ở nhà thờ đúng vào hôm định mệnh. Cho đến buổi tối trước khi rời khỏi vùng đất thân thương nhưng cay nghiệt ấy, gã mới mở ra nghe. Gã đã bật khóc giữa đêm khuya thanh vắng khi giọng người ca sĩ da đen gào lên tức tưởi... *Không ai yêu thương tôi ngoại trừ mẹ tôi... nhưng có thể bà cũng chỉ đùa đùa thôi... Không ai yêu thương tôi...*

(*) Lấy từ bài hát Nobody Loves Me.

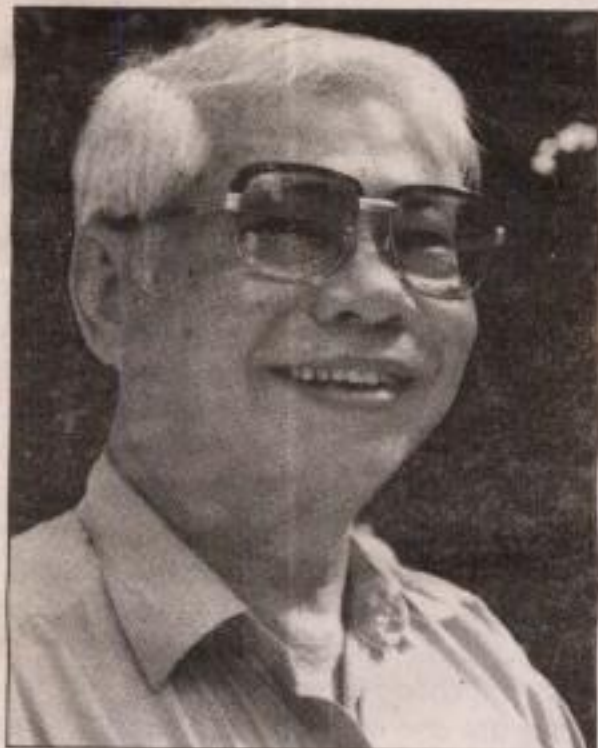


Minh hoạ của ĐỖ DỪNG



XUÂN HỒNG NHẠC SĨ CỦA MÙA XUÂN

NGUYỄN ĐÌNH SAN



Nhạc sĩ Xuân Hồng

NÓI đến Xuân Hồng, công chúng yêu âm nhạc cả nước, đặc biệt là các bạn trẻ đều không xa lạ; bởi ông là tác giả của rất nhiều bài hát nổi tiếng. Nhưng phải nói Xuân Hồng là nhạc sĩ của những mùa xuân; bởi thật hiếm người sáng tác nào đã có đến 3 bài hát rất hay liên quan đến mùa xuân, làm say đắm lòng người là *Xuân chiến khu*, *Mùa xuân trên thành phố Hồ Chí Minh* và *Mùa xuân bên cửa sổ*.

Nhắc đến nền âm nhạc Cách mạng miền Nam trong giai đoạn kháng chiến chống Mỹ, giải phóng quê hương, tiến tới thống nhất đất nước; sau Lưu Hữu Phước (với bút danh Huỳnh Minh Siêng), phải kể ngay đến Xuân Hồng. Bà con và các chiến sĩ giải phóng những năm 60-70 của thế kỷ trước, không ai không biết các bài hát *Chiếc khăn tay*, *Bài ca may áo*, *Xuân chiến khu*, *Hành quân đêm*, *Tiếng chày trên sóc Bơ Bo*... Đó là những ca khúc tươi rói cảm xúc, nóng hổi hơi thở của cuộc kháng chiến, đến hôm nay vẫn còn nguyên giá trị, khiến ngay cả các bạn trẻ sinh

ra sau 1975 cũng rất ưa thích. Có thể thấy rất rõ những bài hát của Xuân Hồng - đặc biệt là những bài ra đời trước năm 1975 - đã là bản sao chụp hiện thực cuộc sống, cũng như đời sống các chiến sĩ giải phóng. Nếu nói ông là người thư ký của cuộc kháng chiến chống Mỹ, đã ghi chép sinh động bối cảnh xã hội bằng âm nhạc cũng rất đúng vậy. Trên cái nền khối lửa mịt mù, bom đạn gầm rú, tinh mạng các chiến sĩ luôn cận kề với cái chết, vẫn vút lên những âm điệu đầy hào sảng, lạc quan. Ngôn ngữ âm nhạc của Xuân Hồng luôn trẻ trung yêu đời, phơi phới, như bản chất, như tâm hồn con người miền Nam; đó cũng là tình cảm tự nhiên của quân và dân, luôn tin ở thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến.

Những năm 60 của thế kỷ XX, các chiến sĩ giải phóng rất thích bài *Chiếc khăn tay* của Xuân Hồng. Giai điệu bài hát vui tươi, nhí nhảnh, diễn tả tâm trạng phấn chấn của một người con gái tự tạo nên chiếc khăn tay để tặng người bạn trai là chiến sĩ giải phóng. Một bài tình ca nhẹ nhàng kín đáo, đồng thời chứa đựng cả tình quân dân nồng thắm, vốn là truyền thống của người Việt Nam ta. Sau bài hát này, Xuân Hồng lại cho ra đời tiếp một ca khúc làm nức lòng bà con vùng giải phóng. Đó là bài *Xuân chiến khu*. Vẫn mạch cảm xúc tươi trẻ, lạc quan, nhưng bài này khác hẳn *Chiếc khăn tay*, đã tạo nên vẻ phong phú, sinh động, nhiều màu sắc của bút pháp Xuân Hồng trong việc sáng tạo giai điệu. Nhạc của Xuân Hồng, như đã nói là rất trẻ trung, phù hợp với tình cảm, tâm trạng của giới trẻ khi đó; nhưng vẫn rất sâu sắc, chứ không hời hợt, "lạc quan tếu". Bên cạnh âm hưởng bay bổng, ta còn cảm nhận rõ một âm hưởng khác được toát ra ở nhiều bài hát của ông. Đó là một hiện thực còn đầy gian khổ của quân dân ta, mà ai nấy đều phải gồng mình lên mới có thể vượt qua được những cam go khắc nghiệt. *Hành quân đêm*, và *Tiếng chày trên sóc Bơ Bo* đã thể hiện rõ điều này. Nhạc sĩ đã sử dụng điệu thứ, để khắc họa bối cảnh đêm với những bước chân của các chiến sĩ giải phóng, dù "đường trơn, gỏi mồi, chân chồn", nhưng vẫn "lòng vững lòng vì quê hương sáng bừng lên". *Tiếng chày trên sóc Bơ Bo* nói về những cô gái ở

Sóc Bơ Bo miệt mài giã gạo để gửi ra mặt trận nuôi bộ đội. Từ một công việc cụ thể của những người phụ nữ góp công cùng tiến tuyến đánh giặc; Xuân Hồng đã tạo nên một bài hát độc đáo, có giai điệu đặc biệt thú vị, với tiết tấu khắc họa sinh động nhịp chày giã gạo, đã gây ấn tượng mạnh mẽ cho người nghe. Đây là một trong những bài hát hay nhất của nền âm nhạc giải phóng. Một điều khá thú vị đối với các bài hát liên quan đến mùa xuân của Xuân Hồng, là khi sáng tác lúc đang còn chiến tranh khốc liệt, cuộc sống rất gian khổ, thì giai điệu lại nhẹ nhàng, tươi vui (*Xuân chiến khu*). Ngược lại, khi miền Nam đã được giải phóng, đất nước đã thống nhất, mọi gian truân hiểm nguy đã lùi vào dĩ vãng, thì ông lại viết nên một bài hát có giai điệu nặng suy tư với âm hưởng trầm trầm. Đó là bài *Mùa xuân trên thành phố Hồ Chí Minh*: "Mùa xuân này về trên quê ta, khắp đất trời biển rộng bao la. Cây xanh tươi ra là trở hoa, chào mùa xuân về với mọi nhà...". Có gì như là bất hợp lý chăng? Nếu suy nghĩ kỹ ta sẽ thấy Xuân Hồng quả là một người rất sâu sắc. Chẳng những vậy, ông lại còn luôn ý thức về sứ mạng của người nghệ sĩ. Đó là việc phải động viên, cổ vũ, nâng con người lên tầm vóc lớn lao, sẽ có lợi cho sự nghiệp cách mạng chung của dân tộc. Vì vậy mà trong chiến tranh, ông cần tạo nên bức tranh bằng âm thanh với gam màu tươi sáng, cần thổi bùng chủ nghĩa lạc quan cách mạng từ tâm hồn những người chiến sĩ trẻ. Nhưng khi miền Nam được giải phóng, mùa xuân độc lập, hòa bình đầu tiên về với thành phố mang tên Bác, ông thấy hạnh phúc đến quá bất ngờ, tưởng như trong mơ do chiến thắng của chúng ta quá vĩ đại, nằm ngoài sự tưởng tượng của nhân loại. Và còn một điều nữa: hạnh phúc của dân tộc ta đã phải trả giá bằng xương máu của bao người con đã ngã xuống. Ông nghĩ đến giây phút hội ngộ của những gia đình không có đủ các thành viên. Vì thế, giai điệu của *Mùa xuân trên thành phố Hồ Chí Minh* phảng phất vẻ buồn ngùi, trầm trầm cũng là điều dễ hiểu. Một lần tôi hỏi một nữ Việt kiều sang Mỹ sống từ sau năm 1975 yêu thích âm nhạc, chơi được đàn Pi a nô, thuộc rất nhiều bài hát của các nhạc sĩ Việt Nam rằng: Trong

số rất nhiều bài hát viết về Sài Gòn từ trước đến nay, chị thích bài nào nhất? Chị đã trả lời không cần nghĩ: Bài hát Xuân Hồng. Vì tác giả nói đúng được tâm trạng, tình cảm của người Việt Nam, đặc biệt là người Sài Gòn vào đúng cái thời khắc vừa được giải phóng. Âm điệu bài hát cứ xoáy vào lòng người với rất nhiều vui buồn pha trộn.

Xuân Hồng là người có tính cách, tâm hồn và ngoại hình bên ngoài khác hẳn nhau, nếu không nói là đối lập. Ông ít nói, có vẻ lẳng lặng, đáng người phục phịch, ăn mặc rất đại khái. Nhưng đó chỉ là phút đầu, còn khi vào chuyện thì cũng vui vẻ, cởi mở. Và đặc biệt là rất chân tình, khiêm nhường, không mắc cái thói khá phổ biến của nhiều người trong giới sáng tác là chỉ thích nói về bản thân mà không để ý gì đến người khác. Với Xuân Hồng, ngược lại, ông quan tâm đến mọi người. Ngoài ra, ông cũng nói về tình hình hoạt động âm nhạc ở TP Hồ Chí Minh với cái nhìn thông thoáng, đầy ưu ái giới trẻ. Tôi nhớ mãi những lời ông bộc bạch: "Tôi không có may mắn được đào tạo về âm nhạc nhiều, ở nước ngoài như một số anh em khác, chủ yếu là cứ viết nhiều thành quen. Viết được bài nào, hát ngay cho anh em nghe, rồi để họ góp ý. Sửa đi sửa lại đến khi nào anh em chấp nhận là yên tâm. Tôi nghĩ là viết bằng trái tim, tấm lòng là chính, gần bó với cuộc sống của bà con, chiến sĩ thì thế nào cũng viết được cái gì đó để họ yêu mến"... Thật khó hình dung con người có vẻ bề ngoài xù xì thô mộc, nói năng kiệm lời, rất khiêm nhường đó lại là tác giả bản tình ca nổi tiếng có lời lẽ vô cùng lãng mạn: "Cao cao bên cửa sổ, có hai người hôn nhau. Chim đi đứng bay nhè, hoa đi hây toả hương và cây đi xin lặng lẽ cho đôi bạn trẻ đón xuân về..." (*Mùa xuân bên cửa sổ*).

Nói Xuân Hồng là nhạc sĩ của mùa xuân, không chỉ với ý cụ thể mà còn bao gồm hàm ý: Nhạc của ông luôn tươi trẻ, đầy sức sống, luôn dào dạt sức xuân, rất được các thế hệ trẻ ưa thích. Thật đáng tiếc, ông đã sớm về cõi vĩnh hằng khi năng lực sáng tác vẫn còn đang dồi dào, sung mãn. Ông mất đi, để lại một khoảng trống thật khó bù đắp trong đời sống âm nhạc của công chúng. Những mùa xuân đã thiếu đi một phong vị riêng, từ những giai

CỔNG TRƯỜNG THỜI MỞ CỬA...

NGUYỄN THỊ TRÀ MY

TRONG không khí cả đất nước ta đang diễn ra những hoạt động thiết thực, bổ ích và đổi mới trên nhiều lĩnh vực; thì bộ phim truyền hình *Cổng trường thời mở cửa* - với nội dung nhẹ nhàng mà sâu sắc về nền giáo dục Việt Nam đương đại - đã như một lời cảnh tỉnh, về một số vấn nạn trong xã hội, cũng như một lời tri ân đầy ý nghĩa, gửi tới các nhà giáo chân chính. Xem lại bộ phim, chúng tôi không khỏi xúc động, khâm phục trước tài năng, phẩm giá, bản lĩnh của những người thầy chân chính; không khỏi xót xa, trăn trở trước thực trạng của nền giáo dục nước nhà; không khỏi ghen lòng trước bao cảnh đời éo le và đồng cảm biết bao trước bi kịch của những sinh viên tài năng, có hoài bão trong nỗ lực khẳng định bản thân, vươn lên những đỉnh cao tri thức. Đây là một bộ phim có ý nghĩa khá sâu sắc (kịch bản Hữu Đạt, đạo diễn Triệu Tuấn), đã đề cập trực tiếp đến những vấn đề nóng bỏng của giáo dục hiện nay, trước xu thế mở cửa, hội nhập và trên đà chuyển biến; đã bộc lộ nhiều bất cập khiến dư luận xã hội hết sức quan tâm. Thành công nổi bật của bộ phim, là đã đi sâu phân tích những mặt trái của nền giáo dục nước nhà một cách hết sức tự nhiên, chân thực, nhẹ nhàng mà thấm thía. Một loạt vấn đề nổi cộm của ngành giáo dục thu hút sự chú ý của cả trong những năm gần đây đều được đề cập đến ở các mức độ khác nhau - từ vấn đề dễ thấy như chất lượng giáo dục, hình thức đào tạo, phương pháp giảng dạy, thay sách giáo khoa, thi kèm thi hộ, giáo viên đánh học sinh, việc làm của sinh viên... đến những vấn đề tế nhị hơn là chạy trường, mua bằng, hối lộ, làm con dấu giả, đạo văn, thuê viết luận văn, phong học hàm học vị, thái độ đối xử, chen ép, đầu tư, gán ghép, cướp công trình khoa học của chính những người vốn vẫn được xã hội nể trọng, tôn vinh... Ngoài ra, phim, còn đề cập đến một số vấn đề nổi cộm khác trong xã hội như ảnh hưởng của lối sống "cởi mở" và thực dụng đến nếp sống, nếp nghĩ, nếp sinh hoạt của tầng lớp trí thức, giới trẻ, quan chức, công chức; sự cách biệt giữa các thế hệ; trách nhiệm giáo dục của cha mẹ...

Đây là những vấn đề nóng bỏng, nhức nhối của cuộc sống đương thời, đã được báo chí đề cập khá nhiều. Tuy nhiên, *Cổng trường thời mở cửa*, vẫn hấp dẫn nhiều tầng lớp khán giả



Cảnh trong phim Cổng trường thời mở cửa

Ảnh: T.L

bởi những câu chuyện được tái hiện trong những không gian rộng, với nhiều nhân vật thuộc các tầng lớp khác nhau. Những con người, những cảnh đời ta có cảm giác như vẫn gặp hàng ngày, nhưng được thể hiện dưới dạng những câu chuyện hấp dẫn, giàu tính nghệ thuật, trong đó thông điệp được truyền tải một cách nhẹ nhàng, thoải mái. Tốt và xấu sẽ tồn tại bên cạnh nhau, không phê phán lẫn nhau. Bộ phim khơi gợi cho khán giả nhiều suy ngẫm "tự thanh lọc" một cách sâu sắc, bởi nó không lên giọng rao giảng đạo đức; nội dung phim nói về mặt trái xã hội nhưng không thiên về những cảnh u tối, ảm đạm mà được xây dựng trên tình huống gay cấn, có pha thêm những yếu tố hài hước.

Đạo diễn Triệu Tuấn cũng khá thành công khi lựa chọn được dàn diễn viên đồng đều về khả năng diễn xuất. Họ vào vai "rất ngọt" và diễn "rất đời" như Thu Thủy (vai Thực), Diệu Hương (vai Hương); Hoàng Mai (GS.Bống); Trần Hạnh (vai ông Bảnh); Xuân Tiến (vai Tào); Văn Toàn (vai ông Khang); Thu Hiền (vai Hoàng Dung)... Ngôn ngữ nhân vật trong kịch bản của nhà văn Hữu Đạt, đã được các nhân vật thể hiện một cách chân thực, tự nhiên. Tôi thích thú và rất tâm đắc với ngôn

ngữ đối thoại đậm chất "nông dân" của các nhân vật ông Khang, ông Bảnh, ông Tào, cô Ngà, bà Quên. Những đoạn đối thoại ngắn của hai giáo sư nửa mùa được mệnh danh là "cường hào, ác bá trong làng khoa học" - GS Bống và GS Nguyễn. Lời thoại đậm chất triết lý, đầy tính nhân văn của những triết thức chân chính như GS. Thối, Thầy Lộc, cô giáo Phương, nhà báo Hoàng Dung; hay những đoạn thoại đậm chất "phê bình, học đời" của Tào và Bống, giờ ôn tập "nhộn nhạo, suy diễn chủ quan" của thầy giáo ở lò luyện thi... Chính diễn xuất thành công đó, đã giúp cho ý tưởng của tác giả kịch bản được chuyển tải đến người xem một cách tự nhiên, dung dị và sâu lắng. Ngoài ra, bộ phim còn tập trung xoay quanh vấn đề chất lượng, hình thức, phương pháp giảng dạy, học tập ở bậc đại học và sau đại học. Đây là bậc học cung cấp cho đất nước nguồn lao động có chất lượng cao. Qua môi trường đào tạo này, họ sẽ trở thành những trí thức làm thay đổi vận mệnh và tầm nhìn của dân tộc. Nhưng qua bộ phim, chúng ta cũng tự chừa xót ngẫm ra và tìm được một phần lời giải cho những câu hỏi nhức nhối: Tại sao nền giáo dục nước nhà mãi vẫn chìm trong vòng luẩn quẩn? Vì sao chất lượng giáo dục lại thấp một cách đáng buồn? Vì sao lại có những cái cách giáo dục xa rời thực tế? Vì sao người có tài, có tâm lại hay bị thua thiệt, chen ép, đổ kỵ? Vì sao xã hội ta cần lắm những thanh niên, những trí thức tài năng, chân chính dám đấu tranh cho sự thật và lẽ phải? Và vì sao chúng ta phải nhìn thẳng vào sự thật của ngành giáo dục nói riêng, của xã hội ta nói chung, dù sự thật ấy đôi khi thật tàn nhẫn, chua xót?

Thay lời kết, chúng tôi xin dẫn lời nhân vật cô giáo Phương (một nhà giáo chân chính, bản lĩnh) ở những cảnh cuối cùng, khi những kẻ góp phần làm cho nền giáo dục đảo điên được đưa ra trước ánh sáng pháp luật: "Mọi tội trạng sẽ được xét xử nghiêm minh, chúng ta cần một cuộc cách mạng thực sự, hãy nói không với tiêu cực trong thi cử và loại bỏ bệnh thành tích trong giáo dục". Đúng. Cuộc cách mạng đó chỉ thành công, khi nó bắt nguồn từ những tấm lòng, những trí tuệ tâm huyết thực sự với sự nghiệp giáo dục nước nhà!

MẤY VẤN ĐỀ XUNG QUANH HOẠT ĐỘNG BIỂU DIỄN NGHỆ THUẬT

Vừa qua, Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội đã tổ chức giám sát tình hình hoạt động và thi hành chính sách, pháp luật về nghệ thuật biểu diễn (NTBD) tại Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, các tỉnh Thừa Thiên - Huế và Gia Lai; tổ chức lấy ý kiến giới chuyên môn và các nhà quản lý. Ủy ban cũng đã làm việc với lãnh đạo các Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch (VHTTDL), Nội vụ, Tài chính về tình hình hoạt động và thi hành chính sách pháp luật về BDNT.

Chúng tôi đã có cuộc trò chuyện với GS. Nguyễn Minh Thuyết, đại biểu Quốc hội, Phó Chủ tịch Ủy ban sau khi ông tham gia đoàn giám sát nói trên.

- Phóng viên: Thưa GS. Năm 2010 đã đi qua, mở đầu cho một mùa xuân mới. Xin GS cho biết công tác quản lý Nhà nước và việc cấp phép công diễn trong thời gian tới?

- GS. Nguyễn Minh Thuyết: Theo Quy chế 47, các chương trình biểu diễn nghệ thuật (BDNT) phải duyệt trước khi cấp giấy phép công diễn. Cục NTBD duyệt, cấp giấy phép cho các đơn vị của Trung ương; Sở VHTTDL địa phương cấp giấy phép cho các đơn vị trên địa bàn.

Cục NTBD và các Sở VHTTDL thành lập Hội đồng nghệ thuật giúp người đứng đầu các cơ quan này duyệt chương trình trước khi cấp giấy phép. Các đơn vị phải tổ chức tổng duyệt. Điều này gây tốn kém cho đơn vị nghệ thuật. Để thuận tiện, các đơn vị biểu diễn thường bố trí thời gian tổ chức tổng duyệt gần với thời gian biểu diễn chính thức, nhưng điều này lại ảnh hưởng đến việc bán vé và quảng cáo vì phải có giấy phép mới được tiến hành. Thêm vào đó, các cơ quan chức năng ở các thành phố lớn không thể duyệt hết được các chương trình trên địa bàn. Như ở Tp. Hồ Chí Minh, hằng năm có đến 400 chương trình, nhưng chỉ có 70 chương trình được duyệt trực tiếp trước khi cấp giấy phép. Điều 23, Quy chế 47 quy định giấy phép có hiệu lực trong phạm vi toàn quốc và quy định các đơn vị đã có giấy phép, đến địa phương khác sẽ được Sở VHTTDL của địa phương đó cấp giấy tiếp nhận. Nhiều chương trình bị từ chối ở địa phương này, mang sang địa phương khác lại được cấp phép. Theo quy định, các chương trình không bán vé thu tiền thì không phải duyệt, cấp giấy phép. Trên thực tế, có những phòng trà ca nhạc tổ chức hoạt động BDNT.

- Về việc thực hiện chính sách khi đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị

có điều gì cần bàn hay không, thưa ông?

- Cả nước hiện có 116 đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp, hơn 200 đoàn nghệ thuật xã hội hóa, hơn 41.000 đội văn nghệ cấp xã, phường, hàng trăm đội thông tin tuyên truyền và hơn 150 câu lạc bộ nghệ thuật tư nhân nhưng mỗi chỉ có gần 130 điểm biểu diễn có mái che. Nhiều tỉnh chưa có nhà hát. Tại không ít tỉnh, thành phố, thiết chế văn hóa ở các vị trí đắc địa, trong đó có nhà hát, còn bị bán đi hoặc bị chuyển đổi mục đích sử dụng. Hệ thống nhà hát, rạp hát hầu như không đáp ứng được những yêu cầu về công năng biểu diễn chuyên nghiệp. Phần lớn các cơ sở này chật hẹp và xuống cấp. Không ít nơi chưa có sân tập và sân khấu. Một số nhà hát, cơ sở biểu diễn tuy được sửa chữa, nâng cấp nhưng chất lượng không đáp ứng yêu cầu, hiệu quả sử dụng không cao. Không ít trường



Đoàn Ca múa Vĩnh Phúc trong Ngày thơ Việt Nam lần thứ VIII

Ảnh: HỮU ĐỒ

hợp đầu tư mua trang thiết bị đắt tiền nhưng không có chỗ để. Trang thiết bị thường vừa sử dụng tại nhà hát, vừa đem đi phục vụ biểu diễn lưu động cho nên xuống cấp.

- Xin GS cho biết về vấn đề xã hội hóa hoạt động BDNT?

- Thực hiện Nghị quyết 05 và các Nghị định 90, 69 của Chính phủ về xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa... hoạt động BDNT đã đạt được một số kết quả tốt. Riêng Tp. Hồ Chí Minh đã có 700 doanh nghiệp đăng ký tổ chức biểu diễn, trong đó có trên 100 đơn vị hoạt động thường xuyên. Tuy nhiên, xã hội hóa mới thành công ở một số thành phố lớn, với một số loại hình nghệ thuật nhất định. Các nhà hát nghệ thuật truyền thống vẫn gặp nhiều khó khăn. Ở nhiều địa phương, BDNT không bán vé được. Theo quy hoạch BDNT đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đến năm 2010, số đơn vị nghệ thuật ở Trung ương giảm từ 12 thành 10 đoàn, và mỗi địa phương sẽ chỉ giữ lại một đơn vị cho truyền thống tiêu biểu. Tuy nhiên, do thiếu văn bản hướng dẫn cụ thể, nên phần lớn các đoàn vẫn chưa triển khai quyết định này. Ở một số tỉnh, việc sáp nhập các đoàn nghệ thuật khác nhau thành một, dẫn đến hoạt động kém hiệu



Ông NGUYỄN MINH THUYẾT

quả, làm mai một các đoàn nghệ thuật truyền thống.

Các đơn vị tư nhân thu hút nghệ sĩ từ đơn vị công lập, nhưng gần đây các nghệ sĩ lại bỏ sân diễn đến với truyền hình. Việc các ca sĩ từ các đoàn nghệ thuật, bỏ đoàn "chạy sô" và các vụ "bể sô" diễn của các ông bầu đang phổ biến. Nội dung nhiều chương trình cũng đang bị thị trường hóa, chạy theo thị hiếu tầm thường. Công nghệ lăng xê các diễn viên lên thành "sao" để đẩy cát sê lên cao đang tạo ra những giá trị ảo.

- Từ kết quả giám sát, xin GS cho biết Ủy ban có kiến nghị gì đối với Quốc hội và Chính phủ?

- Ủy ban kiến nghị Quốc hội: Từ năm đầu của kế hoạch 5 năm (2011-2015), tăng mức đầu tư cho văn hóa lên 3% ngân sách, tương đương mức đầu tư cho khoa học - công nghệ. Phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các văn bản qui phạm pháp luật. Đến năm 2014 ban hành Pháp lệnh về NTBD, năm 2020 ban hành Luật NTBD. Sửa đổi điều 6 Bộ luật Lao động và điều 51 Luật Bảo hiểm xã hội.

Ủy ban kiến nghị Chính phủ: Sớm ban hành Nghị định về NTBD. Tiếp tục xây dựng chiến lược và quy hoạch phát triển ngành NTBD; sắp xếp lại các đoàn nghệ thuật công lập và các trường VHNT; có chính sách hỗ trợ nghệ thuật truyền thống. Cụ thể hóa chính sách xã hội hóa và đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động NTBD; ban hành chính sách thuế và đất đai phù hợp để khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia. Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, nâng cấp trang thiết bị; nghiêm cấm bán, chuyển đổi mục đích sử dụng đối với các thiết chế văn hóa. Sửa đổi, bổ sung chế độ tiền lương, phụ cấp, thù lao, nhuận bút; hướng dẫn tổ chức thi năng ngạch cho diễn viên. Sửa đổi tiêu chuẩn phong tặng danh hiệu NSND, NSUT; có chính sách ưu đãi về tiền lương đối với những nghệ sĩ được phong tặng các danh hiệu hoặc đoạt giải cao trong các liên hoan nghệ thuật. Sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản chỉ đạo cho phù hợp với Luật Sở hữu trí tuệ. Có cơ chế tuyển sinh hợp lý; tăng kinh phí đào tạo; miễn học phí cho người học các bộ môn nghệ thuật truyền thống; đưa đi đào tạo nước ngoài một số ngành nghệ thuật.

- Xin trân trọng cảm ơn GS. Nguyễn Minh Thuyết, về cuộc trò chuyện bổ ích này.

THỌ XUÂN (thực hiện)

GÓC NHÌN NGHỆ SĨ

HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI...

LÊ HUY BÌNH YÊN

NĂM 2010 đã lại đi qua, với nhiều sự kiện trọng đại, mà trong đó, **Đại lễ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội**; đã tạo nên một ấn tượng to lớn, nhất là các chương trình văn hoá nghệ thuật diễn ra cả tháng trời trên sân khấu cả nước. Năm 2010, cũng đã tạo nên những hứng thú của công chúng, trước những hoạt động của ngành Điện ảnh nước nhà - mà **Liên hoan Phim quốc tế lần thứ nhất**, do Việt Nam đăng cai tổ chức - là trung tâm chú ý của dư luận. Tp. Hồ Chí Minh, với sự tự vượt lên của các hãng phim tư nhân, sự xuất hiện nhiều tập phim phóng sự, tài liệu truyền hình, ca múa nhạc; cùng với nghệ thuật sân khấu với các suất diễn liên tục, thường xuyên của các Nhà hát, các Câu lạc bộ, các Nhà văn hóa... đã tạo nên một đời sống tinh thần phong phú, bổ ích. Trái lại, như một sức ỳ cố hữu, sân khấu được bao cấp của các Nhà hát Trung ương, Hà Nội, đa phần vẫn âm thầm, lặng lẽ và không mấy đồ đến - ngoài Nhà hát Tuổi trẻ bằng một nỗ lực để thường xuyên biểu diễn với nhiều thể loại - từ chính kịch, hài kịch,

kịch hình thể, ca múa nhạc cho thiếu nhi... **Liên hoan Xiếc, Liên hoan Múa rối quốc tế tại Hà Nội**, tuy vẫn còn những khiếm khuyết trong tổ chức, chấm giải... nhưng cũng đã giúp chúng ta rút ra được nhiều bài học nhất định. Cũng trong năm qua, những sự kiện **Ngày Thơ VN; Ngày Mỹ thuật VN; Ngày Âm nhạc VN; Ngày Sân khấu VN; Ngày Điện ảnh VN; Ngày Nhiếp ảnh VN...** của các Hội Văn học - Nghệ thuật chuyên ngành Trung ương; đã mang lại những niềm vui mới cho các nghệ sĩ và công chúng. Cùng với hội họa, nhiếp ảnh, mà các triển lãm thường xuyên đã cố gắng nâng cao chất lượng hơn; thì Triển lãm Mỹ thuật toàn quốc vào tháng 12, đã khép lại một năm đầy khởi sắc của hội họa, điêu khắc đương đại... Vâng. Một mùa xuân mới đã đến. Hết một năm, chỉ cần điểm lại một vài ấn tượng về văn hóa, nghệ thuật tiêu biểu trong cả nước; rõ ràng, niềm vui vẫn lớn hơn nỗi buồn; và như thế, sự hướng tới một tương lai tốt đẹp hơn trên con đường sáng tạo, vẫn luôn mở ra trước mắt chúng ta!

Bà Mụ ở hương Hạ Đan có một anh cháu trai tên Măng, mới mười tám tuổi, nhưng là tay săn bắt cự phách. Mỗi lần dinh Lạc tướng Trung có việc như làm lễ, mở hội cần thịt thú rừng, Măng đều được vào giao cho nhiệm vụ săn bắt. Một lần Măng vào rừng bắt được một con hổ trắng chừng vài tháng tuổi, bèn đem về biểu Trắc. Măng nói:

"Giống hổ là thú dữ nhưng cũng thích được vuốt ve chiều chuộng. Cô Trắc là người yêu thú vật, mát tay chắc sẽ thuần dưỡng được nó."

Trắc trông thấy con hổ trắng mới nhìn hơn con mèo trong bếp nhà chút ít, liền thích ngay. Trắc gọi nó là con mèo xù, lấy sữa dê và cháo cho nó uống. Trắc bảo Măng:

"Hàng ngày Măng phải vào đây với Trắc, chăm cho con mèo xù này lớn lên đấy nhé."

Măng được lời thì lòng vui như mở cờ gặp gió. Măng thích Trắc vì cô xinh đẹp, cồi mở dễ gần. Măng thích nhìn Trắc cười, thích nghe Trắc nói, thích nhìn trộm dáng đi của Trắc, thích làm những việc mà Trắc sai khiến. Măng bảo:

"Măng sẽ dạy Trắc luyện thêm bắn cung. Trắc có thích đi săn nhím với Măng không?"

Trắc nói thích, hẹn hôm nào sẽ đi săn nhé.

Một hôm Măng dậy sớm, soạn lại bó so săn nhím ngày trước cha Măng vẫn dùng, lọc ra những cái tốt nhất cột lại đeo vai. Bà Mụ thấy cháu suốt đêm không ngủ, giờ lại dậy sớm đeo so đi săn nhím, nghĩ mãi không rõ nguyên do là sao. Bà hỏi:

"Mấy ngày tới, nhà Lạc tướng không có hội đám nào, cháu đi săn nhím làm gì?"

Măng thật thà đáp:

"Cháu đưa cô Trắc đi săn."

Bà Mụ giật mình. Trắc là con gái Lạc tướng, Lạc tướng dòng dõi nhà Hùng. Vậy thì Trắc phải là mị nương. Ngày xưa họ Chữ lấy được mị nương ấy là chuyện ngày xưa kể thế, ai biết thật giả thế nào. Bây giờ quan Thái thú Tích Quang dạy, dân phải giữ phận dân, quan phải giữ phận quan. Cháu bà làm sao có thể mơ tới cô Trắc. Bà gằn kheo:

"Cháu đi săn nhím thì cứ đi, nhưng có săn được nhím thì cũng đừng lấy thế làm mừng nhé."

Măng không hiểu hết ý bà, nên nói:

"Có săn được nhím thì cháu cũng thả. Cô Trắc yêu thú vật lắm, không nỡ giết thịt đâu."

Bà mụ nghĩ, thằng cháu có lớn, nhưng chưa có khôn, sau này nó sẽ hiểu. Bà bèn giục cháu đi sớm kẻo cô Trắc chờ.

Đúng là Trắc chờ thật. Vừa thấy Măng, Trắc bèn trách:

"Măng hẹn đến sớm, sao giờ mới tới?"

Măng nhìn gương mặt trái xoan đỏ ửng của Trắc, mái tóc đen mượt do bà Mụ thường hái cỏ màn trâu nấu cho Trắc và Nhị gội, rồi liếc nhanh sang Nhị, không hiểu sao thấy tim bỗng đập rộn ràng. Hai chị em Mị nương có khuôn mặt giống nhau như hai giọt nước, nhưng tính khí mỗi người một khác. Trắc lúc nào cũng sôi sục như thác nước réo, đầy tràn sức mạnh, rất cả quyết, nhưng cũng rất mơ mộng, đúng là tư cách một người chị cả. Nhị thì kín đáo hơn, có phần dịu dàng điềm đạm, so về võ nghệ chẳng kém gì Trắc, giống như hồ nước trong, có thể nhìn thấy đáy, nhưng khó mà đo lường được độ nông sâu. Thấy võ Năng Tế từng có lần nhận xét, Trắc có tướng của bậc đế vương, biết nhìn xa trông rộng, còn Nhị cũng chả kém gì chị, đồng cân đồng lượng cả. Măng không nghe được lời

nhận xét của thầy võ Năng Tế, nhưng Măng cảm được cái sức mạnh của thác nước, cái sâu thẳm của hồ đáy. Một trái tim thiếu niên non trẻ không tránh khỏi xao động trước hai vị Mị nương xinh đẹp, thành thử lúng túng không thốt nổi nên lời. Nhị thấy tội nghiệp Măng bèn chen vào, bảo rằng Măng còn phải chuẩn bị đồ nghề, còn phải đi từ dưới Hạ Đan lên, còn phải giúp bà Mụ bao nhiêu công việc nữa chứ.

Mỗi lần Trắc nặng lời với Măng, thì Nhị lại ra mặt bênh. Măng sợ hai chị em Trắc, Nhị cãi nhau, vội nói:

"Ấy là lỗi của Măng, tại Măng ngủ quên đấy."

Chờ, sốt ruột thì trách vậy thôi, chứ Trắc cũng chả có ý gì. Trắc lấy một cái gói bọc ngoài bằng lá chuối khô giấu ở trong yếm, đưa cho Măng, bảo:

"Xôi sẵn đấy, ngon lắm, Trắc phần Măng, ăn đi."

Măng đỡ gói xôi, thấy nóng hơi ngực Trắc thì suýt nghẹt thở, cứ giữ trong tay không nỡ mở ra. Nhị mỉm cười, lấy từ trong bao lưng ra một gói nhỏ, cũng gói bằng lá chuối khô, đưa cho Măng. Măng ngược mắt nhìn Nhị dò hỏi. Nhị cười tươi:

"Muối vùng đấy, Xôi sẵn chấm muối vùng ăn ngon lắm, Măng ăn thử xem."

Trắc cười:

"Sao em lại biết chị mang xôi cho Măng mà đem muối vùng?"

Nhị nghoẹo đầu nhìn chị, lí lách:

"Hỏi chị thì biết vì sao?"

Rồi quay sang bảo Măng:

"Hơi muộn rồi, vừa đi vừa ăn nhé."

Măng đưa Trắc và Nhị vào đến bia rừng thì dừng lại, nói:

"Người thợ săn muốn săn được con mồi, việc đầu tiên là phải biết con mồi thường làm tổ ở đâu, hay đi theo lối nào, hay kiếm ăn món gì. Có thể bắt con mồi khi nó trên đường về tổ hay xua nó từ tổ chạy ra."

Nhị thích đi theo Măng, rất hứng thú xem Măng đặt bẫy, xem Măng dò tìm dấu thú, nhưng lại không thật có hứng nghe Măng giải thích. Trắc thì ngược lại, luôn đặt cho Măng những câu hỏi, chẳng hạn tại sao thú lại hay đi ăn vào ban đêm, tại sao bẫy phải đặt như vậy? Văn vân. Măng nói:

"Con vật nào cũng làm tổ ở gần nơi có thức ăn. Chẳng hạn ong thì làm tổ ở gần nơi có nhiều hoa. Nhím sẽ đào hang ở gần nơi có nhiều sắn. Hôm nay mình sẽ đi xét dấu nhím."

Trắc hỏi:

"Xét dấu nghĩa là gì?"

Măng đáp:

"Xét dấu là đi xem dấu chân con nhím..."

Trắc ngăn Măng lại, bảo:

"Để Trắc nói xem có đúng không nhé. Con vật thường hành động theo thói quen, đi lại nhiều làm thành lối mòn, mình dựa vào đấy mà lựa cách đặt bẫy."

Ngày nhỏ Măng đi theo cha, được cha giảng dạy nhiều lần mới biết, đường này chưa nói Trắc đã hiểu, thật đáng khâm phục. Măng nói:

"Đúng như vậy đấy. Nhưng khi xét dấu phải chú ý, dấu cũ hay dấu mới. Dấu cũ nghĩa là con vật đã không trở lại nữa rồi."

Nhị nghe chị gái và Măng trò chuyện với nhau vui vẻ thì không khỏi ngạc nhiên, chuyện ấy thì có gì thú vị mà hai người nói mãi không dứt? Nhị bỏ đi hái được một bó hoa rừng, quay trở lại thấy hai người vẫn mãi mê câu chuyện xét dấu. Nhị nói to:

"Măng ơi, có thấy bó hoa này đẹp không?"

Măng nhìn qua, đáp cho Nhị vui lòng:

HỔ TRẮNG

Truyện ngắn của HÀ PHẠM PHÚ



Minh họa của NGÔ XUÂN KHÔI

"Đẹp đấy!"

Nhưng Nhị không thấy vui, bèn giận dỗi quẳng bó hoa xuống đất, vùng vằng:

"Nhị về đây, không thích đi săn nữa."

Trắc biết Nhị giận vì cái gì rồi, bèn cúi xuống nhặt bó hoa lên, đi đến bên em gái, nói:

"Bó hoa em hái đẹp lắm, sao hàng ngày ở phòng của hai chị em mình không cắm hoa nhỉ?"

Rồi quay sang Măng:

"Chắc Măng cũng thấy, nếu cắm hoa thì đẹp, đúng không?"

Măng gật đầu lia lịa:

"Đúng, đúng! Cắm hoa thì đẹp lắm, có khác gì mình đưa rừng vào đầu giường."

Nghe Trắc nói, Nhị thấy nguôi nguôi, nhưng thốt nhiên không muốn đi săn nữa, bèn bảo:

"Em không thích săn nữa, chị đi săn với Măng đi."

Trắc ngăn ngại một lúc, sau vẫn cùng Măng đi sâu vào cánh rừng. Một lát bóng hai người liền mất hút sau các bụi cây. Nhị đứng tần ngần, bỗng phân vân không biết nên về hay nên đi theo, cuối cùng ngồi phệt xuống lễ cỏ.

Ngồi một lúc lâu, Nhị tự giận mình, sao dở hơi ở lại không đi cùng họ. Cuối cùng, Nhị đứng lên, vạch cây tìm đường đuổi theo hai người.

Trắc, Nhị và Măng bắt được một con nhím. Khi bị đuổi, con nhím phóng ra mấy cái lông cứng nhọn sắc như mũi tên,

rồi co giò phóng chạy, đâm đầu vào một cái so, bị thít chặt lại. Nhị reo lên:

"Bắt được con nhím rồi."

Trắc bảo:

"Con nhím tội nghiệp, không chạy đâu, lại đâm đầu vào rọ."

Măng đến bên cái so, túm lấy con nhím, nâng lên ước lượng nặng nhẹ, nói:

"Thịt con này chắc ngon lắm đấy."

Trắc thấy tội nghiệp con vật, vừa mới tự do đấy mà giờ lại mất tự do, có thể mất vĩnh viễn. Cô bảo Măng:

"Trắc biết lối săn nhím là như thế nào rồi. Thả nó vào rừng đi Măng."

Măng thấy tiếc rẻ, nhưng không muốn trái lời Trắc, bèn tháo chiếc so cho con nhím chạy đi. Con nhím đang nằm rúm trong chiếc so, bỗng được thả tự do, ngỡ ngàng mất mấy giây, sau đó thì phóng một mạch vào rừng.

Thả cho con nhím vào rừng xong, Trắc, Nhị và Măng cùng trở về nhà. Dọc đường cả ba cùng rất vui. Nhị luôn cất tiếng hát, giọng véo von như chim, mỗi khi qua một chỗ khó đi lại bắt Măng cầm tay dắt. Con đường về nhà phải qua một con suối to, nước trong vắt. Trời gần đứng bóng, nắng như đổ lửa. Trắc bảo nóng quá, xuống suối tắm. Cả ba bèn nhảy ào xuống suối. Măng ngập xuống dưới nước, nín hơi chưa nhô lên ngay. Nhị thấy Măng lâu không lên thì sợ lắm, bèn kêu to:

"Chị Trắc ơi, Măng chết đuối rồi."

Dứt lời, Nhị òa lên khóc. Trắc biết là Măng bơi giỏi, đâu có thể chết đuối dễ

dàng thế. Trắc nói:

"Để chị lặn xuống tìm."

Nói đoạn, Trắc lặn xuống bơi đến chỗ Mãng, ôm lấy cậu ta, hôn một cái rồi dài, rồi cả hai cùng nổi lên. Trắc bảo:

"Nhi đâu, tiếp hơi thôi ngạt cho Mãng, kéo cậu ta chết mất."

Thoạt đầu nhìn thấy Trắc ôm Mãng trong lòng, Nhi thấy khó chịu, nhưng khi nghe Trắc gọi, Nhi đâm lo lắng thực sự. Nhi bèn chạy ào đến, vừa chạy vừa hỏi:

"Tiếp hơi thế nào? Thổi ngạt vào đâu?"

Mãng sợ đùa dai làm Nhi giận bèn chuối khỏi tay Trắc, đứng dậy, nhoẻn miệng cười. Nhi đâm vào lưng Trắc, nói:

"Em biết chị rồi, em biết chị rồi."

Sáng hôm sau bà Thiện gọi hai con lên chào bố. Lạc tướng chuẩn bị đi Liên Lâu. Bà nói với chồng:

"Đó, ông nhìn hai con gái của ông đi. Chúng lớn bằng từng này rồi, sắp lấy chồng được rồi."

Hùng Trưng ngỡ ngàng nhìn Trắc và Nhi chạy vào cùng con hổ trắng đã khá lớn. Ông ôm hai con gái vào lòng, lấy hai tấm vải lụa mua của vị khách thương ẩn ở ra tặng con. Con hổ trắng thấy nữ chủ được Lạc tướng cưng chiều thì nổi máu ghen, há miệng gầm gừ, đôi mắt vằn lên những tia máu. Lạc tướng khẽ gạt con hổ sang bên, nói:

"Các con phải nhớ ơn mẹ. Mẹ không chỉ có công sinh thành mà còn có công dưỡng dục - Lạc tướng đưa mắt nhìn con hổ nói tiếp - Hổ là chúa tể tự nhiên, nó phải có tự do mới có sức mạnh, các con hãy thả nó về rừng."

Trắc ngược nhìn cha hồi lâu, rồi như chợt hiểu, cúi đầu thưa:

"Thưa cha, con hiểu những điều cha nói. Chúng con sẽ thả con hổ."

Nói xong Trắc và Nhi đưa con hổ lui ra. Bà Thiện nói với chồng:

"Con Trắc giống tính ông, mạnh mẽ, dứt khoát. Lớn lên nó có thể thay ông gánh vác công việc đấy."

Hùng Trưng nhìn vợ âu yếm:

"Ngày xưa, đàn bà cai quản mọi thứ, đàn ông săn bắn, gieo trồng, chài lưới... Ta không có con trai, thì con gái thay thế. Cũng là ý trời..."

Khi Lạc tướng trùng kế Tích Quang, ngắm độc mà mất, con "mèo xù" của Trắc bắt đầu thay đổi tính nết, không còn hiền ngoan như trước, luôn gầm gừ dữ tợn. Trắc cho lấy một miếng thịt nướng mang lại, nhưng nó nhất định không động tới. Lúc ấy, Trắc nhìn vào mắt nó, cảm giác như nó muốn nói điều gì đó với mình. Trắc nhẹ nhàng:

"Nào, chủ "mèo xù" ngoan ngoãn của ta. Mi cần gì nào? Cần gì thì nói ra, ta sẽ cho mi thỏa mãn?"

Con hổ non như hiểu tiếng người. Nó chậm chạp bò lại, dụi mặt vào chân Trắc, rồi ngó ra phía rừng. Trắc vuốt ve đầu nó, chợt hiểu, nói:

"Ta hiểu mi rồi. Mi nhớ rừng phải không? Ngày mai ta sẽ cho mi đi chơi, mi sẽ tha hồ chạy nhảy."

Con hổ non vẫn giữ nguyên tư thế cũ.

Trắc nói:

"Mi không ưng như thế à?"

Con hổ ngược lên nhìn Trắc. Bất giác Trắc thấy trong mắt nó ứa ra một giọt nước. Hổ non mà chảy lệ à? Trắc bỗng cảm thấy cay ở sống mũi. Trắc xoa đầu nó bảo:

"Được rồi, ta sẽ dẫn mi ra viếng mộ Lạc tướng, con hổ có hiếu ạ."

Trắc mang hương hoa cùng con hổ đi ra mộ cha.

Mộ Lạc tướng tựa đầu vào núi Cả, chân duỗi xuống đầm Hà, nhìn xa ra sông Cái. Trên mộ lúc nào cũng đầy hoa tươi. Trắc đánh lửa, đốt hương cắm lên

mộ cha, rồi khấn.

"Thưa cha, Trắc con hôm nay đưa con hổ ra thắp hương cho cha, xin cha sống khôn chết thiêng phù hộ cho mẹ và chúng con, phù hộ cho Mê Linh, sớm làm nên nghiệp lớn, khôi phục lại giang sơn nhà Hùng."

Trắc vừa dứt lời thì bó hương bốc lửa, khói hương bay toả một vùng. Con hổ nằm ôm lấy mộ Lạc tướng, im lặng. Qua làn khói hương, Trắc nhìn thấy Lạc tướng đứng phía bên kia, đăm đăm nhìn mình. Hai hàng lệ tuôn ra, chảy tràn trên má, Trắc kêu lên:

"Cha, cha ơi!"

Lạc tướng vẫn ngăm nhìn Trắc, khoe môi khẽ nhếch dường như mỉm cười. Trắc nuốt nước mắt:

"Cha có gì dạy con?"

Lạc tướng vẫn không cất tiếng. Trắc chợt hiểu, cha đã về bên kia thế giới, nên cha con không thể nói chuyện cùng nhau. Trắc hướng về cha, nói thật to:

"Con nguyện sẽ làm tròn phận con gái của cha, sẽ giành lại đất Văn Lang cho cha. Cha hãy tin con."

Trắc thấy Lạc tướng khẽ gật đầu, hài lòng.

Lúc đó có một cơn gió nổi lên, cuốn những tàn hương và khói ngược về trời. Lạc tướng nhẹ nhàng cất mình lên cao rồi hoà vào thinh không. Trước khi biến đi, người đưa mắt nhìn con hổ, rồi nhìn Trắc như muốn nói gì, nhưng Trắc không nghe được.

Trắc thắp thêm một tuần hương nữa, rồi vãi lay ra về. Con hổ vẫn nằm ôm lấy ngôi mộ, không chịu rời. Trắc vỗ vỗ vào lưng nó, giục:

"Nào "mèo xù" của ta, mi nhớ Lạc tướng không nữa rồi à?"

Con hổ ngược nhìn Trắc, nhìn xoáy như đôi mắt người. à, phải rồi! Trắc nhớ lại, lần cuối cùng Lạc tướng gặp Trắc và con hổ, người đã dặn, hổ là loài chúa sơn lâm, nuôi nó trong nhà chẳng khác nào tước mất cuộc sống của nó, hãy thả nó về rừng. Sau đó phần vì không muốn rời xa con thú đáng yêu, phần vì mài học hành, Trắc đã xếp lời dặn của cha lại, lần lữa rồi quên khuấy đi. Bây giờ Trắc mới hiểu cái nhìn của cha khi người không thể nán lại, cha nhắc hãy trả lại cuộc sống thực cho con hổ.

Trắc lẩm nhẩm nói cùng cha, cha ơi con sẽ thả con "mèo xù" ngay bây giờ. Trắc cúi xuống, ghé vào tai con hổ, thầm thảo:

"Nào hãy đứng dậy, ta theo lời dặn của Lạc tướng, trả đại ngàn lại cho mi!"

Con hổ như có linh tính, nghe được tiếng Trắc, đứng dậy, dụi mặt vào lòng Trắc, mắt ứa ra một giọt nước to.

Trắc đưa con hổ đến bên cửa rừng, hai tay vỗ vào đầu và lưng nó, nói:

"Đây là cửa rừng, từ cửa rừng đi vào sâu vào nữa là đại ngàn của mi. Từ bé đến giờ mi sống cùng ta, được chăm bẵm, nuôi nấng như con vật trong nhà, sương không đến mặt, nắng không đến đầu, mi trông phổng phao mà gân cốt yếu ớt, đáng đẹp mà ẻo lả. Bây giờ ta thả mi ra, đi vào đại ngàn, một thân một mình làm sao mà chống chọi với các loài thú khác, ngay cả đồng loại của mi chưa chắc đã chấp nhận mi, trên thân mình mi vẫn còn thấm đẫm mùi người. Ta lo cho mi lắm!"

Con hổ ngược nhìn Trắc, rên gừ gừ. Trắc xoa đầu nó, lại nói:

"Ta hiểu mi muốn nói gì rồi. Bản tính của loài mi là săn bắt và ăn thịt, chỉ có săn bắt mới làm cho loài mi mạnh, mới làm cho loài mi có bản lĩnh. Ta hiểu, mi muốn nói không lúc nào trong máu thịt của người không gào thét đòi hỏi đại ngàn và tự do. Có đại ngàn mới có tự do. Có tự do mới có sức mạnh. Ta cũng như

TẢN VĂN

ĐẦU NĂM MUA MUỐI

HOÀNG TUYẾN

C HẰNG lẽ là tôi nghe nhầm? Chẳng lẽ là thỉnh thoảng tôi đang vọng lại tiếng rao nọ từ tiềm thức? Vì lẽ nào sáng mồng một tết, trong cái không gian ắng lặng bốn bề, khi tâm linh đang rung rung trong hoài niệm về gia đình, tổ tiên, dân tộc, về tương lai cuộc sống, ở ngõ phố tôi ở lại có tiếng rao của một người bán muối. .

Ai mua muối ra mua! Không còn là một tiếng vọng từ kỷ ức nữa, đó là một tràng rao mộc mạc, chân phương, có thật, trực quan ở ngay trước cửa nhà tôi đây rồi.

Ai mua muối ra mua! Nhưng mà chẳng lẽ dưới sự điều khiển của quy luật cung cầu thời cơ chế thị trường, guồng máy thương mại đã không còn biết đến ngưng nghỉ lấy một ngày Tết nhất thiêng liêng? Ừ thì muối là thứ vật phẩm quý giá nhưng đâu có là hiếm hoi. Có ba nghìn đồng một ký thôi. Rẻ như bèo và ở đâu chả có!

Ai mua muối ra mua! Có người bán tấc có người mua. Nhưng chả lẽ sáng ngày mồng một Tết này nhiều người mới sực nhớ đến sự quên lãng vô duyên của mình, mới vội vàng mua lấy mấy hạt muối cho bữa cỗ sum họp cúng gia tiên? Nỗi nghi ngờ của tôi càng thêm phần sâu nặng khi mẹ tôi chín mươi tuổi chống tay ngồi dậy, bảo tôi gọi người bán muối; và mặc tôi nói: liền muối ở nhà vẫn còn đấy, người vẫn lập cập bước ra cửa, móc túi lấy một nghìn đồng mua một bát muối của người bán nọ, sau khi bảo tôi rằng: "Đầu năm mua muối cuối năm mua vôi, đó là tục lệ của cha ông, con à!"

Hạt muối thân quen! Một thành tố không thể thiếu trong miếng ăn nuôi sống ta hàng ngày. Quen thuộc lắm cái liền muối đặt ở cạnh bếp nấu ăn trong mỗi gia đình. Đã hiểu quá rồi cái khổ sở vì cơn đói muối của những người làng Kông Hoa bất khuất, theo

anh hùng Núp đánh giặc Pháp trong tiểu thuyết "Đất nước đứng lên" của nhà văn Nguyễn Ngọc. Và cùng với vị ngọt ngào, chua cay... vị giác ta làm sao quên được vị mặn mòi của hạt muối ăn, cũng như làm sao ta quên được tình nghĩa tao khang vợ chồng mặn mà trong câu ca dao *Gừng cay muối mặn xin đừng quên nhau!*

Muối! Kinh Thánh nói. Người là muối của đất. Còn người Bắc Âu nói, đó là một thứ trong đó chứa đựng cái mệnh mông của đại dương, cái sắc trắng của tuyết và vị mặn của nước mắt.

Ồi muối! Cái vật thể kết tinh từ nước biển và nắng gió trắng tinh giản dị vậy mà đã không ít lần làm xao xuyến lòng ta. Ta đã nhìn thấy muối đọng trắng trên vai áo nâu bạc lao khổ của cha ta. Ta đã thấy vị mặn trong giọt mồ hôi cơ cực của mẹ ta. Ta đã hưởng vị mặn chát của muối trong quả cà, cọng dưa trong bữa cơm hàng ngày. Càng sống lâu, ta càng thấy khắc khoải, âu lo trước cái lẽ mặn nhạt, ấm lạnh của tình đời.

"Đầu năm mua muối, cuối năm mua vôi". Giờ thì tôi hiểu câu nói nọ của mẹ tôi, tôi hiểu ý nghĩa của cái mỹ tục ngày đầu năm mua muối của mẹ tôi, của ông bà mình rồi. Muối là cái mặn mà trong tình nghĩa, quan hệ, là cái đậm đà, thủy chung trong lối sống. *Đừng xanh như lá bạc như vôi*. Vôi là cái bạc bẽo, vô cảm, vô ơn, là cái nhạt nhẽo, vô tình trong mối liên hệ giữa con người và con người.

Người Việt ta trọng nghĩa, trọng tình, đối xử với nhau trước sau như một, xa lạ với lối sống thực dụng, thực lợi, vị kỷ. Người Việt ta sống chân tình, vị tha.

Bài thơ *Đầu năm mua muối* của thi sĩ Phạm Đình Ân có đoạn thật hay:

Đột nhiên chiếu sáng một

Ai mua muối ra mua

Một rao mười tiếng vọng

Mặn về nghìn năm xưa.■

mi, nên ta hiểu. Đại ngàn và tự do. Tự do là sức mạnh."

Con hổ đứng thẳng lên, nhìn sâu vào đại ngàn. Con đường mòn từ cửa rừng đi vào ngoằn ngoèo như con rắn đất đang bò, sau đó thì bị rừng nuốt chửng. Chỉ thấy cây cối ken dày như một bức tường thành không thể công phá. Đó là một thế giới chỉ loáng thoáng trong kí ức của nó, giờ hiện ra lạ lẫm và đầy đe dọa. Con hổ trở nên lưỡng lự.

Trắc bước lùi lại sau mấy bước rồi nói:

"Trước mặt mi là đại ngàn, là thế giới của mi đấy, hãy dũng cảm tiến lên, đừng sợ. Đầu tiên mi phải vượt qua nỗi sợ hãi chính mình. Nào, bây giờ mi không còn là "mèo xù" nữa, mi là hổ. Hãy đi đi."

Con hổ bước lên mấy bước, rồi quay lại nhìn Trắc. Trắc bước tới ôm lấy cổ nó, nói:

"Vĩnh biệt mi, hổ nhé!"

Dứt lời, Trắc đẩy mạnh lưng nó, thét to:

"Đi đi, đi về đại ngàn của mi đi!"

Con hổ giật mình, không ngờ cô chủ lại

thét to đến như vậy. Nó nhún người nhảy về phía trước, chớp mắt đã cách xa Trắc mười thước. Quay lại nhìn Trắc lần cuối cùng. Rồi cúi đầu bước đi từng bước một. Trắc thấy trái tim nhói đau. Một nỗi lo âu đè nặng, không biết đêm nay con hổ sẽ sống thế nào? Những loài thú nào sẽ bắt nạt nó, đồng loại có chấp nhận nó không? Nó có tự mình kiếm được thức ăn không? Trắc muốn cất lời gọi nó quay lại, nhưng miệng lại thốt ra những lời dịu dàng:

"Đi nhé, bình yên nghe hổ!"

Trắc đứng ở cửa rừng cho đến khi bóng hổ mất hút giữa rừng sâu. Trắc đứng cho đến khi mặt trời xuống sau núi, cho đến khi bóng đêm trùm lên, vừa mong sao con hổ tìm được chỗ trú, vừa thon thót thêm nghe từng tiếng động, hy vọng nó quay trở lại.

Con hổ không quay trở lại. Trắc âm thầm lẻ bước về nhà, gò má dần ướt đẫm. Trắc khóc.■



NGƯỜI CHUYỂN NGỮ NHỮNG ĐIỀU HỒN TỬ TIẾNG NGA

PHI HÀ

CÁU chuyện tình yêu có tên gọi **Đức mẹ mặc áo choàng lông** của nhà văn Thổ Nhĩ Kỳ Ali, một thời trước giai đoạn mở cửa, đã làm thanh niên Việt Nam say mê. Ngày đó, chưa đầy một năm, hơn một trăm ngàn (100.000) bản in đã được tung ra và bán sạch, trong đó, hai phần ba bản in đầu tiên trên giấy rơm vàng khè - bởi những khó khăn về kinh tế của một thời hậu chiến. Sau này, khi truyền hình bắt đầu phát triển, từ một đài địa phương - đài Phú Yên, loạt phim opera xà phòng đầu tiên du nhập vào Việt Nam **Người giàu cũng khóc**, **Trở về Eden**, v.v... tạo nên cơn sốt khán giả trên cả nước. Những tác phẩm đó, vào Việt Nam, đều thông qua một người chuyển ngữ có tên Đào Minh Hiệp.

Tất nhiên, không thể so sánh tác phẩm văn học với phim truyền hình, cũng như sau **Đức mẹ mặc áo choàng lông**, còn một loạt các tác phẩm văn học nổi tiếng khác được cùng một dịch giả đó giới thiệu với bạn đọc Việt Nam và đều tạo được sự chú ý. Nhưng điều đáng quan tâm là làm thế nào, để một dịch giả, sống và làm việc ở xa các thành phố trung tâm, nhưng đã luôn tìm kiếm và giới thiệu được cho bạn đọc những tác phẩm dịch đáng từ văn học thế giới? Đào Minh Hiệp giải thích, vì ông thực sự say mê tìm những câu chuyện hay và muốn giới thiệu cho những người khác cùng thưởng thức. Thuở ấy, hàng tuần ông đều phải vào hiệu sách ngoại văn và bưu điện ở Nha Trang, đặt mua những tạp chí Nga như *Thế giới mới*, *Văn học nước ngoài*, *Người đương thời*... Trong cái khó khăn, vẫn có cái may, vì lúc đó sách báo của Nga được t-ự giá, bán rất rẻ, với đồng lương cơm thời bao cấp ông vẫn có thể mua được. Và từ những tìm kiếm đó, ông bắt đầu dịch.

Đào Minh Hiệp từng là kỹ sư địa chất, lăn lộn hàng chục năm trên các vùng đất đỏ bazan của Tây Nguyên, bên cạnh hành trang vẫn kèm theo cái giá vẽ. Người ấy, lúc ấy làm đúng chuyên ngành mình học ở Đại học thăm dò địa chất Matxcova. Nhưng khi quay trở về giảng dạy tại trường Trung học Địa chất ở Tuy Hoà (nay là Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hoà), đam mê một thứ lại trỗi dậy. Cần nguyên sâu xa, từ thời sinh viên ở Nga. Khi ấy vốn say mê hội họa nhiều hơn, nhưng giao tiếp với những người bạn Nga, hiểu hơn về đất nước, tâm hồn Nga, ông bắt đầu tìm hiểu về văn học Nga, cũng chỉ định để rèn luyện tiếng, nhưng rồi đam mê từ lúc nào. Từ năm thứ hai, Đào Minh Hiệp tập dịch một vài truyện ngắn của Tuốcghenhep - tác giả ông yêu thích. Có điều thú vị mà ông luôn nhớ, là năm 1975 khi về nước, đến hiệu sách, ông nhận ra những truyện đó đều đã có người dịch. Với ông, đó là điều may mắn lớn, vì "Có điều kiện để đối chiếu lại với bản dịch của những người có nhiều năm kinh nghiệm, để nhận ra nhiều chỗ mình vẫn chưa hiểu hết tâm hồn Nga, và dù sống ở Nga rất lâu, nhưng vốn kiến thức về văn hoá Nga vẫn chưa thật sâu sắc, vẫn phải học hỏi thêm nhiều."

Tác phẩm chính: **Lời tự thú muộn màng** (tập truyện ngắn); **Hoa muống biển** (kịch bản phim truyền hình VTV3); **Các truyền thuyết huyền thoại liên quan đến di tích lịch sử và danh thắng Phú Yên** (văn nghệ dân gian). Truyện dịch: **Đức mẹ mặc áo choàng lông** (tiểu thuyết của nhà văn Thổ Nhĩ Kỳ X. Ali); **Sếu đầu mùa** (tiểu thuyết của nhà văn Nga T. Đimatốp); **Khát vọng đổi đời** (tiểu thuyết của nhà văn Áo S. Zweig); **Thảm tử buồn** (tiểu thuyết của nhà văn Nga V. Axtaphiep); **Một đêm huyền ảo** (tiểu thuyết của nhà văn Pháp C. Jaunier); **Vĩnh biệt Machira** (tiểu thuyết của nhà văn Nga V. Raxputin); **Một cuộc điều tra** (tiểu thuyết của nhà văn Nga G. Bôrovich); **Tiểu thư Vichitori** (tiểu thuyết của nhà văn Na Uy K. Hamsun); **Nô lệ của tình yêu** (tuyển tập truyện ngắn thế giới)...

Vừa dịch vừa tập viết truyện ngắn, thiên chức của một dịch giả bên cạnh công việc giáo viên, có thời làm thư ký văn xã cho năm đời phó chủ tịch tỉnh, rồi làm trưởng phòng ngoại vụ của tỉnh, rồi Chủ tịch Hội văn nghệ tỉnh, và nghỉ hưu... cuối cùng vẫn là một dịch giả tài hoa. Hành trình ấy đã có điểm xuất phát đáng nhớ, chính là bản dịch **Đức mẹ mặc áo choàng lông** - một câu chuyện tình đẹp và buồn. "Đó là cuốn sách đầu tiên mà tôi dịch, không hiểu sao tôi rất thích cuốn đó, dù đã đọc rất nhiều những truyện khác. Có thể vì nó mang nhiều yếu tố tự truyện của tác giả, cũng từng là một du học sinh. Tôi đón hết tâm sức, có thể nói là sống hẳn trong câu chuyện, vì sự đam mê của chính mình. Cũng không ngờ cuốn sách đầu tiên mình dịch lại thành công đến như vậy. Sự đón nhận nhiệt thành của người đọc đã tạo động lực rất mạnh cho việc dịch thuật của tôi sau này" - Đào Minh Hiệp kể.

Ngoài việc dịch văn học Nga, ông còn chọn dịch nhiều tác phẩm văn học các nước khác qua tiếng Nga. Ông dịch cuốn **Khát vọng đổi đời** của Stefan Zweig, khi người ta mới phát hiện ra bản thảo của nhà văn nổi tiếng này, vốn bị thất lạc từ nhiều năm trước. Ông bảo "Mặc dù dịch từ một ngôn ngữ khác, nhưng khi mình hiểu tinh thần tác phẩm và cố gắng truyền tải được tinh thần đó thì bạn đọc sẽ đón nhận. Chưa có ai dịch lại truyện đó từ tiếng Đức, nên bộ sách Văn học thế giới của Nhà xuất bản Văn Học vẫn dùng bản thảo tôi dịch từ tiếng Nga."

Sự dịch văn học của những dịch giả Việt Nam ở một thời kỳ thông tin chưa phát triển, có những cái khó bội phần. Khi dịch một cuốn thì phải đọc hàng chục cuốn, để chọn lấy cuốn hay. Đào Minh Hiệp nói: chỉ đọc các tác giả nổi tiếng thì không kể, nhưng nếu muốn phát hiện ra tác giả mới, sách mới, mà



Dịch giả Đào Minh Hiệp

hay, thì buộc phải đọc rất kỹ, rất nhiều. Sau này, tận cuối thập kỷ 90, khi mạng internet phát triển, sự tìm kiếm cũng đỡ vất vả đi phần nào. Và người đam mê tìm kiếm những tâm hồn đồng điệu ấy tiếp tục chọn dịch những tác phẩm của một số tác giả được giải Nobel, tuyển tập truyện ngắn của các tác giả Nga đương đại - khi văn học đương đại Nga ngày càng vắng bóng ở Việt Nam vì thiếu thông tin và thiếu cả người dịch.

Suốt một thời gian rất dài, trong và sau chiến tranh, có một thế hệ mà như nhà phê bình văn học Nguyễn Hoà đã viết trong một bài báo rằng "khí lớn lên, môn ăn tinh thần" phổ biến nhất đối với chúng tôi là văn học, nhất là văn học dịch. Qua tác phẩm văn học dịch, chúng tôi hiểu biết thêm về thế giới... "Cái sự "hiểu biết thêm" ấy được gửi gắm vào một số dịch giả, nhiều khi biết tác phẩm do người mình tin cậy dịch là tìm mua, mua không được thì tìm mượn. Sự tin cậy ấy có được trước hết là ở dịch giả, bởi họ là người có khả năng phát hiện và dịch tác phẩm trên nền tảng một "phông" văn hóa rất đáng kính trọng. Nói cách khác, dịch giả đã vừa tìm hiểu kỹ lưỡng về tác giả, vừa "nhập thân" vào nền văn hóa đã khai sinh ra tác phẩm, từ đó làm cho tác phẩm văn học dịch có thể tồn tại như một "sinh thể" trong một môi trường văn hóa khác."

Nhiều độc giả biết ơn những trải nghiệm văn hoá khác, những điều tâm hồn khác, mà các dịch giả đáng kính trọng - trong đó có Đào Minh Hiệp - đã mang tới cho tâm hồn họ. ■

MƯỜI NHÀ VĂN NỔI TIẾNG NHẤT LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

BÁO mạng Trung Quốc www.xooob.com, ngày 1-3-2009, đã giới thiệu những kiểu phân loại văn học từ xưa đến nay ở Trung Quốc và công bố Bảng xếp hạng Mười nhà văn nổi tiếng nhất trong lịch sử Trung Quốc.

Dưới đây là danh sách những tên tuổi đi vào cõi bất tử:

1- Khuất Nguyên; 2- Tư Mã Thiên; 3- Đào Uyên Minh; 4- Lý Bạch; 5- Đỗ Phủ; 6- Bạch Cư Dị; 7- Hàn Dũ; 8- Âu Dương Tu; 9- Tô Thức; 10- Tào Tuyết Cẩn

Nhân đây, **Văn nghệ** xin giới thiệu tóm tắt thân thế và sự nghiệp của hai nhà văn đứng đầu bảng xếp hạng này, có tiếp thu những nghiên cứu mới nhất được cập nhật.

Khuất Nguyên

Khuất Nguyên (khoảng năm 340 TCN - khoảng năm 278 TCN), dân tộc Hán, người Đôn Dương, nước Sở thời kỳ Chiến Quốc, họ Khuất, tên Bình, tự Nguyên; Còn tự đặt tên là Chính Tắc, tự Linh Quân. Khuất Nguyên là đời con của Khuất Giả, con trai của Sở Vô Vương Hùng Thông. Khuất Nguyên nêu cao chủ trương liên minh với nước Tế chống lại nước Tấn, để xưng "mỹ chính" (cai trị đất nước bằng xây dựng tình cảm yêu cái đẹp).

Khuất Nguyên là một trong những nhà thơ lãng mạn chủ nghĩa vĩ đại nhất Trung Quốc, cũng là thi nhân lừng danh và nhà chính trị vĩ đại sớm nhất của Trung Quốc. Ông sáng lập thể loại văn học "Sổ từ" (cũng chính là sáng lập thể loại văn học "Tứ phú"), cũng khai sáng truyền thống "Thảo hương mỹ nhân" (bù nhìn bằng cỏ thơm). "Ly Tao", "Cửu Chương", "Cửu Ca", "Thiên Văn" là những tác phẩm tiêu biểu chủ yếu nhất của Khuất Nguyên. "Ly Tao" là bộ thơ trữ tình dài nhất của Trung Quốc.

Những tác phẩm của Khuất Nguyên mà hậu thế xem được, đều xuất hiện ở trong bộ sách "Sổ Từ" do học giả Lưu Hưởng, thời Tây Hán biên tập. Bộ sách này chủ yếu là tác phẩm của Khuất Nguyên, trong đó có một thiên "Ly Tao", mười một thiên "Cửu Ca" ("Đông Hoàng Thái nhất", "Văn Trung Quân", "Tương Quân", "Tương phu nhân", "Đại Tư



Khuất Nguyên

mệnh", "Thiếu Tư mệnh", "Đông Quân", "Hà Bá", "Sơn Quỷ", "Quốc Táng", "Lễ Hồn"), chín thiên "Cửu Chương" (Tịch dưng, "Thiệp Giang", "Ai Sinh" Trừu tư, Hoài sa, "Tư mỹ nhân", "Tịch vắng nhất", "Triết tụng", "Bi hồi phong"), một thiên "Thiên văn", v.v...

Hồi trẻ Khuất Nguyên được vua Sở Hoài Vương tin nhiệm, bổ nhiệm làm Tả đô, Tam tư đại phu, thường xuyên cùng Sở Hoài Vương thương nghị quốc sự, tham gia xây dựng pháp luật, chủ trương pháp luật nghiêm minh, cử tuyển sử dụng hiền tài, cải cách chính trị, liên minh với nước Tế chống lại nước Tấn. Đồng thời Khuất Nguyên chủ trì công tác ngoại giao, chủ trương nước Sở liên hiệp với nước Tế, cùng nhau ngăn chặn chống lại nước Tấn.

Với sự nỗ lực của Khuất Nguyên, sức mạnh của nước Sở được tăng cường đáng kể. Nhưng do bản thân tình tình cương trực, cộng với sự đèm pha và phỉ báng của bọn bất tài, Khuất Nguyên dần dần bị Sở Hoài Vương xa lánh. Năm 305 trước Công nguyên, Khuất Nguyên phản đối Sở Hoài Vương ký liên minh Hoàng Sắc với nước Tấn, song nước Sở vẫn



Tư Mã Thiên

triệt để ngà theo nước Tấn. Khiến cho Khuất Nguyên bị Sở Hoài Vương trục xuất ra khỏi Sính Đô, lưu lạc ở Hán Bắc.

Trong thời gian Khuất Nguyên bị trục xuất khỏi Sính Đô, lưu đây, Khuất Nguyên cảm thấy trong lòng u uất, bất đầu sáng tác văn học, trong tác phẩm tràn đầy nỗi lòng quặn luyến đất nước và phong cảnh nước Sở và nhiệt tình vì dân báo quốc.

Tác phẩm của ông văn tự hoa lệ, tượng tượng đặc biệt kỳ lạ, tỉ dụ mới mẻ, nội hàm sâu sắc, trở thành một trong những khởi nguồn của văn học Trung Quốc.

Năm 278 trước Công nguyên, đại tướng Bạch Khởi nước Tần chỉ huy đại quân tiến đánh phía nam, công phá Sính Đô. Trong lòng tuyệt vọng và bi phẫn, Khuất Nguyên đã ôm tảng đá lớn nhảy xuống sông Mịch La mà chết.

Năm 1953, là năm kỷ niệm lần thứ 2230 năm qua đời của Khuất Nguyên, Hội đồng Hoà bình thế giới thông qua quyết nghị xác định Khuất Nguyên là một trong bốn danh nhân văn hoá thế giới được kỷ niệm vào năm ấy.

Tư Mã Thiên

Tư Mã Thiên sinh vào khoảng năm 145 TCN, qua đời năm 90 TCN, hưởng thọ 56 tuổi. Tư Mã Thiên, tự Tử Trường, là sử gia, nhà văn, nhà tư tưởng vĩ đại thời Đông Hán.

Tác phẩm "Sử Ký" do ông biên soạn là bộ thông sử thế kỷ sự đầu tiên của Trung Quốc, được Lỗ Tấn ca ngợi là khúc ca tuyệt vời của sử gia, là "Ly Tao" không vắng.

Tư Mã Thiên là người Long Môn, Hạ Dương, thời Tây Hán. Hạ Dương (phía nam Hán Thành, tỉnh Thiểm Tây ngày nay), là tên huyện, gần sát Long Môn. Cho nên Tư Mã Thiên tự xưng là "Thiên sinh Long Môn" (Lời nói đầu tự truyện Thái Sử công).

Long Môn, núi Long Môn, rất có danh khí. Truyền thuyết kể rằng: Đại Vũ đã từng khai sơn trị thủy tại Long Môn. Phía nam núi Long Môn là sông Hoàng Hà. Gia đình của Tư Mã Thiên ở đúng giữa Hoàng Hà và Long Môn. Danh thắng cổ tích ở địa phương này rất nhiều. Hồi nhỏ được thường làm thăm thú mọi núi sông danh lam thắng cảnh, đồng thời Tư Mã Thiên cũng có cơ hội nghe được rất nhiều truyền thuyết và truyện lịch sử.

Năm sinh năm mất của Tư Mã Thiên chưa được ghi chép rõ ràng trong chính sử.

Trong tác phẩm "Thái sử công hành niên khảo", học giả Vương Quốc Duy cho rằng Tư Mã Thiên sinh vào năm Trung Nguyên thứ năm, thời Hán Cảnh Đế (năm 145 TCN), qua đời vào khoảng năm Sử Nguyên thời Hán Chiêu Đế (năm 86 TCN), hưởng thọ 60 tuổi.

Nghe nói, đại gia đình Tư Mã Thiên từ thời Đường Ngu đến thời Chu, đều là các sử gia và nhà thiên văn nổi đời nhiều đời. Tư Mã Thoà là danh tướng phạt Thục thời Tấn Huệ Vương. Tư Mã Xương là Thiết quan của Tấn Thủy Hoàng. Đến phụ thân của Tư Mã Thiên là Tư Mã Đàm, lại làm Thái sử lệnh của Hán Võ Đế, đã khởi phục chức nghiệp sử quan tổ truyền lâu đời. ■

VŨ PHONG TAO lược dịch
(Theo www.xooob.com, 1-3-2010)

BÁC HỒ TỪNG NÓI: VIỆT NAM KHÔNG LÀM “CÁCH MẠNG VĂN HOÁ”

BÁO điện tử Phương Hoàng (www.ifeng.com), ngày 24-11-2010, đã đưa lên mạng bài **Hồ Chí Minh với Trung Quốc** ghi lại cuộc nói chuyện giữa phóng viên bản báo với giáo sư Văn Trang (Đại học Ngoại ngữ Trung Quốc; Cựu thành viên Đoàn Cố vấn quân sự Trung Quốc tại Việt Nam), một nhà dịch thuật tài ba kỳ cựu chuyên phục vụ những cuộc nói chuyện thân mật chân tình giữa Bác Hồ với các nhà lãnh đạo Trung Quốc Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai, Lưu Thiểu Kỳ, v.v...), đã đăng trên trang 19, “Thời báo Người lao động” (Trung Quốc) (Trung Lão niên thời báo), ra ngày 17-11-2010, nhân dịp kỷ niệm 120 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại (19/5/1890 – 19/5/2010).

Văn nghệ trân trọng giới thiệu đôi nét về giáo sư Văn Trang, một người bạn thủy chung của nhân dân Việt Nam và những kỷ niệm sâu sắc của ông với Bác Hồ kính yêu của chúng ta.

“TÔI CŨNG CHỦ TRƯỞNG CHIA MỘT THÀNH HAI”

Vào tháng 5 năm 1965, sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chủ tịch Mao Trạch Đông gặp mặt tại thành phố Trường Sa, Văn Trang cùng đi với Bác đến Hoàng Sơn nghỉ dưỡng.

Văn Trang còn nhớ, Chủ tịch Mao Trạch Đông nói đến một vấn đề triết học, bàn luận rất sắc nhọn sôi nổi, đặc biệt là trích dẫn nhiều điển tích kinh điển, khi luận thuật đến mệnh đề triết học chia một thành hai này.

Bởi Chủ tịch Hồ Chí Minh rất chú ý đến đoàn kết, Mao Chủ tịch hỏi: “Đồng chí Hồ Chí Minh, hình như đồng chí tán thành hợp hai thành một phải không?” Hồ Chí Minh nói: “Không, tôi cũng chủ trương chia một thành hai, chúng tôi bây giờ cần phải động viên tất cả mọi lực lượng để tiến hành chiến tranh chống Mỹ.” Mao Chủ tịch nói: “Đồng chí Hồ Chí Minh, đồng chí cũng phân đôi sừng bái cá nhân ư?” Hồ Chí Minh nói: “Tôi không tán thành sừng bái cá nhân”.

Tháng 5 năm 1966, Hồ Chí Minh một lần nữa đến Trung Quốc, lần này Văn Trang cũng đi. Hồ Chí Minh tự chọn Diên An là đích cuối cùng của chuyến du lịch.

Khi ấy, “Đại cách mạng văn hoá” vừa bắt đầu. Ngày 10 tháng 6, trên đường Hồ Chí Minh đi qua Hàng Châu, tại đây, Người lại gặp gỡ Mao Trạch Đông một lần nữa.

Mao Chủ tịch ra tận cổng lớn đón Người. Cùng đi với Mao Chủ tịch còn có Ngũ Tử Quyển và một số người nữa. Phía Việt Nam nói xong, Mao Chủ tịch bèn nói: “Chúng tôi cần làm Đại cách mạng văn hoá Trung Quốc. Năm nay tôi đã 73 tuổi rồi. Trung Quốc có câu: “73, 84, Diêm Vương không mời, tự mình



Năm 1966, Văn Trang đi cùng Chủ tịch Hồ Chí Minh hội kiến Chủ tịch Mao Trạch Đông

cũng đi!” Đã như vậy, vấn đề người kế nhiệm, chúng tôi cần suy nghĩ cân nhắc.”

Đối với Đại cách mạng văn hoá mà Mao Trạch Đông bàn đến, Hồ Chí Minh nói rõ: “Việt Nam hiện tại còn chưa thể tiến hành, bởi vì Việt Nam hiện tại còn đang ở trong chiến tranh chống Mỹ, cần phải tiến hành Đại cách mạng văn hoá.”

Lần nói chuyện này rất dài, song không ăn cơm, bởi Hồ Chí Minh đã nói: “Món ăn của đồng chí Mao Trạch Đông rất ngon, lại thích ăn ớt cay và những món ăn nặng, mà tôi lại ăn thanh đạm, cho nên sẽ ăn cơm sau, ai ăn cơm của người ấy là hợp.” Trên đường về, ngồi trên xe Bác nói với tôi: “Hôm nay, khi Mao Chủ tịch nói, không có chủ đề, vấn đề bàn đến rất nhiều.” Tôi thưa: “Đúng vậy! giữa hai Bác thực sự là không có chuyện gì là không nói.”

Năm 1967, Văn Trang nhận được điện báo của Bộ Ngoại giao, trở về Bắc Kinh tham gia “Cách mạng văn hoá”, liền sau đó ở lại trong nước công tác. Từ năm 1947 vượt qua biên giới Trung - Việt đi vào Việt Nam, liên tục đến khi về nước, Văn Trang đã ở Việt Nam suốt 19 năm. Năm 1969, Hồ Chí Minh ốm nặng qua đời, Văn Trang biết tin này vô cùng đau buồn thương tiếc.

Văn Trang kể tiếp: Sứ quán Việt Nam tại Trung Quốc lập bàn thờ kính viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh, song chúng tôi không đi đến được, bởi vì khi ấy chúng tôi đang bị phê phán.

Hồ Chí Minh không chỉ là người lãnh đạo của Việt Nam, mà còn là người bạn của Trung Quốc, Người vô cùng chiều cố, vô cùng quan tâm đối với những đồng chí trong Đoàn Cố vấn chúng tôi. Mỗi khi Tết đến, Người đều đến thăm. Bác nói: “Mỗi khi Tết đến ai cũng đều nhớ người thân gặp bội phần, các đồng chí công tác ở đây, chúng tôi đến thăm hỏi chăm sóc các đồng chí.” Người thường xuyên đến thăm, khi đến thăm nghe chúng tôi ca hát, và cùng liên hoan với chúng tôi. Đối với chúng tôi, Người là một người cha, một người thầy!

Đôi nét về Giáo sư Văn Trang: Từng là Ủy viên Ủy ban Trung ương về Công tác Hoa kiều của Đảng Cộng sản Đông Dương, hiện là Giáo sư trưởng Đại học Ngoại ngữ Trung Quốc.

Có thể nói Giáo sư Văn Trang là “nhà phiên dịch của Hồ Chí Minh” một trăm phần trăm. Năm 1947, Văn Trang tốt nghiệp Khoa Ngoại ngữ trường Đại học Văn Nam, chủ yếu học tiếng Anh. Sau đó, được Tỉnh uỷ bí mật Đảng Cộng sản Trung Quốc tỉnh Văn Nam phái sang khu Giải phóng Việt Nam, trong công tác học tập ngữ văn Việt Nam, lần lượt đảm nhiệm Tổ trưởng Phiên dịch, của Đoàn Cố vấn Trung Quốc chi viện Việt Nam, Bí thư thứ nhất Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam.

Năm 1971, ông được Bộ Ngoại giao điều về Học viện Ngoại ngữ Bắc Kinh giảng dạy tiếng Việt, đã từng làm Chủ nhiệm Khoa Ngôn ngữ Á Phi. Để tài giảng dạy và nghiên cứu khoa học chủ yếu của ông là ngữ văn Việt Nam và tình hình các nước Đông Nam Á, đặc biệt là ba nước Đông Dương.

Những tác phẩm chủ yếu ông đã công khai trên báo tạp chí hoặc tập văn kiện, gồm có: **Sống bên Hồ Chí Minh** (hồi ức), **Hồ Chí Minh, người bạn của nhân dân Trung Quốc** (viết chung), **Từ Âu Lạc cổ đại đến Việt Nam cận đại** (Luận văn lịch sử), **Hội thoại thường dùng Trung, Việt, Pháp, Anh** (Bản duy nhất tại Sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam), cùng nhiều bài báo như **Ba lần hội kiến giữa Mao Trạch Đông với Hồ Chí Minh**, **Tôi làm phiên dịch cho Thủ tướng Chu Ân Lai**; Biên soạn nhiều tài liệu liên quan đến ngữ văn tiếng Việt trong cuốn sách **Ngôn ngữ văn tự trong bộ Trung Quốc đại bách khoa toàn thư**; Đã từng chủ biên từ sách “Á Phi” Hệ ngôn ngữ Á Phi, **Ngoại quốc đại từ điển - Quyển châu Á**, thẩm định hiệu đính **Từ điển Việt ngữ hiện đại**, **Làng xã Việt Nam** (dịch chung), v.v... Đồng thời hợp tác giúp đỡ Cục Ngoại văn Trung Quốc thẩm định những xuất bản phẩm tiếng Việt.

Từ năm 1992, Giáo sư Văn Trang được hưởng trợ cấp đặc biệt của Chính phủ nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa. ■

VŨ PHONG TẠO dịch và giới thiệu
(Theo www.ifeng.com, 24-11-2010)

VẾT THƯƠNG CỦA KHÁT VỌNG

NGUYỄN HỮU TÂM

Tiếp cận và kinh nghiệm thay vì xa lánh và ẩn dụ: các nhà văn Mỹ và Đức viết về chiến tranh khác nhau đến thế nào.

MUA thu 2010, trên thị trường sách Đức có 3 cuốn sách về chiến tranh được xuất bản. Một cuốn tác giả dám đi ra thế giới để xem ngoài đó có gì xảy ra. Hai cuốn kia các tác giả nấp sau chứng loạn thần kinh chức năng đặc trưng cho xã hội quanh mình để chứng tỏ năng khiếu văn học. Cuốn đầu là do nhà văn Mỹ viết, hai cuốn sau của người Đức. Khác biệt? Tác giả Mỹ đã trưởng thành và sẵn sàng đặt ra những câu hỏi hiện sinh. Các tác giả Đức hoặc đang còn là trẻ con, hoặc là những người chỉ biết viết về cái hiện hữu.

Vậy nên chẳng cùng lúc, ta sẽ nói về 3 cuốn này. Nhưng mặt khác, để tài quan trọng và khác biệt lại rõ rệt tới mức khi đó người ta biết được thêm một chút về nước Đức và vì sao người ta cảm thấy ngột ngạt ở nước này.

Hai tác giả Đức, Ingo Niemann và Alexander Wallasch đều vừa trên 40 tuổi một chút. Một người viết **Người con Đức** và được những nhà điểm sách của các nhật báo hàng đầu Đức („Suddeutsche Zeitung-Nhật báo Nam Đức, Frankfurter Allgemeine-Thời báo Frankfurt) ca ngợi là “cuốn tiểu thuyết pop vĩ đại đương thời về những người vừa từ cuộc chiến trở về”, và nó quan trọng “vì nó đề cập tới sự tham chiến của nước Đức như là sự kiện lịch sử bằng thể năng để đi sâu vào tâm tư và văn hoá quê hương” - thể nhưng ở đó chiến tranh chỉ xuất hiện như một thứ của lạ và óc tưởng tượng tối giản đạt mơ hồ bằng tiếng Đức.

Cuốn kia, **Bệnh viện Hoa Kỳ** của Michael Kleeberg, 51 tuổi, viết về những gì xảy ra ở Paris, thâm trầm và thông minh hơn, và cho thấy ngày nay khó đến thế nào nếu muốn viết một cuốn tiểu thuyết tóm tắt được toàn bộ sức mạnh của chiến tranh.

Cuốn thứ ba là phóng sự lớn của nhà báo Mỹ Sebastian Junger với tựa đề cho cả tiếng Anh lẫn Đức là **Chiến tranh** (War), có lẽ ở

tiếng Đức không có từ chính xác cho tình trạng này nên Bộ trưởng Quốc phòng nước này Guttenberg phải đến đó để giải thích cho người Đức biết rằng họ đang ở trong tình trạng chiến tranh.

Và như vậy là ta đã đến chính giữa tình thế tiến lui đều khó mà cả ba cuốn đều đề cập tới. Một xã hội phải ứng xử thế nào để tiến hành một cuộc chiến tranh mà người ta có thể coi là chính đáng mà cũng có thể là không, nhưng trước hết phải hình dung đã, phải chuyển về ngôn ngữ để nắm bắt nó đã?

Chính điều đó Junger, phóng viên 48 tuổi đầy dặn kinh nghiệm và đã là tác giả best-seller thế giới **Giông tố** từ 1997. Nay ông muốn hiểu, ông muốn nhìn và cảm nhận những gì mà những người lính ở thung lũng Korengal nhìn và cảm nhận, cùng lũ súc vật đang thương con cái những kẻ nghiện rượu mà đã có lần bắn vào chân chúng, những người đàn ông với quá khứ là đứa buồn ma túy, lưu manh, những tên vô công rồi nghề phải đăng lính để tự cứu mình, bây giờ lạc vào cái thung lũng nguy hiểm nhất Afganistan này, chỉ dài vài cây số bao bọc bởi những ngọn núi với vách đá dựng ngược, từ xưa vẫn là điểm giao tranh. 50 lính chết. Mỗi ngày đều có đánh nhau. Chiến tranh là trò chơi *Sisiphus* (thần thoại Hy Lạp về kẻ cảnh tù nhân phải kéo đá lên núi, lên đến đỉnh thì đá lại rơi xuống và cứ vậy mãi). Junger ba cùng với đại đội lính này, họ được phái đến đây từ đầu 2007. Ông cũng chịu đối rết cực nhọc với họ, đã thấy nhện độc Trung Á và lính chết, đã bị bắn, đã lo sợ, ông khám phục những người đàn ông không xét tới căn nguyên của cuộc chiến này đầu nó đã cướp giấc ngủ và vợ con họ, thế là đã 15 tháng cuộc đời họ và có lẽ sau này tất cả tương lai họ.

Junger kể về chuyến thăm nhà của Steiner, về anh lính 19 tuổi Timolty Vimoto, cha là thiếu tá ở cách xa con có vài cây số khi con chết ở ngay trận đánh đầu tiên anh ta tham gia, về Juan Restrepo chơi ghita giỏi và

chết trong một buổi đi tuần. Junger phản ánh sự gắn gũi với những người lính, sự gắn gũi này đưa ông vào nguy cơ của sự phụ thuộc để làm báo, nhưng lại là con đường tốt nhất để tiếp cận bản chất chiến tranh. Cũng như tất cả các cuốn sách lớn khác về chiến tranh do những người trực tiếp biết nỗi khủng khiếp, chẳng hạn hồi ký chiến tranh Việt Nam **Phản bội cho địa ngục** của Michael Herr, **Trong đội quân của thần Pharao** của Tobias Wolff và **Một tin đồn về chiến tranh** của Philip Caputo hay cuốn hồi ký về chiến tranh vùng vịnh **Jarhead** của Anthony Swofford.

Tất cả họ đều đã nhìn được vào huyệt con quỷ. Chỉ có vậy mới hiểu vì sao sau chiến tranh người lính dễ mắc nghiện, mới hiểu vì sao khi chào sếp mới, họ nhảy xổ đầm vào bụng sếp. Bạo lực là thói quen, là thói quen họ thể hiện mình. Ai cũng biết chiến tranh là xấu xa, nhưng Junger không quan tâm đến cách đánh giá của những người vốn không ở đó. Ông quan tâm đến điều gì xảy ra khi còn người bị nguy hiểm, sợ hãi, chỉ có thể sống sót nhờ cộng đồng và khi người này sẵn sàng chết vì người khác. Đây là phần ái quốc của cuốn sách hết sức bi quan này. Junger cởi mở, về đạo đức và quân sự. Tuy nhiên trong sâu thẳm ông kể rằng, Mỹ không thể thắng cuộc chiến ở Afganistan.

Thắng lợi chính của cuốn sách là ở chỗ Junger biết cách thành công khi giải thích sự việc từ những chuyện kể. Cuối cùng đó là vai trò của nhà văn hay nhà báo làm người cấp thông tin hay người dạy đời. Đó cũng chính là cái bẫy mà các tác giả Đức rơi vào, cho đến nay hồi hợt ghê gớm.

Chắc chắn đó là truyền thống mà văn học Đức sau thế chiến hai liên quan. Hãy kể tên Wolfgang Borchert, Gert Ledig, Lothar Buchheim với những bi kịch của người từ chiến tranh trở về. Thế nên có mang tính triệu chứng khi mùa thu này hai tiểu thuyết chiến tranh chọn dạng đề tài cho mình, đó hoặc là tản văn dung tục hoặc văn cảm xúc. Tiểu thuyết này như mẫu áo tể dư thừa, tiểu thuyết kia như văn

học kéo cưa. Nhưng chúng lại khác biệt tới mức gần như bổ sung cho nhau. Niemann và Wallace kể về anh cựu binh ở Afghanistan và tẻ sùng bái “tín ngưỡng Đức”. Kleeberg kể về anh cựu binh cuộc

chiến Vùng Vịnh 1991 và người phụ nữ đến nhà thương vì muốn tự tình nhân tạo. Cả hai cuốn sách đều rơi vào bẫy ẩn dụ vì thiếu kinh nghiệm thực tiễn. Cứ như lời người phụ nữ trong tiểu thuyết của Kleeberg: “*Ý nghĩ về những con chim đang thương không chịu rời bỏ đầu óc tôi*”, và cuối cùng, “*ông phải thấy nhiều những chuyện như vậy*”.

Phải đọc **Chiến tranh** của Junger và xem bộ phim **Restrepo** của ông để thấy toàn bộ vấn đề chiến tranh phức tạp hơn những gì hai tiểu thuyết Đức vừa xuất bản muốn làm người ta tin. Đó không phải là món sex mà anh lính thò lò mũi biểu diễn mà ở **Chiến tranh** vấn đề là ở chỗ một người đàn ông sẽ đồng tình hơn nếu anh ta không từ sex hay anh ta ngủ với người đàn ông khác vì bản năng tình dục nam tính của mình quá mạnh. Đó là vấn đề “*liệu về mặt tinh thần có thể thủدام khi trận đánh đang ác liệt không*. Nếu thế thì đó sẽ là, đồng ý, đỉnh Everest của thủدام”. Một người lính đáp lại Junger: “*Chúng tôi như lũ súc vật, chỉ có điều còn hơn thế nữa cơ*”.

(Theo Spiegel số 45, tháng 11 - 2010)



Nhà văn-nhà báo Junger: Đạo đức và quân sự

NHIỆM KỶ CHỮ

Tuỳ bút của NGUYỄN QUANG VINH

1. KHI tôi đã chọn cho mình nghề cầm bút, quyết sống bằng nghề cầm bút, nghĩa là tôi đã mặc định cho mình một nhiệm kỳ quyền lực vô thời hạn- nhiệm kỳ chữ. Cha để cử tôi vào nhiệm kỳ chữ này. Mẹ cho tôi một lá phiếu bầu. Quê hương kiểm phiếu và thừa nhận tôi theo suốt nhiệm kỳ chữ của mình. Dài rộng quyền hành thế thực là hạnh phúc. Khi tôi ba tuổi, do ăn vụng tẩm bánh ngọt mẹ tôi để phần cho anh Lập, mẹ tôi giận quá, lấy cả cặp sách của anh Lập đập vào đầu tôi. Một mẩu bút chì gãy ra, dắt mũi chỉ vào da đầu. Mấy ngày sau tôi thấy đau. Gỡ mồi một lúc, tôi lẩn trên da đầu mình mẩu bút chì nhỏ. Mẩu bút chì nhỏ từ cơn giận của mẹ nhưng đó là lá phiếu của mẹ cho tôi theo nghiệp chữ. Thuở bé tôi nghĩ thế, lớn lên một chút tôi nghĩ thế, khi cầm đồng tiền nhuận bút đầu tiên tôi cũng nghĩ thế và bây giờ, tóc đã bạc trên đầu tôi vẫn nghĩ thế. Mẹ cho tôi một định mệnh. Mẩu bút chì là định mệnh. Nỗi đau của mẩu bút chì cắm vào đầu là định mệnh. Tôi nhận ra khi tôi viết thành công là khi tôi biết viết những chữ đau. Nhà tôi ai cũng nhiều chữ. Chỉ ít cũng đọc thông viết thạo, chỉ ít cũng lấy việc có chữ để thao tác công việc hành chính. Chỉ có mẹ tôi ít chữ. Mẹ tôi chỉ biết đúng một chữ: Châu- đó là tên mẹ. Dù vậy tôi cứ thấy một chữ nhẹ biết có thể là quá đủ đối với mẹ rồi. Chỉ một chữ ấy - chữ tên mẹ tôi, mẹ vẫn sinh ra 8 anh em, nuôi nấng, chăm bẵm, cho ăn học đến nơi đến chốn. Thế là mẹ đã làm tròn bốn phận của mẹ, làm tròn bốn phận cái chữ Châu tên mẹ. Chữ ấy mới là chữ. Sau này, khi đã là người cầm bút sống bằng chính nghề cầm bút, tôi nhận ra rằng, muốn sống được bằng chữ, thì phải bắt đầu từ chữ thứ nhất của cuộc đời mình: chữ tên mình. Cầm chắc chữ ấy rồi thì mới hy vọng có thêm chữ khác. Tôi đã thực hiện như thế, theo gương mẹ tôi. Lúc nào và bao giờ tôi cũng nắn nót, cũng trân trọng, cũng cẩn thận, cũng chau chuốt, cũng giữ gìn chữ thứ nhất của cuộc đời mình: chữ tên tôi.

2. Thời chiến tranh, nhà tôi sơ tán ra động cát, đào hầm, ở dưới tầng âm để tránh máy bay. Tuổi thơ tôi không có trò gì chơi, thú chơi chán ngắt và lặp tới lặp lui là mỗi ngày chui lên lại chui xuống hầm để tránh máy bay thả bom. Tránh máy bay thả bom, người lớn lo còn lũ trẻ của chúng tôi tự coi đó như trò chơi. Nhưng tôi không chịu chơi mãi như vậy. Sáng sớm, tôi ra chân đồi cát, mai phục trên con đường ven chân đồi cát, chờ mấy chị gánh cá về chợ. Tôi tự đào cát, chôn mình trong cát, chỉ lòi cái đầu tóc rể tre lên khỏi lớp cát ướt và chờ. Mờ mờ sáng, mấy chị làng chài gánh cá chạy bởi bờ về chợ. Tôi nhắm vào một bàn chân, thò tay nắm đại một bàn chân trần của người đi bán cá, kéo giật một cái. Người đàn bà gánh cá hoảng hồn kêu rú lên, buông cả gánh cá, vọt chạy. Tôi chui lên khỏi cát, nhe cả hàm răng sún ra cười, toàn thân tôi lấm lem cát. Người đàn bà lấy đòn gánh phang tôi, đuổi tôi chạy tứ tung. Tôi dấu người sau bụi xương rồng, trốn. Người đàn bà thôi không tìm tôi nữa mà quay sang tìm cá. Do hoảng sợ vì trò đùa quái ác của tôi, chị vút gánh cá, bấy giờ cá văng vương vãi trên cát. Chị lẩn mò trên cát, lẩn mò tìm kiếm từng con cá nhỏ, nhặt cá lên, dùng miệng thổi cát, thổi chưa hết thì dùng cả vạt áo lau nhẹ trên từng con cá cho hết cát và xếp lại vào gánh: Chị vừa nhặt cá, thổi cát trên cá vừa khóc tẩm tức. Tôi nhìn

thấy hết. Chị vừa lau cát trên từng con cá vừa nức nở lẩm bẩm: "Cá bán cát thì bán mẩn rần. Mẩn rần bán hết cá mua gạo cho con đây hả con... Không bán được cá tiền mò mang con đi bệnh viện đây con...". Tôi im lặng. Những con cá nhỏ lấm lem cát trên tay chị khiến tôi đau nhói. Dù trẻ con thế, nhưng tôi nhận ra cái vị mặn chát nước mắt của người đàn bà nghèo nhặt cá vì trò nghịch ngợm của tôi. Tôi vẫn thường nghe người lớn nói về cái nghèo. Hôm ấy tôi nhìn thấy cái nghèo rõ mồn một, cái nghèo từ nhận thức của tôi bắt đầu từ những con cá lấm lem cát xếp run rẩy trong gánh để mang đi chợ. Con cá bé nhỏ, cát vùi nhưng đó là miếng cơm manh áo của người nghèo. Sau này, khi bắt đầu nghề viết, nghĩ về trò đùa của mình, nghĩ về những con cá lấm lem cát, tôi hiểu rằng, không có cách viết nào tốt hơn là hướng ngòi bút và tấm lòng mình vào thân phận những người nghèo. Cái chữ Nghèo tôi dùng nhiều lắm. Mỗi lần dùng, kiểm tính lại, thấy một phận người được cộng đồng giúp đỡ. Tôi như người đàn bà bán cá chợ xếp, tính toán lại, theo từng chữ nghèo, cộng lại số tiền người đời giúp đỡ cho những phận nghèo qua chữ tôi viết, tính cũng đã sòm sèm hai ba tỷ đồng, vị chỉ là tôi đã dùng chữ để cứu mạng hàng chục thân phận, chữ của tôi mang được tiền, được gạo cho những thân phận của tôi. Có bài viết tròn 2000 chữ như bài viết về sự hy sinh cứu người trong lũ của chị Trần Thị Mai, sau đó cộng đồng giúp đỡ và 7 đứa con thơ đại của chị gần 800 triệu đồng, tính ra, mỗi chữ tôi viết được cứu mạng gần 40 ngàn đồng, chữ Nghèo đã trở nên nặng trĩu bởi những tấm lòng. Cứ đà này, hết nhiệm kỳ chữ của mình, không biết những chữ nghèo của tôi sẽ mang theo được bao nhiêu tỷ đồng đến với muôn nẻo đường, muôn số phận.

3. Chị Liên là thương binh cụt một chân. Chị kể, chị đi thanh niên xung phong, phá bom làm đường trên Trường Sơn, ngay đèo Mụ Giạ. Trong một trận bom, chị bị cụt chân, còn chị em toàn trung đội đều hy sinh, xác vùi trong lá rừng. Về quê, chị mở quán nước nhỏ. Ban ngày còn có người vào người ra, ban đêm thì buồn lắm. Thân gái quê cụt, chẳng ai màng, chỉ thỉnh thoảng có mấy gã say rượu bỏ vào, sàm sỡ, chị phải dùng chân nặng gỗ kéo cổ gã ra ngoài. Gã cười hếch hếch còn chị đau nhói. Nhiều đêm mưa, chị nằm trên võng, nghe mưa rơi thổi ruột, tay cầm nặng gỗ vừa đánh chan chát vào cột lều vừa nghe ngao hát một mình bài hát ngày xưa các chị vẫn thường hát. Cách đây mấy năm, chị gặp tôi khoe đã có người đàn ông đến yêu. Tôi rất vui. Chị cũng vui. Vài tháng sau gặp, chị lại khoe, có người đàn ông thứ hai đến yêu. Tiếp tục, tôi vẫn nghe chị kể về mối tình thứ 3, thứ 4, thứ 5 đến khi chị kể đến mối tình thứ 25 thì tôi vụn vụn, tôi nổi cáu. Chị khóc: "Có ai mô. Đó là chị mơ thôi. Thỉnh thoảng chị vẫn mơ có một người đàn ông đến với mình, nhưng khi tỉnh dậy, trời sáng, chỉ thấy cát bay, cát bay, chỉ thấy mấy bông hoa lông chông theo gió chạy loăng quăng hoảng hốt trên cát, nhìn mãi không thấy ai, tìm mãi không thấy vết chân ai, thì ra chị mơ thôi, chị mơ thì chị kể cho em vui, trách chị làm chi". Tôi viết về chị bằng cách xếp những chữ đau bên cạnh những chữ đau. Tổng kết lại tôi đã viết nhiều chữ đau. Nhiệm kỳ chữ của tôi có nhiều chữ đau. Chữ đau nhưng khi viết ra được, đọc nó, bớt vợi nhiều nỗi đau. Đó là chị Liên khuyến khích tôi nói thế, nhiều

thân phận khác khi đọc những chữ đau tôi viết về họ cũng nói thế. Không thuốc thang những chữ đau có khi còn có sức mạnh hơn cả thuốc thang. Kiểm tính lại, những chữ đau của tôi đã làm dịu nỗi đau không ít hơn mấy chục thân phận.

4. Một hôm, tôi tiếp một người đàn bà nhàu nhỏ, khuôn mặt đầy nếp nhăn, bàn tay đen đúa cầm một tệp giấy, những tệp giấy đã ngả màu vàng ủa có, mồi tình có, và trong tệp giấy ấy vô số những chữ ký, những con dấu. Câu chuyện thật đơn giản: người đàn bà đi kiện để lấy lại mảnh đất hợp pháp của mình. Gần mười năm trời, cấp nào tiếp đơn cũng cho rằng việc bà kiện đòi lại đất là đúng luật, là hợp lý nhưng rồi đất bà vẫn bị tước đoạt một cách trắng trợn. Bà chán chường, bà bất lực, bà dầy vò thân xác. Tôi bỏ ra cả đêm đọc hết tập hồ sơ. Cầm thấy chẳng cần viết bài điều tra làm gì, tôi chỉ viết một lá thư ngắn gửi ông cán bộ lãnh đạo của tỉnh. Dường như chưa an tâm, tôi trực tiếp gặp ông ta. Sau chưa tới một giờ, ông ta gạt gù. Sau ba ngày, lập tức người đàn bà hỗn hờ tìm tôi thông báo: đất bà đã được trả lại cho bà. Tôi không vui mà điển tiết gọi điện thoại cho ông lãnh đạo căn vặn vì sao một việc đơn giản như thế mà cả mười năm trời vẫn khiến người đàn bà đội đơn đi khắp nơi kêu cứu. Tôi nhận lại một tiếng cười ngắn. Trong những trường hợp như vậy, bằng kinh nghiệm của nhiệm kỳ chữ đang có, tôi không thể dùng chữ đau, cũng không thể dùng chữ nghèo, tôi dùng những chữ sắc như kiếm, gọi là chữ kiếm sắc. Chữ kiếm sắc xếp bèn nhau thành những bài điều tra nóng rực tính chiến đấu, vạch mặt chỉ tên những con người xấu, những hành vi bạc đãi, tham lam, vô đạo. Thống kê lại, chữ kiếm sắc của tôi cũng đã quật ngã những vị quan tham, những kẻ lừa dối, những thói đời vô trách nhiệm. Những chữ kiếm sắc chính là quyền lực vô hình có thể kết tội bọn người xấu. Bọn người xấu sợ chữ kiếm sắc hơn sợ một bản án. Nghiệp chữ, không thể không dùng đến những dòng kiếm sắc. Dù viết càng nhiều chữ kiếm sắc càng nhiều bảo mình, là lẽ công bằng, là đạo đức, một bên là một thiếu số bọn người xấu? Chọn cho mình đứng về phía nào. Tất nhiên, chữ kiếm sắc chĩa thẳng vào bọn xấu, che đỡ cho những phận người cần bảo vệ, thuộc về chân lý.

5. Một lần, sau bao nhiêu công phu, tôi

tim được chứng cứ về việc một đôi vợ chồng công chức nhà nước đã nhờ vả chính quyền địa phương xác nhận cho mình giấy chứng nhận thương binh để con họ được cộng thêm điểm ưu tiên trong một cuộc thi vào trường chuyên của tỉnh. Chứng cứ đã quá rõ. Và tôi biết, khi thông tin này lên báo, chắc chắn cậu học sinh kia sẽ bị đuổi học và vợ chồng vị công chức ấy sẽ bị kỷ luật. Chứng cứ thật hoàn hảo. Khi chuẩn bị viết, tôi nhận được thông tin bố của cậu học sinh kia, người cán bộ đã giả mạo mình là thương binh bất ngờ bị căn bệnh nan y. Tôi kiểm chứng lại thông tin này. Cả nhà đang khóc than lo lắng và đau khổ. Căn bệnh nan y đã vào giai đoạn cuối. Tôi tới bệnh viện, thấy cậu con trai đang ngồi với bố mình và khoe về những ngày học đầu tiên ở trường chuyên. Tôi im lặng ra về, im lặng xé bỏ bản tin. Tôi biết, nếu báo đưa tin việc ông bố mạo danh là thương binh cho con đỗ thi thì có lẽ ông bố đang bị căn bệnh nan y quái ác kia chết không nhắm mắt vì nhục nhã. Và cả cậu con trai kia nữa chắc cũng không dám chạy đến bệnh viện thăm bố như ngày ngày cậu vẫn đến. Và dư luận. Và đủ thứ hệ lụy dồn ép lên thân phận một con người đang đối diện với cái chết đón đầu trước mặt. Tôi quyết định nhịn viết bản tin này. Một chữ nhịn lúc này thật cần thiết. Tôi không còn biết mình đúng hay không đúng khi quyết định không viết tin về sai phạm này. Nhưng tôi tin, tôi đã dùng đúng chữ nhịn. Một đời viết báo, còn nhiều lúc tôi phải dùng chữ nhịn. Sau đó ít lâu, không hiểu sao ông biết tôi tự nguyện tha thứ không thông tin về hành vi gian dối của vợ chồng ông. Ông hẹn gặp tôi tại bệnh viện, nói, chữ nhịn của tôi đã giúp ông phần nào khuây khoả. Một tuần sau khi nói với tôi câu đó, ông mất.

Như một thói quen, cuối năm tôi lại ngồi đếm chữ. Nghiệp chữ trong nhiệm kỳ chữ của mình tích tụ những chữ nghèo, chữ Đau, chữ Kiếm sắc, chữ nhịn và thực vui vì trong kho chữ ấy của chính tôi không thấy dấu vết của chữ hèn. Đếm chữ như đếm cát. Cát vun đầy thành đống về quê nhà. Chữ vun đầy thành chính tôi, cho tôi. Viết là viết cho mình, vì chữ mang tên mình. Cuối năm dành đôi chút rảnh rang, tôi xếp chữ mình đã viết ra trong năm thành cái tên mình, chân dung mình. Nhiệm kỳ chữ chưa hết phía trước vẫn là một kỳ hạn vô bờ bến, và tôi lại cùng cây bút của tôi, cây bút mang cả nỗi đau, niềm thương mến tự tin và hứng khởi thẳng tiến vào giữa Giao Thừa. ■



Biển Nhật Lệ Quảng Bình.

BIẾT VÀ HIỂU TRONG PHÊ BÌNH VÀ SÁNG TÁC

TÔ HOÀI



Núi rừng Việt Bắc

Ảnh: T.L

Bấy giờ quảng 1947 - cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp vừa được một năm. Sau trận tấn công Thu - Đông 1947 lên Việt Bắc của giặc Pháp, báo *Cứu quốc* Trung ương chuyển từ Bắc Cạn về khu căn cứ mới trong vùng rừng núi Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, Nam Cao và tôi, hai người được phân công ở lại Bắc Cạn. Lúc này Tổng bộ Việt Minh quyết định ra một tờ báo hàng ngày mới cho ba tỉnh Cao - Bắc - Lạng, tờ *Cứu quốc* Việt Bắc, Nam Cao phụ trách biên tập (có một minh anh), còn tôi làm chủ nhiệm lo chung công việc tòa soạn, phát hành, nhà in và việc an toàn của cơ quan.

Ở Bắc Cạn, Pháp đóng tỉnh lỵ và suốt đường số Ba lên Cao Bằng. Cơ quan chúng tôi ẩn vào núi, phía huyện Chợ Rã, chỉ cách đồn Phú Thông một quãng đường. Nhiều việc phải dựa vào đồng bào ở xung quanh đồn địch mới hoạt động được. Trong thời gian này tôi có dịp tiếp xúc với đồng bào các dân tộc anh em, cùng làm việc với các đảng ủy, chi bộ và các ủy ban xã, huyện. Quen biết, hiểu biết, tôi thật lòng yêu mến và kính phục các dân tộc anh em, những người đã xây dựng nên khu giải phóng đầu tiên ở Việt Bắc, tiến tới cách mạng thành công trên cả nước. Sự hiểu biết, tấm lòng và tình yêu tha thiết ấy đã mở cho tôi những sáng tác về một vùng quê mới.

Kháng chiến biết bao gian khổ, nhất là những năm đầu, nhưng thật là cảm động, dư luận đối với những truyện ngắn ấy thật phong phú. Nhiều bạn đọc và các bạn tôi đã viết thư, đã viết bài phê bình. Ở Việt Bắc, các bài phê bình ấy đã in trên các Tạp chí *Văn nghệ*, Tạp chí *Độc lập*, Tạp chí *Cứu quốc*. Dù khen hay chê, một ý kiến phê bình, khi đã đi sâu vào tâm tình tác giả, được tác giả nghiền ngẫm suy nghĩ, cân nhắc thì sẽ trở nên một sức mạnh hỗ trợ hết sức màu nhiệm cho sáng tạo của người viết. Cũng như tôi, bạn đọc tác phẩm của tôi bây giờ đã rời bỏ thành phố và làng quê, ba lô lên đường kháng chiến cứu nước. Các bạn vẫn đọc tôi, đọc những cái tôi mới viết, tức là chúng tôi cùng có con mắt và tấm lòng của những người tin tưởng kháng chiến nhất định thắng lợi. Tuy nhiên giữa người viết và người đọc nhất định trong tâm lý thường thức và trong tư duy sáng tạo cũng có những điểm khác nhau và sự biết và hiểu, hai việc khác nhau. Ở những sáng tác ngày ấy, cái hiểu của tôi còn so le với cái tôi biết. Do đấy, đôi khi còn bộc lộ ra về "đứng ngoài", về "ngắm nghía", về "cười cợt không đúng chỗ" - bệnh tật của chủ nghĩa tự nhiên.

... Tôi cho rằng yêu cầu được nhận xét và phê bình đối với tác phẩm là điều cần thiết đối với một người sáng tác. Một bài phê bình hay ý kiến thẳng thừng nhiều về của bạn đọc làm khi có tác dụng thật quyết định. Tất nhiên người viết không thể là cái thùng chứa tất cả những gì được khen chê. Mọi ý kiến cần được chọn lọc. Nhận hay không nhận, người viết đều cần suy nghĩ kỹ lưỡng. Đối với tôi, kỷ niệm về những truyện ngắn viết vào thời kỳ sau Cách mạng Tháng Tám 1945 đã cho tôi vô số kinh nghiệm trong nghề viết - cái nghề lúc nào cũng phải rèn luyện như lúc nào.

Lý luận, phê bình và sáng tác đều là công việc của sáng tạo. Sự tu dưỡng và tư duy của hai người cầm bút này thật giống nhau. Chỉ khác nhau khi chuẩn bị và biểu hiện, cũng như tác dụng mỗi thể loại với người đọc. Người sáng tác và nhà lý luận làm công tác phê bình không hề phụ thuộc vào nhau, cả hai người cùng làm công việc sáng tạo văn học. Những ý kiến nói phê bình là việc cấm roi ne nết chỉ trò, cũng như những ý kiến nói phê bình theo đuôi sáng tác, có sáng tác mới có phê bình, tất cả đều là những phát biểu cực đoan, không thực tế.

Nhà phê bình, trước nhất, có một cuộc sống đời dào, có kiến thức phong phú. Nếu như sáng tác đòi hỏi người viết phải cố gắng suốt đời, phải tắm mình trong

những biến chuyển mạnh mẽ nhất của cuộc sống thì yêu cầu ấy cũng như hết đối với một nhà phê bình. Bởi lẽ giản đơn, mọi vấn đề anh đề cập, anh phát hiện, anh nêu lên, đều là từ thực tế được tập hợp lại qua sự sáng tạo của nhà văn. Nhà phê bình không thể nào không từng trải, tuy không hẳn nhất nhất là những vấn đề của nhà văn - những vấn đề của xã hội đương sôi động diễn ra quanh mình.

Cuối cùng, sức mạnh sáng tạo có kết quả hay không của nhà phê bình, chính là ngòi bút anh có đem lại cái gì mới cho vấn đề sáng tác, cho một tác phẩm. Có phát hiện và phân tích được cái đúng, cái sai của tác phẩm và làm thế nào để người sáng tác phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm, đó mới là điều cần thiết.

Với ý thức trách nhiệm cao nhất và sáng tạo nhất, nhà phê bình có thể vạch được những nét chính xác của mỗi giai đoạn văn học, từng thời kỳ văn học với những đỉnh cao của phong trào và những vấn đề đã xảy ra trong đó. Những cây bút phê bình còn có thể xem xét, đánh giá được các giai đoạn, các thời kỳ phát triển của văn học. Các nhà phê bình cần tham gia một cách tích cực với tinh thần khách quan, khoa học vào các cuộc thảo luận, tranh luận để từ đó có thể khẳng định những tác phẩm có giá trị và tìm ra những nét riêng biệt, đúng hay không đúng của một tác phẩm.

Tôi muốn đi vào khía cạnh một vấn đề nghiệp vụ của phê bình và sáng tác, một vấn đề bếp núc của văn học - vấn đề phê bình nội dung và hình thức một tác phẩm. Công việc giảng văn ở nhà trường và vấn đề phê bình văn học thường liên quan trực tiếp với nhau. Nhà giáo giảng dạy văn học có hai khâu cầm nang: giáo trình sư phạm và các công trình phê bình, nghiên cứu văn học.

Trong một sáng tác, hình thức và nội dung, cũng ví như da thịt (hình thức) và máu xương (nội dung). Hình thức và nội dung không phải như cái áo cái mũ có thể cời ra mặc vào thân thể lúc nào cũng được. Sự liên quan của nội dung và hình thức một bài văn là sự liên quan của máu thịt với thân thể con người. Không phân tích được như thế, riêng về giảng dạy, không gây được những hiểu biết vô cùng cần thiết về nội dung câu văn, lời văn. Thiếu sót đó cũng một phần nào làm cho đối tượng học sinh ta hiện nay có tình

trạng kém hứng thú học văn.

Giảng văn rõ ràng ảnh hưởng mạnh mẽ tới phê bình văn học, hoặc ngược lại, nếu không muốn nói đây cũng là một vấn đề của lý luận và phê bình văn học. Hiện tượng và tình hình giảng văn như trên, ta cũng thấy tương tự trong phê bình văn học. Thường người ta nói đến hình thức một sáng tác cũng chỉ qua loa, sơ sài, khắp khiếm. Khi phân tích cái hay, cái chưa hay của nội dung nhất thiết nên chú ý xem xét đến những vật liệu kiến trúc nội dung ấy như thế nào mà làm cho người đọc cảm nhận được cái hay, cái chưa hay của sáng tác. Đó là nghệ thuật kể chuyện, là hình thức truyện, sự cấu tạo nhân vật và cuối cùng là câu chữ, lối đặt câu phản ánh được nội tâm và biết dùng chữ đắt - mà tất cả, ta gọi là những cái dựng nên phong cách nhà văn. Thường nhà phê bình chỉ dừng lại ở hai chữ phong cách với mấy từ khen chê chung chung, tuy nói đến hình thức mà chưa mấy ai đi sâu vào mổ xẻ cốt cách văn phong, tìm xem văn phong ấy đã minh họa nội dung thế nào và liên quan ra sao với nội dung.

Gắn mình với thực tế đời sống, lý luận và phê bình không bao giờ đứng yên trong định nghĩa thụ động. Với trách nhiệm và đặc điểm chức năng của lý luận, phê bình bất cứ khi nào (còn cần có phê bình) cũng lĩnh nhiệm vụ đi trước. Thật như vậy, khi một cây bút phê bình kiểm điểm tình hình hay nhận xét một tác phẩm, thì mục đích của nhà phê bình đó không phải chỉ là việc khoanh tròn hai chữ khen chê nội dung nghệ thuật sáng tác ấy, vấn đề sáng tạo ấy, mà nhà phê bình chân chính luôn luôn ôm ấp kỳ vọng từ tình hình cụ thể, trước mắt đó của phong trào và của sáng tác, có thể rút ra được một cái gì, có thể tiến tới cái gì. Sức mạnh của ngòi bút lý luận tung hoành trong vấn đề "rút ra cái gì, tiến tới mục đích nào" mới là cốt lõi, là tinh túy trong một câu khen chê của phê bình.

Ở đây tôi muốn khơi sâu đặc điểm chức năng cao quý của lý luận và phê bình. Mỗi giai đoạn phát triển của văn học cách mạng Việt Nam đều có ghi dấu trên bước đường đi, những thành tựu đạt tới của công tác lý luận, phê bình văn học.

Từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 tới nay, mỗi cuộc tranh luận văn học đều là những cái mốc đánh dấu những giai đoạn phát triển của văn học nước ta.

Sự nhệch nhùng lớn lên của sáng tác và phê bình đã trở thành nền nếp, thói quen của mỗi giai đoạn, của từng thời kỳ.

Ngay khi cách mạng vừa thành công, đã có hai cuộc bút chiến khá hấp dẫn phản ánh tình hình thực tế quang cảnh và trình độ phong trào văn học lúc ấy. Một cuộc nhằm đánh đổ kẻ thù của cách mạng và một cuộc thảo luận nội bộ. Có một cơn bão bụi mang khuynh hướng tư-rốt-xkit nho nhoe lộn sông dựng cỏ và bài bác cách mạng. Lập tức, những cây bút lý luận của Đảng và của giới văn học và vạch trần thủ đoạn "tả" đầu lười của bọn tư-rốt-xkit, đồng thời đã vạch rõ con đường tiến hóa và tương lai thực sự của nền văn hóa, của phong trào Việt Nam với phương châm khoa học, dân tộc và đại chúng. Thế rồi ngay trong những ngày đầu kháng chiến bộn bề như thế, một cuộc trao đổi sôi nổi về nội dung văn học cách mạng đã được tổ chức và được đề cập tới trong vấn đề thế nào là tuyên truyền, thế nào là nghệ thuật. Đối với đội ngũ những người làm văn học mới mẻ tập hợp dưới ngọn cờ của Đảng, mà hầu hết đến với cách mạng trước nhất là do có lòng yêu nước nồng nàn và sôi nổi, thì đó là cuộc trao đổi bổ ích vô cùng cần thiết. Do đấy và chỉ có sau đấy chúng ta mới có được sự đoàn kết nhất trí, mới thấu hiểu được ý nghĩa của luận điểm: khi nghệ thuật đạt tới đỉnh cao, thì bản thân nghệ thuật mang tính chất tuyên truyền. Từ đó chúng ta cũng thấy rằng một tác phẩm thành công thì giá trị tuyên truyền của nó rất lớn, rất mạnh mẽ.

Nhận xét về công tác phê bình, tôi nghĩ cái mà bạn đọc quý mến và kỳ vọng ở nhà phê bình là sự nhạy bén của phê bình. Phê bình là sự thấy trước và sự khẳng định. Những ngòi bút như thế trong giới phê bình ở ta chưa nhiều. Tuy nhiên, tôi không có kỳ vọng gì hơn. Cũng như tôi không nghĩ trong tình hình sáng tác hiện nay, cứ nhiều những cái thường thường bậc trung thì rồi một ngày kia, số lượng sẽ đổi thành chất. Trong sáng tác và cả trong phê bình không như thế. Sự xuất hiện những sáng tác trội, những tinh hoa của một thời kỳ, một giai đoạn, bao giờ cũng hiếm. Nhưng tôi cho trong tình hình phê bình và sáng tác đương phát triển, nhất là trong giai đoạn hiện nay, tình hình ấy chưa đáp ứng với giai đoạn cách mạng mới, với cuộc đấu tranh giữa hai con đường gay go phức tạp trong cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa nhằm mục đích xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa thì nó còn đòi hỏi cao hơn.

Những cuộc thảo luận gần đây trong văn học cũng đúng là như vậy. Mấy năm qua, đã có những cuộc tranh luận xem văn học ta đương ở thời kỳ nào, trình độ nào; xem nó có đề xuất được những vấn đề gì mới, có xây dựng được những nhân vật mẫu nào của con người mới, cuộc sống mới hay là vẫn còn ở trình độ minh họa đơn giản, một chiều những ý muốn chủ quan của người viết chứ chưa phải xuất phát từ tình hình và những nhân tố khách quan. Qua thảo luận cũng như qua xem xét tình hình thực tế, chúng ta thấy mặc dù có nhiều mặt non yếu, nhưng rõ ràng nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã có những thành tựu xứng đáng, đã đề xuất được nhiều vấn đề lớn và toàn diện. Rõ ràng, những cuộc thảo luận như trên là rất cần thiết và thật sự quan trọng. Kết quả thảo luận được khẳng định càng làm cho nhận thức của chúng ta về ý nghĩa của những giai đoạn văn học đã qua được sâu sắc hơn.

Văn học cách mạng Việt Nam còn rất trẻ. Trải qua các giai đoạn cách mạng cho tới ngày nay, nền văn học ấy không phải không có khó khăn, không có vấp vấp. Song đội ngũ những người sáng tác và phê bình đã ngày càng lớn mạnh, sự kết hợp giữa lý luận, phê bình và sáng tác đã ngày càng khăng khít và nhạy bén nhất định chúng ta sẽ đạt được những thành tích cao hơn nữa, nhiều hơn nữa, xứng đáng hơn nữa vào sự chăm sóc và dìu dắt của Đảng, sự cổ vũ và mong mỏi của quần chúng. ■

LỜI NHẮC NHỎ HÔM QUA

(Nhân đọc: Ngô Thảo, *Tiểu luận phê bình văn học*, tuyển tập, Nxb Hội Nhà văn, 2010;
& *Chủ nghĩa hiện thực trong văn học Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX*, Trần Đăng Suyển, Nxb Khoa học xã hội, 2010)

NGUYỄN CHÍ HOAN

CÓ những cuốn sách khi đọc đến đột ngột nhắc ta rằng lại mười năm nữa đã trôi qua; dù có thể "mười năm" hay "thập kỷ", "thập niên" nhiều lúc cũng không thật có nghĩa gì lắm, chỉ là một biểu đạt chung cho rất nhiều xúc cảm trên các phương diện khía cạnh tầng lớp rất đa dạng của cái xúc cảm căn bản về độ dài hiện hữu.

Nhưng dĩ nhiên thật là mười năm nữa đã lại qua, kể từ sau cơn địa chấn văn chương Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam năm 1991, sau một sự trở lại trẻ trung của tiểu thuyết với Nguyễn Bình Phương và Nguyễn Việt Hà năm 1999 - 2000.

TRƯỚC CƠN LŨ CỦA NGHỆ THUẬT KHÔNG TÀI là tiêu đề bài thứ mười trong tập tuyển phê bình của Ngô Thảo, thời điểm năm 1990.

Khung cảnh được phác họa ở bài phê bình này là sự lộn xộn tươi mới một buổi đầu của nền văn hoá đại chúng: sách-hàng-hoà ẻ hế, sách "đại hạ giá" đầy dưới vỉa hè trong đó có cả nhiều tên tuổi danh giá đương thời (- Ngô Thảo, tr.203). Và nổi bật khuôn của người phê bình là sự giàu có của số lượng sách không đi liền với sự giàu có về tư tưởng, dĩ nhiên, những "tư tưởng" người phê bình xác định là phù hợp và phục vụ công cuộc đổi mới (- N.T., đã dẫn).

Tuy vậy bài viết không nói rõ những tư tưởng phù hợp đó là thế nào, ngay cả nếu đã có một mặc định phổ biến.

Có thể đó là một lý do, cùng với niềm phấn khích chung những năm đầu cởi mở và tầng trường kinh tế, khiến đường lối ít có ai lưu tâm đầy đủ đến cái chân trời đang dâng lên của nền văn hoá đại chúng - sau này nhiều khi gọi là "văn hoá tiêu dùng" - nơi mà tính năng giải trí trở thành "tư tưởng" chủ yếu. Và cũng chưa hiện lên, chính cái rắc rối về diễn đạt từ ngữ "giải trí" đó, ở phương diện do đặc thù văn học mà luôn luôn có sẵn tiềm năng là một sự giải trí của tư tưởng, nếu cái văn chương giải trí vượt lên khỏi mọi tình trạng thô sơ về nghệ thuật và hiểu biết.

Các truyện ngắn và tiểu thuyết của Hồ Anh Thái thời kỳ ấy là một thí dụ nổi bật. Một thói *ghét đời* cười ngạo mấy thứ *bệnh tưởng*. Nhưng trong tiểu thuyết CỎ NGƯỜI RUNG CHUÔNG TẬN THẾ lại là tư tưởng xã hội Phật giáo, trình bày theo phong cách rock của thời đại: hoành tráng sân khấu, biểu hiện trừu tượng, bạo liệt, bí hiểm và suốt mướt; nhân vật anh hùng hành hoạt như một Michael Jackson đi lại trên sân diễn ở Manhattan.

Không ngạc nhiên, bởi trước đó Hồ Anh Thái đã nói rằng anh sẽ chuyển sang thứ văn chương có nhiều tính giải trí hơn, là cái mà theo anh văn chương trong nước khi ấy còn chưa lưu ý đúng mức.

Tuy nhiên, phần phê phán trong bài viết của Ngô Thảo đang nói đến ở đây chưa dành cho lĩnh vực thật sự văn chương giải trí, mà chủ yếu nhằm tới cái thực tế đưa nó ố ạt nói chung cho xuất bản cùng các thể loại sách vở lúc bấy giờ và tình trạng "lầm ngơ" của lý luận - phê bình văn học.

Một ghi nhận thú vị: *Bản năng cảnh giác cao luôn luôn giúp các nhà phê bình cảnh giác với mọi tác phẩm mới*. (- N.T., tr.207) Điều ấy góp phần lý giải vì sao, trong những năm sau đó, bao nhiêu lần được nhắc nhở vai trò theo mô thức cái rơi phê bình - con ngựa sáng tác hầu như bấy nhiêu lần phê bình văn học bị chế

trách là không theo kịp đối tượng của mình, một đối tượng chỉ mấy năm sau thời điểm cưỡi mớ đã có thể nhìn nhận như một nền văn học giàu có và đa dạng về giọng điệu, sắc thái, về phạm vi đề tài cũng như tư tưởng. (- N.T., tr.192)

Chúng ta sẽ không quên: đó là niềm phấn khích có tính so sánh với văn chương giai đoạn ngay trước đó mà một bộ phận rơi vào sơ lược máy móc không chân thực, mà người đọc cho rằng sách đang dày lên một cách vô lý bằng quá nhiều sự kiện, rậm rạp, không trong suốt, nghèo ý nghĩa, và đã tới lúc đề tài không quyết định được chất lượng nghệ thuật của tác phẩm (- N.T., tr.120-121)

Giọng phấn khích đó là ở vào thời khoảng 1989, khi tinh thần *nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật* đã đưa nền văn học nước ta tham gia vào dòng chảy chung của văn học thời đại... *truy kích cái xấu, cái ác, những biểu hiện tiêu cực... tạo thành những biểu tượng cho xã hội nhân diện và phê phán*. Đã có thể thấy những điển hình đó trong một số tác phẩm của Dương Thu Hương, Nguyễn Mạnh Tuấn, Trần Văn Tuấn, Nguyễn Huy Thiệp, Ma Văn Kháng, Xuân Cang... (- N.T., tr.194)

Bài phê bình về "nghệ thuật không tài", đã dẫn, tác giả viết sau những dòng sôi nổi nói trên chưa đầy một năm - tức có thể coi như đồng thời, khi giờ đây nhìn lại - và ta thấy người đọc ấy đứng trước một biến sách mệnh mông, nhiều thời, nhiều xứ, nhiều khuynh hướng tư tưởng (- N.T., tr.206): không khó khăn để thấy rằng nhận xét này nói đến cái "biến" sách văn học dịch, sách dịch thuộc mọi lĩnh vực, và một số tác phẩm quá khứ gần mà một thời bị loại khỏi tủ sách chung.

Hai mươi năm qua đi. Cái biến sách đó là thực tại thường nhật bây giờ.

Vậy mà mấy năm gần đây xuất hiện cụm từ "văn hoá đọc" kèm theo một vài những đợt vận động đọc sách: chúng ta đã kịp xa rời "biến sách" từ khi nào? Hay là thật ra sách không nhiều đến thế, nhất là sách văn học, và người đọc lại càng không?

Nếu sự sinh sôi của từ vựng luôn là một biểu thị từ trạng thái tâm lý và tinh thần của xã hội, thì cụm từ cửa miệng gọi văn chương (, cũng: nghệ thuật), như một "cuộc chơi" (đôi khi: "sang trọng") đã cho thấy thái độ lưỡng lự, hoài nghi cho đến hạ bệ đối với vai trò và hiệu quả của tác phẩm văn học.

Về điểm này, phê bình của Ngô Thảo

đối với cái gọi là "nghệ thuật không tài", cho dù ông tức thời nhắm đến một vài đối tượng cụ thể lúc ấy, vẫn đáng để suy nghĩ lại.

Hai mươi năm sau, giờ đây tác giả nào có được vị thế trong con mắt dư luận như những-xuân-cang-nguyễn-minh-châu, chẳng hạn?

Lẽ dĩ nhiên thế sự biến chuyển, nhưng văn chương cũng vậy, và khoảng cách của nó với tầm mong đợi của người đọc nói chung dường như cứ xa ra. Với bao nhiêu ồn ào không ngớt những năm gần đây, chẳng hạn như cái gọi là văn chương gợi dục, ám chỉ, v.v., thực ra thì văn chương của chúng ta có thật cấp thời hay không? - Rất hiếm vậy.

Thiếu vắng sức mạnh thực thụ về ngôn ngữ văn học, thiếu một thứ lao động khổ hạnh của tư duy hay là thiếu chính tư duy nghiêm cần, thành công của văn chương như một loại "Miếng da lừa" - cứ co hẹp dần theo đà thoả mãn của cái người viết ấy.

Ngô Thảo gọi "nghệ thuật không tài" như một thứ phản ứng với một thời theo phương châm nhất thống "văn dĩ tải đạo". Người đọc nào cũng hiểu, trong văn cảnh khi ấy, "đạo" ấy là "đạo" gì. Để nói rằng, đó không hoàn toàn là một nhận xét một chiều tiêu cực, dấu vẫn rõ ràng phê phán.

Tuy nhiên thực cũng có một kiểu biện bác biện minh nhất thống "văn dĩ tải đạo". Tranh thủ ấn tượng khó khan chữ "đạo" mà nói văn chương không để tài "đạo". Nhưng lại cứ hoài bão có tầm vóc quốc tế hay tư cách lớn v.v.

Có thể thấy những người viết ấy sẽ không ngăn ngại ca ngợi Leo Tolstoy - đại văn hào Nga mà dịp kỷ niệm trăm năm mới rồi người ta nhấn mạnh tư tưởng đạo đức và viễn kiến xã hội của ông ngang với ca ngợi thiên tài văn học của ông.

Và hãy nhắc lại một nhận định từng rất quen thuộc một thời, của Vladimir Ilic Lenin, coi L. Tolstoy là tấm gương soi phản chiếu cách mạng Nga.

Phải chăng đặc tính và tầm vóc của một nền văn học hay một tác phẩm văn chương tùy thuộc vào tính trọn vẹn, đa dạng và sâu sắc của bức tranh hiện thực mà nó tạo nên?

Xa hơn một chút, cuốn CHỦ NGHĨA HIỆN THỰC TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM NỬA ĐẦU THẾ KỶ XX đưa ra như một tiến đề - *Những vấn đề của chủ nghĩa hiện thực trong văn học Việt Nam từ khoảng 1930 đến 1945 vẫn còn mang*

tính thời sự, vẫn còn rất thiết thực cho văn học đương đại và mai sau của dân tộc. Bởi lẽ, khám phá sự thật về con người và cuộc đời, khám phá chân lý đời sống, tinh thần phân tích xã hội và sự nghiên cứu con người một cách sâu sắc là những cái mà ngày hôm nay và mai sau, văn học đang và sẽ rất cần. (Trần Đăng Suyển, tr.9)

Và sau những nỗ lực tập trung các chứng từ văn học sử và ngữ văn học mà hầu hết đều đã xuất hiện ở những cấp độ khác nhau trong các nghiên cứu riêng rẽ từ nhiều tác giả về giai đoạn văn học này - tập trung trên một lược đồ hoàn chỉnh từ hình thành, phát triển, đến đỉnh cao, từ các nguyên tắc và quan điểm nghệ thuật cho đến các đặc điểm thực tiễn tác phẩm về cảm hứng, tư tưởng, thể loại, nhân vật, đặc trưng điển hình hoá và thành tạo ngôn ngữ văn học đặc thù - đi đến một kết luận táo bạo về Chủ nghĩa hiện thực Việt Nam với định tính thống nhất trên một mức độ nhất định giữa chủ nghĩa nhân đạo, tư tưởng dân chủ với tư tưởng yêu nước và cách mạng; với hai đỉnh cao Vũ Trọng Phụng và Nam Cao xứng đáng là những thiên tài của văn học Việt Nam. (- T.D.S., tr. 540, 542).

Phân nghiên cứu so sánh về chủ nghĩa hiện thực và về nền tảng ngôn ngữ học của sự phát triển tiếng Việt quốc ngữ buổi đầu - cái nền tảng của sự bùng nổ đáng ngạc nhiên của giai đoạn văn học rực rỡ đó - có lẽ không được tác giả coi là những trọng tâm trong công trình này.

Nhưng những gợi ý nhắc nhở từ công trình này, cũng có thể xem như từ chính những bậc thầy đầu tiên của văn học hiện đại Việt Nam, là rất đáng kể.

Nếu tư duy văn học là một truyền thống trong một ngôn ngữ cụ thể, phải chăng tư duy hiện thực chủ nghĩa đặc thù từ thời kỳ đó vẫn không ngừng trôi chảy trong các huyết mạch của văn chương chúng ta, ngay dù cho đã trải qua những biến thiên cực đoan hay những bồi đắp xa lạ.

Sự hiện diện đồng thời và những biểu hiện gắn gũi về tư duy nghệ thuật hay phong cách thể loại vẫn còn với chúng ta ngay trong mười năm lại đây: chẳng hạn, giữa một tác gia kinh điển còn lại từ giai đoạn nói trên - nhà văn Tô Hoài - với một cây bút hiện thực già dặn sâu sắc thuộc thế hệ lớn lên dưới bầu trời Việt Nam mới - nhà văn Bùi Ngọc Tấn.

Phải chăng chúng ta đã rút tía hết những tinh hoa và bài học từ nền văn chương sôi động của hai cuộc kháng chiến, hay vẫn chỉ tự hào theo một vài công thức đã quen?

Không phải một mình nhà phê bình Ngô Thảo và không chỉ ở đối câu trong tập tuyển này của ông kêu gọi các nhà văn đến sau phải bồi đắp kiến văn và đặc biệt là tri thức văn học đặc thù (- N.T., tr.233); nhà thơ Hữu Thỉnh, trên một vài diễn đàn gần đây của Hội Nhà văn, cũng như một số tác giả và một số người đọc quan tâm đến thăng trầm của văn học nước nhà đều đã từng lên tiếng về vốn liếng nghề nghiệp, sự trau dồi văn học - tức tinh chuyên nghiệp của một số không ít người viết ngày nay.

Lại đã mười năm nữa trôi qua. Phải chăng không chỉ mang món nợ văn chương với lịch sử Tổ quốc, chúng ta còn mang món nợ học hỏi và trau dồi ý thức văn chương, duy trì và tăng tiến truyền thống văn học mà các bậc thầy hiện đại của văn học nước nhà để lại. ■





LÃNG MẠN GIỮA THƠ VÀ HỌA VÀ...

Nhà thơ Lê Thị Kim (tên thật: Lê Thị Ngà, sinh năm 1950 tại Thanh Hoá) luôn giữ được giọng điệu trẻ trung, vui tươi nhí nhảnh, khiến nhiều người có cảm giác chị sẽ không bao giờ già. Hầu như chị làm việc gì cũng dễ dàng, nhàn nhã, cứ nhẹ nhàng như không, mà thành công đều đặn... Thành danh trong làng thơ Tp. Hồ Chí Minh sau 1975, từng lang thang đọc thơ như một kẻ du ca từ 1978, đến nay Lê Thị Kim đã xuất bản được các tập thơ chính: *Thành phố tháng Tư* (Nxb Tác Phẩm Mới, 1986), *Khi tình yêu đến* (Nxb Văn nghệ, 1988), *Đoá quỳ hư ảo* (Nxb Trẻ, 1991), *Sương bụi tình yêu* (Nxb Văn nghệ, 1997 - tái bản 2003 và 2005) và sắp ra tuyển tập *Thơ Lê Thị Kim...* Lại đã từng đột ngột xuất hiện một Lê Thị Kim họa sĩ với triển lãm tranh cá nhân đầu tiên năm 1993, gây bất ngờ vào thời điểm đó vì đã bán được "sạch bách" số tranh trưng bày. Từ đó, chị chăm chú hơn vào lĩnh vực hội họa, có thêm nhiều triển lãm cá nhân và triển lãm nhóm cả ở trong nước lẫn ngoài nước. Nhân triển lãm tranh kết hợp đêm thơ và nhạc phổ thơ với tiêu đề *Lãng mạn Thơ và Họa của Lê Thị Kim* tại Café Art Gallery AMI Văn Thánh (Tp. HCM) vừa kết thúc tốt đẹp, tác giả đã dành cho Văn nghệ một chút tâm sự...

Chị làm thơ từ bao giờ? Bài thơ đầu tay được in? Tập thơ đầu tiên được xuất bản? Bài thơ nào, tập thơ nào ghi dấu ấn sâu đậm nhất trong kí ức chị?

Kim làm thơ từ thời học trò mơ mộng, bài thơ đầu tiên ở báo tường là bài "Hoa Tim", cảm giác một mình trong sân trường, nhớ, đối hờn chút khi người bạn trai cùng học tới trễ.

Có đấy hay không ánh mắt người/ Hay là chiều chỉ có mình tôi/ Chỉ mình tôi với giàn hoa tím/ Ngà ngần hôn chùm hoa tím thôi...

Tập thơ đầu tiên của Kim, *Thành phố tháng Tư* - in chung với Nguyễn Nhật Ánh - Nxb Tác phẩm mới (Hội Nhà văn), 1986. Từ tập thơ này, Kim và Ánh cũng là hai cây bút trẻ đầu tiên của Tp.HCM được kết nạp vào Hội Nhà văn Việt Nam, năm 1990. Còn tập thơ Kim rất thích và cũng được nhiều người thích là tập *Đoá quỳ hư ảo* - Nxb Trẻ, 1991. Khoảng 30 bài thơ trong tập thơ đó đã được nhiều nhạc sĩ phổ thành ca khúc.

Chị còn là một nhà thơ có giọng điệu độc đáo trước công chúng rất ấn tượng, từng tham gia nhóm Ca Khúc Mới với Trịnh Công Sơn và các nhạc sĩ TP.HCM khá sôi nổi suốt một thời hậu chiến gian khổ. Chị còn nhớ nhiều kỉ niệm thời đó chứ?

Chắc nhớ trời phú cho gia đình Kim một chất giọng có nét riêng. Nhà Kim có sáu chị em, nét mặt có thể khác nhau, nhưng khi nói chuyện ai cũng nhận ra là chị em. Có lẽ do giọng đọc có nét riêng mà Kim được nhóm Ca khúc mới của Hội Nhạc sĩ thành phố rủ rê đi đọc thơ.

Những năm đầu thập niên 1980 ấy, mọi người còn ăn bo bo, tổ cạnh tập thể chỉ có vài lá rau, được ví như "Ao thu lạnh lẽo nước trong veo", khi đi biểu diễn ở các tỉnh chỉ được bồi dưỡng mỗi người mười kí gạo năng thơm là quý lắm rồi. Cả nhóm, ai nấy đều rất vui, nơi nào mời là đi liền. Cái vui chính là được trân trọng, được thưởng yêu, quý mến, được đem những sáng tác mới của mình đến với công chúng... Kim rất nhớ những lần đến các nhà máy, xí nghiệp, các trường Đại học, các tỉnh miền Đông, miền Tây Nam bộ... đọc thơ mà được "bis...bis..." liên tục. Kim nhóm trình diễn xong, các em học sinh,



Nhà thơ Lê Thị Kim

sinh viên, và cả nhiều người lớn nữa, cứ xúm lấy xin chữ ký không cho về. Có lần ở Cần Thơ, nhóm được ái mộ đến nỗi lãnh đạo tỉnh thay mặt Hội Văn nghệ và Đại học Cần Thơ mời ở lại để biểu diễn thêm một đêm nữa. Từ chối không được Nhạc sĩ Phạm Trọng Cầu phải ra điều kiện là "biểu diễn xong thức chơi với các ông luôn, nhưng 2 giờ sáng phải lệnh mở cửa phà Cần Thơ để tụi này về Sài Gòn trước 7 giờ sáng cho kịp đi làm". Hồi đó, lệnh mở cửa phà là 4 giờ sáng. Đường nhiên lãnh đạo tỉnh, ông Vũ Đình Liệu, bằng lòng. Vậy là "chơi xả láng, sáng về sớm"...

Kim hồi đó còn rất được cưng vì là em gái nhỏ nhất và duy nhất trong nhóm, luôn được các anh Trịnh Công Sơn, Phạm Trọng Cầu, Hoàng Hiệp, Trần Long Ẩn, Nguyễn Nam... xoa đầu, dỗ dành. Đi xa còn được ưu tiên mang theo một cô em gái cho đỡ buồn nữa mới ghê chứ.

Sau cả hàng trăm lần anh em lang thang đi biểu diễn, nhiều đến nỗi anh Sơn phải kêu lên: "Nè ông Phạm Trọng Cầu, thôi ông đừng nhận lời nữa, đi hoài thời gian đâu mà sáng tác đây"... Nhờ lại tình anh em lúc đó Kim vẫn luôn cảm động vì quá là chân thành yêu thương nhau...

Và, chị bỗng tạt ngang sang hội họa, có phải do tình cờ? Chị học vẽ khi nào vậy? Bức tranh nào được coi là tác phẩm đầu tay của chị?

Tạt ngang sang hội họa, vừa là cơ duyên vừa là có nguồn cơn. Hồi còn trong trường học Kim đã vẽ đẹp, điểm vẽ 18 - 19/20 là thường. Kim pha màu, rất được các cô giáo khen. Bà Kim lại thường vẽ ở nhà. Mỗi chục bức tranh và điều khác còn lại chia đều cho các con để làm kỷ niệm từ khi ba Kim mất (năm 1985) đến rất đẹp và rất có ý nghĩa với chị em Kim. Khi về ba lại thường giảng giải và hướng dẫn cho Kim rất kỹ lưỡng. Kim đã từng có những buổi chiều ngồi lặng nhiều giờ để xem ba vẽ, nên coi như vẽ một kỹ thuật thì cũng có kinh qua trường lớp và người có kinh nghiệm giảng dạy... Nhưng cái cốt lõi của nghệ thuật, cho tới bây giờ Kim vẫn tin là do tâm hồn và trái tim ta quyết định.

Tác phẩm đầu tay của Kim là ba bức tranh vẽ cùng lúc: "Đôi bông", "Dị thảo kiếp mình trên núi cao" và "Người đàn bà giấu mặt".

Triển lãm tranh đầu tiên của Kim? Triển lãm tranh mới nhất? Cả những triển lãm tranh ở nước ngoài nữa?

Triển lãm tranh đầu tiên của Kim do

báo Công An Tp.HCM tổ chức tháng 2/1993, lúc đó anh Ôt - Huỳnh Bá Thành, làm Tổng Biên tập. Một triển lãm rất vui, hoành tráng, có hai tràng pháo dài cả chục thước nổ đi đùng, rất nhiều hoa của những người yêu mến tặng, rượu Champagne được mở liên tục vì có 24/38 bức tranh đã được sưu tập ngay buổi khai trương và sau đó cũng đã được sưu tập hết. Hồi đó triển lãm của Kim cũng được xem là triển lãm có nhiều tranh được sưu tập nhất trong năm, một khởi đầu thật đẹp, phải không? Mà trong đời, Kim có lẽ là người may mắn có được những khởi đầu đẹp và ấn tượng... Các anh lớn tuổi ở Hội Mỹ thuật thành phố lúc đó như: họa sĩ Hồ Hữu Thủ, Trịnh Thanh Tùng, Nguyễn Lâm rất khen, và còn ký sẵn vào đơn cho Kim gia nhập Hội...

Triển lãm tranh mới nhất vừa diễn ra cùng với đêm thơ và nhạc phổ thơ của Kim: "Lãng mạn với thơ và họa của Lê Thị Kim" tại Café Art Gallery AMI Văn Thánh ngày 10/10 đến 25/10/2010 vừa qua. Những triển lãm ở nước ngoài vui và ấn tượng nhất là ở tại Melbourne (Đức) cùng 6 nữ họa sĩ Đức, năm 2002. Tại San Diego (Mỹ) năm 2002, triển lãm cá nhân. Tại Portland (Mỹ) cùng 91 nữ họa sĩ trong Hội Họa Sĩ Nữ thế giới, tháng 8/2010...

Chị vẫn quan niệm "trong thơ có họa, trong họa có thơ" như người xưa chứ? Và có còn giữ được thăng bằng trên đôi chân Thơ-Họa trong hoạt động nghệ thuật của mình không, hay là đi "cà nhắc" mất rồi?

Với Kim đương nhiên trong thơ có họa, trong họa có thơ như người xưa đã nói, cả hai đều thể hiện tâm hồn mình, được chất lọc từ những dồn nén ý thức và vô thức về thân phận con người, tình yêu thương, cảm giác với thiên nhiên và đời sống xã hội... Chỉ khác là cách thể hiện thôi.

Với Kim, sống với thơ và họa là được tìm về chính ta, lắng nghe lại lòng mình, làm trong trẻo lại tâm hồn, như một lần nào đó Kim đã nói. Họa và thơ là nơi trú ngụ bình yên, nơi chốn cho ta về ẩn náu sau những giờ phút phải bươn bả ta bà trong cõi nhân sinh. Chính vì vậy thơ và họa luôn cân bằng trong nghệ thuật của Kim... làm sao mà khắp khiêng, cả nhắc được.

"Cơm áo không đùa với khách thơ". Thơ không phải là một nghề. Vẽ có là một nghề không, hay cũng chỉ là một cuộc chơi thôi? Chị nuôi nghệ thuật của mình bằng cách nào? Xin hãy mách nước cho cả Lăng Thơ ta với...

Chính xác, "Cơm áo không đùa với khách thơ"... Thơ không phải là một nghề... đương nhiên, và với Kim, Họa cũng không phải là một nghề. Nhưng đầu sao cũng có một vài khác biệt, như thơ thì không trưng ra được, nhưng vẽ thì được, và cái bắt vào mắt người ta thì có lẽ dễ gây cảm xúc hơn chẳng? Thơ không được mua từng bài mà tranh thì được mua từng bức. Nói cho vui, tỷ như: 100 bài thơ thành một tập thơ bán được có một lần, nhuận bút 5 triệu, bằng tiền một bức tranh nhỏ 5 triệu hay bằng 1/5 tiền bán một bức tranh lớn. Nói cho vui thêm, có một dạo khoảng trên hai năm trời Kim đã sống được bằng tiền bán tranh. Chắc ít ai biết rằng Kim đã từng được sưu tập khoảng trên 200 bức tranh, người sưu tập ở nhiều nước trên thế giới... Nhưng với Kim mãi mãi hội họa cũng chỉ là một cuộc chơi. Cho tới giờ Kim vẫn cảm thấy cuộc đời sao phù du quá, có đó rồi mất đó, vậy thì tội gì mà không vui chơi khi đã làm việc hết sức mình.

Còn Kim nuôi nghệ thuật bằng cách nào ấy á, bằng tiền kinh doanh. Chắc là nhiều người không biết Kim đã kinh qua

nhiều nghề trong cuộc sống. Bắt mí một chút nha: Đầu tiên, tất nhiên làm nghề mình học ra, kỹ sư Hóa, nghiên cứu tại Phân Viện Khoa học Việt Nam. Sau đó mình quản trị điều hành một số ngành nghề như: Một tổ hợp may gia đình, giao quần áo trẻ em cho khoảng 10 sạp bán ở chợ An Đông rất đắt hàng trong khoảng ba năm bởi mình thay mẫu mã liên tục. Thiết kế thời trang, đặc biệt là thời trang trẻ em... Tiếp đến mở một cửa hiệu bán Gas cho gia đình. Mở một cửa hàng mỹ nghệ "Kim's Gallery" để bán đồ mỹ nghệ là chính, nhưng tranh của mình ở phòng tranh ai quan tâm thì...xin mời!... Còn một nghề xuyên suốt cho tới bây giờ là Tư vấn Đầu tư Kinh doanh Địa ốc. Hơi bị nhiều ha, những có lẽ do may mắn, hay do mình có chút năng khiếu quản trị, 7 năm trung học mình toàn làm lớp trưởng mà, nên nghề nào cũng tạm coi thành công. Nhờ vậy mới nuôi được con cùng với thơ và họa.

Một bí quyết vô cùng quan trọng với riêng Kim là: đã muốn làm gì thì hãy quyết tâm tìm hiểu cho cặn kẽ và hãy cố gắng làm cho bằng được. Đối với nhiều người "thất bại là mẹ thành công", nhưng Kim nghĩ phải cố gắng hạn chế bớt thất bại, vì thất bại để làm người ta nản lòng. "Thành công là mẹ thành công" thì tốt hơn.

Thất bại, chị đã đối mặt với nó chứ? Và chị đã ứng xử thế nào?

Điều này Kim đã từng bày tỏ, khi thì bằng thơ khi thì im lặng, khi thì vẽ. Những quan trọng nhất là tư tưởng của ta đối mặt với thất bại. Kim tìm hiểu, phân tích thật kỹ tại sao điều đó, việc đó lại bị thất bại? Cố gắng tìm ra nguyên nhân. Rồi sau đó Kim sẽ tìm ra được lối đi tới cho mình.

Kim thường vẽ những cô gái cổ rất cao, cao hơn cả "cổ cao ba ngón" luôn. Vì những chiếc cổ cao ấy chính là hình ảnh mang dấu ấn ước mơ vươn tới của mình...

Một sáng bước ra/Và/tôi chợt thấy tôi/ngoài khung cửa

Tôi chợt thấy tôi/hình như/hơi hoàn mỹ/tốt bụng/một chút thông minh/và một chút bí ẩn.

Ôi/Có phải là tôi không?/Là tôi/sao lại thấy tôi/như vậy?/Kênh kiệu quá chăng?/Gấu quá chăng?

Không đâu, không phải đâu /Không phải tôi đâu/Nhưng/có lẽ vậy đấy/Là tôi! Hình như/Đôi khi/Tôi cần chút tự hào/để sống/Có ghét tôi chăng?/Hỡi bạn hiền

Riêng tôi./ Tôi vẫn tự ghét tôi như tôi từng ghét

Nhưng tôi lại vẫn tự thương mình như đã từng thương!

Thế đấy, đôi khi cần một chút tự hào của mình để đối mặt với thất bại chứ biết sao bây giờ!

Nhiều bạn trẻ hâm mộ và yêu quý Lê Thị Kim, coi chị là người vừa thành danh vừa thành đạt. Chị có thể "tư vấn" cho các bạn trẻ đối diện tâm đắc này ra từ trải nghiệm của chính mình?

Kim nhớ một câu nói của ai đó, đại ý: "Lạc quan, học thức cộng với, nỗ lực và quyết tâm sẽ biến những ước mơ của bạn thành hiện thực". Nếu "tư vấn" về điều này thì có lẽ hơi nhiều việc phải làm. Kim tự nhủ rằng, mọi việc luôn ở thể động cho nên mình luôn phải hành động... hành động... và hành động... Nhưng nhớ là phải có tâm. Từ khi còn là đứa học trò 14 tuổi, Kim đã rất thích một thành ngữ trong bài học tiếng Pháp: "Vouloir c'est pouvoir", muốn thì có thể..., và coi đó là tâm ngữ của mình.

Cảm ơn nhà thơ Lê Thị Kim và chúc chị năm mới có thêm nhiều thành công mới.

HỒ HOÀI HƯƠNG (thực hiện)

ROCEAN là một trong năm người trong đoàn tùy tùng, theo vị tướng già lần đầu tiên lặn lội sang đất nước Á Đông xa xôi này để chào hàng vũ khí nóng lẫn nguội. Sân bay Nội Bài toan hoãn như lòng bàn tay, sáng nhấp nháy trong đêm. Lúc họ hạ cánh thì vừa nửa đêm, không khí mát mẻ, thoáng gió nhiệt đới, và đượm mùi hương rất lạ, một thứ hoa nở về đêm có mùi hương sâu, dai dẳng, Rocen nghĩ thế.

Lấy hành lý xong, theo lệnh vị tướng, cả đoàn hít thở sâu, liếc mắt thật nhanh vào tờ lịch trình làm việc, rồi nhanh chóng theo gót người dẫn đường, đó là một người đàn ông Czech, đồng hương của họ, đã ngoại ngũ tuần và sống tại đất nước châu Á này tới ba thập kỷ. Ông ta thậm chí còn rành rẽ Hà Nội hơn cả dân bản địa.

Rocen đi cuối đoàn, kéo một va li gọn màu đen, ca táp công vụ đen xách tay, mặc bộ đồ đen của con nhà võ. Anh thấy ánh mắt thèm thuồng của những người bạn trong đoàn khi đi ngang Lucky Restaurant trong sảnh ga đến. Giá như vị tướng nháy mắt, thì thế nào họ cũng sa ngay vào đó làm vài chai Martini trong ánh đèn vàng đỏ ấm áp quyến rũ.

Chiếc Transit lao vút trên đường cao tốc, dây đèn sáng lóa hai bên đường như đang cố đẩy màn đêm lùi xa sang hai phía. Nó giống như con rắn bạc nhỏ uốn éo kênh kieu, thần nhiên tỏa sáng giữa một thế giới đen kịt. Xe cộ đi lại loáng thoáng, những biển quảng cáo thì vẫn kiên nhẫn làm việc giữa đêm, Rocen có cảm giác như đây là giấc ngủ một của một gã béo tuổi hoa niên.

Tới nhà khách, họ không cảm thấy lạ trước những cánh cửa gỗ nhỏ, kín mít, với căn phòng vuông vắn, đồ đạc chắc chắn, giản tiện tối đa. Lao vào phòng tắm, chỉnh vòi sen nước ấm già, Rocen chỉ mất năm phút, rồi anh lao lên chiếc giường đơn, quá nhỏ so với vóc người châu Âu của anh, nhưng sau hơn mười giờ bay thì giấc ngủ mệt đã dễ dãi kéo anh đi.

Bảy giờ sáng, cả đoàn đã tập trung. Vị tướng chống mắt lên nhìn họ. Ánh nhìn thẳng, đầy uy quyền của ông soi vào đám tùy tùng với những cái bụng phệ lười nhác. Duy có Rocen là còn giữ được form, âu cũng là yếu tố nghề nghiệp. Anh ta phụ trách Trung tâm đào tạo cảnh sát chống bạo động của quốc gia nên từng thử thịt của anh dẻo như cao su, rắn như thép và chứa đầy sức mạnh, trong người anh ta không có một gram mỡ thừa. Sức mạnh toát ra từ từng động tác nhỏ, dứt khoát của anh.

Họ dùng bữa sáng thật nhanh, nhưng dường như cái mệt mỏi chưa buông tha họ. Rocen gọi liền lúc hai ly cà phê đen nóng, rồi khi vừa nhấp một ngụm thì anh muốn tụt cả lưỡi vì thứ cà phê quá đậm đặc, quá mạnh đựng trong tách sứ trắng men trắng muốt của xứ sở này. Anh gọi hai cốc nước sôi, dội thêm vào cà phê cho loãng bớt. Ái chà! Sao người ở đây có thể dùng thứ cà phê đặc như keo và mạnh như thuốc nổ thế này. Hẳn là những con người vóc dáng nhỏ bé nước da sẫm ở nơi này cũng chứa đựng trong họ thứ năng lượng ấy.

Buổi diễn thuyết cần khá thời gian, nhưng phía Tổng cục kỹ thuật bên này lại luôn bận rộn. Vậy làm sao trong hai giờ đồng hồ, họ phải giới thiệu cho đối tác tiềm năng hiểu rõ họ có cái gì, công nghệ ưu việt ra sao và hỗ trợ được gì.

- Rocen, phần giới thiệu của anh diễn ra cuối cùng, anh phải làm sao gây ấn tượng và thu hút họ - Vị tướng nhắc thật to trước đoàn.

- Vâng, thưa ngài. Tôi sẽ làm họ thức tỉnh!

Cả đoàn cười ồ, có người vỗ vai Rocen, anh vẫn thường chỉ trích bài diễn thuyết của họ tẻ nhạt và gây buồn ngủ.

Buổi diễn thuyết tại Tổng cục kỹ thuật bộ Công an diễn ra có vẻ suôn sẻ. Vị tổng cục phó năng động, quyết đoán, tuy có vẻ hơi sốt ruột nên luôn ngắt lời người diễn thuyết. Và ông cũng khéo gợi ý một phương án hợp tác khả thi trong mua bán và chuyển giao công nghệ sản xuất vũ khí.

Rocen xuất hiện trước bức màn chiếu, động tác mở, lắp CD nhanh, chính xác. Anh lập tức thu hút cử tọa bởi bộ đồ đen gọn gàng, bởi dáng người ẩn chứa một sức mạnh kỳ lạ. Đôi bàn tay với những ngón dài, gầy, và thẳng tắp luôn sắp khít vào nhau như hội tụ năng lượng. Toàn bộ dáng người, giọng nói nam trung trầm, ánh mắt, cử động của thân người và nhịp điệu của đôi bàn tay hợp nhất lại thành một thông điệp: sức mạnh chống khủng bố.

Anh đứng choãi rộng hai chân trên mặt đất, chắc chắn, không phải là anh đang đứng trên mặt đất, mà anh như mọc lên từ đất, không gì quật ngã được. Anh thuyết phục người ta rằng mâu thuẫn thời nay không còn được giải quyết bằng những cuộc đại chiến giữa các quốc gia, các dân tộc, các thể chế chính trị, mà bằng những phá hoại lén lút, đầy nguy hiểm của những nhóm, thậm chí là cá nhân, với hậu quả khôn lường: chủ nghĩa khủng bố. Thời khủng bố buộc các quốc gia phải quan tâm đào tạo lực lượng tinh nhuệ để đối đầu và

VẾT THƯƠNG

Truyện ngắn của KIỀU BÍCH HẬU



Minh họa của KHÁNH TOÀN

kiểm soát khủng bố. Và anh - Rocen là một chuyên gia đào tạo hàng đầu của lĩnh vực đặc biệt này.

Ngày làm việc dồn nén rồi cũng qua. Lúc này, họ đã thoải mái ngồi trong phòng VIP của một quán bia Tiệp trên con đường chạy men theo bờ đê sông Hồng. Họ muốn thưởng thức hương vị bia của quê hương mình trên vùng đất Á Đông này nó biến tấu ra sao, âu cũng là một thứ hương vị toàn cầu hóa. Họ ngồi buông thả trên những chiếc ghế gỗ rất cứng và nặng như đúc bằng đá. Ghế hơi nhỏ và Rocen đã nhanh nhẹn xếp hai chiếc liến kề nhau cho vị tướng ngồi thoải mái.

Hai cô gái tóc đen nhánh, mắt đen như cười, mặc váy đồng phục xanh, chạy tới chạy lui quanh bàn, trên hai tay là chùm ly bia đầy bọt vàng óng như những cánh hoa. Bia nhạt, nhưng lại có vị ngọt ngào lạ lùng. Uống rất vào dù nó không giống như thứ bia hảo hạng Rocen thường uống ở đất nước mình. Chủ quán từng là một lưu học sinh Việt tại Czech, cảm kích đất nước đã mang lại cho mình thành công rực rỡ trong kinh doanh tại quê hương, đã đến tận bàn vị tướng để tiếp chuyện. Người đàn ông nhỏ thó, khó đoán tuổi và có cái giọng đàn bà nghèn nghẹt ấy dẫn theo ba cô gái, giới thiệu là ca sỹ ruột của quán. Ba cô sần sần nhau, tuổi trạc 20 có đôi mắt tô vẽ kỹ lưỡng, sâu và tối thẳm, gợi nhớ đến ánh mắt của những con bướm đêm.

- Các anh đến Việt Nam, uống bia Tiệp, thì phải nghe em hát rock Tây Nguyên - một cô, ra dáng trưởng nhóm, với chất giọng trầm khàn khiến Rocen gai người,

đứng lên nói.

Rocen bị hút vào cô gái. Đôi mắt cô quá to, không Á Đông chút nào, giống như một khoảng tối bí ẩn chạy ngang qua khuôn mặt, những búp tóc nâu đậm vờn quanh cổ và bờ vai trắng của cô trông như những họa tiết nổi trên nền cẩm thạch. Bộ ngực đầy lồ lộ trong chiếc đầm bó sát. Rocen nhắm mắt lại, cảm giác bộ ngực vừa căng vừa mềm ấy quệt qua vai anh khi cô cúi xuống đặt ly bia trước mặt anh.

- Em là Gia Linh - con gái Việt Nam!

Cô nói chậm, vang, rồi lặng im một lúc như để cái tên ấy có đủ thời gian thấm sâu vào những vị khách Âu châu đồ sộ kia.

Rocen lại gai người lần nữa. Giọng cô gái khàn đục và xơ cứng ra như bị cào xước vậy. Có lẽ cô đã sử dụng quá tải não để kiểm tiến.

Nhưng thật lạ, khi cô cất tiếng hát, thì giọng cô lại tròn trịa, êm mượt như nhung, sâu lắng như những dòng chảy ngầm của lòng đất. Chất rock bản địa qua giọng cô như một dòng nham thạch phun trào, chạy thẳng vào tim Rocen. Anh run rẩy vỡ ly bia, nốc cạn.

Bài hát kết thúc, nhưng nó để lại một thứ men say đậm trong không khí. Máu trong tim Rocen như bươm bướm quá đà, trào ra lấp lánh ngực, khiến anh thấy tức ngực và liên tục hít sâu như muốn dồn chúng lại. Gia Linh uống cạn luôn ly bia trước sự ngạc nhiên của cả đoàn. Cô dẫn mệnh lý rỗng xuống bàn:

- Trăm phần trăm!

- Trăm phần trăm! Chủ quán và ba cô gái cũng hô to. Tất cả đều dốc cạn.

Bia tràn như suối xuống dạ dày, họ lần lượt rời bàn để chạy vào toilet. Lại uống tiếp, Gia Linh hát bản rock khác về một vùng cà phê nắng gió, về tình yêu trai gái mùa hoa cà phê say cả chim muông... Sau mỗi bài hát, lại "trăm phần trăm"!

Gia Linh uống nhiều, và cô đã say. Bia tóa ra bàn. Khoảng thăm trên mặt cô lại hướng về phía anh, dù cô đang ngồi nép vào vị tướng và thỉnh thoảng lại xoa đầu, véo mũi ông! Cô bảo: "Tướng à, với Gia Linh thì tướng cũng chỉ là... một cậu bé phóng to thôi!" Cả đoàn khoái chí cười ồ! Vị tướng lấy lưng từng lần quân chinh chiến ở Iraq, giờ đây lần đầu tiên trong đời được một cô gái vô danh xoa đầu và véo mũi.

- Em phải về! Gia Linh về! Giọng cô đã méo xeo.

Cô bắt tay Rocen. Hình như cô trút cả người cô lên bàn tay anh.

- Cái bắt tay của anh thật lạ. Anh biết không? - Cô gục đầu vào ngực anh, cả người cô đổ vào anh - Nó thật mạnh, thật gọn ghẽ, chớp nhoáng, và đau. - Cô vẫn còn nói rõ được và cảm nhận sắc sảo.

- Tôi sẽ đưa cô về! - Rocen nói quá nhanh, và anh còn không kịp hiểu mình vừa nói gì!

- Đi về! - Gia Linh phẩy tay - Về đâu cũng được. Anh là người đàn ông đáng tin cậy đấy, Rocen!

Cả đoàn cười ồ, nháy mắt, chúc Rocen may mắn.

Rocen diu cô gái đã mềm nhũn trong tay anh vào taxi. Miệng cô tỏa ra vị bia ngọt ngào, mắt cô nhắm nghiền, một khoảng sẫm tối ngang mặt bí hiểm.

Khi Rocen mở được cửa phòng mình, thì Gia Linh có vẻ tỉnh táo trở lại. Cô nói thứ tiếng Anh bèn bệt, nhưng trơn tru và dễ hiểu:

- Em đã có người yêu rồi. Và con gái Việt Nam khi đã yêu, thì chỉ yêu một người đấy thôi.

Rocen im lặng, tóm lấy cô bằng bàn tay rắn như thép, ấn cô lên giường. Cô đã cuốn hút anh quá mạnh.

- Dừng lại đã! - Cô nhồm người lên, lấy tay trái bịt miệng anh, tay cô mềm, ấm, thơm mùi da thịt trẻ trung.

Anh im lặng. Cô đẩy anh vào giữa giường, rồi nhanh nhẹn tụt khỏi giường, chạy đến rèm cửa sổ, tháo hai mảnh dây cột rèm, một mảnh cô bịt mắt anh. Cô quỳ trước mặt anh, hai tay nắm gấu váy hai bên, kéo ngược lên, tuột váy ra khỏi thân mình, rồi cô cúi móc khóa áo lót phía trước, cởi nốt quần lót. Toàn thân cô nóng rực lên. Cô vòng ra phía sau Rocen, áp vào lưng anh, lần mở khuy áo anh. Cô cởi áo anh nhẹ nhàng, rồi dùng mảnh dây cột rèm thứ hai trói chặt tay anh.

Cô đẩy anh nằm ngửa, kéo khóa quần và lột nhanh nó ra khỏi chân anh. Khi cô kéo nốt quần lót, "của anh" nó bật thẳng lên như lò xo bị nén. Anh thở mạnh, tim anh đập như một kẻ điên phá ngực, cô nằm lên anh, áp cả thân người nóng rực, từng milimet lên da thịt anh. Đầu vú cô chọc vào ngực anh nóng rẫy. Anh cảm thấy

rõ lớp cỏ nhưng mềm mại phía dưới. Trước khi anh kịp hét lên thì cô đã lại bịt miệng anh. Rồi khỏi anh. Lát sau, cô tuổi lên anh một thứ nước lạnh lạnh. Mùi vang đỏ lan tỏa nhẹ nhàng ngất ngây. Cô ngồi bên cạnh anh, hoàn toàn khóa thân, đẹp như tượng vũ nữ, rót vang đỏ từ một ly to, có dập dềnh vài cánh hồng trắng, rót từ từ, từ trán, xuống cổ, lên ngực, bụng, xuống dưới, xuống dưới nữa. Người anh nổi gai lên, "của anh" cũng mềm xịu lại. Anh thở nhẹ, cổ không động để dòng rượu vang lan rộng từ từ trên người.

Cô cúi xuống người anh. Môi cô mềm và ẩm. Lưỡi cô ẩm, hơi gai. Cô nhẹ nhàng liếm vang từ trán anh. Bỏ qua môi anh, cô liếm xuống cổ, xuống ngực, xuống bụng anh. "Của anh" nó ngồng vọt lên, và khi đầu lưỡi cô chạm vào nó, xoắn xuýt quanh nó, thì anh vọt ra, không kiểm chế nổi, nó bắt tung tóe vào cả mặt cả môi cô. Anh thấy mình bị nhấc bổng lên, rồi lơ lửng, lơ lửng trên một đám mây bông bồng. Anh thấy cả thân hình đầy nhục cảm thanh sạch của cô lướt qua môi anh. Môi cô mềm hơn vì vang đỏ ngấm cánh hồng trắng. Anh mê mải chìm đắm trong dòng hoan lạc thần tiên!

Sáng hôm sau, Rocen thấy trên bàn uống trà có mảnh giấy nhỏ, chèn dưới ví da của anh. Mảnh giấy có dòng chữ: "Em đã lấy tiền. Chúng ta không nợ nần gì nhau. Chúc anh sống an lành!" Anh liếm môi, hòng muốn thử lưu lại vị vang trên môi cô! Anh thêm biết bao được thử lừa lưỡi vào miệng cô, nếm hương vị trong miệng cô. Nhưng cô đã đi rồi. Mọi thứ trong phòng anh đã gọn ghẽ đâu vào đấy cả! Thậm chí một giọt vang rơi trên tấm da trải giường cũng không. Anh nhìn trần trần vào nơi đêm qua mình nằm. Có mấy cánh hồng trắng héo rũ nằm đó. Anh nhặt chúng lên, khẽ chạm lưỡi vào chúng, rồi cẩn thận cho vào một hũ thủy tinh nhỏ, cất kỹ trong hành lý.

Cô từng ở đó, hiện hữu! Một cô gái lạ lùng, ở một đất nước lạ lùng!

Ba ngày sau, anh trở về nước. Công việc cuốn anh đi, nhưng anh đặc biệt quan tâm đến phi vụ làm ăn ở thị trường Á Đông này. Ngoài chuyện tiền nong hàng ngày, thì anh còn một động lực khác.

Anh thậm chí còn viết thư gửi tổng cục An ninh của nước này, đề nghị rằng Trung tâm bên anh hỗ trợ miễn phí một khóa đào tạo chiến sĩ chống bạo động. Anh chờ đợi câu trả lời của họ. Anh mong được trở lại nơi ấy.

Việc ái ân của anh ngày một lạt lẽo. Mái tóc vàng, thịt da trắng trẻo của vợ anh cứ nhạt đi, và đôi khi anh không... "lên nổi". Anh bị ám ảnh bởi vị vang trên môi cô. Vị mặn của từng milimet da thịt cô lướt trên môi anh. Khi đêm đến mà giấc ngủ không đến, anh lại lấy hũ nhỏ thủy tinh ra, mở nắp, bóp chặt như muốn nghiền vỡ nó. Từng cánh hoa giờ đã héo quắt, khô và thâm lại, nhưng nó vẫn có vị vang, vị hoa hồng, và... hương vị của cô!

Anh thậm chí cảm ghét cái chuyến công tác đến nơi đó, nó đưa đẩy anh đến với cô, và giờ đây anh, một kẻ mạnh mẽ, đã không chịu đựng nổi dằn vặt của nỗi nhớ.

Là sao? Rocen? Cái đêm hôm ấy có thể thay đổi cả cuộc đời anh? Một cuộc đời đã được định vị chắc chắn qua hơn bốn chục năm ròng?

Rồi một ngày, anh xách va ly, bay đến đất nước ấy, một mình. Visa du lịch. Anh không thể chờ được công văn đáp trả và những chuyến công vụ.

Anh xuống sân bay, lại về đêm. Nhưng đây là mùa hè, có gió, những cơn gió mang hơi nóng và mùi rơm rạ ẩm chầy, lưng anh cũng ẩm dính mồ hôi, nhưng anh không thấy khó chịu. Đất nước Á Đông này bỗng thân thuộc và thương yêu biết bao, dù đây mới là lần đến thứ hai của anh. Có thể là vì cô, một cô gái không dễ có trên trái đất này. Một khủng hoảng tinh thần mà anh đã không kiểm soát nổi.

Nhờ chủ quán bia Tiệp mà anh biết địa chỉ nhà cô. Anh chui vào một cái ngõ nhỏ, ẩm, tối và sục mùi nước cống. Cô đã đi lại bao nhiêu năm qua cái ngõ này, từng mét đất in dấu chân cô. Anh đứng lại trước cánh cửa sắt sơn nâu. Bấm chuông. Một người phụ nữ trạc ngũ tuần, hao hao giống Gia Linh, mở cửa. Khi nghe anh ngọng nghịu gọi tên cô, bà đã gọi một chàng trai hàng xóm sang phiên dịch giúp. Bà bảo con gái bà đã đi cùng người yêu nó ra hồ Hoàn Kiếm chụp ảnh. "Người yêu nó là một nghệ sĩ nhiếp ảnh trẻ có tiếng." Bà giải thích thêm với vị khách lạ ngoại quốc.

Anh rời ngõ nhỏ ám mùi nước cống. Lại một lần nữa dằn vặt tự hỏi: Có là gì, của anh? Đêm say bia Tiệp quán bên đường ven bờ sông ấy, anh lờ lờ về khách sạn, vì những thèm khát đàn ông bản năng, và anh coi thường cô, để mặc cô trối tay anh, bởi cô đâu khác một gái điếm, lê lét thân mình qua hết bàn nhậu này đến bàn nhậu khác, qua hết cái giường này đến cái giường

TẢN VĂN

NHỮNG MÙA XUÂN BÀ NGOẠI

PHẠM HỒ THU

XUÂN đến rồi. Không hiểu sao mỗi độ Tết đến, xuân về, lòng tôi lại miên man nhớ bà ngoại. Ôi, bà ngoại bên dòng sông Đuống của tôi, bà là nỗi nhớ mang tên mùa xuân – những mùa xuân ấu thơ tràn ngập hạnh phúc, tràn ngập mỹ cảm – những mỹ cảm đã dẫn dắt chúng ta đi dọc cuộc đời, đến trọn cuộc đời...!

Nhà tôi bên dòng sông Đuống, nằm trong một dãy phố nhỏ xưa kia sầm uất vào loại bậc nhất của vùng ngoại ô thành Thăng Long, từ đầu thế kỷ XX trở về trước thuộc đất Kinh Bắc. Bà tôi là một người đàn bà Kinh Bắc phố thị điển hình. Bà biết chần tằm, dẹt cút, lại biết thay ông ngoại quản lý cả một vùng đất mênh mông cho thuê làm phố chợ bán lâm sản. Nhưng đặc biệt là những tập tục, lễ nghi đậm đặc văn hóa Kinh Bắc trộn lẫn kinh thành đường như đã ngấm vào máu của bà, tự nhiên, như nhiên tràn ra xung quanh, tràn vào chúng tôi...

Nhớ nhất là những ngày Tết đến. Vào dịp trước Tết khoảng nửa tháng, bà đi chợ mua sắm những "hàng khô" cho Tết như măng, mộc nhĩ, nấm hương, bánh đa nem, gạo nếp, đỗ xanh... Bà bảo: mua sớm kéo sát Tết lại đắt, và sợ quên. Trước Tết vài ba ngày, bà đi chợ sắm Tết. Có nhiều lần, tôi lùn cùn theo bà đi chợ. Nào là dong, hạt tiêu, mứt Tết, tranh Đông Hồ; nào đôi gà sống thối kèm theo đôi gà dò (để cúng đêm 30); nào thịt, bánh kẹo, rồi bánh pháo mang màu hồng điều, khi đón giao thừa, bà sẽ cho đứa nào ngoan thấp lửa...

Vui nhất là ngày gói bánh chưng. Ngày ấy, đêm ấy, cả nhà rậm rịch từ sáng đến tối. Bà hướng dẫn chúng tôi rửa lá rong, ngâm đỗ từ chiều hôm trước, sáng hôm sau dạy sớm đãi đỗ, vo gạo. Gạo phải là gạo nếp cái hoa vàng mới, thơm phức. Còn đỗ phải là đỗ xanh có lòng xanh, đãi sạch không còn một cái vỏ. Thịt lợn làm nhân bánh bà chọn mua thịt "lợn ỉ" – bà bảo thịt này mới thơm, thịt được thái miếng to, ướp gia vị và hạt tiêu trước đó vài tiếng. Bà gói bánh bằng tay, không dùng khuôn, nhưng cái nào cái ấy vuông vắn, mượt xanh. Bánh bà gói trở thành thương hiệu. Nhà nào trong phố mới được bà gói bánh thì vui sướng lắm, Tết đến khoe khách: "Bánh của bà Xuân gói đấy!". Với lũ trẻ chúng tôi, thích thú nhất là bao giờ bà cũng dành gạo, thịt để gói cho chúng tôi những chiếc bánh bé xíu. Bánh ấy sẽ làm chúng tôi háo hức cả đêm giao thừa thức chờ vớt bánh, được ăn thử bánh chưng bà gói. Trên nắp nồi bánh chưng, bà cho đặt một nồi nước mùi già để tắm tất niên. Tắm tất niên bằng lá mùi già đã thành

một tập tục trong gia đình tôi. Khi nổi bánh sôi, nước mùi ngào ngạt, bà giục chúng tôi đi tắm. Bà bảo: "Tắm đi các con, phải đón Tết sạch sẽ, tinh tươm...". Và những đêm giao thừa quanh nồi bánh chưng với ánh lửa bập bùng, với mùi bánh thơm phức, với mùi thơm nước mùi già tràn ngập không gian rồi thơm sang tóc, quần áo chúng tôi, đã theo tôi thơm đến dọc cuộc đời...

Với bà, trang trọng nhất là lúc đón giao thừa. Trước đó vài ngày, bà bảo chúng tôi quét dọn nhà cửa sạch sẽ tinh tươm, dọn bàn thờ, lau sạch đồ cúng. Trước lúc giao thừa bà cho thổi xôi gấc và luộc gà dò. Phải tính toán làm sao để gà và xôi chín vào trước giao thừa chỉ khoảng mười lăm, hai mươi phút, đặt vào mâm cúng vẫn còn nóng hổi, bên rượu, trầu cau, muối, gạo... Khi gà đặt lên đĩa, bà gài vào mỏ gà một bông hồng đỏ. Pháo đã bắt đầu đi đệt nổ ngoài xa, lúc ấy bà vấn lại khăn, khoác vào chiếc áo mới, thành kính dâng lễ giao thừa. Bà rì rầm những gì trước giờ phút đất trời sang xuân và pháo giao thừa nổ ran bốn phía, tôi không được biết, chỉ biết rằng phút giây ấy linh thiêng lắm, con người phải thanh sạch, lòng người phải thanh thản... Trước đó, bà dặn: "Tết đến, các con không được to tiếng, không được cãi cọ nhau. Có việc gì thì phải mách bà, để sau Tết, nghe không?". Chúng tôi theo lời bà và theo cách của bà – những giờ phút ấy chúng tôi nói năng với nhau khẽ thọt, thì thầm, như cùng bảo nhau: "Giờ này linh thiêng lắm đấy..."

Khi tiếng pháo đã im, mâm cỗ cúng giao thừa đã thổi nghi ngút khói, bà giục chúng tôi hóa vàng. Rồi bà gọi chúng tôi lại, bà bảo: "Nào, bà mừng tuổi các con, đứa nào ngoan trước thì nhận trước..." – Những bao lì xì bọc giấy hồng điều đã được bà chuẩn bị từ bao giờ trong túi bà, phấp phới bay về phía chúng tôi – Ôi, Tết đã đến rồi!

Sáng mừng một, bà đến bên giường, gọi khẽ: "Nào, các cháu yêu của bà có theo bà về thăm quê ngoại không". Lúc ấy thể nào tôi cũng cố bưng tỉnh để được theo bà về quê ngoại, cái làng Ai thân thương cách phố khoảng 2 cây số. Trước khi lên đường chúng tôi chải đầu, rửa mặt, sùng sính trong những bộ quần áo mới để theo bà về làng gặp các ông các bà, các cậu các mợ bao giờ cũng chờ đón chúng tôi bằng những tình cảm chân thành nồng nhiệt...

Bà tôi đã đi xa vài chục năm nay. Mẹ tôi tiếp nối hình ảnh bà cũng đã đi xa. Mỗi giao thừa, tôi thấp nhen hương lên bàn thờ và thì thầm: "Bà ơi, mẹ ơi, Tết đã đến rồi!"...■

khác. Nhưng rồi, vì cô mà chính anh đã bùng nổ, đã thiếu kiểm chế, chưa bao giờ như thế.

Trên từng bước anh đi, những hình ảnh ấy chầm chậm hiện về, như một cuốn phim cũ có thời gian, có không gian quý giá. Đợi cho anh vượt qua cơn sốc đỉnh điểm, cô ấy tắm cho anh, rồi nằm ngủ thiếp mơ màng bên anh như một thiên thần trong sạch. Anh đã không có cơ hội đi vào trong cô ấy, nhưng cô ấy đã chạm tới đáy sâu nhất trong anh. Sau và trước cô ấy, không ai làm được thế.

Rocen dừng chân bên hồ Hoàn Kiếm, nơi đây là trái tim của thành phố này. Nước hồ đầy áp sau một đêm mưa rào lớn, sóng sánh màu xanh lục in bóng những cụm mây rải rác bị đẩy lên cao, và gió thoảng mùi hương trời sau cơn mưa trong trẻo thì cứ vờn quanh gốc cây như trẻ chơi đùa. Rocen chậm rãi bước, nhìn kỹ từng người một, rất khó phân biệt sự khác nhau giữa những gương mặt châu Á, có thể vì anh chưa quen.

Đập vào mắt anh là cảnh một chàng trai gầy gò, cao, tay phải cầm máy ảnh, gơ ngang ra phía hồ, tay trái anh ta tóm vào tay một cô gái để giữ thăng bằng. Anh ta chụp cái gì nhỉ, cái gì trên mặt hồ, hay bên mép nước bờ hồ? Rocen chịu không đoán ra, nhưng anh lập tức bị hút vào cô gái đang ra sức kéo để chàng trai không lộn cổ xuống hồ. Gia Linh!

Cô vừa cong người kéo tay chàng trai, vừa cười giòn giã, xen lẫn những tiếng nói bản địa riu rít mà anh không hiểu. Người Rocen nổi gai! Anh gặp mình chịu

đựng cơn đau quặn như vận xoắn nội tạng.

Có vẻ như chụp ảnh xong, chàng trai lùi lại đóng máy, cái máy ảnh treo lủng lẳng nơi cổ. Trên mặt anh ta là cặp kính mắt sạm màu. Rocen hơi ngạc nhiên, chụp ảnh mà lại đeo kính râm sao? Vậy thì nhìn ảnh sáng sao chuẩn được?

Anh ta nắm tay Gia Linh, họ bước đi. Động tác ấy thật lạ, cứ như là dựa dẫm. Gia Linh bước trước anh ta nửa bước, giọng vẫn riu rít. Họ đang hào hứng trao đổi điều gì đó. Rocen dần lên, bí mật theo dõi hai người. Anh không tìm được việc ngắm tự so sánh với chàng gầy, cao ngồng kia.

Gia Linh chợt rời khỏi người yêu. Cô chạy lại phía hai em bé đang chơi đùa dưới gốc lộc vừng cổ thụ, cô nói gì đó với hai bé, chắc cô muốn anh ta chụp ảnh hai bé này.

Chàng trai - nghệ sĩ nhiếp ảnh vẫn không bỏ cặp kính đen ra, anh cầm máy ảnh lên, lưỡng lự, tai anh nghiêng về phía phát ra tiếng nói của Gia Linh và hai em bé. Rồi anh gơ máy ảnh lên, ống kính hướng về phía gốc lộc vừng.

Rocen choáng váng. Chàng trai là một nghệ sĩ nhiếp ảnh mù. Anh ta đang chụp ảnh bằng linh cảm và bằng những gì thế giới vọng lại đối tai anh.

Rocen lùi lại, phải rồi, anh, với những định kiến hời hợt, đã hiểu hoàn toàn không đúng về những gì ở đây. Những điều kỳ lạ ở nơi này, đến lúc nào anh có thể hiểu, và liệu có hiểu nổi chăng? Anh chỉ biết chắc một điều: trong cuộc đời anh, anh đã thua trận và thương vong. Chính anh đã vĩnh viễn mang vết thương trong lòng.■



VIẾT tiểu thuyết "Một mình một ngựa", Ma Văn Kháng chọn cho mình một đề tài thật khó khăn, chênh vênh chẳng khác gì đi trên những con đường núi cheo leo, hiểm trở ngày mưa lũ... Nếu bản lĩnh nhà văn không vững vàng, có tầm nhìn sâu xa với nhân quan chính trị sắc bén, có lẽ anh sẽ rơi xuống vực hay bị lũ cuốn trôi đi ngay trên mảnh đất Hoàng Liên nơi anh sống, đã mục kích, chiêm nghiệm, hóa thân vào các nhân vật trong truyện sâu sắc để viết được cuốn tiểu thuyết đặc biệt thành công này.

tỉnh ủy để anh giáo Toàn dạy học, dạy phát âm cho chuẩn. Còn ông Đoàn Văn Gia, Ủy viên thường vụ, trưởng ban công nghiệp và quân sự tỉnh là "người con trai độc đinh của gia đình nhà nho nghèo", ông mắc tội "bất hiếu hữu trác" vì không thể có con. Bà vợ ông vì quá khát khao nên đã tìm cách có con bằng cách ngủ với thằng lái trâu hàng xóm mới ra tù, làm ông khổ, nhục"... Vì nỗi buồn "vô tử vi đạt" sâu xa ấy mà ông dấn mình vào trong công việc để quên đi nỗi bất hạnh của mình (trang 301).

Cuối cùng là ông Quyết Định, Bí thư tỉnh ủy ngoài 50 tuổi, nhân vật chính của tiểu thuyết mà Ma Văn Kháng tập trung xây dựng làm sáng lên "hình ảnh người công sản anh hùng lâm liệt với nhân cách đạo đức, tác phong điển hình của người lãnh đạo đứng đầu tỉnh". Trong cuộc kháng

minh, ông là người đầu tiên đến lập chính quyền cách mạng ở Pha Linh. Xuất thân từ một gia đình khoa bảng, quê ở Xuân Dũng, Lâm Thao, Phú Thọ nên ông là người có trình độ, ăn nói sắc sảo, bạo miệng, có chính kiến, tinh thần thẳng thắn rõ ràng. Ông hiểu rõ từng điểm mạnh, chỗ yếu của năm ông thường vụ, vì thế ông quy phục, bảo vệ, quý mến ông Quyết Định bao nhiêu thì coi thường, khó chịu với ông Văn Hiến bấy nhiêu. Hình ảnh ông Đồng "hoa mã tấu, đi đường cước hạ 2 tên cướp định hại ông Quyết Định, ngay sau đó ông vào quán, trên bàn chủ quán đã bày sẵn "tư thái nhất thang" (bốn món ăn, một món canh) với vô rượu ngô thơm phức chờ ông" (trang 131) hết một trang anh hùng, hảo hán thật oai phong. Rồi cảnh ông Đồng chỉ huy nhóm công nhân cơ giới đào quả bom Mỹ chui sâu

nước, sự hăng say chân thành với lý tưởng, tinh thần nhiệt tình, sự tận tụy, đức hy sinh... làm sao có thể phủ nhận họ" (trang 359). Và anh hiểu: "... chính trị là một công cuộc mớ mẫm gian nan và luôn quả sức với tất cả mọi người" (trang 355) "Dân chủ cõi mở còn là mong ước quá xa vời và không tưởng. Chính trị bao giờ mà chẳng là quyền lực, là tàn bạo, là sẵn sàng dầy xéo lên nhân cách con người" (trang 355). Chính vì thế, nên Toàn cảm thấy bị hạ nhục, đau đớn khi cùng ông Quyết Định về Hà Nội họp do Ban bí thư Trung ương Đảng triệu tập, anh bị tay sỹ quan cảnh vệ gạt ra ngoài bằng thái độ coi thường. Hoặc khi ông Quyết Định bị ốm, uống thuốc bị phản ứng, anh bị hai tay cảnh sát điều tra gần như hỏi cung anh bằng những câu "bối, mớ" mang ý xấu nghi ngờ anh? Thật khủng khiếp, đau đớn. Nhưng

HAY, CHÂN THỰC, HIẾM HOI

(Đọc tiểu thuyết Một mình một ngựa của Ma Văn Kháng. Nxb Phụ nữ 2009)

NGUYỄN LONG KHÁNH

Cuốn tiểu thuyết lấy bối cảnh ở O tròn (nơi sơ tán của cơ quan tỉnh ủy Hoàng Liên trong những năm chống Mỹ) với các nhân vật trung tâm là những người cộng sản trong tỉnh ủy: năm ông thường vụ, năm ông trợ lý và gần chục cán bộ văn phòng tỉnh ủy. Tất cả đều là đảng viên ở những vị trí quan trọng, có lẽ chỉ có một nhân vật duy nhất trong tiểu thuyết không phải đảng viên: đó là Yên, vợ của bí thư tỉnh ủy Quyết Định.

Bằng sự phát hiện nhạy bén, phân tích tâm lý vững vàng, nhận thức sắc sảo đặc biệt của nhà văn chính luận... Ma Văn Kháng đã dẫn chúng ta cùng Toàn (một thầy giáo dạy văn - nhân vật chính của tiểu thuyết) thâm nhập, hòa đồng vào cơ quan đầu não của tỉnh ủy Hoàng Liên tìm hiểu, gặp gỡ từng người để hiểu cận kề về họ: từ lý lịch xuất thân, quá trình công tác, cái tốt lẫn sự xấu xa, những việc làm thăng hoa bay bổng và cả những phút yếu lòng sa ngã xuống vực thẳm. Họ là con người viết hoa đáng ca ngợi nhưng đôi lúc lại là kẻ xấu đáng bị trừng phạt, lên án.

Ngòi bút Ma Văn Kháng thể hiện cái nhìn nghiêm khắc, thấu lý đạt tình: anh mổ xẻ, phân tích đúng sai, cân đong rõ rệt công tội bằng lý lẽ của cái đầu lạnh và trái tim đậm tình của mình. Năm ông thường vụ tỉnh ủy Hoàng Liên, năm con người cụ thể bằng xương bằng thịt, sống động, phức tạp, rồi rầm bết chừng nào. Mỗi người phụ trách một công việc, trong mỗi hoàn cảnh riêng, tính cách đều mạnh mẽ, khác biệt. Họ đều bảo thủ, cá nhân cho mình là tài giỏi, phi thường. Mỗi người có cách lãnh đạo, xử lý riêng: đúng đắn, xuất sắc, sáng tạo đến mức anh hùng. Nhưng có những lúc sai lầm hiển nhiên, ấu trĩ, mỏng muối, hẹp hòi khó chấp nhận ở họ: như ông Kế Lanh, Ủy viên thường vụ - Trưởng ban Tôn giáo, người Tây ở Lạng Sơn theo cách mạng từ năm 1945, xuất thân là cán bộ xã, văn hoá hết cấp II, một người nhiệt tình, hết lòng vì cách mạng do trình độ hạn chế nên ngộ nhận đến mức ấu trĩ.

Đó là ông Văn Hiến, thường vụ phụ trách nông nghiệp: "xuất thân cổ nông, chuyên làm thuê cuốc mướn, với hình hài còi cọc, mắt có lệ, loảng ngoảng thân chỉ độc, hồi trẻ lên khai hoang ở Mường Thông"... lần la mãi mới xin được chân "giám mã" trông coi mấy con ngựa ở cơ quan huyện ủy. Bản chất là một anh cổ nông lâu cá, tinh ma, biết tính toán cơ hội để leo dần lên đến chức vụ quan trọng này (trang 79), và đang mon men, rình thời cơ để thay quyền Bí thư tỉnh ủy của ông Quyết Định.

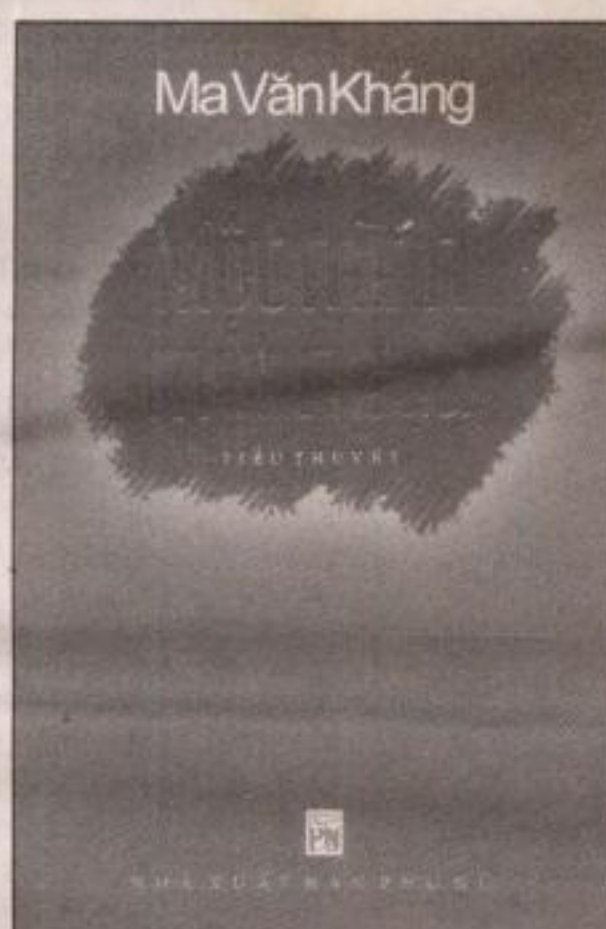
Rồi ông Văn Đình thiếu tá tỉnh đội phó "được cái trắng trẻo, hiền lành, mặt mũi sáng sủa nên trúng chủ tịch tỉnh". Nhưng dần dần nói lắp, đọc một cái báo cáo, diễn văn "ế à hàng tiêng, chữ nọ xọ chữ kia, có trường hợp do cô Tinh văn thư soạn công văn đóng cặp díp hai bản giống nhau nhưng ông vẫn cứ đọc bình thường mà không hề hay biết". Làm chủ tịch tỉnh rồi nhưng 1 tuần 2 tối phải sang văn phòng

chiến chống Pháp "lúc trai trẻ ông Quyết Định trong vai chính khách giữa vùng đất lạ Pha Linh - một mình một ngựa - một tuổi trẻ, một chiến mã, một tâm hồn lãng mạn đại diện cho Tổng bộ Việt Minh thân cô thế cô, hiên ngang xuất hiện trước các thổ ty, chúa đất, họ tộc ở Ba Sơn, Mường Thông, Pha Linh thuyết phục họ tuân theo chính phủ trung ương hội đủ 3000 dân binh hợp với Vệ quốc quân đánh đuổi bọn phản động Quốc dân Đảng tại sào huyệt cuối cùng ở thị xã Hoàng Liên" (trang 128-129).

Suốt cuộc đời mình "ông Quyết Định mang cái uy của thế hệ mở đường, một mình một ngựa quả cảm xông pha; kẻ thù sợ hãi ông, các đồng chí kính trọng ông ở nhiệt tình và phẩm chất cách mạng, quý mến ông ở đạo đức tư cách: sống khiêm nhường, giản dị, liêm khiết, không màng tư lợi, công bằng, vô tư... Là Bí thư tỉnh ủy, người đứng đầu tổ chức Đảng bộ tỉnh mà chủ nhật vẫn đi lấy củi góp cho bếp ăn tập thể, xắn vác cuốc lên nương trồng sắn, làm lúa nương để thực hiện chỉ tiêu lương thực giao cho đảng viên. Ông là Bí thư tỉnh ủy nhưng Yên, vợ ông không phải đảng viên. Gần 20 năm giữ cương vị Bí thư tỉnh ủy, ông đã hoàn thành một kỳ tích: đặt chân lên đủ 1815 thôn, 124 xã "... ông là viên đạn đã ra khỏi nòng đi theo một đường thẳng, không vắn vi. Ông là nhà cách mạng chuyên nghiệp, một lòng một dạ hướng tới mục tiêu đã định. Ông là lịch sử đã hoàn thành" (trang 234). Chính những hành động anh hùng mã thượng uy phong, đẹp đẽ trong cuộc đời cách mạng của ông Quyết Định đã làm Yên "cô gái xinh đẹp nhất vùng là hậu duệ của một ái phi vua nhà Mạc thất thế trôi dạt đến... Sống trong một gia đình bề thế khá giả, mẹ đọc tiểu thuyết Tự lực văn đoàn, đầy mơ mộng đã bị hình ảnh "kẻ chinh phu anh hùng, hiệp sĩ đầy khát vọng như ông Quyết Định chinh phục hoàn toàn: Yên đến với ông bằng tình yêu dâng hiến, như anh hùng gặp mỹ nhân. Cô đã gần bỏ mặt thiết, đi với ông cùng trời cuối đất" (trang 237-238).

Có thể nói Ma Văn Kháng đã xây dựng thành công chân dung sống trần trụi, đời thường nhưng mãnh liệt, mạnh mẽ về lý tưởng, tinh cách sống anh hùng, hấp dẫn đến mê hoặc về người cộng sản qua nhân vật Bí thư tỉnh ủy Quyết Định, một điều mà tiểu thuyết đương đại Việt Nam ít người làm được.

Trong số năm ông trợ lý được Ma Văn Kháng dụng tâm xây dựng khắc họa có hai người để lại ấn tượng sâu sắc: đó là ông Đồng, nguyên khu trưởng Pha Linh bị kỷ luật treo Đảng một năm vì tác phong anh hùng cá nhân thời chống Pháp nên về làm trợ lý cho Ban thường vụ: một nhân vật có tâm lý phức tạp, thâm thúy nhưng sống đậm nghĩa tình có những hành động, lời nói, suy nghĩ sâu sắc, đầy ám ảnh. Cuộc đời cách mạng của ông Đồng phong trần, lãng tử. Năm 1956 một mình ông đại diện Việt minh đã vào thẳng sào huyệt của Thổ Ty La Văn Cờ ở Pha Linh thuyết phục Cờ theo Việt



dưới đất ở chân cầu Nhò giải phóng thông đường như một dũng sỹ quả cảm quyết hy sinh hoàn thành nhiệm vụ, mang âm hưởng anh hùng ca đầy lý tưởng...

Nhân vật thứ hai thành công mang dáng dấp và sự nghĩ suy của tác giả là anh giáo Toàn. Một nhân vật từ nhận thức, hành động, suy nghĩ nội tâm ở hoàn cảnh nghiệt ngã, phức tạp, biến động từng ngày ở tỉnh ủy Hoàng Liên đã thể hiện bản lĩnh lối sống đúng đắn. Những suy nghĩ thẳng thắn, dũng cảm của anh giáo Toàn nhiều lúc làm người đọc cảm nhận, xót xa vì thực tế tàn nhẫn của nó. Đó là chuyện Toàn đang say sưa hết lòng với nghề dạy học thì anh "được" điều sang làm thư ký cho Bí thư tỉnh ủy Quyết Định, làm một công việc "không tên có vẻ hèn mọn", làm "cái đuôi" cho ông bí thư thường bị mọi người nhìn bằng con mắt coi thường. Nhưng ngày Toàn cùng ông Quyết Định đi công tác khắp tỉnh và chạm với đời sống thực tế bộc lộ dần tính cách, bản lĩnh đáng phục của ông Quyết Định đã khiến Toàn thấy công việc của mình có ý nghĩa khác: anh nhìn nhận, suy nghĩ bớt khe khát giáo điều. Anh đã tìm hiểu, suy xét, hòa đồng với mọi người để đánh giá đúng về từng ông thường vụ, ông trợ lý, hai ông chánh, phó văn phòng tỉnh ủy và các nhân viên như cô Tinh văn thư, tay Muôn cơ yếu v.v... Với cái nhìn thẳng thắn, trung thực, tinh táo, anh đã hiểu dần, hiểu đúng về những người cộng sản lãnh đạo tỉnh ủy Hoàng Liên: "... cá tính, trình độ của họ có lúc gây ra thất bại đáng tiếc trong công việc làm sai lệch, méo mó sự phát triển... thẳng thắn hơn có thể nói họ mới chỉ là những đứa trẻ vị thành niên còn chập chững, đang ở thời kỳ tập dượt còn non nớt, ấu trĩ? Nhưng những phẩm chất tốt đẹp cơ bản ở họ là lòng yêu

Toàn đã vượt lên bằng bản lĩnh của mình...

Ma Văn Kháng thể hiện sự thẳng thắn dũng cảm, trung thực của mình khi viết về cái xấu, những chuyện thâm cung bí sử của các cá nhân lãnh đạo làm mất uy tín của Đảng. Có những sai lầm chủ quan cố ý và cả những sai lầm ấu trĩ, ngớ ngẩn do thiếu hiểu biết. Ngòi bút anh phanh phui đến bản chất, gốc rễ các việc xấu xa, mưu toan nham hiểm của những kẻ biến chất thoái hóa "chui sâu, trèo cao, phá hoại Đảng". Đây là vụ kỷ luật tai tiếng của Trần Quân, Bí thư thị ủy Đồng Cam, một kẻ lưu manh, cơ hội, xấu xa có quá trình phức tạp đầy thủ đoạn thấp hèn. Ma Văn Kháng đã khắc họa chân dung Trần Quân thật điển hình: "Trần Quân là kẻ mưu trí, lâu cá vật, có trí nhớ lạ lùng, có tài ăn nói hấp dẫn: khi nói vung tay, đánh tia mắt, đổi thay giọng điệu: lúc ôn ễ như con gái nhà lành mới lớn, khi thì găm gào như Trương Phi trên cầu Trảng Bàng, y thông thạo giềng Giáy, lâu lâu tiếng Quan (hai thổ ngữ quan trọng của tỉnh miền núi Hoàng Liên), đã từng đào ngũ, bị kỷ luật nhiều lần vì thói già trá, lý lợm đẽ bợm ghê người. Đi đâu y cũng hủ hóa với đàn bà, con gái. Đã từng đóng giả Đại đội trưởng bị quân cảnh lột sao, lang thang bờ bụi, chết đói, chết khát trốn từ mặt trận về Mường Thông, được bè bạn thương tình, cứu mang, giúp đỡ y trở thành cán bộ huyện đội trưởng. Rồi y lấy Thoan, con gái lẽ thì 34 tuổi "gầy như con cá mồm, mắt dãn nhắm, mũi hếch, răng lộ sỉ, khát chống như đại hạn gặp mưa, con ông Kế Lanh, thường vụ tỉnh ủy, trưởng ban tuyên giáo". Từ đấy thăng quan tiến chức, y được đi học trường Đảng trung ương rồi về Ban tuyên giáo tỉnh ủy công tác, sau bổ sung vào thường vụ thị ủy Đồng Cam. Một năm rưỡi sau, y trở thành bí thư thị ủy" (trang 137). Nhưng bản chất thoái hóa, Quân tiếp tục gây tội lỗi động trời: đi đâu y cũng hủ hóa, tham ô: y ngủ cả với bốn cô nhân viên văn phòng, biến thị ủy Đồng Cam thành lầu xanh, trong lúc thị ủy nội bộ gây bè phái, mất đoàn kết tranh giành địa vị, nói xấu hãm hại nhau bằng đủ mọi cách... Những kẻ khoác áo giả danh đảng viên cộng sản ở đây lộ nguyên hình (trang 139 - 142).

Những chuyện khác về Yên, vợ bí thư tỉnh ủy Quyết Định, người đàn bà đẹp hoang dã, lãng mạn, yêu chồng thương con nhưng sống rất bản năng, đa tình khát dục có những phút không kiềm chế được... Tất cả những chuyện ấy được Ma Văn Kháng khám phá, phân tích tâm lý tinh vi, sống động, thấu tình đạt lý, sâu sắc, gợi mở.

Đọc "Một mình một ngựa", tôi quý mến tác giả vì đây là tiểu thuyết mang tính tự thuật khá rõ: phải chăng anh giáo Toàn trong chuyện chính là tác giả?

"Một mình một ngựa" là cuốn tiểu thuyết hay, hiếm hoi, thật xúc động và giúp chúng ta hiểu thêm về người cộng sản trong hoàn cảnh xã hội bức xúc, lộn lộn giá trị thật, giả bây giờ.■



LỜI GỌI NGHĨ TỪ CUỘC ĐỜI TRẢI NGHIỆM

LÊ QUANG TRANG

CẤM tập thơ không dày lắm, mang cái tên "Sống trời không lời" dịu nhẹ, đẹp một cách trang nhã, kiểu thiếu nữ "mỏng mày hay hạt" rất dễ cảm tình, tôi đọc một hơi hết tập thơ 45 bài với một niềm rung cảm thích thú ít thấy khi đọc thơ trong một vài năm gần đây.

Lê Thành Nghị có những câu thơ rất gợi cảm. Cách đây ít lâu tôi có được đọc bài thơ "Về nơi sơ tán cũ, in trên báo. Hai câu thơ "Đường về Lục Ba, đường về Kỳ Phú/ Núi đối rung theo nhịp tim" đứng sát tên bài và cái phụ đề Nhó T104-E-BC11C, đã có sức gợi mạnh, nhất là câu thứ hai. Bài thơ giải bày tấm lòng của một người đứng tuổi trở lại nơi có nhiều kỷ niệm một thời gian khổ gần với tuổi trẻ. Có thể, bối cảnh của bài thơ, cũng giống anh, tôi là người trong cuộc, nên càng thấm thía cái cảm xúc mà anh nói hộ chúng ta. Sự rung động trong tâm hồn, trong ý nghĩ, làm rung chuyển cả núi đối cảnh vật. Đây là tấm lòng của con người biết yêu, biết trọng, biết nuôi dưỡng cái quá khứ tốt đẹp, để từ đó mở ra những suy nghĩ mới cho con đường tiến về phía trước.

Những dấu sao đó cũng là những vấn đề ít nhiều mang tính chất riêng tư, nếu không có sự gần gũi, hiểu biết, và đồng cảm thì sự rung động và thấm thía cái hay của câu thơ cũng bị những hạn chế nhất định. Nhưng trong thơ Lê Thành Nghị, nhiều khi không cần thế, người đọc vẫn có thể cảm nhận được ngay: "Mây trôi về cõi vô thường/ Bàn tay không giữ nổi" (Mùa thu ở Roma) hay "Thời gian biến biệt ngoài khung gió/ Một vết trâm năm loáng dưới đèn/ Chiếc lá nào buông bên cửa sổ/ Chấn động lòng ta đến cận đêm" (Tình và động).

Bốn câu thơ trong bài thơ tôi vừa nhắc đến ở trên có lẽ cũng là một trong những câu thơ khá tiêu biểu của thơ Lê Thành Nghị. Ý tưởng được dồn nén trong một câu trúc chặt, kiệm lời, liên tưởng theo nhiều chiều nhưng vẫn giữ được sự liên mạch, nhất là những suy tư không chỉ mang tính suy nghiệm ở nghĩa bề nổi mà ở chiều sâu, nghĩa bóng, giàu tính triết học trong khái quát. Và điều này không chỉ là những ý nghĩ bất chợt thoáng qua mà thường được nhấn mạnh để gợi suy nghĩ bằng sự trải nghiệm của một cuộc đời nhiều vật lộn và chịu sự suy ngẫm.

Trong tập thơ này, Lê Thành Nghị đề cao sự lặng lẽ hồn nhiên, đó là thứ bản chất thật của phẩm chất người, hoàn toàn không phải ba hoa nhiều lời mà có thể đạt được. Vì thế



anh nhận ra sự mâu thuẫn giữa lời và im lặng, rồi khái quát một cách nhẹ nhàng mà vô cùng thâm thúy: "Trong Vạn Miếu có kẻ đang huyền thuyên (có lẽ dùng thiên thì dùng hạn) về thơ văn/ Mà không biết những hàng bia đá này im lặng đã trăm năm". Hoặc đây là những lời trao đổi với những người chỉ biết gặm nhấm những huy hoàng của quá khứ: "Có kẻ đoạt vương miện hoa khôi từ đầu thế kỷ/ Cuối thế kỷ rồi vẫn còn tưởng mình còn ở trên cao". Có khi anh tự soi vào mình, cắt nghĩa chuyện tình yêu mà chính là nói sự đời nhiều éo le phức tạp "Mỗi tình đầu đẹp mà sao tôi mất em/ Có lẽ nào tôi lỗi là vì ngày xưa tôi trẻ quá". Thậm chí, có khi vì một lý do vu vơ nào đó, có thể làm méo mó hình ảnh chân thực về bản chất một con người và làm hỏng mục đích cần vươn tới "Chỉ vì một chén con làm anh đỏ mặt/ Anh có nói trăm lần cũng chẳng ai tin".

Còn nhiều những câu thơ, dòng thơ như thế, mà mỗi người soi vào đều có thể tìm thấy những bài học, những chiêm nghiệm có ích cho cuộc sống hằng ngày, cho việc ứng xử trước đường đời đầy phức tạp. Và như thế, những câu thơ giản dị và thâm sâu kia trở nên hữu ích cho mỗi tâm hồn. Tuy vậy, đôi khi anh cũng hơi thái quá, kiểu "Ông bà dạy: Uống nước phải nhớ nguồn/ Nhưng nước cứ chảy từ vòi, vậy có nên nhớ vòi không?"

Là người lính viết văn, gần bó với cuộc sống chiến sĩ, nên mảng đề tài này với anh thật thiết tha và đầy suy cảm. Sau năm mươi năm chiến tranh đã tắt ở Điện Biên, bắt gặp một bông mai nhỏ xiu nở trong mưa xuân bên dòng Nam Rốm, anh hiểu rằng hành trình vượt thời gian theo quy luật tự nhiên của bông mai thật kỳ diệu. Nhưng anh cũng gợi cho người đọc hiểu rằng, phía sau sự bình yên để cho bông mai thanh khiết kia nở là biết bao gian khổ hy sinh của năm mươi sáu ngày đêm lửa mầu và sự hy sinh lớn lao của bao chiến sĩ thể hiện qua những hàng bia mộ im lặng ở Mường Thanh. Và điều đó nói với người đọc bao điều. Trên nền của những tứ thơ tương tự, anh nói về chiếc xe đạp thổ trong viện bảo tàng, tiếng ếch kêu bên hầm Đờ Cát, đều mở ra những khía cạnh gợi cho người đọc cảm được cái sâu sắc của thời gian, sức sống của thiên nhiên vũ trụ, nhưng anh cũng gợi cảm thông điệp chúng ta hãy biết ơn lịch sử của dân tộc, biết ơn những con người đã ngã xuống cho độc lập và hạnh phúc hôm nay.

Cũng với một tâm thức như vậy, anh nhớ thương chia sẻ với những đồng đội, đồng nghiệp đàn anh như Nguyễn Thi, Xuân Thiệu, Thu Bồn... Nhưng kỷ niệm và câu chuyện giữa anh và họ không phải là những lúc ồn ã vui vẻ mà là những khung cảnh đượm chút hoang tĩnh gợi nhiều suy nghĩ. Chẳng hạn, khi anh nhớ tới Xuân Thiệu là khi "Chiều muộn/ Là rừng ngoài hiên" "Những gì vắng giờ thêm hun hút vắng", Nhớ Nguyễn Thi là lúc "khi buồn nghe gió trở trên cây/ thắm lặng khóc từng bông hoa đại rụng", và anh nhìn dòng chữ của Nguyễn Thi viết trước ngày đi vào chiến trường "Như vết máu không khô trên cánh cửa/ Lời vĩnh biệt anh viết còn đây", Nhớ Thu Bồn là nhớ tới con sông "lặng ngắt, khoảng khắc buồn", cả khi nghĩ đến một người bạn là nhà thơ yếu mệnh là Bế Kiến Quốc, anh cũng liên tưởng đến "lặng thắm một lá cây rơi". Song chính trong những bối cảnh ấy, sự lặng lẽ ấy, người ta càng thấm thía hơn ý nghĩa của cuộc sống, mới thấy hết cái đẹp của những con người thắm lạng kia đóng góp cho cuộc đời này.

Cũng trong mạch ngầm chiêm nghiệm của một người từng trải, chầm bài về quê hương của anh cũng để lại những dư vị sâu lắng. Thị trấn có con đường nhỏ mà anh nhớ về, "không gian lập phượng" mà anh bắt gặp, hay cảm xúc một lần về thăm quê, ta ít gặp trong thơ anh những hình ảnh của thị giác như

thuở nào, mà bây giờ là những ấn tượng, những suy nghiệm về cõi vô thường của kiếp người, về những bất định thường thấy của tương lai, để thấy cần phải vươn tới "như một bông hoa cỏ/ tự đứng lên soi đường", hay nếu được làm trời xanh thì phải mở rộng và vươn tới mãi cho "trời sẽ xanh vô biên". Chúng ta trân trọng khát vọng ấy của anh và tin rằng với khát vọng ấy anh còn góp cho đời những vần thơ, bài thơ có giá trị.

Nói như thế, không phải thơ Lê Thành Nghị không còn sạn. Thí dụ như câu thơ chủ chốt mà anh chắc thích lắm mới ghi ra làm đề từ cho tập thơ ở trang bìa, thì vẫn có điều chưa chuẩn xác "Chẳng chờ đợi gì ngoài khoảng khắc lặng yên" (những chữ in đậm là do tôi nhấn mạnh). Anh còn nhắc lại hai lần như thế ở trong tập, chắc không phải là lỗi vô tình, nhưng theo tôi, **khoảng khắc** mới là từ đúng, và anh cũng đã có lúc sử dụng trong tập, nhưng không thống nhất khiến cho người đọc kỹ tính thấy còn có chỗ chưa ổn. Hoặc giả câu "Ai buộc ngựa mà gió quên không buộc/ Rượu Săn Lùng nghiêng ngựa một bờ lau" (tr.14) thì câu trên quá hay mà câu dưới lại chưa phải là tuyệt đích. Có người bảo tôi nếu dùng **ngiêng ngả** thì chẳng những đúng về cảm xúc mà còn chuẩn về hình tượng. Tôi cho đó là một nhận xét tinh. **Tứ ngựa** không được nhả và cũng thiếu chính xác. Chữ trong từng câu thơ, từng hình ảnh chưa hẳn đã là tất cả, nhưng có khi làm hại, thậm chí giết chết câu thơ. Mà trên đây chỉ là một vài thí dụ.

Lê Thành Nghị vừa làm thơ vừa viết lý luận phê bình. Mà giữ cho được sự hài hòa của cả hai lĩnh vực này là không hề đơn giản. Anh có những thành công trong phê bình lý luận ở sự cập nhật những tri thức mới, ở tính khoa học khúc chiết của ngòi bút lý luận, nhưng trong thơ vẫn giữ được sự đa cảm của con tim, chút chơi vơi của cảm xúc, sự lãng mạn của tâm hồn để rung động trước thiên nhiên, con người, đời sống. Vì thế thơ anh có nét tươi tắn của tình, tình tế của cảm, và sự già dặn trong chọn lựa câu chữ của người được đào tạo bài bản. Anh biết tiếp nối và phát huy những thành công của các tập thơ trước, từ "Rừng trâm trước mùa xuân", qua "Mưa trong thành phố", "Mùa không gió" để tạo ra một cung bậc khác và một bước tiến mới trong "Sống trời không lời" này. Thành công ấy thật đáng trân trọng và khích lệ. ■

ÁM ẢNH NGƯỜI ĐÀN BÀ TRONG TRƯỜNG CA CỦA NGUYỄN THÁI SƠN

LÊ KHÁNH MAI

TRƯỜNG ca "Chiến tranh, chín khúc trường niệm" theo thời gian ghi ở cuối tác phẩm: bắt đầu viết tháng 11 năm 2007, hoàn thành tháng 12 năm 2008, là trường ca viết về chiến tranh đã có độ lùi hơn ba mươi năm. Một khoảng thời gian rất đáng kể để những cảm xúc dâng trào, giọng điệu hào sảng ngợi ca dần lắng xuống, thay vào đó là những cung trầm của sự nhận diện cuộc chiến tranh một cách tỉnh táo; Là sự ngẫm sâu hơn những nỗi đau mất mát hy sinh và dựng nên đài tưởng niệm trong tâm hồn con người.

Bên cạnh hình tượng người lính được khắc họa như là nhân vật trung tâm, hình tượng người phụ nữ được nhà thơ giành nhiều tâm huyết làm nên tuyến nhân vật thứ hai song song với nhân vật người lính. Nhà thơ gọi họ là "những người đàn bà", cách gọi dân dã, gần gũi thân thiết, phù hợp với ý tưởng nghệ thuật của ông là khai thác mặt thiên chức đàn bà nhằm thể hiện những bi kịch thân phận của họ do chiến tranh gây ra với một nỗi ám ảnh không nguôi.

Trong trường ca của Nguyễn Thái Sơn có nhiều hình mẫu đàn bà: những anh hùng liệt nữ, những huyền thoại văn hóa như Bà Trưng, Bà Triệu, Liễu Hạnh, Mỵ Nương, thiếu phụ Nam Xương...nhưng nhiều hơn là những người mẹ, người chị, người vợ, người em gái quê mùa mộc mạc. Họ nhận phúc khổ đau với đời thường, với biến cố thăng trầm lịch sử.

Người mẹ hiện lên với những nét truyền thống, gần với đặc trưng lao động nông nghiệp của nền văn minh lúa nước: nghèo khổ *cơm đun củ chuối/ cháo lán sùng non*; vất vả nhọc nhằn, chịu thương chịu khó, làm lụng nuôi con: *Mẹ lán sóng xoài/ trời mưa đường*

trơn/ mẹ ngã vằn lưng - cọc cẩu ao mực gầy dưới bùn; nhận về mình mưa nắng, bão giông, giành cho con miếng ngon, miếng ngọt *Bánh mật tháng mười/ bánh ú tháng hai/ của bấy giờ mai/ tôm càng tách vỏ*. Người mẹ ấy bất chấp bom đạn, hiểm nguy, che chở cho con *Cả khi ngồi dưới hầm sâu binh yên trong lòng đất/ mẹ vẫn giấu con vào góc hầm kín nhất*. Hình ảnh đẹp nhất đọng lại thành kỷ ức là hình ảnh "mẹ nhận hạt na" mà nhà thơ dùng làm tựa đề cho khúc II của trường ca. Mẹ nhận nài nhân từng múi na nhỏ xiu, tách bỏ phần hạt cứng, giữ lấy chút thịt na ngọt mềm để chăm con như những người mẹ Việt Nam binh dị vẫn thường miệng nhai cơm búng, lưỡi lùa cá xương.

Viết về người đàn bà trong chiến tranh, nhiều tác giả quan tâm khẳng định vị trí vừa là chủ nhân vừa là nạn nhân của họ trước thời cuộc. Ngòi bút của Nguyễn Thái Sơn cũng nâng niu người đàn bà ở hai vị thế đó nhưng ông đặc biệt nhấn mạnh quyền con người của phái yếu. Đó là quyền được sống, được yêu, được nương tựa, được hưởng hạnh phúc đời thường, mà chiến tranh lại là thủ phạm tước đoạt các quyền ấy. Những chàng trai, những người đàn ông dự thừa sức lực lại thiếu vắng phụ nữ và của những người đàn bà tràn trề sinh lực phải một mình chống chọi với nỗi khát khao. Chưa có trường ca nào viết về điều này nhiều đến thế, kỹ đến thế. Đây là tiếng nói chạm đến cái phần sâu kín, thiêng liêng của sinh phận người. Thành công của Nguyễn Thái Sơn là đã chuyển tải những vấn đề "khó nói" ấy trên cái nền văn hóa dân gian. Vì thế bạn đọc dễ dàng chia sẻ, đồng thuận với nhà thơ. Những người đàn bà nông thôn khỏe

manh vú căng buổi đào quệt vôi dẹt tể/ mỏng đôi rưng rục ba đồng rằm chầy lụi gốc tre rồi cũng có những phút giây hạnh phúc được gặp chồng trở về sau bao năm chinh chiến, được bung vỡ bao nhiêu dồn nén *thoả sức đắp bù: "ăn giả bữa" cả đêm "ăn ăn vụng suốt ngày/ có khi mong trời mưa, muốn cả làng đi vắng*. Họ yêu nhau cuồng nhiệt, dâng hiến tận cùng, đến mức *chồng nhàu cổ bọt vợ xanh mướt thái lải*. Nhưng hạnh phúc ấy cũng chỉ ngắn ngủi, hiếm hoi như phút ngả lưng giữa hai cuộc chiến rồi người chồng lại ra trận. Rồi đàn bà lại cam phận *nhìn đàn ông*. Trong chiến tranh, mọi cuộc hôn phối đều chóng vánh. Chỉ có mấy ngày trời mà các công đoạn của hôn nhân từ *làm quen đến cưới tập đoàn* (năm bảy đôi thành vợ chồng trong một đám cưới) đã hoàn tất và cũng kết thúc luôn cả một đời chồng vợ sau hai đêm hương lửa để rồi người chồng không bao giờ còn trở về với hình hài bằng xương bằng thịt nữa, chỉ *hồn theo mây gió.../ ngày đậu trên ngon muộn sau miếu/ đêm đánh đu cảnh thị công chùa*.

Trần trong những người đàn bà tiết hạnh, nhà thơ vẫn nhìn nhận sự ngoại tình của những người đàn bà mất chồng bằng tấm lòng nhân ái. Không phải ngẫu nhiên mà ông giành hẳn một tiểu khúc có tên là "ngoại tình". Người đàn bà đợi chồng mười năm, hai mươi năm và không chờ được nữa, bởi *chân đã mòn trắng thanh/ ngón ngón rơm phơi rạ chưa kịp bó*. Viết về vấn đề này Nguyễn Thái Sơn như đi chênh vênh trên miêng vực, may thay ông đã đứng lại được trên bờ và đã khắc họa rõ hơn thân phận đàn bà trong chiến tranh.

Trong khúc thứ VIII của trường ca có tiểu khúc *Ba người đàn bà với ba số phận*, ba cảnh



ngộ khác nhau nhưng đều chung một nguyên ước là nương tựa vào nhau, sau khi chết hồn quanh quẩn bên những linh hồn tử sĩ nơi Thành cổ Quảng Trị. Với những nhân vật có số phận khác nhau, sống ở những miền đất, những quốc gia khác nhau, câu chuyện về ba người đàn bà bất hạnh góp tiếng nói phản kháng mạnh mẽ đối với chiến tranh đã gieo nỗi đau khổ cho con người dù ở chiến tuyến nào. Đây cũng là một cách nhận diện chiến tranh ở góc độ nhân đạo. ■

Đã tới hồi gay cấn rồi đây, đã tới lúc nghẹt thở khi ông Tư Sang kể đến đoạn quân Tây Sơn rượt Chúa Nguyễn Ánh tới đỉnh làng Tân Quang vào đầu một đêm xuân kia.

Tôi định rằng ông Tư Sang bịa láo, ít lắm cũng về cái thời điểm xảy ra câu chuyện, ông đặt nó vào ngày Tết cho hợp với không khí đêm nay cho vui vậy thôi chứ Tây Sơn là kẻ thắng thế rõ rệt quá thì cứ nằm mà ăn Tết, sang giêng sẽ hay, chớ tôi gì phải vất vả truy nã kẻ thù vào một đêm xuân.

Đêm nay là đêm hăm chín tháng chạp, nhà tôi nấu bánh tét, hằm thịt, làm nem, nhà bếp vui vẻ lắm, nhưng sợ trẻ con buồn ngủ nên má tôi mới lờ đi cho ông Tư Sang, khi thấy ông tới chơi, chớ thường thì những ngày, những đêm bận rộn, má tôi không cho ông vào sợ ông làm mất thì giờ của người nhà.

Ông Tư Sang là người làng giồng của nhà tôi, ông ở một nếp nhà tranh vách đất sau miếng vườn tổ phụ của chúng tôi, không vợ, không con, và quanh năm, suốt tháng, cả ngày, ông hết la cà nhà này, đến nhà khác, vì cái nghề chánh của ông về sau này là nghề chèo đồ ngang trong làng, mà ông cũng đã bỏ rồi, thì giờ của ông nhiều quá, không làm gì mà lấp cho hết các khoảng trống không mà ông Tư rất sợ hãi.

Ông Tư ngưng câu chuyện để ăn một cái bánh ít bột năng. Ông tuy dốt nát và thuộc thể hệ hồi Tây mới chinh phục ta, nhưng lại rất thành thạo mảnh khõe của báo hằng ngày. Ngày nay, họ đăng phóng sự hoặc tiểu thuyết tới đoạn toát mồ hôi lạnh thì họ cho "còn nữa" để ngày mai ta phải mua báo hầu đọc tiếp.

Nhà tôi đêm nào cũng có quà cho anh chị em tôi ăn, nhưng cũng để đãi ông Tư, một ông lão kể chuyện đời xưa rất hay mà thân phụ tôi rù quên tới để giúp vui cho cả nhà. Ông Tư là bợm nhậu, chỉ ưa quả mận, nhưng má tôi lại ghét rượu chè, đãi toàn quả ngọt, ông đành chịu vậy, bằng hơn đi nhà khác, kể rảo bọt mồm mà chẳng được một chén trà. Và bánh ít bột năng là bánh ít loại sang, người thường mà mấy thừa được ăn, nên ông Tư cũng tự an ủi rằng đầu sao gia đình tôi cũng đã trọng đãi ông lắm.

Lão Tư Sang làm nghề trạo phu, chèo thuê cho các tay lái thương hồ. Nhưng năm ấy lão đã bảy mươi lăm, yếu từ mười năm rồi nên chỉ chèo được chiếc đồ ngang đưa sang sông, bến đò ở trước nhà tôi.

Lão là một nông dân không thật thà chút nào, tánh tự nhiên của lão vốn đã láu lỉnh rồi, rồi nghề nghiệp của lão lại lưu manh hóa lão phần nào: nghề thương hồ của các ông chủ của lão đã đưa lão đi khắp các nẻo đường của Tam-kỳ Lục-tỉnh, lão đã sống một trăm lần nhiều hơn nông dân thật sự, đã nghe các chủ nhân của lão nói lão trắng trợn một ngày mấy mươi bận với khách hàng, thành thử lão không còn là nông dân nữa.

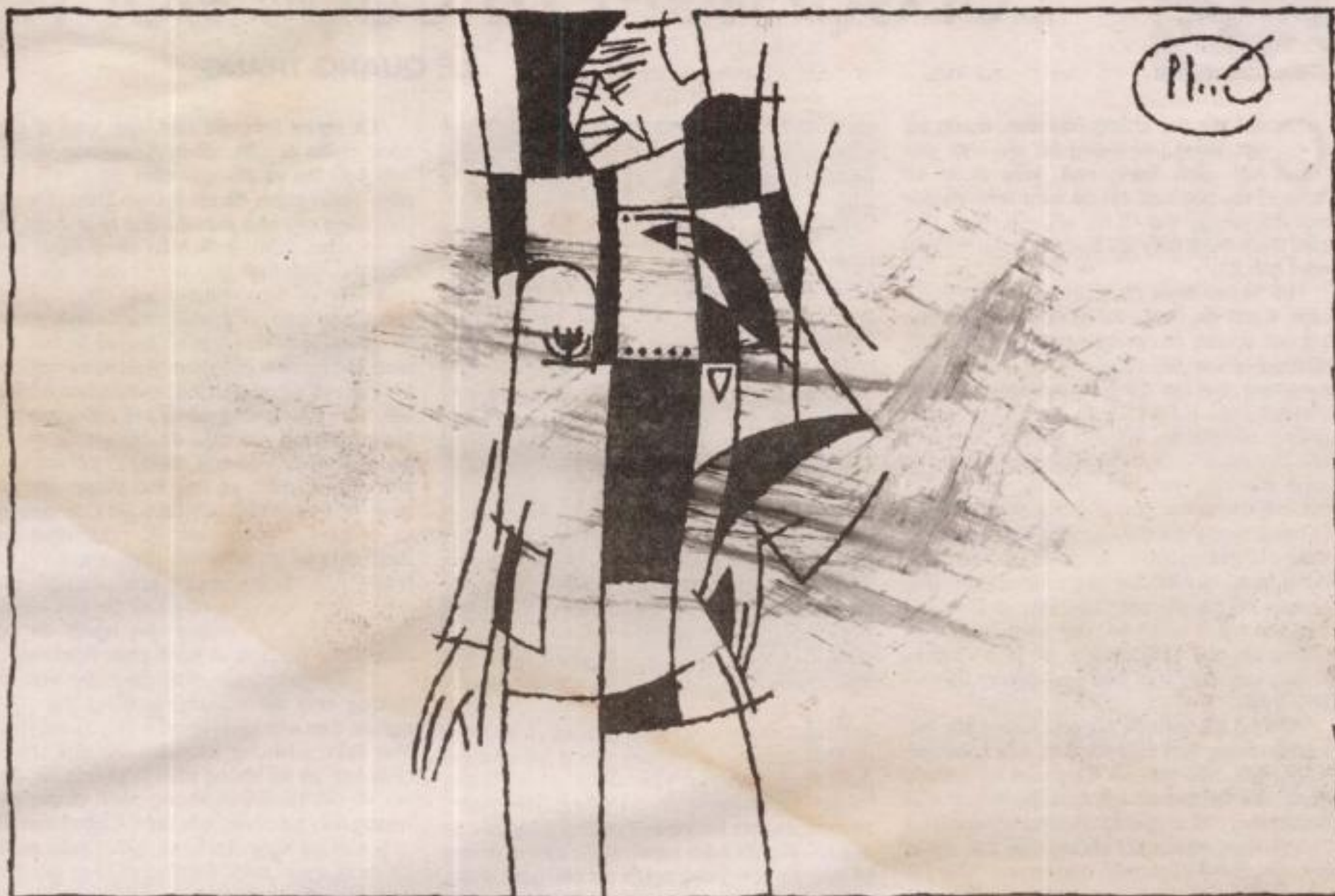
Cha mẹ tôi không ưa lão, nhưng cứ cho lão tới nhà, hơn thế, còn khuyến khích lão tới bằng quả bánh, chỉ vì anh chị em chúng tôi quá mê nghe kể chuyện, còn lão thì là tay thấy trong nghề thuật đó, khắp vùng tôi ở gồm mấy làng lân cận với làng tôi, không có một ông cụ nào mà kể chuyện tài tình bằng lão trạo phu không có áo này. Ấy, lão ta cời trần quanh năm, nói là trời nóng nực lắm, nhưng thật ra, lão ta không có chiếc áo nào hết.

Ăn xong cái bánh ít, ông Tư uống một chén trà ngon rồi hút thuốc, lâu lắc quá, khiến chúng tôi sốt cả ruột gan.

- Rồi sao nữa chú Tư? Chị tôi hỏi.

- Chẳng, như vậy. Tia tôi làm ông Tư giữ đỉnh làng, có nhà trong sân đình. Tôi đã có vợ, ra riêng từ vài ba năm rồi, nhưng đêm đó, tôi đi thăm tia tôi.

Thình lình tia tôi thấy một đạo hào quang nhào lên, vì là giữa mùa nắng,



Minh họa của NGUYỄN ĐĂNG PHÚ.

TRUYỆN NGẮN MIỀN NAM TRƯỚC NĂM 1975

ĐÊM XUÂN CỔNG HOÀNG - ĐẾ

Truyện ngắn của BÌNH NGUYỄN LỘC

• Nhà văn Bình Nguyễn Lộc tên thật là Tô Văn Tuấn, sinh ngày 7-3-1915, tại làng Tân Uyên, tỉnh Biên Hoà. Thuở nhỏ học chữ Nho, sau theo học trung học Pétrus Trương Vĩnh Ký ở Sài Gòn, đậu Thành Chung năm 1933. Năm 1942 ông bắt đầu viết văn, viết báo; từ 1948 sống chính thức bằng nghề này.

Ngoài bút danh Bình Nguyễn Lộc - được sử dụng cho thể loại truyện ngắn, truyện dài tình cảm, nhà văn còn nhiều bút danh khác như: Phong Ngạn, Phóng Ngang, Phóng Dục, Trinh Nguyên, Tôn Dzật Huân, Hồ Văn Huân, Diên Quỳnh... Viết nhiều, đọc ngang trên khá nhiều thể loại, Bình Nguyễn Lộc có một sự nghiệp văn chương phải nói là đồ sộ: khoảng 50 tiểu thuyết, 1000 truyện ngắn, 4 cuốn sách nghiên cứu. Với thể loại truyện ngắn và tùy bút ông được xem là một nhà văn Nam bộ đặc sắc.

• Nhà văn mất ngày 7-3-1987 tại Sacramento, California, Hoa Kỳ.

• Văn nghệ xin giới thiệu một truyện ngắn của ông rút từ tạp chí Văn số 146-147 ra ngày 22-11-1970.

V.N

nên không thể lắm hào quang với lại chớp được. Cha con tôi nhìn ra sân thì thấy một người có phong độ để vương đầy cổng đình và chạy mau vào sân.

Cha con tôi đoán được ngay đó là ai rồi, thế nên tôi vụt nhảy ra khỏi nhà, chạy đến trước người ấy đoạn quỳ mọp trước mặt người. Người ấy bèn để cho tôi công chạy trốn. Tôi thuộc các ngõ ngách nên trốn thoát.

Chỉ lúc chạy được xa rồi, tôi mới để Hoàng đế xuống và bấy giờ, tôi mới có thì giờ để tung hô vạn tuế người.

Lớn lên, học sử, tôi mới biết là ông Tư nói dốt. Năm đó ông Tư 72 tuổi, tức ông sanh năm 1853, vua Gia Long đã chết thành tro rồi, còn đâu để ông ta cứu giá. Và lại, nếu có ai cứu giá thì đó là chúa Nguyễn Phúc Ánh ấy chứ làm gì đã có Hoàng đế, vì chúa Nguyễn Phúc Ánh còn bốn đào, đã xưng đế đầu nào.

Nhưng ông Tư kể rất sống động, y như chuyện quả có xảy ra thật, thành thử thân phụ tôi vốn biết ông ấy nói dốt mà chính người cũng ham nghe.

Lịch sử của miền Nam gồm nhiều đoạn thăng trầm trong đó có hai thiên mà người ta cho là hào hùng nhất. Đó là những năm đầu khẩn hoang, theo kế hoạch của chúa Nguyễn, và đoạn chúa

Nguyễn Phúc Ánh chạy trốn chết trước các cuộc rượt bắt của Tây Sơn.

Nhưng giờ nhiều kẻ lại lờ đi về thiên anh hùng ca đầu, nó là anh hùng ca thật sự đấy, mà cứ ca hát cái thiên cứu giá chúa Nguyễn Phúc Ánh mãi, cho đến kẻ sinh sau đẻ muộn là ông Tư Sang nghèo rớt mồng tơi này mà cũng khoe rằng mình đã cứu giá. Nếu ông ấy có công cứu giá thì ông ấy đã được phẩm hàm, ơn vua lộc nước rồi, chớ đâu có cả đời làm trạo phu.

Thấy sang bắt quàng làm họ, đó là bản tính của kẻ hèn. Trị thủy, phá rừng, giết thú dữ, đánh nhau với thổ dân là những kỳ công oanh liệt, nhưng quá tối tăm, đầu có rạng rỡ như công "Hoàng đế" chạy trốn. Lại còn cái vụ hào quang của Hoàng đế ấy nữa. "Hoàng đế" lẫn trốn trong Nam bao năm là họ bịa ra bao chuyện ly kỳ, nào là rùa linh nổi lên chở Hoàng đế sang sông, nào là rái linh cắn quân Tây Sơn để cứu chúa. Nếu chẳng may Tây Sơn mà thắng thì thật uổng những chuyện truyền kỳ hấp dẫn đó không biết bao nhiêu.

Ông Tư lại ăn bánh. Ấy, bánh ít bột năng thừa đó ba xu một cái, bằng bảy giờ mười lăm đồng, vậy mà ông già này đã tiêu thụ hết bốn cái tối đó. Giá một

buổi đầu hôm kể chuyện của ông ta, tính theo thời giá ngày nay lên đến một trăm đồng, và rồi ông còn ăn nữa, chớ có phải bốn cái là đủ đâu. Mắc hơn một cái vé xi-nê ngày nay!

Sau chiếc bánh thứ tư, ông Sang kể chuyện ăn trộm vào thế hệ của ông. Về vụ đánh cướp, đánh cướp, bắt trộm thì ông bịa láo vì những câu chuyện thật ấy, tự nó đã hay rồi. Tôi chú ý đặc biệt đến cái chi tiết về bộ máy ra-đa của kẻ trộm thời xưa.

- Họ, ông Tư Sang kể, được võ trang bằng một que tre thật mỏng manh và dài độ bốn gang tay. Vào được trong nhà rồi thì họ vừa đi tới vừa hươ que tre lia lịa trước mặt họ. Que tre chạm phải cột, hoặc tủ bàn gì là họ biết ngay để mà tránh, trong khi đó thì chủ nhà cứ ngủ thẳng cẳng vì sức va chạm quá nhẹ nhàng, bởi que tre quá mỏng. Thành thử như là họ có con mắt thần, thấy được mọi vật trong bóng tối dày đặc. Con mắt thần của họ còn khám phá ra được các vật quý giá trong nhà nữa.

"Chẳng, thừa ấy cho đến bậc giàu có của ta nhà cũng chẳng có gì, trừ lư đồng, nổi đồng và mâm thau, nữ trang và tiền bạc thì không kể vì hai thứ đó được cất trong rương xe, một loại rương rất lớn, có

bánh xe để dời đi được ra khỏi nhà khi nào có hỏa hoạn, và chủ nhà nằm trên mặt ruộng ngủ, khó xơi lắm.

"Bọn trộm chúng nó mang gạo theo đầy cả túi, rồi vào nhà xong, chúng nó hốt gạo mà tung ra như gieo mạ. Tiếng các hột gạo chạm vào những vật bằng đồng, nghe là biết ngay, đối với người thức, còn ngái ngủ thì chẳng hay biết gì cả".

Câu chuyện hấp dẫn lắm, nhưng trừ bọn trẻ con chúng tôi ra, còn thì người lớn không ai thêm nghe hết vì thừa còn bé, cha mẹ tôi đã biết tài nghệ của bọn ăn trộm đời xưa, bọn này là những tay nhà nghề chỉ mới lượm cách đó độ vài mươi năm mà thôi.

Thế nên bác dậu tôi mới nói to lên một câu lạc đề:

- Sang giềng chú cho tôi mượn chiếc xe ngựa với thằng đánh xe để tôi đi thăm vợ của Bác-Vật-Nàng nghe chú.

Bác Hai tôi không con, nên giao phần hương hỏa và nhà thờ cho thân phụ tôi. Bác qua đời rồi, người bác dậu của tôi trở về nhà thờ mà ở để theo đúng cái cang "tùng phu" vậy; không có từ để mà "tùng tử", bác ấy từng nhà thờ của họ tôi là đúng đạo tam cang.

Còn vợ của Bác-Vật-Nàng là người chị bà con xa của tôi, chị ấy lấy chồng làm kỹ sư canh nông dưới Sài Gòn mà thừa ấy người ta gọi là Bác-Vật Trống-Tĩa. Chị ấy sanh đứa con thứ ba đã đầy tháng rồi.

Thân phụ tôi đứng lên, đốt thuốc nơi ngọn đèn tọa đẳng thấp đầu lửa, đặt diếu thuốc trên đầu cái thông phong, bập vài bập cho diếu thuốc cháy rồi mỉm cười mai mỉa mà hỏi rằng:

- Chị muốn cứu giá như chú Tư đây hả? Bác dậu tôi ngơ ngác không hiểu gì hết nên hỏi:

- Chú nó nói gì mà cứu giá?

- Chú Tư đây đã khấn hoang một mình bốn mẫu ruộng, vậy mà chú không cho đó là kỳ công, cứ ham công ông Hoàng đế Gia Long mà thôi.

Nói xong, thân phụ tôi cười ha hả, rất đắc chí.

Bác dậu tôi đã hiểu, vì chính tôi là trẻ con mà còn hiểu kia mà. Chị cả của tôi lấy chồng ở làng bên. Nhưng chị lấy chồng dân dã lại nghèo, nên năm rồi chị sanh con so mà bác dậu tôi không hề hỏi thăm một tiếng.

Bác ấy là con cháu nhà quan, ít lắm cũng theo lời bác khoe chỗ theo chỗ tôi biết thì ông cụ của bác ấy ngày xưa chỉ làm chánh tổng, tuy cũng là quan đó, nhưng mà là quan nhỏ quá, quan ở trong làng. Bác ấy phong cho ông cố bác làm quan án sát tỉnh Trấn biên, nên chỉ bác ấy chỉ giao thiệp với hàng chánh tổng sắp lên mà thôi.

Nhiều người miền Nam ta, phần đông là những kẻ tầm tối rất ưa khoe tổ tiên họ làm quan cho chúa Nguyễn. Vì đông người khoe như vậy, kẻ biết chuyện rất buồn cười mà nghĩ rằng chúa Nguyễn hẳn dư quan nên mới cho vào nam đồng đến thế. Những người ấy nhứt định chối bỏ dĩ vãng hào hùng của tổ tiên họ là lưu dân bị đẩy vào đây, hoặc là những kẻ nghèo khổ được chúa Nguyễn mộ vào nam để khẩn hoang. Những đợt sóng nam tiến anh dũng không tiến khoảng hậu trong lịch sử ta, thế là họ có biết đâu. Cũng may là miền nam chỉ có ba trăm năm lịch sử thôi, chứ nếu đây là đất "nghìn năm văn vật" thì có lẽ họ đã khoe tổ của họ là Hùng Vương rồi vậy.

Bác dậu tôi đã hiểu nhưng vẫn cãi:

- Chú nói mát làm gì. Có khác đó chứ. Chú Tư đây chỉ nói láo để ké thơm lây của nhà vua, còn tôi có nói láo đâu. Tôi đi thăm cháu tôi đó mà.

- Nhưng cháu của chị cũng là một thứ nhà vua. Nó cũng là cháu của tôi đó chứ nó còn là cháu của tôi hơn là cháu của chị nữa vì nó mang họ nhà tôi, nhưng nó sanh ra thì y như là nhà giàu họ cất ngôi nhà thứ năm, thứ sáu, họ đâu có ăn tân gia nữa, và ta đâu có phải mừng cho họ nữa.

Lão trao phu lại ăn bánh ít và để được ăn quà mỗi đêm, lão ta nịnh thân phụ tôi:

- Ông Cả nói đúng đó bà hội à! Tôi công Hoàng đế, Hoàng đế ban cho tôi giấy tốt, nhưng rồi tôi ăn cái gì chứ? Tôi chỉ được ăn cơm nguội sau những buổi chèo thuyền. Ông Cả đây không được lưu danh hậu thế như Hoàng đế, nhưng tôi lại được ăn bánh mỗi đêm. À, thưa cô bác, bà con, tôi có công Hoàng đế thật đó chứ.

- Thân phụ tôi lại cười ha hả. Thừa thanh xuân, ông Tư Sang có theo hát bội mấy năm, ban đầu làm quân chạy hiệu, sau được lên quân hầu. Quả lão ta có công Hoàng đế thật sự, chỉ có điều là đó là những Hoàng đế tưởng.

Riêng tôi, tôi bỗng đâm tin nơi nguồn gốc mà bác dậu tôi thường khoe khoang. Bác ấy là con quan thật sự đó, vì rồi bác lại hỏi thân phụ tôi:

- Nhưng thôi, hơn thua nhau vài tiếng làm gì. Chú có cho tôi mượn xe hay không thì nói đi.

- Chỉ cứ tự tiện. Tất cả đều là của hương hỏa, nghĩa là của chung, chị có quyền dùng.

Chỉ có con quan và con cháu nhà quan mới không giận, mới thực tế phớt đi, để được lợi. Danh lợi trên hết! Nếu phải quỳ lạy bề trên để được thăng quan tấn tước, người ta cũng chẳng ngại dẹo lưng, huống hồ gì một sự công kích nhẹ của một người em chồng trong nhà.

Thật là hú vía cho cánh của tôi. Tổ tiên của tôi có lẽ là bản dân tiên phong đi khai sơn phá thạch để tìm kế sinh nhai. Họ đã bị quan chúa Nguyễn kiểm soát và cai trị. Ba trăm năm sau, có một người con gái của quan len vào họ tôi để mà cai trị nữa. Nhưng may thay, bác ấy không con, thành thử họ tiên phong nhà tôi mới giữ được mãi giòng máu tiên phong, không lại giọt máu quan nào cả.

Lão trao phu chối bỏ hàng ngũ lại ăn bánh ít. Lão ta ăn cái này nữa là cái thứ bầy rồi đó. Nếu quả lão đã công Hoàng đế thật sự thì hiện giờ lão đang hưởng ít lắm là năm mẫu ruộng với ngôi tiên chỉ trong làng. Nhưng phong thái của lão cứ là phong thái nông dân cộng với phong thái hát bội, thêm vào đó phong thái trao phu.

Có lắm thứ quan. Có quan từ nhiều thế hệ văn nho mà xuống, với truyền thống riêng của họ, đẹp đẽ lắm. Lại có quan chỉ lên quan nhờ công Hoàng đế chạy vài dặm mà thôi. Loại quan này thật là giống những bác cai phu, nhờ chiến tranh trở nên giàu có mà đi xe Mercedes nhưng ăn cơm thì phải cời trần họ mới ăn cơm ngon miệng.

Chẳng hạn như quan bánh ít đây. Lão ta ăn kêu như heo, uống nước cũng kêu xoàn xoạt.

Năm mươi sáu tuổi, tôi đốt quyền gia phả của họ tôi, mặc dầu tài liệu ấy quý giá vô song vì ở miền nam này, trong một ngàn gia đình, chưa đến một họ có chép gia phả. Tôi thiêu hủy tập vở chữ Nôm mà tôi đọc không được ấy, vì tôi nghe ông chú tôi bảo rằng ông cố mười đời của tôi làm quan án sát tại Trấn biên.

Biết đâu ông cố của tôi lên quan án sát chỉ nhờ đã công vua Gia Long? Nếu nhờ tài liệu nào khác mà một nhà khảo cứu bỗng khám phá ra điều ấy thì thật là không rạng rỡ tí nào.

Thà cứ làm con cháu những đợt sóng tiên phong đã anh dũng chiến đấu với thiên nhiên để tạo ra miền nam trù phú ngày nay, còn "le" hơn là làm con cháu nhà quan "Cống" bởi vì tôi thích làm "Tôi" chỉ đủ ăn ngày hai bữa hơn là làm bác cai phu lên chức thiếu lớn, đi xe Mercedes mà chữ thế như phụ gạo.

Mấy năm sau, bác dậu tôi qua đời và nhà sư trụ trì ngôi chùa trong làng tôi tôi thỉnh bài vị của bác vào chùa ngay. Những tháng cuối cùng của bác, bác chuẩn bị cái chuyến đi xa ấy rất chu đáo, có bao nhiêu tiền, bác cũng hết cho chùa để chùa lo hương khói cho bác đời đời kiếp kiếp. Chắc bác không thích để cho hàng dân giả cúng quảy, khói hương cho bác. Tôn giáo còn ở trên quan trường nữa thì vào chùa hách hơn ở nhà dân. ■

(Kể theo lời một người bạn)

TẢN VĂN

BÁT PHỞ HÀ NỘI Ở NGOẠI KAVKAX

QUÁN VI MIỀN

TẾT năm 1983 tôi đang học ở Êrêvan - thủ đô nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Armenia (thuộc Liên Xô cũ). Đạo đó đúng vào dịp nghỉ đông của sinh viên.

Buổi sáng lên lớp thi học kỳ về, tôi đang nghĩ là hai tuần rảnh mình sẽ tranh thủ đi thăm thú đây đó trong thành phố, thăm viện bảo tàng, nhà hát, thành cổ Urartu của nhà nước Armenia cổ đại, hồ Xêvan trên dãy núi Ararat - dãy núi mà theo truyền thuyết trong Kinh Thánh là nơi con thuyền Nôa đậu lại... - thì mấy người bạn Việt Nam cùng ở tầng 9 ký túc xá nói với tôi: "Tết đến rồi!". Tôi ngờ ra mấy giây: "Tết nào?". Đang mãi mê học tập nơi đất nước Armenia đầy tuyết trắng; ở xứ người - nơi mà từ "Lễ hội" đã thay từ "Tết" trong ý thức của tôi; và ngày dương lịch đã thay cho ngày âm lịch... khiến tôi bị bất ngờ. "Tết ta ấy mà!", mấy người nhắc lại. "À...", tôi thốt lên. Tôi chợt nhớ. Mấy cô bạn mất đồ hoe... Vào phòng, tôi mới thật nhớ cái Tết vùng cao quê tôi, với mâm cỗ cúng tổ tiên, xôi nếp, cá nướng, cơm lam, rượu cần, đánh cồng, nhảy sạp, thổi khèn, chơi hang... Ngày mai đã 30 Tết, đêm nay tôi nằm trần trọc. Đã khuya lắm, tôi mở cửa định ra hành lang bách bộ. Thì ra, mọi người cũng chưa ngủ, không ngủ. Tôi bước vào phòng mấy người bạn, thấy người thì ngồi ủ rũ, người thì sụt sịt khóc, người thì kêu nhớ mẹ nhớ cha, nhớ làng xóm, người thì bảo nhớ "thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ", nhớ cảnh đào... Với mọi người, đây là cái Tết đầu tiên xa nhà, xa quê, xa Tổ quốc, làm sao mà không nhớ cho được?

Sáng hôm sau, khi tôi đang còn mơ mơ ngủ, thì đã nghe tiếng ồn ào ở ngoài hành lang. "Ta nấu phở ăn Tết đi!", tiếng của Việt - một cậu quê Hà Nội. "Làm sao có phở?", tiếng của Tuấn, Thái. "Lấy mì cán!", tiếng của Việt và tiếng đồng tình của Hằng, Mai. "Hay đấy!", tiếng của Oanh, Trinh... Tôi vùng dậy, mở cửa ra, cũng vừa lúc thấy Việt đang bàn với Nhạc - trưởng đoàn sinh viên Việt Nam: "Ta nấu phở ăn Tết đi! Em làm chớ!". Và Nhạc đang rút ví tiền... Lập tức không khí tầng 9 ký túc xá Kanaker sôi động hẳn lên. Một nhóm vào thang máy xuống đi cửa hàng mua thịt bò và bột mì. Một nhóm đi mua bia và rượu Vodka. Một nhóm cắt giấy làm hoa đào. Nhạc thì xem lại cái bếp điện Mayxo. Tôi là tay miền núi đảm đương việc mài dao. Lát sau mọi người lục tục đội tuyết về, xuyết xoa kêu rét. Cái bàn được lau sạch, trải báo, làm nơi cán mì. Nhồi mì thì không khó, ai cũng xúm vào làm. Nhưng cán mì thì chỉ có mấy đứa con gái Hà Nội là giỏi. Phải lấy chai má cán, không có que lăn. Cán xong, thái sợi, lăn qua bột mì, vun thành một đống, rồi mới cho vào nồi nước sôi, chín mới vớt ra. Việt ngồi cạnh bếp, thái thịt xong, vừa múc "phở" ra bát,

vừa "chần" thịt luôn tay. Nó là con trai mà lại sành nấu ăn, nhanh nhẹn, tính lại chịu khó. "Nào, tất cả ngồi vào đi!", Việt nói. Mọi người dồn vào trong phòng, tìm một chỗ ngồi xuống, chật quá, hầu như không cựa quậy được. "Yêu cầu ai ngồi đầu thì ở đó, không được đi lại lộn xộn!", Nhạc nói. "Ăn hết thì chuyển bát lại đây! Tiếp tế cho!", Việt nói. "Thôi, ăn đi chứ!", có ai đó giục. "Tuyên bố lý do đi anh Nhạc!", một giọng the thé. "Đoàn ta tổ chức ăn Tết, chúc mọi người năm mới học tốt, kỷ luật tốt, xin chạm cốc!", Nhạc đứng dậy, bật sâm panh. "Bật bia đi!", "Rượu Vodka mô rồi!", "Hành lá đâu?", "Làm gì có hành lá!",... Tiếng cười rộ lên. Tiếng húp xuyết xoạt. "À!, nhà tớ có hành lá!", ăn hết bát thứ hai, Tuấn bỗng kêu lên. "Nhà cậu ở Quảng Ninh ấy à?", có tiếng ai nói và cười khục khục. "Ở đây ấy chứ!", Tuấn nói và đi vội về phòng mang đến 5 củ hành Tây giã trong phòng, có lá hành hái. Hành được rửa sạch, thái nhỏ, rắc vào bát mỗi người một tý. "Có hành, phở ngon hẳn, không kém gì phở Hà Nội!", mọi người tán thưởng. "Thì đây là phở Hà Nội rồi còn gì nữa!", tôi nói, "Phở này do người Hà Nội làm, có phải mấy người xứ Nghệ chúng mình làm đâu"...

Cái Tết năm 1983 ở Ngoại Kavkaz với những "bát phở Hà Nội" vậy mà neo vào lòng tôi mãi. Trước đó, hồi học ở trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội, thi thoảng tôi cũng có ăn phở Hà Nội, chưa "nhớ" nó, nhưng sau Tết ấy, năm ấy, dù đã rời xa Êrêvan, tôi vẫn nhớ "phở Hà Nội", nhớ Armenia một phần, nhớ Hà Nội nhiều hơn, nhớ Tổ quốc nhiều hơn. Xa đất nước thì nhớ nhất là Thủ đô. Xa Hà Nội thì nhớ nhiều cái, trong đó có phở. Về sau, sống trên đất Nga, tôi nghĩ lại, tại sao năm ấy, ở xa Tổ quốc, vào thời khắc giao thời năm cũ qua, năm mới đến, mấy đứa bạn Hà Nội lại đề xuất làm phở ăn và được mọi người hưởng ứng? Phải chăng đó là tình yêu Tổ quốc đã hòa quyện với tình yêu Thủ đô, hai cái đó là một? Và tình yêu đó luôn thường trực trong lòng, chực dâng trào vào giờ phút thiêng liêng?

Trở về Tổ quốc, tôi cùng bạn bè rủ nhau đi ăn phở Hà Nội, lắng nghe trái tim mình đập rộn lên, cùng nhau nhắc lại "bát phở Hà Nội" ở Ngoại Kavkaz năm xưa mà không khỏi bồi hồi xúc động.

Mấy chục năm đã qua, thỉnh thoảng tôi lại đi Hà Nội, thế nào cũng ăn phở Hà Nội để "soi vào lòng mình", nhắc mình nhớ lại thời trai trẻ, hăm nóng tình yêu trong sáng của mình. Tôi đọc sách báo, xem truyền hình nói về phở Hà Nội, hiểu thêm về chiều sâu văn hóa của phở Hà Nội, lại càng yêu Thủ đô hơn. Bây giờ khắp đất nước ta, thậm chí đi ra thế giới, đâu đâu cũng có phở, có nhiều nơi là phở Hà Nội, ăn là biết. Thật là giản dị và cao quý biết bao! ■

NHÂN MỘT TRUYỆN NGẮN CHƯA IN CỦA NGUYỄN HUY THIỆP

TRẦN BẢO HƯNG

VÀO cuối năm 1984 hoặc đầu năm 1985 (tôi nhớ không thật chính xác), nhà thơ Trúc Thông (Ban Văn nghệ Đài Tiếng nói Việt Nam) sau chuyến đi công tác tại Sơn La, có chuyện cho tôi một truyện ngắn của một tác giả rất lạ, tôi chưa nghe nói đến bao giờ: Nguyễn Huy Thiệp. Nhà thơ Trúc Thông cho biết: Nguyễn Huy Thiệp là giáo viên một trường cấp 3 ở Sơn La.

Đến bây giờ tôi không còn nhớ được tên của truyện ngắn (và cũng thật đáng tiếc không còn giữ được bản thảo), chỉ nhớ đó là những trang viết tay, từ một cuốn vở học trò. Thú thật khi đọc truyện này tôi bị xúc động rất mạnh, bởi tính chất khác lạ của nó. Vì vậy đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ nội dung chính của câu chuyện (tuy một vài chi tiết có thể không thật chính xác). Nội dung tóm tắt của truyện như sau:

Ở một ngôi trường nọ có một thầy giáo rất tốt bụng, tốt bụng đến kỳ lạ, đến khó tin và có người đã cho là bị... hãm. Anh hết lòng chăm lo đến việc học hành của học sinh, phụ đạo cho học sinh kém, bồi dưỡng cho học sinh giỏi mà không bao giờ nghĩ đến chuyện tiến nong. Vợ anh chán quá, đã bỏ bịch với một người đàn ông khác. Cả trường đều biết, chỉ có anh là không biết. Có lần đi dạy học về, thầy vợ đang trò chuyện với bố trong nhà, anh còn lãnh mặt đi nơi khác cho lịch sự, để họ nói chuyện được tự nhiên. Không chịu nổi tính cù lần của anh, chị vợ đã bỏ đi với người khác. Anh chỉ buồn mà không giận, từ đó lại càng chăm lo cho học sinh hơn.

Một buổi tối mùa đông, mưa phùn, giá rét, khu ký túc xá của nhà trường bỗng dưng nhốn nháo, vì có một học sinh bị đau bụng dữ dội. Trong lúc tất cả giáo viên trù trù kín đáo, giả vờ ngủ say, thì anh đồn đảo cùng các em học sinh tìm đèn khiêng, mượn vòng, cẳng em học sinh vượt qua hơn 10km đường rừng lấy lợi đến bệnh viện huyện. Em học sinh bị đau ruột thừa, bác sĩ cho biết, nếu chuyển đến bệnh viện muộn một chút nữa thì tính mạng của em sẽ bị đe dọa.

Công đoàn nhà trường có nuôi một con lợn, Tết năm ấy, như thường lệ, nhà trường mổ lợn, chia đều cho các thầy, cô ăn tết. Nhưng có điều lạ là quả tim và quả cật của con lợn bỗng dưng biến mất. Lãnh đạo nhà trường kêu gọi các thầy cô nào trót "cắm nhầm" thì mang trả lại. Nhưng kêu gọi đến lần thứ ba cũng không có ai đem trả, tất cả đều biểu quyết là sẽ đi khám từng phòng tập thể, không thể để "con sâu làm rầu nồi canh". Khi khám đến phòng của thầy giáo tốt bụng nọ, mọi người phát hiện quả tim và quả cật của con lợn được giấu trong thùng gạo. Mọi người ô lên ngạc nhiên và có người đã day nghiêng: Đùng là "cháy nhà mới ra mặt chuột".

Thầy giáo nọ mặt tái mét, không thốt ra được một lời thanh minh nào. Sáng hôm sau cả trường lại một phen nhốn nháo bởi tin: Không chịu nổi nhục nhã, thầy giáo đã bỏ đi rồi. Anh có để lại một bức thư, đại để: Tôi không bao giờ làm cái việc đồn mật ấy, nhưng không hiểu sao quả tim và quả cật của con lợn lại ở trong thùng gạo của tôi. Nhân phẩm của tôi bị xúc phạm, uy tín của tôi cũng không còn, do vậy tôi không thể đứng trên bục giảng. Tôi phải ra đi, xin từ biệt mọi người.

Mọi người đều sững sờ. Bỗng mấy cô giáo khóc nức lên: Tất cả là tại chúng tôi, chúng tôi mới là những kẻ đồn mật. Chỉ vì anh ấy tốt quá, tử tế quá, anh như tấm gương của sự cao cả, sống bên cạnh anh chúng tôi bỗng trở nên như những kẻ tầm thường, xấu xa. Vì vậy chúng tôi muốn bôi nhọ anh, muốn anh bớt tốt đi, muốn hạ uy tín của anh, để chúng tôi có thể yên tâm sống mà không bị day dứt, giằng vò. Đáng nhẽ, người phải ra đi phải là chúng tôi...

Có thể bây giờ nghe kể lại chuyện này, có người cho là bình thường, nhưng vào thời điểm trước đổi mới, nếu truyện được in sẽ là một tiếng sét cực lớn giữa trời quang mây tạnh. Lúc đó, mới từ Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam, chuyển sang phụ trách trang Văn hóa - Nghệ thuật của báo Đại đoàn kết trên dưới một năm, tôi vẫn còn hằng hái lăm, hăm hờ lăm. Tôi biên tập và cho đánh máy ngay, để nghị Ban biên tập duyệt in. Tất nhiên là truyện bị từ chối và tôi bị phê bình là quan điểm không vững vàng. Không ai có lỗi trong chuyện này, tất cả là do quan niệm và cơ chế của một thời bao cấp, cứng nhắc, giáo điều, nhìn cuộc sống một chiều, theo cái cách mà mình mong muốn, mà mình mơ ước, chứ không phải là cuộc sống phức tạp, đa chiều như nó vốn có. Tôi nghĩ đây là một trong những nguyên nhân quan trọng, kìm hãm sáng tạo của văn nghệ sĩ, khiến cho một thời các tác phẩm cứ na ná như nhau, các tác phẩm lớn khó có đất để ra đời. Điều tai hại là khi đã được "cởi trói" tư duy sáng tạo kiểu này vẫn còn đeo đẳng ở không ít văn nghệ sĩ, cái thói quen tự tạo ra barie vẫn còn kìm hãm, nhất là đối với văn nghệ sĩ đã từng sống qua thời kỳ bao cấp.

Kể "ngựa non háu đá" là tôi tất nhiên là sẽ còn va vấp nhiều lần. Có một lần một cộng tác viên ở Quảng Ninh (tôi



không nhớ tên) gửi cho tôi một truyện ngắn, có nội dung đại để: Anh làm khoa học, chị là thủ thư ở thư viện. Anh đến đọc sách, họ quen nhau và yêu nhau. Tuy nghèo nhưng tình yêu của họ rất trong sáng và thâm thiết. Ngày nghỉ, họ thường dạo chơi ở công viên, cùng ăn chung một que kem và cảm thấy rất hạnh phúc. Một lần cũng ở trong công viên, chị thông báo cho anh biết là sẽ chuyển sang một công ty thương nghiệp làm việc, vì có thu nhập cao. Anh cố gắng thuyết phục, nhưng chị nhất định không nghe. Miếng kem anh đang ngậm trong miệng bỗng trở nên lạnh buốt. Anh vội nhổ ra, vết son môi của chị trong miếng kem đỏ như máu. Truyện không được in, với lời phê: tại sao lại cho in những truyện ngắn có những chi tiết tự nhiên chủ nghĩa như thế. Tôi có cãi lại là chi tiết miếng kem có vết son môi đỏ như máu là chi tiết hay nhất, góp phần tạo nên chủ đề tư tưởng của truyện, nhưng tất nhiên là không được chấp nhận.

Khoảng đầu những năm 90 của thế kỷ XX, khi công cuộc đổi mới đã diễn ra vài năm, nhiều sự "bung ra" đã trở nên quá trớn, như bia ôm, thịt chó ôm v.v... Nhà văn Đoàn Trúc Quỳnh có gửi đến một truyện ngắn mi ni có tên là "Báo ôm". Truyện như thế này: Có một anh có sạp báo thấy có các dịch vụ bia ôm, thịt chó ôm, anh nghĩ bụng tại sao mình không mở dịch vụ đọc... báo ôm. Thế là anh thuê một căn phòng, ngăn ra từng ô nhỏ, mỗi ô có một ghế bành to. Ai muốn đọc báo ôm thì mua vé: 10.000đ/ giờ và sẽ được một em ngồi lên lòng đọc báo cho nghe. Tất nhiên thượng đế có nghe đọc báo không thì không biết, nhưng tay thì được

khua khoắng, thám hiểm tùy thích. Hết giờ khách phải bỏ cho người đọc báo theo thỏa thuận và theo "dịch vụ" mình được hưởng.

Truyện đăng lên, tôi đã cẩn thận ghi rõ: Truyện ngắn vui, nhưng vẫn bị lãnh đạo... sờ gáy. Một đồng chí lãnh đạo cao cấp của Mặt trận gọi điện cho Ban lãnh đạo báo hỏi: Đề nghị cho biết câu chuyện xảy ra ở đâu để đồng chí báo cho cơ quan công an đi điều tra. Tôi trả lời: Đây là một truyện ngắn có tính chất hư cấu. Đồng chí ấy rất bức mình và cho rằng: Cuộc đời thiếu gì chuyện tiêu cực mà các cậu lại còn hư cấu thêm... tiêu cực! Tất nhiên là tôi phải giả vờ nhận khuyết điểm, không phải vì sợ không dám tranh luận với cấp trên, mà vì không đấu tranh được, vì quan niệm khác nhau quá xa.

Không phải các tác phẩm "có vấn đề" một thời khó ra đời, chỉ vì quan niệm chưa thông thoáng của một số lãnh đạo cơ quan báo chí, xuất bản, mà đôi khi còn bởi sức ép của dư luận xã hội, của một thói quen đọc và đánh giá tác phẩm của một bộ phận công chúng, mà bây giờ bạn đọc trẻ, bạn viết trẻ coi là quái dị - nhưng thực tế nó đã từng tồn tại. Chuyện mới chỉ xảy ra cách đây dăm sáu năm thôi: Lần ấy tôi cho đăng một truyện ngắn, có nội dung tóm tắt: Một cựu chiến binh ở quận T. (Hà Nội) đi ăn cưới con của một tay bạn học phổ thông. Thằng cha này cật thế bỏ trốn đi bộ đội thời chống Mỹ, giờ nhờ buôn bán bất động sản trở nên giàu. Hân vênh vang tổ chức cưới con ở khách sạn 4 sao. Người dự cưới phải đưa phong bì ít nhất là vài trăm ngàn mới được ngồi cỗ sang. Các cựu chiến binh chỉ có phong bì mỗi người 50.000 đồng cho nên tất nhiên phải ngồi ở chỗ tương xứng với giá trị phong bì.

Truyện đăng lên, một ông Phó chủ tịch Hội Cựu chiến binh quận gọi điện đến yêu cầu phải xin lỗi và cải chính, vì theo ông, cựu chiến binh của quận đều là những người đáng hoàng không có ai nghèo đến mức phải đi ăn cưới thâm hại như vậy.

Kể lại một số kỷ niệm trong đời biên tập văn nghệ của mình, tôi chỉ muốn phản ánh một điều: Đã có một thời tác phẩm văn nghệ ra đời khó khăn như thế nào, đã có một thời quan niệm và dư luận xã hội, đã nhìn nhận đánh giá sự sáng tạo của nhà văn phiến diện và méo mó như thế nào. Và tất cả những điều này đã ảnh hưởng, đã đi hại hết sức to lớn đến sức sáng tạo và thành quả sáng tạo của cả một thế hệ những người cầm bút.

Trở lại truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp, từ bấy đến nay tôi chưa thấy nó được in ở đâu mà không biết nhà văn có còn giữ được bản thảo của nó không. Cũng có thể là nó đã được in ở đâu đó mà tôi chưa được đọc, được biết chăng?■

TẢN VĂN

CHỢ QUÊ

LÊ HÀ NGÂN

QUÊ tôi miền biển. Biển rộng và trải dài như một cánh cung khổng lồ. Chính vì thế mà hầu hết các xã đều nằm gối đầu sát mép con sóng. Ngoài những bát ngát hoa màu và lúa gạo, giống như một vựa lúa khổng lồ thì biển lại đem về cho người dân nơi đây rất nhiều tôm, cá, và muối.

Sống ở thành phố lâu ngày một chút, rồi bỗng dưng về quê, theo mẹ, theo chị ra chợ, bàn chân như trũng lại trước mỗi người bán hàng. Nghe giọng quê, tiếng miền biển, người ta vẫn nói là ăn sóng nói gió có khác, mộc mạc hết ý và khàn khàn, như có thanh sắc của sóng và cái vị mặn mặn của những hạt muối tinh khô thô mộc mới cao lên từ những cánh đồng muối nắng nôi.

Nhắc tới Hải Hậu, người ta thường nhớ gieo dất đến không thể tả nào bánh chưng bà Thìn, nào gạo Tám, nào rượu nếp, nào bánh nhãn, nào giò, nào nem, nào chả, nào mắm. Hầu hết những vùng nằm sát biển, nhà có người làm nghề chài lưới thì trong sân bao giờ cũng chất ba tới bốn chum mắm. Mắm được làm từ cá moi, từ con tôm, con tép, cất ba tới mười hai tháng mới đem đi bán hoặc để ăn dần. Mùi mắm nồng nã giữa mùi tanh được của biển, khi đi xa thật khó lòng mà quên được. Tất nhiên, người thanh tao tinh tế, thì không phải ai cũng có thể ăn được loại mắm vốn thuộc dạng... bằm to kho như của người vùng biển.

Nơi đây, hải sản như một thứ không thể nhắc đến. Nhiều gia đình, khi có con trên thành phố về thăm quê, trước khi đi, lại tất tả theo chân mẹ ra chợ, mua nào cua, nào cá, chất lên xe, cùng với những túm những

bao gạo lên phố làm quà.

Tôi nhớ ngày còn nhỏ, cứ vào tháng sáu, tháng bảy, khi trời đổ bão, có những ngày mưa, khi cơn mưa vừa ngớt, bố thường hăng hái xách cái rổ thật to ra chợ. Và chỉ chừng nửa tiếng sau, bố đã khệ nệ bưng về cả một rổ toàn... càng cua là càng cua. Đó là câu chuyện của hai mươi năm về trước. Mấy chị em tôi thường tranh nhau đứng lùn cùn bên bố, cái rổ càng cua để giữa hiên nhà, mấy đứa đứng chỉ chỏ, những chiếc càng béo bở, to vật, tính ra mỗi cái càng phải to bằng chính cổ tay tôi hồi đó. Cua bể, người ta bán ế hoặc không hết, hoặc do khi vận chuyển những chiếc càng này rơi ra, được xếp vào loại hàng hóa hạng... ba. Bố mua về, luộc đầy một nồi lên làm thức ăn bữa tối cho cả nhà. Bây giờ, chợ quê đã không còn những rổ cua mơ ước như ngày xưa bố mua về cho chúng tôi ăn nữa, với cái giá quá rẻ rẻ, chỉ 500 - 1000 đồng một rổ. Bọn cua càng to, thân bự đã được đem đi... xuất khẩu hết rồi hoặc đem lên phố bán cho người thành thị. Nhìn những chậu cua bày bán, hỏi bao nhiêu một cân, cái giá tiền cũng làm cho người mua muốn ngắc ngư.

Những ngôi chợ như thế này, bao nhiêu năm, có lẽ vẫn bắt ngát hải sản như thế, mỗi lần về, nghe tiếng quê chào mời mua hàng, lòng người đi xa hẳn sẽ nôn nao khó tả lắm, một cảm giác yêu quê, yêu những hồn cốt của vùng miền mình sống. Nếu một hôm nào, dẫn bạn về chơi, hẳn nhiên, ra chợ cá, bạn sẽ thấy quê người mà như quê mình vậy.■

ĐÓN ĐỌC BÁO VĂN NGHỆ SỐ TẾT TÂN MÃO



Đã thành thông lệ, số báo đặc biệt chào đón Tết Nguyên đán hàng năm của báo Văn nghệ – Hội Nhà văn Việt Nam vẫn được coi như một món quà văn hoá không thể thiếu được của mọi gia đình. Năm 2010 này, Văn nghệ số Tết Tân Mão gồm 3 số 5 + 6 + 7 năm 2011, với 72 trang ruột với nhiều nội dung phong phú, hấp dẫn, cùng 24 trang Phụ trương Truyện ngắn hay trong năm 2010 và 8 trang bìa giấy couché, phát hành ngày 12- 01-2011, tức ngày mồng 9 tháng Chạp năm Canh Dần.

Bạn đọc đặt mua Văn nghệ số Tết Tân Mão xin liên hệ qua địa chỉ tòa soạn

Báo Văn nghệ số 17 Trần Quốc Toản – Hà Nội hoặc tại các bưu cục gần nhất

VĂN NGHỆ



HTX RACH GAM - (TIEN GIANG) (TIEN GIANG) - RACH GAM COOPERATIVE



Địa chỉ: Số 2 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang
Head office: 2 Nam Kỳ Khởi Nghĩa Street - Mỹ Tho City - Tiền Giang Province

Chủ tịch HĐQT: Trần Đỗ Liêm

Điện thoại: 84. 73. 878 027 - Fax: 84. 73. 873 361

E-mail: htxrachgam@yahoo.com; tranliemrg@gmail.com

Thành lập: Ngày 21 tháng 4 năm 1979 theo Quyết định số 398/QĐ-UB ngày 21/4/1979 của UBND tỉnh Tiền Giang - Vốn pháp định: 335.000.000.000VND

Ngành nghề KD:

- Vận tải hàng hóa, khách du lịch bằng đường sông và đường bộ
- Khai thác, vận chuyển, bốc xếp, cung ứng cát, đá, sỏi và vật liệu xây dựng khác
- Đại lý vận tải hàng hóa, đường thủy nội địa
- Đóng mới, sửa chữa ghe, tàu, sà lan vận tải sông
- Gia công cơ khí
- Kinh doanh xăng, dầu, nhớt, mỡ, lương thực, phân bón
- Thiết kế phương tiện nổi trên sông
- Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp và dân dụng. San lấp mặt bằng
- Kinh doanh cơ sở hạ tầng.

Tổng số lao động: 1250 người.

Địa bàn hoạt động: Khu vực đồng bằng Nam bộ - TP. Hồ Chí Minh và một số tỉnh miền Đông Nam bộ.

Thành tích trong những năm gần đây:

- Tháng 8 năm 2005: Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động.
- Năm 2006 được nhận Huân chương Độc lập hạng 3, Cờ thi đua Chính phủ 2007.
- Được tặng thưởng danh hiệu Doanh nhân Việt Nam tiêu biểu năm 2007, cúp Thánh Gióng.
- Được UBND tỉnh Tiền Giang tặng cúp Doanh nhân tiêu biểu năm 2008, 2009.
- Được nhận cúp Doanh nghiệp tiêu biểu Đồng bằng sông Cửu Long hội nhập 2008.



SÀ LAN TẢI TRỌNG 3.000 TẤN



LIÊN DOANH DẦU KHÍ VIETSOVPETRO

Trụ sở chính: 105 Lê Lợi, TP Vũng Tàu - ĐT: 064-839 871 - Fax: 064-839 857

Email: hq@vietsov.com.vn - Website: www.vietsov.com.vn

Liên doanh Dầu khí Vietsovpetro được thành lập và hoạt động trên cơ sở Hiệp định Liên Chính phủ ký ngày 19-06-1981 giữa CHXHCN Việt Nam và Liên bang CHXHCN Xô Viết (nay là Liên bang Nga), được Nhà nước hai lần phong danh hiệu "Anh hùng Lao động" và là đơn vị khai thác dầu khí lớn nhất Việt Nam hiện nay.

SẴN SÀNG HỢP TÁC VỚI CÁC CÔNG TY TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC TRÊN CÁC LĨNH VỰC:

- Điều hành khai thác mỏ.
- Khoan và đo địa vật lý giếng khoan dầu khí.
- Dịch vụ phân tích thí nghiệm.
- Thiết kế, chế tạo, lắp ráp các công trình biển.
- Dịch vụ cảng, Vận tải.
- Phòng chống và thu gom dầu tràn.



Thu gom dầu tràn



Dịch vụ cảng biển



Chế tạo, lắp ráp công trình dầu khí biển



Thiết bị nâng đỡ tiêu chuẩn Quốc tế.

LÊ HOÀNG ANH

Ly trắng giữa đêm xuân

Nửa khuya đã sắp qua rồi
Ngoài sân cái gì cũng lạnh
Giàn thiên lý trước hiên nhà
Ngọt ngào thơm rụng đầy hoa

Ơ kia, trên chiếc bàn nhỏ
Ly pha lê quên lúc nào
Trăng nằm thu mình trong đó
Một cánh thiên lý ngọt ngào

Trăng như viên sỏi lung linh
Còn cánh hoa như thuyền nhỏ
Bao là rì rầm quanh đó
Hỏi thấm vào chiếc ly con:

- Phải nhành đường thì mung lung
Rớt về một miền xa vắng
Có vắng trắng đầy nước sáng
Có thuyền neo đợi buồn hiu?

Ơi hạt trăng trong đáy ly
Có biết mùa xuân đã về
Mà đầm đầm cánh thuyền nhỏ
Ơi vắng trắng giữa trời khuya
Theo ta về miền sông vỗ.



VƯƠNG TÙNG CƯƠNG

Không để

I
Đàn sóc tách quả thông tìm hạt
hạt vãi rơi sống sót mọc nên rừng
sự tươi xanh nhiều khi là may mắn
đại ngàn đầy bất trắc mong manh

II
Rối tất cả cũng thành ly biệt
có đơn không đồng nghĩa nỗi buồn
nhận gió sương tự xanh như lá
đến ủa vàng thanh thản nhẹ nhàng không

NGUYỄN HỮU HÀ

Với chiều xuân ấy

Mùa xuân rủ rê ta
một chiều xa thành phố
trái tim không trẻ nữa
loạn nhịp với con tàu

Núi đồi đã phía sau
biển xanh treo trước mặt
những gì nóng nã nhất
nhờ mắt người nói lên

Tim đập chẳng bình yên
hồn bay không vỗ cánh
thịt da em chớm lạnh
ngủ phập phồng dưới tay

Em dịu dàng như mây
anh tham lam như nước
nắng mặt ong vừa rớt
cho ta thành chớm xưa.

QUỐC LONG

Cắt

Cắt đi ý trùng lặp
Bài thơ hòa thành hay.
Cắt một vài nhánh cây
Chậu cảnh hóa xinh đẹp.
Cắt những đoạn sống thừa
Đời hóa ra... gần hết!

TRỊNH KIM HIỀN

Mì - Làng - Mì

Người làng mì làm mì - làng - mì
Tôi không làm được mì - làng - mì tôi ra phố
Và tôi cũng không sống được bằng chợ
Tôi về làng mì làm ruộng làm nương

Mì - làng - mì vào tận Sài Gòn
Vẫn mì - làng - mì không thể lẫn
Một thoáng mưa đầu xóm
Mấy vệt nắng chiều cuối thôn

Có chảy trong sông mới là nước sông
Mì - làng - mì chỉ người làng mì làm được
Vi đâu? Tại sao? Xin hỏi lúa đồng, hỏi giếng khơi,
chim chóc

Xin hỏi bờ tre. Xin hỏi gió qua làng...

LÂM XUÂN VI

Vắng trắng trinh nữ

Anh tìm về bản Lác
không chỉ để nghe sông Mã hát
độc hành

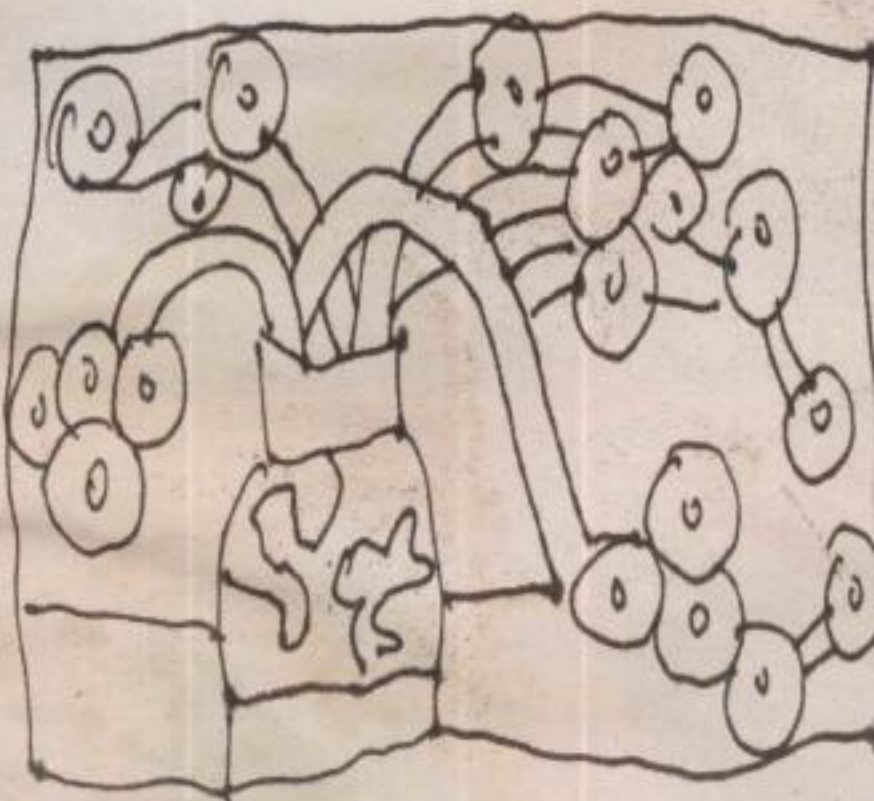
còn đắm vào hoài vọng
về một thời em dâng hiến tuổi xanh

Cái thời em và anh
còn hai nửa hai miền xa lắc
Trăng tình khiết
gội mạch nguồn trong vạt
em lên làm cô giáo vùng cao
sức trẻ như thác nước tuôn trào
Rừng khát vọng
xanh từng con chữ...

Dòng suối nào lưu giữ
bóng bờ vai thiếu nữ kiều sa
Đêm trăng nào lắng lại
vàng gieo sông sánh ngọc ngà

Mấy mươi năm em xa
để giờ anh tìm lại
những con chữ đậm nét cười em gái Thái
trần điệu Xòe đêm say

Đêm mếm lòng dốc gió thang mây
Trăng bản Lác
vẫn vắng trắng trinh nữ.



THANH QUẾ

Khonephapheng

Khonephapheng⁽¹⁾

Kỳ vĩ
Ngang trời
Nước tuôn
Từng bậc
Từng bậc
Ấm ảm
Sôi sục
Rối êm đêm xuôi theo dòng sông lớn

Để hiểu hết ngọn nguồn
Cái khó của chúng ta
Là làm sao đi ngược lên đỉnh thác.

(1) Ở Việt Nam quen gọi là Thác Khôn.

HOÀNG ANH TUẤN

Nghe tiếng cuộc kêu

"Trong tiếng cuộc kêu xuân đã muộn
Đầy sân mưa bụi nở hoa xoan..."
(Cuối xuân tức sự - Nguyễn Trãi)

Cuộc kêu vang vọng đồng quê
Gọi những vườn vải ven đê mà hồng
Cuộc kêu khắc khoải chiều đông
Thường miền hoa cải bến sông nắng vàng...

Cuộc kêu giục giã mùa sang
Thân cô lặn lội dò ngang chông chênh
Cuộc kêu dứt ruột năm canh
Quyện trong lời mẹ ru thành ca dao...

Cuộc kêu lạc giọng trời cao
Phơi mùa giáp hạt cất vào tuổi thơ
Lúa chiêm xanh ngắt đầu bờ
Nhuộm sang tiếng cuộc xanh ngơ ngần chiều...

HỒ THỊ NGỌC HOÀI

Sống...

1.
Sống...?
theo những cảm giác
lập lại nhưng đã khác
có cảm giác chỉ một lần
những cảm giác chưa biết là vô tận
huyền ảo
lặng lẽ
đổi thay nhịp điệu
đời người như một bài thơ
lắm câu chấm lửng, chấm hỏi
khó hiểu
giải mã cách nào cũng đúng
hỗn loạn, huyền bí...
lắm được gì ngoài kiếm tiền, ăn, ngủ
và...
sống...?
ai cũng biết
và như không biết
cái gì là số một
sống...?
một bài thơ dài khó kết.

2.
Sống khác đi và sống nhiều hơn
sống nhiều hơn
và ta lại đi
càng không đến được tận cùng
càng thấy mình bé nhỏ
muốn vì đời
mà chưa lo nổi mình...
sống khác đi
thì tạm thời tri hoãn
nghĩ lại xem
nên thế này hay nên thế này...
bao nhiêu thế kỷ rồi
Hàm lét?!

PHÙNG QUÁN VỀ QUÊ NỘI

Bút ký của NHỤY NGUYỄN

Phùng Quán sinh năm 1932, tại làng Thanh Thủy Thượng, tổng Dạ Lễ, nay là phường Thủy Dương, huyện Hương Thủy.

Với tấm lòng của họ hàng thân thuộc và bè bạn trên khắp đất nước, không lâu nữa mộ ông sẽ được đưa về quê nội nơi đây. Một cuộc "trở về" gọi thật nhiều kỷ niệm...

NGÔI LÀNG HOÀI NIỆM

THỦY Dương được hình thành với tên làng Thanh Thủy Thượng vào năm Cảnh Hưng nguyên niên (1740), do số dân nghèo từ làng Thanh Thủy Chánh (nay thuộc xã Thủy Thanh với di tích Cầu Ngói Thanh Toàn nổi tiếng) tiến vào núi Sấm sinh sống. Địa hình làng Thanh Thủy Thượng hình một con dơi. Đáng chú ý nhất là phía đông với dòng sông Lợi Nông uốn lượn (dân bản địa gọi là Lệ Nông - giọt lệ của nhà nông). Là một nhánh của dòng sông Hương thơ mộng, dài khoảng 60km, đổ ra phá Tam Giang, chảy qua xã Thủy Dương như một nét vạch tự nhiên của người họa sĩ trên bức vẽ. Dòng Lợi Nông nước mặn tình người tục truyền, được vua Gia Long đảo với mục đích: hình thành tuyến đường vận chuyển vật liệu để xây lăng cho mình ở núi Sấm, bởi núi Sấm có hình thù giống một con voi đang quỳ ngủ - ai làm gì mặc, voi cứ ngủ. Vậy là chốn đất lành. Nhưng đây không phải là niềm vui của dân làng nơi đây. Bởi theo người xưa, nếu làng nào có lăng mộ vua, ắt ắt đó mất. Chuyện kể: làng Thanh Thủy Thượng đã bị mất thuế thấy địa lý về giả bộ xem đất rồi tung truyền tin xấu, rằng chỗ này không được tốt - voi ngủ, rồi voi sẽ trở dậy phá phách... Tuy nhiên núi Sấm vẫn là chốn "có duyên" với bậc đế vương. Dưới chân núi Sấm giờ còn chùa Bà Hoàng, vốn là vợ của vua Khải Định, không có con. Khi vua có vợ hai, Bà Hoàng xin được hồi sinh, tới dựng một ngôi chùa dưới chân núi Sấm để ngày đêm niệm Phật quên muộn phiền. Chùa nay được đổi tên là Hoa Nghiêm - chùa Sư Nữ.

Song sông với dòng Lợi Nông, Thủy Dương có con hoi hướng lên núi Sấm rất đẹp. Không có tài liệu xác định rõ sự thế, song con hoi tên gọi Bến Quan này được dân nơi đây đào trong thời Gia Long, dài chừng ba cây số, nơi rộng nhất trên 10m. Ngày trước sông dọc con hoi chủ yếu là địa chủ phú hào. Sự giàu có là điều kiện trực tiếp của vô vàn ngôi nhà ruộng to đẹp hiện diện trong làng. Tiếc thay nó đã đi vào cổ tích từ ngày giặc Pháp đốt làng dồn dân mà cổ nhạc sĩ Văn Cao hơn một lần chứng kiến. Nhấn nha cuộc bộ dọc con hoi, ta sẽ gặp lại hình dáng quê xưa với cây cao, bến nước, mái đình cong. Đình làng nằm khoảng giữa con hoi Bến Quan, cắt con hoi bằng một hồ sen rộng hàng ngàn mét vuông. Trước đình làng có bầu nước sâu gọi là bầu Choàng. Loại cá nhiều nhất, béo và ngon nhất ở đây là cá rô, đã đi vào câu ca dao: Gạo de An Cựu, cá rô bầu

Choàng. Cảnh đồng Thanh Thủy Thượng quanh năm ngập nước, chỉ có vùng An Cựu là khô ráo, mới trồng được gạo de. Gạo de được coi là cây thần nông - chủ yếu dùng để tiến cung, dân chẳng mấy ai được ăn. Tôi về đất này có nhật được hai câu "tuyệt bút", đặt sệt tính dân gian: Mẹ già ăn tấm gạo de/ Đẻ con tóc quăn đi về cả làng...

Theo bài văn tế làng có từ cuối triều Nguyễn: làng Thanh Thủy Thượng có 13 vị khai canh, là thủy tổ của các dòng họ: Lê Diên, Ngô, Nguyễn Diên, Lê Bá, Lê Viết, Lê Đỗ, Nguyễn Thanh, Phùng, Phan, Đặng, Trần, Phạm, Hồ (họ Lê Đỗ đến đời thứ 5 thì tuyệt tự, việc tế kỵ được làng ấn định vào tháng 7 âm lịch hàng năm để ghi ơn). Đa số các họ gốc ở Thanh Hoá theo Tiên chúa Nguyễn Hoàng vào khai khẩn Đàng Trong từ thế kỷ XVI. Ngoài ra còn một số họ khác không được thờ tự trong đình, đều nhập cư sau này...

Khoảng giữa thế kỷ XVI, sử cũ mô tả: Trên con đường giao thông chính chạy dọc Thuận Hoá đến tận đèo Hải Vân chỉ có bốn cái quán, cả xứ chỉ có ba chợ. Thiết chẳng thể nào sánh được một góc nhỏ của Thủy Dương hôm nay. Khi mà bất động sản đang được chia xẻ đôi lấy đô la. Khi mà đầu đô đã rục rịch khởi động những ngôi nhà năm bảy trăm triệu để đua giành với ông C. ông H. ông Z... nào đây trường một phòng ban trên huyện. Và đầu đô đã hình thành nên những cụm dân cư "chả thiếu thứ gì", gọi là tiền lệ để "lên thành phố". Khu đô thị mới đang dần lộ hình hài để xứng tầm với một "góc riêng" của Huế.

ĐẤU ẮN PHÙNG QUÁN

Phùng Quán mồ côi cha từ năm lên hai. Mẹ là một thiếu phụ thuộc hoàng tộc. Bà ở vậy nuôi con cho đến lúc mất ở Huế. Mới bằng "hột mít", Bê (tên hoi nhỏ của Phùng Quán) đã giúp mẹ chăn trâu, cắt cỏ ở làng, người đen nhem và nồng mùi bùn đất quanh năm.

Tuổi thơ của Phùng Quán tuy dữ dội nhưng lại được bao bọc trong tầng không gian mượt mà cổ tích; đã khiến thằng Bê chân bò vượt qua "lời nguyện ước phật" theo như lời phân của một ông thầy bói trong làng: "Khi lớn lên, thằng này không ăn mây cũng ăn cướp". Sau này ngồi với bạn bè gởi lại chuyện ngày cũ, Phùng Quán vin vào hai câu thơ của Etsenhin: Những số phận khác thường, sinh ra đều định trước. Nếu tôi không nhà thơ thì cũng thành trộm cướp. Và chính vùng quê ấy, là "điểm nhớ" dai dẳng nhất trong chặng đời trăm luan của Phùng Quán, mặc dầu đây là quãng thời gian ông chả được học hành gì.

Ái cũng biết đến một Phùng Quán câu trộm cá Hồ Tây, và sau khi "bỏ nghề", ông lại làm một cái chòi, vừa để ngắm sông vừa hưởng thú tạo nhả của cụ Tam Nguyên Yên Đỗ gửi lại (trăm mình bách kế bất như nhàn). Cái thú đó, thật ra tiềm ẩn trong "hàng Bê" thừa nào. Anh Lê Viết Lãm, cựu học sinh trường làng Thanh Thủy Thượng khóa 1956 - 1958 nhớ lại: "Những kỷ niệm ở trường làng thật là

đẹp. Thừa ấu thời, vào khoảng bốn, năm tuổi tôi đã đi học vỡ lòng a, b, c tại đình làng được thầy giáo Lưu dạy. Lúc đó, bạn bè của tôi chỉ vòn vẹn ba người là anh Bê, chị Lương và chị Sen - ba người này học lớp cao hơn tôi; tôi được gán gởi với anh Bê nhiều hơn hết vì anh thường hay ra câu cá ở hồ sen trước đình làng. Tôi xách oi, cuốc trùn, móc mối vào lưới cho anh. Những buổi trưa hè, tôi cũng thường theo anh ra bờ hồ, ngồi dưới gốc cây cổ thụ để hóng mát. Mùa này sen nở rộ khắp mặt hồ, mùi thơm dịu dịu thoảng bay trong gió..."

Cách mạng Tháng Tám bùng nổ khi Bê mới được 13 tuổi. Giã từ những đóa sen thanh khiết, cậu bé Phùng Quán hòa mình vào dòng sông cách mạng hùng vĩ, làm một chiến sĩ của trung đoàn Trần Cao Vân; cùng những tháng ngày oanh liệt, được ông khắc họa bằng máu và nước mắt trong hơn một ngàn trang sách quý. Nhưng, can qua vô thường, sự chân thật như lưới đào vạch dòng thơ trên đá đã đẩy ông tới tận cùng sự cô đơn giữa một biển người. Im lặng. Một nỗi im lặng kiểu dưng "Như con cò vàng" lặn lội bên sông... Mãi cho tới năm 1984, "rời bỏ vùng núi Thái Nguyên, con suối Linh Nham, cái làn xiêu vẹo mái lợp tranh là mĩa đột ngột bốn bề", ông trở về quê nội. Trước mắt ông là màu xanh ngọc của những thửa vườn lá non chen với màu xanh mượt mà của cánh đồng lúa đang độ con gái. Đứng dưới rừng tre bên kia đồng, vài cánh buồm nâu thoát hiện nhắc ông nhớ những tối đóng Lệ Nông bi lụy. Những mái nhà gianh đứt rồi lại nối bởi các ngõ ngang dọc dẫn vào xóm. Ngậm ngùi:

Ngày ra trận

Tóc tôi còn để chỏm

Nay trở về

Đầu đã hoa râm...

Xóm làng ghen ngào đón đứa con bao năm xa quê. Đêm ấy, Phùng Quán quỳ xuống lạy quê hương, lạy bà con lối xóm. Rồi ông Tạ:

Con tạ đất làng quê

Thắm đẫm máu bao anh hùng đã khuất

Không ngọn cỏ nào không long lanh nước mắt

Không lá cây nào không mặn chát gian lao

Nhiều người đã chép lại bài thơ Tạ ông đã sáng tác ngay chính trên đất làng quê nội sau hơn 30 năm "trăng mới tỏ Hoàng thành" dằng dặc xa cách. Ngay những đứa trẻ được chứng kiến ông "quỳ rạp trần" trước mọi người, mai lại gặp ở đâu cũng chỉ tay: "Ông Tạ. Ông Tạ. Ông Tạ đôi!" Phùng Quán rất nhân hậu, lại nấn ná ở lại thăm thú xóm giềng thân thuộc. Tối nay, tại đôi quán cà phê sáng bình dân dọc quốc lộ thuộc địa phận phường Thủy Dương, người ta còn nhắc mãi câu chuyện Phùng Quán tới nhà Ngô Hữu Giã. Hữu Giã là một ông giáo làm thơ trong làng. Lối sống của Hữu Giã rất khắt khe, kỳ cục đến nước vợ con chịu không nổi. Hữu Giã sống trong đôi rách, quanh năm ăn xúp nhưng không hề nợ ai một đồng. Lăn Phùng Quán vào chơi, thức ăn chỉ có khổ chấm ruốc và rau sam luộc, cộng thêm một xí rượu độc nhất. Phùng Quán vỗ tay phết đùi khen bữa ăn ngon, cùng nâng ly ngâm thơ. Quả tặng chia tay là một quả bí to nhất trong vườn Hữu Giã, mà Phùng Quán đã phải rất nặng nhọc trên chuyến hành trình dọc chiều đất nước. Tôi cứ băn khoăn: chẳng rõ "món hàng" đó có liên quan gì tới *Quả bí xanh* tuyệt ngon mắt trong tập *Trăng Hoàng Cung* của Phùng Quán hay không? Chỉ biết, ông quý nó hơn cả quả dưa hấu ông từng cùi lạy!

Mùa đông năm 1994, ông mặc chiếc áo trắng "bám" chi chít chữ ký của bạn bè từ Sài Gòn ghé thăm Thanh Thủy Thượng lần chót. Đúng vậy, Phùng Quán ra Hà Nội và không còn gương mặt được nữa! Thật đáng tri ân, ông sắp được bạn bè đưa về ngôi làng Thanh Thủy Thượng nên thơ; ở đây, tin chắc nhà thơ sẽ yên bình mơ về *Tuổi thơ dẫu đời*. ■

SỔ TAY THƠ



CẦU LONG BIÊN

Bên kia cầu, chùa Bồ Đề như
chiếc nắm linh chi cổ đại
Cầu Long Biên gù lưng người phu già
Sớm chiều công chuông qua sông
Nhắc nhở lễ huyền vi Hà Nội

Chiếc cầu đi suốt đời ta
Ròng rọc huyết mạch
Đầy vết dao binh lửa
Dạy ta vượt lên sông gió
Làm người
Ba mươi năm
Ta lại đạp xe qua chiếc cầu cũ kỹ
Trong sớm thu dịu ngọt
Nghe sông Hồng vận mình trong cát
Gió rít mỗi trụ cầu
Thấy màu mắt những anh hùng trong thép
Thấy những sóng người dào dạt
Trung trùng lớp lớp đi xa.

Ta muốn nói lời chia tay
Vời nghìn năm đang qua
Vời Thăng Long từng ngày trẻ lại

Vời chiếc cầu từng giờ hấp hối
Đang dang tay đón người đi bộ cuối
cùng qua sông.

Rồi một ngày đẹp trời
Hà Nội tiễn người vào lịch sử
Tiếng chuông vang vang khắp bến
Bồ Đề.

NGUYỄN KHOA ĐIỂM

Lời bình của Nguyễn Ngọc Phú

CẦU Long Biên là một trong những chứng nhân gắn bó với lịch sử của Thủ đô Hà Nội ngàn năm tuổi. Chiếc cầu đã bắc qua ba thế kỷ. Bài thơ "Cầu Long Biên" của nhà thơ Nguyễn Khoa Điểm in trong tập "Cõi lặng" với nhiều chiêm nghiệm sống. Mở đầu là hình ảnh: "Bên kia cầu Chùa Bồ Đề như chiếc nắm Linh Chi cổ đại" và kết thúc bài thơ là: "Tiếng chuông vang vang khắp bến Bồ

Đề" nhuộm màu không gian tâm linh phật giáo ở một Cõi lặng của lòng người qua những biến thiên thời gian. Thơ Nguyễn Khoa Điểm thường có những trầm tư ngẫm ngợi ở một chiều sâu bề dày văn hoá gắn với những ám ảnh đời thường. Thơ ông là một gam trầm sâu lắng của những hoà thanh hợp âm cộng hưởng: Cộng hưởng của tâm hồn con người với thiên nhiên với những biến thiên lịch sử. Chất thiên định rất rõ ở trong âm hưởng bài thơ này, cảm nhận bề dày quá khứ với cái nhìn nhân hậu có pha chút ngậm ngùi nhớ, tiếc nhưng lại kiên nhẫn tự định vị được giá trị sống: "Chiếc cầu đi suốt đời ta - Ròng rọc huyết mạch - Đầy vết dao binh lửa - Dạy ta vượt lên sông gió - Làm người". Thi ra, ngoài một chiếc cầu thép Long Biên còn có một cây cầu khác trong ý chí, trong niềm tin, một cây cầu mà: "Gió rít mỗi trụ cầu - Thấy màu mắt những anh hùng trong thép". Chất lý tưởng trong thơ Nguyễn Khoa Điểm thường ánh lên lấp lánh như thế. Chính cái chất thép nung qua ngàn độ lửa đã tôi luyện cái chất người - Tư thế làm người!

Nhà thơ đã từng đạp xe qua chiếc cầu cũ kỹ, một sự nhấn nha bình ổn nhưng cũng chứa đựng bao hàm ơn để lắng lại lòng mình trong "Sớm thu dịu ngọt". Đặt

những linh kiện sắt thép nặng nề của chiếc cầu Long Biên trong không khí mở ào khói sương của sớm thu dịu ngọt để đến với *Cây nắm Linh Chi chùa Bồ Đề* qua *Sông Hồng vận mình trong cát* là những cảm nhận rất tinh tế rất đời. Ông đang bắc cho mình một cây cầu của hoài niệm để bước vào *Cõi lặng* khi trở về với cuộc sống thường ngày của một thi sĩ. Có lẽ khổ thơ xuất động nhất, ấn tượng và gợi nhiều ngẫm ngợi sâu lắng nhất ở gần cuối bài thơ: "Ta muốn nói lời chia tay - Vời nghìn năm đang qua - Vời Thăng Long từng ngày trẻ lại - Vời chiếc cầu từng giờ hấp hối - Đang dang tay đón người đi bộ cuối cùng qua sông". Chiếc cầu bây giờ giống như một sinh linh con người đã sống và dâng hiến hết mình...

Tôi cứ hình dung cấu trúc bài thơ như cây cầu Long Biên có nhịp dài nhịp ngắn, có nhịp hẹp nhịp rộng nhưng những trụ cầu rất chắc chắn bám chắc vào bề dày lịch sử để "Sớm chiều công tiếng chuông qua sông". Một mố cầu với nhịp sống hiện đại và mố cầu kia là đời sống tâm linh. Và hình như trong mỗi đời sống con người cũng đang bắc cho mình một chiếc cầu tâm tưởng như thế trong những ngày đại lễ Ngàn năm Thăng Long - Hà Nội... ■

TRI ÂN VỚI NHỮNG VỊ TƯỚNG DÂN TỘC THIỂU SỐ

NGUYỄN MINH NGỌC

Tiếp sau thành công ngoài mong đợi của bộ phim tài liệu nhiều tập "Những vị tướng xứ dừa", khác họa chân dung, cuộc đời và sự nghiệp hơn 20 tướng lĩnh quê hương Đồng khởi Bến Tre; Hãng phim Mê Kông đang tiếp tục thực hiện bộ phim dài hơi "Những vị tướng dân tộc thiểu số". Tin vui này đã được công chúng và các đồng nghiệp chia sẻ, đón đợi...

SINH thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: "Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia Rai hay Ê Đê, Xê Đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác, đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau...". Trong thời đại Hồ Chí Minh, các dân tộc anh em trên đất nước ta đều bình đẳng và được tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển tài năng và cống hiến hết mình cho Tổ quốc. Ngày 22/12/1944, khi đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân được thành lập, trong số 34 đội viên thì đã có tới 29 người thuộc các dân tộc thiểu số... Để thực hiện tâm nguyện của mình, Giám đốc Nguyễn Văn Vạn và nhà báo Trần Văn Lương - Trưởng phòng Biên tập Hãng phim Mê Kông đã có cuộc "hành trình xuyên Việt" dài ngày từ Tp. HCM xuyên qua các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên và ngược về phía Bắc. Từ Hà Nội, Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên, Tuyên Quang đến các tỉnh vùng Tây Bắc, Việt Bắc... rồi trở về vùng Tây Nam bộ, xuống tận Cà Mau. Chuyến hành trình hơn 8.000 km đã giúp họ thu thập khá nhiều tư liệu - những điều chưa biết về các vị tướng, cảm nhận sự kỳ vĩ của non sông gấm vóc và văn hóa các vùng miền để định hình một dự án lớn lao.

Sau một thời gian ấp ủ, trăn trở, cùng những điều suy ngẫm từ một chuyến khảo sát khắp mọi miền đất nước; dự án phim tài liệu Những vị tướng dân tộc thiểu số đã được Hãng phim Mê Kông xây dựng hoàn chỉnh; do NSUT Văn Lê làm tổng đạo diễn, quy tụ một ê kíp làm phim với nhiều nghệ sĩ danh tiếng và tâm huyết; cùng các biên tập viên, quay phim giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực phim tài liệu. Hãng phim Mê Kông đã mời nhiều vị có uy tín như ông Ksor Phước - Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc của Quốc hội; ông Sơn Phước Hoan - Phó Chủ nhiệm

UBDT Chính phủ; Đại tướng Lê Văn Dũng - Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị; Thiếu tướng Hồ Việt Lâm - Cục trưởng Cục An ninh Tây Nam bộ làm cố vấn về phong hóa và quân sự. Ngoài ra, để bảo đảm tính sử thi và chất lượng nghệ thuật, hãng còn mời thêm một số nhà văn, nhà báo, nhà nghiên cứu lịch sử, nhà nghiên cứu văn hóa, địa chí... trong cả nước tham gia cộng tác. Quá trình tổ chức thực hiện, tùy vào điều kiện cụ thể, hãng sẽ tiếp tục mời thêm một số tướng lĩnh quân đội và công an có uy tín vào Ban cố vấn của phim.

Trao đổi với chúng tôi, ông Nguyễn Văn Vạn - Giám đốc Hãng phim Mê Kông, nguyên là một cựu chiến binh cho biết: Để sản phẩm được Tổng cục Chính trị Quân đội Nhân dân Việt Nam, Bộ Công an và Ủy ban Dân tộc của Quốc hội chấp thuận và nhiệt tình ủng hộ. Tổng cục Chính trị QĐNDVN đã đề nghị các quân khu, các địa phương có các vị tướng lĩnh người dân tộc thiểu số tạo điều kiện để hãng phim thực hiện đề án nói trên. Bộ Công an giao cho Tổng cục Xây dựng lực lượng tập hợp, lựa chọn, cung cấp danh sách, lý lịch các tướng lĩnh dân tộc thiểu số trong lực lượng CAND... Phim đã được bấm máy trong dịp Đại lễ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội.

Trong danh sách 50 vị tướng người dân tộc thiểu số, ngoài bậc tiền bối Hoàng Đình Giông (Vũ Đức), có thể kể đến Thượng tướng Chu Văn Tấn, Thượng tướng Đàm Quang Trung, Thượng tướng Vũ Lập, Trung tướng Bằng Giang, Trung tướng Đàm Văn Ngụy, Trung tướng Vũ Nam Long, Trung tướng Đàm Đình Trại, Trung tướng Vi Văn Mạn, Trung tướng Ma Thanh Toàn, Trung tướng Sơn Cang, Trung tướng Nông Văn Lưu, Thiếu tướng Lê Quảng Ba, Thiếu tướng YBlok Éban, Thiếu tướng Lê Song Tiến... Hãng phim dự kiến mỗi vị tướng sẽ xây dựng một tập phim với thời lượng khoảng 30 phút. Chân dung các tướng lĩnh sẽ được khắc họa trên một số khía cạnh: bối cảnh lịch sử xã hội, những sự kiện chính của nhân vật, thành tích và chiến công, phẩm chất và nhân cách, ảnh hưởng xã hội. Địa bàn làm phim trải dài gần khắp đất nước, song chủ yếu tập trung vào các tỉnh miền núi phía Bắc, Tây Nguyên và miền Tây Nam bộ... Do vậy, bên cạnh những



Thiếu tướng Bùi Đình Phái (dân tộc Mường) - Chỉ huy trưởng Bộ CHQS tỉnh Hòa Bình và ông Nguyễn Văn Vạn - Giám đốc hãng phim Mê Kông. (ảnh do hãng phim cung cấp)

thuận lợi, các nhà làm phim cũng gặp không ít khó khăn, trước hết là nguồn tư liệu và phải di chuyển nhiều nơi. Dự án phim được chia làm nhiều giai đoạn, thực hiện trong vòng hai năm và tiến hành theo lối "cuốn chiếu", ưu tiên thực hiện chân dung những vị tướng tuổi cao sức yếu trước. Tuy nhiên, tiêu chí sản xuất của Hãng phim Mê Kông vẫn là đặt chất lượng lên hàng đầu, nội dung phải mới mẻ và hấp dẫn. Nếu khâu chế tác kịch bản chưa đảm bảo các yếu tố về chất lượng thì kiên quyết chưa đưa vào sản xuất. Ngoài bản chính có lời bình bằng tiếng Việt, hãng cũng có thêm một số bản phim bằng tiếng các dân tộc, để phục vụ các địa phương có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Đây là một dự án có quy mô, khẳng định chính sách đại đoàn kết dân tộc nhất quán của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Giám đốc Hãng phim Mê Kông - Nguyễn Văn Vạn khẳng định: Với tinh thần khoa học của thể loại phim tài liệu, chân dung của các vị tướng người dân tộc thiểu số sẽ đặt trọng tâm đi vào chiều sâu khám phá, từ đó hình thành nên những tác phẩm có

giá trị lâu dài về phương diện lịch sử, văn hóa, xã hội... Do vậy, Hãng phim Mê Kông đã vào cuộc với tất cả tâm huyết và khả năng của mình, phấn đấu nâng tầm mức chân dung mỗi vị tướng trở thành những công trình khoa học. Những vị tướng dân tộc thiểu số, sẽ góp phần điểm tô truyền thống vẻ vang của dân tộc, của quân đội và công an nhân dân, đặc biệt khơi gợi lòng tự hào và niềm kiêu hãnh cho các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt. Hy vọng phim sẽ cung cấp cho người xem trong và ngoài quân đội một bộ tổng tập bằng hình ảnh giàu chất nhân văn, đậm đà bản sắc văn hóa của các dân tộc anh em trong cộng đồng dân tộc Việt Nam. Đây là việc làm thiết thực, mang ý nghĩa chính trị xã hội sâu sắc, thể hiện sự tri ân đối với các tướng lĩnh, đặc biệt là các tướng lĩnh người dân tộc thiểu số trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, đồng thời có tác dụng giáo dục truyền thống cho các thế hệ cán bộ, chiến sĩ trong quân đội và các tầng lớp nhân dân - đặc biệt là lớp trẻ, trong xu thế hội nhập hiện nay.■

ĐÊM nay Hà Nội trở rét. Gió lạnh trở về như một người rất quen, với bộ mặt u ám dữ dội ra về dọa nạt, với cảm giác tê buốt khiến ta rùng mình và đi tìm khăn áo che thân... Dù đã đón gió lạnh hàng năm suốt mấy chục tuổi đời rồi mà lần nào gió lạnh đến cũng thấy bị bất ngờ.

Bruce Weigl, một cựu chiến binh Mỹ. Ông ta đã đến Việt Nam năm 1967, lúc 18 tuổi và là một người lính. Năm ấy tôi 15 tuổi, và cảnh tượng đau đớn nhất trong ký ức tuổi trẻ của mình là hình ảnh hai nhíp cầu Long Biên gục xuống sông Hồng sau khi trúng bom Mỹ. Ôi "cầu Long Biên vừa dài vừa rộng bắc trên sông Hồng" đẹp kỳ vĩ suốt cả tuổi thơ, giờ phút nó gục xuống năm 1967 như một vết khắc ứa máu trong trái tim non dại mãi mãi... Gió lạnh buốt vẫn thổi trên đường phố, từ khu đô thị mới ở phía nam Hà Nội, gió mênh mông trên những vùng đầm hồ đến lúc gió quẩn quýt thổi trên sân trường Đại học Văn hóa ven đề La Thành thì là lúc tôi nghe tiếng đọc thơ Bruce Weigl vang lên.

Nhưng tôi không cảm thấy xa lạ trong chính ngôi nhà đất nước tôi đã nỗ lực bỏ bom để nó thành cát bụi

... Cái lạnh đêm Tháng Chạp sao tôi không thể nào quên được. Tuần lễ giáng sinh năm 1972. Năm ấy tôi 20 tuổi và là một cô giáo ở một làng quê ngoại thành Hà Nội. Cùng với Bệnh viện Bạch Mai, cùng với khu phố Khâm Thiên, cả một vùng phía nam Hà Nội đã chịu vết bom rải thảm đi qua. Hồ bơi cuối cùng cách căn hầm trú ẩn của tôi 100 m, thế cho nên tôi vẫn sống đến bây giờ để đi dự đêm thơ của một cựu chiến binh Mỹ. Tôi đã muốn quên mà không thể quên... Đêm 26 tháng 12 năm 1972, tôi đã cào đất lẫn với gạch vụn đổ nát và bề trên tay những cô bé, cậu bé học trò chết vì bom Mỹ. Không cứu được các em, các em chết vui đập dưới đổ nát

ĐÊM THÁNG CHẠP

LÊ PHƯƠNG LIÊN

hoang tàn, trong gió lạnh tê tái đêm tháng 12. Bài kiểm tra toán của các em còn đó chưa kịp biết điểm số, các em đã bay thẳng lên cõi vĩnh hằng...

Đêm ấy, ánh mắt thơ ngây, trong veo của một cậu học trò vừa thoát chết đã hồi có giáo:

- Cô ơi, học giỏi để làm gì? Để chế ra bom, chế ra máy bay B52 ư?

Gần 40 năm sau, một buổi sáng Hà Nội mưa lâm thâm, lạnh lạnh, chớm vào cái lạnh tháng chạp, tôi đã nhận một bó hoa hồng tươi thắm từ bàn tay một cựu chiến binh Mỹ. Món quà của một người Mỹ là những bông hồng Việt Nam mua của hàng rong trên phố Hà Nội.

Ông là tác giả của những câu thơ:

Tôi đã quan sát người Mỹ tụ tập trên đường biểu tình phản đối chiến tranh

Đó là cuộc chiến tranh chống lại chính chúng ta chống lại những đứa trẻ đã biết rõ chúng ta trước khi chúng bị tan thành bụi.

(trích Cũn ngữ, Nguyễn Phan Quế Mai dịch)

Buổi sáng chớm lạnh có mưa rơi mờ mịt hồ Thuyền Quang ấy, Bruce Weigl và Nguyễn Phan Quế Mai cùng những người làm sách cho trẻ em Việt Nam ngồi trong căn phòng của Nhà xuất bản Kim Đồng, tất cả chỉ nói chuyện về sách cho trẻ em Việt Nam. Ông quan tâm và yêu quý những cuốn sách Kim Đồng và mong muốn mang sách Kim Đồng đi tặng cho trẻ em ở Quảng Trị.

Sao ông không mang quà Mỹ đi tặng trẻ em Việt Nam nhỉ? Một bạn trẻ hỏi thăm vào tai tôi thế. Tôi mỉm cười đáp nhò: "Chắc ông ấy cho rằng trẻ em Quảng Trị thích sách Kim Đồng hơn quà Mỹ!"

Trong câu chuyện vui vẻ, Bruce Wrucegl bông kể, ông đã từng tặng bà Nguyễn Thị Vẻ, một phụ nữ nông dân, mẹ đẻ của cô Nguyễn Thị Hạnh Weigl, con gái nuôi của ông, nhiều món quà. Nhưng ông thật không ngờ, khi bà mất, bà đã để lại một cái rương nhỏ, trong đó có tất cả những món quà mà ông đã tặng, bà ấy đã không dùng một thứ gì.

Có lẽ vì thế mà ông càng đau đầu "Trở về ngôi nhà Việt"?

Đêm thơ Bruce Weigl trở về ngôi nhà Việt hôm nào rõ ràng hiển hiện thực sự đây, lung linh ấm nóng, rực rỡ ánh đèn, tươi tắn biết bao nụ cười, giữa đêm đông tháng chạp trời lạnh lắm, ngoài kia trời rét tê tái. Rét tháng chạp ở Hà Nội xưa lắm rồi, xưa như ngày xưa ngày xưa năm 1972, ngày xưa ngày xưa năm 1946... Bỗng nhiên tôi nhớ đến những linh hồn trẻ thơ Hà Nội đã bay lên thiên đàng mùa giáng sinh năm ấy... Tôi biết rằng trên cõi xa vời muôn vàn tinh tú lấp lánh kia, đó là những ánh mắt trẻ thơ bao dung độ lượng nhìn về đêm thơ hôm nay.

Cảm ơn Bruce Weigl, tiếng thơ ông bỗng khiến tôi càng thấy rõ hơn tình yêu trẻ em Việt Nam, một tình yêu mà ngày xưa tôi ngỡ rằng mình đã có.■

VĂN NGHỆ VỚI ĐỜI SỐNG

DỰNG TƯỢNG NHÀ BÁC HỌC TRƯỞNG VINH KÝ

NGUYỄN TÝ - THOẠI KHANH

ĐÁNH GIÁ TRƯỞNG VINH KÝ

Tại lễ an vị tượng nhà bác học Trương Vinh Ký, ông Lê Huy Cường, Chủ tịch UBND huyện Chợ Lách, Bến Tre, nói về việc dựng tượng: "Với truyền thống 'Uống nước nhớ nguồn' và để tôn vinh, ghi nhận những đóng góp của cụ Trương Vinh Ký, UBND huyện Chợ Lách phối hợp cùng UBND tỉnh tổ chức lễ an vị cho cụ. Qua đó nhằm góp phần giáo dục truyền thống hiếu học, ý chí vươn lên trong các em học sinh".

Ông Nguyễn Hạnh, Phó tổng biên tập tạp chí *Xưa và Nay* cho biết: "Không riêng gì giới sử học mà còn nhiều vị lãnh đạo, trong đó có chủ Sầu Dân, đánh giá cao Trương Vinh Ký. Từ sau 1975 lần đầu tiên có tọa đàm 'Trương Vinh Ký với văn hóa' do Tạp chí *Xưa và Nay* cùng Sở Văn hóa Thông tin Tp.HCM tổ chức năm 2002. Nguyên thủ tướng Võ Văn Kiệt gọi đến tham luận bức thư "... Cần một kết luận khoa học cho nhân vật Trương Vinh Ký", trong đó có đoạn: "Cho tới nay, đã trên 100 năm trôi qua kể từ ngày Trương Vinh Ký nằm xuống, nhưng việc đánh giá về ông vẫn còn những khác biệt, thậm chí đối lập nhau... Tôi cho rằng Trương Vinh Ký cũng còn có một sự may mắn là được không ít người quan tâm. Riêng phần mình, tôi cảm thấy rất hứng thú với chủ đề của buổi tọa đàm này. Với nhân vật Trương Vinh Ký, tuy chưa được tiếp cận nhiều tài liệu về ông, nhưng qua những gì mà tôi có, tôi đọc, nghe và biết nếu chỉ xét đơn thuần trên lĩnh vực văn hóa thì đây cũng là một nhà văn hóa lỗi lạc của thời kỳ đó và cho đến cả hôm nay, không chỉ của Việt Nam chúng ta mà còn là của thế giới". Giáo sư Trần Văn Giàu không đến tham dự được, cũng đã tâm sự với bạn tổ chức rằng, sau *Cách mạng tháng Tám*, tôi ra lệnh đập bỏ tất cả tượng thành Tây bỏ xuống sông Sài Gòn nhưng riêng tượng Trương Vinh Ký thì để lại. Mỗi năm trường Trung học Tư thực Trương Vinh Ký do GS. Hoàng Như Mai làm hiệu trưởng, làm lễ khai giảng, chủ Sầu Dân, cùng một số lãnh đạo thành phố đều đến dự. Tp. Hồ Chí Minh đã đặt tên đường Trương Vinh Ký tại quận Tân Phú".

Linh mục Nguyễn Hữu Triết, Chánh xứ giáo xứ Tân Châu Sa: "Cụ Trương Vinh Ký là một nhà bác học về ngữ học được thế giới công nhận. Cụ làm vinh dự cho đất nước Việt Nam. Cụ lại là người công giáo, cho nên tôi rất quý cụ. Tôi đọc trong văn

Nhân kỷ niệm 173 năm ngày sinh nhà bác học Trương Vinh Ký (6-12-1837 - 6-12-2010), UBND huyện Chợ Lách tổ chức Lễ khánh thành tượng của Ông tại trường THPT Trương Vinh Ký, xã Vĩnh Thành, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Trương Vinh Ký (6 tháng 12 năm 1837 - 1 tháng 9 năm 1898) khi mới sinh có tên là Trương Chánh Ký, tự Sĩ Tái, theo đạo Công giáo nên có tên thánh: Jean - Baptiste Pétrus, còn gọi tắt là Pétrus. Ông là một nhà giáo, nhà báo, nhà văn và là nhà bác học Việt Nam, thông thạo 26 ngôn ngữ, được ghi trong Bách khoa Tự điển Larousse và là một trong 18 văn hào thế giới của thế kỷ XIX. Ông để lại hơn 100 tác phẩm về văn học, lịch sử, địa lý, từ điển và dịch thuật.

Trương Vinh Ký thiết tha với nền văn học Quốc ngữ và được coi là người đặt nền móng cho báo chí Quốc ngữ Việt Nam. Ông sáng lập, là tổng biên tập những tờ báo quốc ngữ đầu tiên (Giáo Định báo), cũng là cây bút chủ chốt của rất nhiều báo khác. Tên ông từng được đặt tên cho trường Trung học Pétrus Ký nay là trường Trung học phổ thông chuyên Lê Hồng Phong, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xung quanh mẫu tượng nhà bác học Trương Vinh Ký có nhiều chuyện thú vị, chúng tôi đã trực tiếp gặp gỡ những người trong cuộc.



Tượng nhà bác học Trương Vinh Ký

Ảnh: T.L

học và đang sưu tầm các sách của cụ, mặc dù chưa đầy đủ, quý nhất là bộ sách giáo khoa ngôn ngữ ở phương Đông in năm 1860, có cả bút tích. Hơn nữa, cụ có công lớn nhất là việc truyền bá chữ Quốc ngữ và lòng yêu mến dân tộc, giữ cốt cách dân tộc. Điều dễ nhận thấy, cụ luôn luôn mặc bộ đồ ta, khăn đóng, áo dài như bức tượng ở trước Dinh Độc Lập (nay đang lưu trữ ở Bảo tàng Mỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh). Cụ có nhiều

công lao đối với nền văn học Việt Nam bằng cầu nối, giao lưu văn học. Trước hết, cụ giới thiệu văn học Việt Nam ra thế giới bằng tiếng Pháp; đem những truyện hay thế giới dịch ra tiếng Việt. Cụ lại là nhà báo tiên phong của Việt Nam. Ban đầu cộng tác tờ *Giáo Định báo* sau trở thành chủ bút. Cha ông chúng ta vẫn dạy "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây", tôn vinh những người có công như Cụ Trương Vinh Ký, những người có công về

mặt này mặt kia, chúng ta phải công bằng, khách quan, đúng sự thật, không bóp méo lịch sử. Nếu chúng ta không làm tốt thì hậu sinh sẽ phân xét lại chúng ta".

NGUYỄN MẪU TƯỢNG TRƯỞNG VINH KÝ

Tượng Trương Vinh Ký bằng đồng nặng 600kg, cao 90cm do nhóm tác giả phác thảo lại từ mẫu tượng của người Pháp để lại trước 1975.

Ông Nguyễn Hạnh cho biết: "Việc đúc tượng cụ Trương Vinh Ký có nhiều nhà điêu khắc tâm cỡ Việt Nam thực hiện nhưng khuôn mặt vẫn chưa thể hiện rõ nét ưu tư, đau đáu... của cụ. Tình cờ tôi dạo chơi đến nhà thờ Tân Sa Châu, quận Tân Bình bắt gặp bức tượng cụ. Tôi xin linh mục Nguyễn Hữu Triết mẫu và thuê nhóm thợ đúc theo mẫu này. Bức tượng có những huân, huy chương tôi bỏ. Đây là tượng thứ 102 do Tạp chí *Xưa và Nay* thực hiện trong chương trình "Mỗi người một giọt đồng" do nhà sử học Dương Trung Quốc, Tổng biên tập Tạp chí *Xưa và Nay* khởi xướng năm 1997. Việc dựng tượng Trương Vinh Ký lần đầu tiên được Nhà nước chính thức tổ chức mà tỉnh Bến Tre trước đó đã dựng tượng cụ Phan Thanh Giản là việc làm hết sức có ý nghĩa lịch sử".

Cũng theo linh mục Nguyễn Hữu Triết: "Cách đây khoảng hai năm, tôi lang thang chợ Lê Công Kiều để tìm đèn cù cùng đồ cổ và được một anh bán đồ lạc-xoang ở vỉa hè, không biết anh tìm mua ở đâu đó được bốn mảnh tượng cụ Trương Vinh Ký nặng 241kg đồng. Rất may mảnh chính là phần đầu còn nguyên, những mảnh kia thì bị cắt. Anh ta gọi nói, người ta kêu bán ve chai để nấu đồng, nếu cha có nhu cầu đến thì con để lại. Tôi đến thấy bức tượng tuy bị cắt làm bốn mảnh nhưng khuôn mặt của cụ Trương Vinh Ký rất đẹp. Cho nên khi thấy bức tượng cụ tôi thương lượng và mua ngay. Nhiều anh em khác muốn mua lại nhưng tôi không để lại. Tôi mua về dự trữ sẽ hàn lại bốn mảnh đó nhưng các thợ chuyên môn đều chịu thua không thể hàn lại được. Tượng đúc dày (hơn 1cm), và cũng không thể nung đồng đỏ chảy ra để hàn được, chỉ hàn những tấm mỏng. Tôi tìm cách khoan lỗ ghép lại và dùng keo pha màu cho giống màu đồng rồi trét lại. Xong xây bệ rồi dựng tượng. Tôi cho dựng tượng tại giáo xứ này để khi nào tôi đi đâu tôi mang theo đây".

HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG TỔNG KẾT CÔNG TÁC NĂM 2010

THU PHƯƠNG

Ngày 23-12-2010, Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương đã họp phiên toàn thể lần thứ 11 tổng kết công tác năm 2010. Đồng chí Phùng Hữu Phú, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo Trung ương, Chủ tịch Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương đã đến dự và chỉ đạo Hội nghị. Đến dự Hội nghị còn có đồng chí Nguyễn Văn Thọ, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng; đồng chí Nguyễn Thế Kỷ, Phó trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương; đại diện lãnh đạo một số vụ của Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, các thành viên Hội đồng và một số các cơ quan báo chí và phát thanh, truyền hình của Trung ương và Hà Nội.

Báo cáo tổng kết công tác của Hội đồng năm 2010, phương hướng, nhiệm vụ năm 2011 đã nêu bật những hoạt động chính của Hội đồng năm 2010 có kết quả và ấn tượng tốt như: Tổ chức lớp bồi dưỡng lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật cho những người làm công tác chỉ đạo, quản lý văn học, nghệ thuật ở các cơ quan Trung ương, cán bộ giảng dạy văn học, nghệ thuật ở các trường đại học, các nhà báo ở các báo, đài Trung ương có chuyên trang văn học, nghệ thuật; tổ chức thành công Hội thảo khoa học

"Văn học, nghệ thuật phản ánh hiện thực đất nước hôm nay"; triển khai tích cực Đề tài khoa học độc lập cấp Nhà nước "Văn học, nghệ thuật Việt Nam trong quá trình thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội"; triển khai Đề án "Đấu tranh chống quan điểm sai trái trong văn học, nghệ thuật"; Đề án "Nghiên cứu hoàn thiện mô hình tổ chức và cơ chế hoạt động của Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương". Hội đồng đã tổ chức thành công chuyến khảo sát tại Trung Quốc và các chuyến khảo sát thực tế trong nước ở một số tỉnh như: Đắk Nông, Đắk Lắk...; năm 2010 đã xuất bản được 6 số Bản tin lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật; xuất bản 2 cuốn sách "Tình dân tộc và tình hiện đại trong văn học, nghệ thuật Việt Nam hiện nay" và "Văn học, nghệ thuật phản ánh hiện thực đất nước hôm nay"....

Báo cáo cũng chỉ ra những hạn chế cần phải rút kinh nghiệm trong những năm tiếp theo. Hội đồng đã hoàn thành được một khối lượng lớn công việc, đã từng bước tạo được vị thế của mình trong giới trí thức và văn nghệ sĩ từ Trung ương đến địa phương.

Tại cuộc họp, các đại biểu đã trao đổi thẳng thắn, đánh giá khách quan kết quả hoạt động của Hội đồng trong năm



qua và thống nhất cho rằng, Hội đồng đã hoàn thành một khối lượng lớn các công việc được Ban Bí thư và Ban Tuyên giáo Trung ương giao cho. Các hoạt động của Hội đồng đã có tác động tốt đối với đời sống văn học, nghệ thuật, đối với hoạt động của các Hội chuyên ngành Trung ương và địa phương. Đồng thời các thành viên Hội đồng cũng thẳng thắn cho rằng, kết quả của năm 2010 chỉ là bước đầu, cần tiếp tục khắc phục những hạn chế và nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động của Hội đồng. ■

CHUYÊN LÀNG VĂN NGHỆ

TÚI THƠ KHÔNG CÁNH ĐÃ BAY RỒI

HÀ NGUYÊN

Từ xa xưa, chợ Đồng Xuân ở Hà Nội đã nổi tiếng khắp vùng về sự phong phú hàng hoá, nơi trung tâm buôn bán hàng hoá đi các tỉnh. Vào thời bao cấp tiêu chuẩn định lượng từ cái kim sợi chỉ cũng được đem chia theo tem phiếu, hộ khẩu, tìm đến chợ Đồng Xuân ta vẫn có thể "mua chui" được hàng ngoài cần thiết để dùng. Nghĩa là hàng hoá ở đây ngay trong các quầy nhà nước, mậu dịch bán theo tem phiếu mặt hàng cũng phong phú, nhiều chủng loại hơn ở những nơi khác. Vào khoảng cuối năm ấy nhà thơ Chủ Văn Long bàn với vợ, vừa để khỏi mất công đến cửa hàng mua bán của huyện, tiện đường làm việc trên phố, đem theo phiếu vải của cả gia đình 9 người, tranh thủ công việc ở Hội Văn nghệ từ 47 Hàng Dấu lên chợ Đồng Xuân vừa tiện, biết đâu lại chọn được thứ vải vừa ý cho các con mừng... Anh nhầm tính công việc khi đạp xe trên đoạn đường từ nhà ở ngoại thành đến cơ quan, sẽ mua loại vải màu gì cho hợp với tuổi, đáng người từng đứa con trai, gái... Đến cơ quan sáng nay làm những việc cần, rồi tranh thủ đi chợ mua ngay buổi sáng cho xong, kéo chiếu về muộn!...

Tuy nơi làm việc hàng ngày gần gũi là vậy, nhưng đây là lần đầu anh biết bên trong lòng chợ. Người mua bán đi lại đông đúc, có chỗ phải lấn chen nhau mới qua khỏi dãy hàng. Khi tới trước quầy bán vải mới hồi hộp làm sao. Thôi thì đủ

thứ màu sắc sáng nay có cố hình dung cũng không thấy hết. Nhưng anh cũng không quên lời vợ anh khi gói tem phiếu với tiền bỏ vào chiếc túi xách hai quai may bằng thứ vải bả mía lúc sáng: "Anh phải cẩn thận, hãy nhớ "kẻ cắp chợ Đồng Xuân" không lơ ngơ như anh đâu!" Vì thế len lỏi dặt xe, bàn tay trái anh lúc nào cũng phải túm chặt miệng chiếc túi treo ghi đồng xe đạp không rời. Chỉ duy nhất tới khi anh phải đưa tay chỉ cái tấm vải trong quầy mà mình muốn chọn, rồi lại phản ứng tức thời định nắm xuống chiếc túi! Thì ôi thôi nó đã mất đâu. Rồi rụng đôi chân muốn khuyu xuống khi ý nghĩ vụt đến trong đầu - "Thế là cả nhà con cái năm nay coi trần!" Anh chẳng còn nhớ mình đang ở đâu khi những hàng người chen chúc dồn đẩy ra tới cổng chợ. Sau những phút bàng hoàng tỉnh lại về cơ quan, anh vẫn không đủ sức nói chuyện này ra cùng anh em... Chiều ấy trên đường đạp xe về anh mới nhớ thêm được là ngoài tiền bạc, tem phiếu, anh đã mất cả cuốn sổ nháp hai năm nay nháp thơ, gạch xoá đã được mấy chục bài. Buổi tối anh an ủi vợ, nhận lỗi mình xong vẫn không ngủ được. Không biết sao anh lại viết được bài thơ "Nhà thơ đi chợ Đồng Xuân", với những câu thơ đọc lên ta phải bật cười:

... Giật mình nhìn xuống tay xe đạp
Túi thơ không cánh đã bay rồi!

TỪ MẮT VÀ TAI ĐẾN ĐÃ VÀ LẠI

LÊ HỒNG THIÊN

Nữ sĩ Ngân Giang (1916-2002) nổi tiếng từ năm lên 9 tuổi, nhưng bà rất khiêm tốn, tính tình luôn cởi mở, sẵn sàng học hỏi các bậc đàn anh. Sau này khi đã thành danh bà thường trò chuyện với lớp trẻ theo nghề thơ văn, để truyền đạt kinh nghiệm sáng tác. Nhà nữ sĩ Ngân Giang ở gần bờ sông vắng, có cửa trúc luôn luôn mở, vui vẻ đón khách văn. Bà viết hai câu thơ dán trên vách:

Phùng tri kỷ ngộ tài hoa

Chia đôi lứa tuổi cũng là tri âm

đã nói lên điều đó. Ngay từ năm 16 tuổi, đối với các bậc trên là tri thức nhà văn có tầm, có tâm bà gặp gỡ để học hỏi. Trong số này có Trúc Khê (1906-1947) một nhà văn, nhà báo, nhà Hán học nổi tiếng.

Hôm ấy, Trúc Khê đang làm việc ở tòa soạn báo Bắc Hà (phố Hàng Cót-Hà Nội) thì Ngân Giang đến, đưa một bài thơ Đường để Trúc Khê đọc:

Có những đêm trắng những buổi chiều

Vách mở in bóng chếp xiêu xiêu

Mắt không mơ ngắm màu nhân ảnh

Tai chẳng mở nghe tiếng nhạc thiếu

Ném bút cả cười đau tịch mịch

Ôm đàn lãng đạo quần cô liêu

Hồi ơi tuổi trẻ xuân như mộng

Uống dật tài hoa trước ngọn triều.

Trúc Khê đọc xong, nhìn Ngân Giang một cách thân tình, hỏi Ngân Giang như hỏi em gái:

- Thế cô nhìn bằng gì?

Ngân Giang trả lời:

- Em nhìn bằng mắt?

Trúc Khê hỏi lại:

- Thế nghe bằng gì?

Nữ sĩ hồn nhiên trả lời:

- Nghe bằng tai chứ bằng gì! Có sao anh lại hỏi thế?

Trúc Khê thấy Ngân Giang chưa hiểu được ý mình "chất vấn": Rồi như một người anh giảng bài cho em gái, Trúc Khê gọi Ngân Giang bằng tên bút danh của cô rất tình cảm:

- Hạnh Liên đừng từ **Tai** và **Mắt** là thừa. Nói đến **Tai** và **Mắt** trong một câu thơ hay một đoạn văn là dung tục. Người viết đừng nghèo vốn trong một câu hoặc một tứ thơ.

- Thưa anh, em xin đổi chữ "Mắt" thành chữ "Đã", chữ "Tai" bằng chữ "Lại".

Rồi, với giọng ngâm mượt mà, ấm cúng, Ngân Giang ngâm lại toàn bộ bài thơ, trong đó câu thứ ba, thứ bốn ở khổ đầu, chữ đầu đã được đổi:

Đã không mơ ngắm màu nhân ảnh

Lại chẳng buồn nghe tiếng

nhạc thiếu...

Trúc Khê nghe xong, mỉm cười khâm phục Ngân Giang:

- Hạnh Liên đã biết dùng hư từ thay cho chính từ, quả là miễn tiện.

Thấm thơ như Trúc Khê quả là "sành điệu". Chưa thơ như Ngân Giang quả là "xuất thần", thật thông minh, tài ba và chuẩn xác.■

GÓC HÀI HUỐC



THƠ CHÂM

Mèo và hổ

Giao ban, Mèo bảo Hổ vâng:
Truyền tôi kinh nghiệm cách ăn thế nào?
Anh tha con lợn không sao
Tôi tha miếng thịt, dòn vào quần lưng.
Hổ rằng: Anh dốt vô cùng
Tôi đây nổi tiếng chúa rừng xưa nay
Động vào tôi sẽ chết ngay
Cho nên biết cũng khoan tay ngậm mồm
Còn anh, sức nhỏ còm rom
Muốn ăn thì phải mất dòn lão liên
Ăn xong, chùi sạch mép liến
Lại lo chia dùi, cúng trên cho tròn
Nghe xong câu chuyện thấy buồn!

Tình nghĩa gia đình

Thuở cơ chế thị trường lời tuốt
Nghĩa với tình cũng mượt mỡ hôi
Gia đình là gốc, là nơi
Nói ra mang tiếng là người cổ xưa(!?)
Tiền bao nhiêu cũng chưa hết khát
Lãi kinh doanh đánh bật vợ chồng
Có con chẳng dạy chẳng trông
Trách gì "gam", "nét" chơi rông hư con!
Nghĩa mẹ cha thần hôn sớm tối
Cây "lô phôn" thâm hỏi gọi là
Một viên gạch mốc chia qua
Anh em ruột thịt hoá ra cừ thù
Ngắm nhân thế thiên thu kim cổ
Ai sinh ra chẳng có gia đình?
Đất càn, cây mọc sao xanh?
Chữ tiền không hại chữ Tình mới nên.

HỒ VĂN KHUÊ

GIẢI THOẠI VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

Giấu hơn

Nhà thơ Puskin chiều đãi bạn bè tại một khách sạn. Bá tước Davátski hỏi khách:

- Nhìn thế này cũng biết vị tiền của ngài còn dầy cộm.

- Đúng là tôi giấu hơn ngài. Đôi lúc ngài lại phải chờ tiền từ các điển trang của ngài gửi về thì ngài mới sống nổi. Còn tôi thường xuyên có thu nhập từ 26 chữ cái trong bảng mẫu tự tiếng Nga!

Lời khen

Ông già giúp việc nhà văn Anh Oantơ Xốt tâm sự:

- Hầu hết truyện ngài viết rất hay và vô cùng bổ ích cho tôi.

- Ôi! Thật hạnh phúc!

- Đúng thế! Sau một ngày lao động mệt mỏi trở về nhà, trước khi đi ngủ tôi lấy tập truyện của ngài ra đọc và chỉ ít phút sau ngủ ngon lành!!!

Nhanh lên

Trời lạnh, cô người mẫu nói với hoạ sĩ không thể ngồi khoả thân được.

- Đúng. Chúng ta uống cà phê cho ấm đã!

Có tiếng đập cửa mạnh. Hoạ sĩ tái mặt, cuống quýt giục cô người mẫu:

- Nhanh lên! Hãy cởi áo quần ra. Vợ tôi đấy!

Chọn 1 trong 2

Có người hỏi nhà văn Pháp E.Commécxon:

- Theo ngài quan niệm về hôn nhân có gì khác biệt?

- Tôi sẵn sàng cưới một cô vợ bé người hơn là một cô vợ lớn người, bởi lẽ nếu phải chọn 1 trong 2 nỗi bất hạnh, tốt nhất nên chọn nỗi bất hạnh nhỏ hơn.

Tác phẩm

Có người hỏi nhà viết kịch Crêbilon về tác phẩm nào thành công nhất. Ông chỉ vào thằng con trai:

- Tôi khẳng định đứa con tôi đây là tác phẩm tôi tệ nhất.

Cậu bé thần nhiên đáp:

- Điều đó không có gì ngạc nhiên vì con là tác phẩm duy nhất của bố không được ai giúp đỡ!

TRỊNH VAI



Tranh vui nước ngoài.





CHUNG TAY VÌ MỤC TIÊU “NGĂN CHẶN, TIẾN TỚI ĐẨY LÙI DỊCH HIV/AIDS...”

Từ khi trường hợp nhiễm HIV đầu tiên được phát hiện tại Việt Nam vào năm 1990 đến nay, dịch bệnh này đã nhanh chóng lan nhanh trên phạm vi toàn quốc và đã có những tác động không nhỏ tới nhiều mặt trong đời sống xã hội của Việt Nam, với các cấp độ khác nhau, từ cá nhân, gia đình, cộng đồng, tới các cơ quan của Nhà nước và các tổ chức quốc tế. Có thể nói HIV/AIDS là một trong rất ít các bệnh dịch có thể tạo nên những ảnh hưởng như vậy trong xã hội Việt Nam.

Tính đến cuối tháng 9/2010, cả nước có 180.312 người nhiễm HIV/AIDS đang còn sống được báo cáo, trong đó có 42.339 bệnh nhân AIDS và tổng số người chết do AIDS đã được báo cáo là 48.368 người. Cho đến nay, đã có trên 74% số xã, phường và 97,8% số quận/huyện trong toàn quốc đã có báo cáo về người nhiễm HIV/AIDS. Thành phố Hồ Chí Minh vẫn là địa phương có số người nhiễm HIV/AIDS được báo cáo cao nhất, chiếm khoảng 23% số người nhiễm HIV/AIDS được báo cáo của cả nước. Tính riêng trong 9 tháng đầu năm 2010, toàn quốc đã phát hiện được 9.128 người nhiễm HIV, 3.841 bệnh nhân AIDS và 1.498 người tử vong do AIDS. Trong số người mới được phát hiện nhiễm HIV trong 9 tháng qua, TP Hồ Chí Minh chiếm nhiều nhất (1345 người), tiếp đến là Hà Nội (764), Điện Biên (743), Thái Nguyên (466), Thanh Hóa (454)... Phân tích hình thái nguy cơ lây nhiễm cho thấy, trong số những người mới được phát hiện nhiễm HIV trong 9 tháng đầu năm có 49% bị nhiễm qua đường máu, 38% qua đường tình dục, 3% qua đường mẹ - con và 10% không rõ đường lây. Tỷ lệ người nhiễm HIV là nam chiếm 70,8% và nữ chiếm 29,2%. Phần lớn người nhiễm HIV được phát hiện trong 9 tháng qua là ở nhóm tuổi từ 20-39 (chiếm 82%), trẻ em dưới 15 tuổi chiếm gần 3%.

NHỮNG KẾT QUẢ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC CỦA CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS TRONG THỜI GIAN VỪA QUA

Năm 1987 Tiểu ban phòng, chống SIDA được thành lập, trực thuộc Ủy ban phòng, chống bệnh truyền nhiễm do Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương trực tiếp thực hiện. Đến năm 1990, Ủy ban Quốc gia phòng, chống SIDA Việt Nam được thành lập, cơ quan thường trực là Vụ Vệ sinh phòng dịch - Bộ Y tế. Năm 1994 Ủy ban Quốc gia phòng, chống AIDS được tách khỏi Bộ Y tế do Phó Thủ tướng Chính phủ làm Chủ tịch. Bộ Y tế là thường trực. Năm 2000, Chính phủ thành lập Ủy ban

Quốc gia phòng chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm do Phó Thủ tướng Chính phủ làm Chủ tịch. Ủy ban gồm 18 thành viên của Chính phủ và một số ban ngành, đoàn thể chính trị - xã hội, cơ quan Trung ương. Văn phòng thường trực phòng, chống AIDS đặt tại Bộ Y tế, trên cơ sở Văn phòng Ủy ban Quốc gia phòng, chống AIDS trước đây. Sang đến năm 2003, Văn phòng thường trực phòng, chống AIDS sát nhập với Vụ Y tế dự phòng thành Cục Y tế dự phòng và Phòng, chống HIV/AIDS - Bộ Y tế.

Cục Phòng chống HIV/AIDS Việt Nam (VAAC) được thành lập năm 2000, trực thuộc Bộ Y tế, là đơn vị có trách nhiệm điều phối và thực hiện các chương trình và các hoạt động về phòng chống HIV cấp quốc gia, cụ thể là chín Chương trình Hành động được xác định trong Chiến lược Quốc gia về HIV đến 2010 và tầm nhìn 2020.

Bên cạnh đó, hầu hết các địa phương đã thành lập Ban Chỉ đạo phòng chống AIDS, phòng chống tệ nạn ma túy, mại dâm theo mô hình của cơ quan Trung ương.

Sự tham gia của toàn thể cộng đồng, các đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức tôn giáo ngày một đông đảo, chủ động và tích cực hơn. Có thể nhận định: hệ thống pháp luật về công tác phòng, chống HIV/AIDS ở Việt Nam là tương đối đầy đủ và đáp ứng kịp thời để đối phó với tình hình diễn biến của dịch.

Hoạt động truyền thông trong thời gian qua đã được triển khai thực hiện khá tốt với sự tham gia của hầu hết các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội và của quần chúng nhân dân. Công tác truyền thông được thực hiện dưới nhiều hình thức, đa dạng, phong phú về nội dung và kết quả vì vậy đã nâng cao hiểu biết của người dân về kiến thức và kỹ năng phòng, chống HIV/AIDS. Kết quả điều tra cho thấy: tỷ lệ hiểu biết về HIV/AIDS đối với người dân ở khu vực đô thị là trên 65%. Năm 2002, đã có 28, 7 triệu lượt người được tiếp cận với thông tin, truyền thông về phòng, chống HIV/AIDS.

Phối hợp của các Bộ, ngành, đoàn thể trong công tác phòng, chống HIV/AIDS là vấn đề mang tính chiến lược. Trong thời gian qua, Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, Bộ Y tế (là ba cơ quan thường trực về phòng chống ma túy, mại dâm và phòng, chống HIV/AIDS) cùng nhiều Bộ, ngành, địa phương đã có những nỗ lực rất lớn để hoàn thành nhiệm vụ được Chính phủ giao. Các Bộ, ngành, đoàn thể, tổ chức quần chúng đã tích cực tham gia vào hoạt động thông tin, giáo dục, truyền thông trong phòng, chống

HIV/AIDS. Các hoạt động đã đi sâu vào các đối tượng đặc thù của từng ngành....

Công tác huy động cộng đồng có nhiều bước chuyển biến tích cực, đã huy động được sự tham gia của các tổ chức xã hội, tôn giáo và cộng đồng trong phòng, chống HIV/AIDS, đặc biệt trong việc chăm sóc, hỗ trợ người nhiễm HIV/AIDS. Nhiều hoạt động chuyên môn kỹ thuật để hỗ trợ cho các chương trình như Công tác giám sát HIV/AIDS; Công tác an toàn truyền máu; Công tác điều trị AIDS; Công tác dự phòng lây nhiễm HIV từ mẹ sang con; Công tác phòng chống các bệnh lây truyền qua đường tình dục; Công tác quản lý, chăm sóc và tư vấn người nhiễm HIV/AIDS tại cộng đồng... đều được triển khai đồng bộ và có hiệu quả.

Hợp tác quốc tế được xác định là có vai trò đặc biệt quan trọng trong chương trình phòng, chống HIV/AIDS. Thời gian qua, chúng ta đã tranh thủ được sự ủng hộ về nhiều mặt của bè bạn quốc tế. Cộng đồng quốc tế ở Việt Nam cũng như Chính phủ các nước rất quan tâm hỗ trợ cho chương trình phòng, chống HIV/AIDS ở Việt Nam, trong những năm vừa qua và giai đoạn sắp tới tỷ trọng viện trợ của các nước cho Việt Nam ngày một tăng lên. Ngoài việc tài trợ về nguồn lực, sự chia sẻ các bài học kinh nghiệm, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác phòng, chống HIV/AIDS cũng đặc biệt quý báu. Các mô hình phòng, chống HIV/AIDS được các tổ chức quốc tế hỗ trợ đã thu được các kết quả khả quan...

Tất cả những nỗ lực của chúng ta trong suốt 20 năm qua đã làm giảm được tốc độ lây lan của dịch HIV ở Việt Nam thể hiện qua số người mới được phát hiện nhiễm HIV từ năm 2006 đến nay năm sau luôn thấp hơn nhiều so với năm trước, từ 29.133 ca năm 2006, xuống 28.970 ca năm 2007, 18.066 ca năm 2008 và 15.713 ca năm 2009. Như vậy, số ca mới phát hiện nhiễm HIV trong năm 2009 chỉ bằng hơn một nửa so với năm 2006, trong khi số mẫu xét nghiệm ngày một tăng. Nhờ làm giảm được số trường hợp mới nhiễm HIV hàng năm một cách đáng kể, chúng ta đã giữ được tỷ lệ hiện nhiễm HIV trong cộng đồng dân cư hiện nay là 0,26%, thấp hơn so với mục tiêu của Chiến lược quốc gia phòng, chống HIV/AIDS đến năm 2010 đã đề ra là “kiềm chế tỷ lệ nhiễm HIV trong cộng đồng dân cư đến năm 2010 dưới 0,3%” và chúng ta có thể tin tưởng rằng, với đà thành công này, Việt Nam sẽ hoàn thành Mục tiêu Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc là “ngăn chặn, tiến tới đẩy lùi dịch HIV/AIDS vào năm 2015”. Tuy nhiên, mặc dù những thành công của

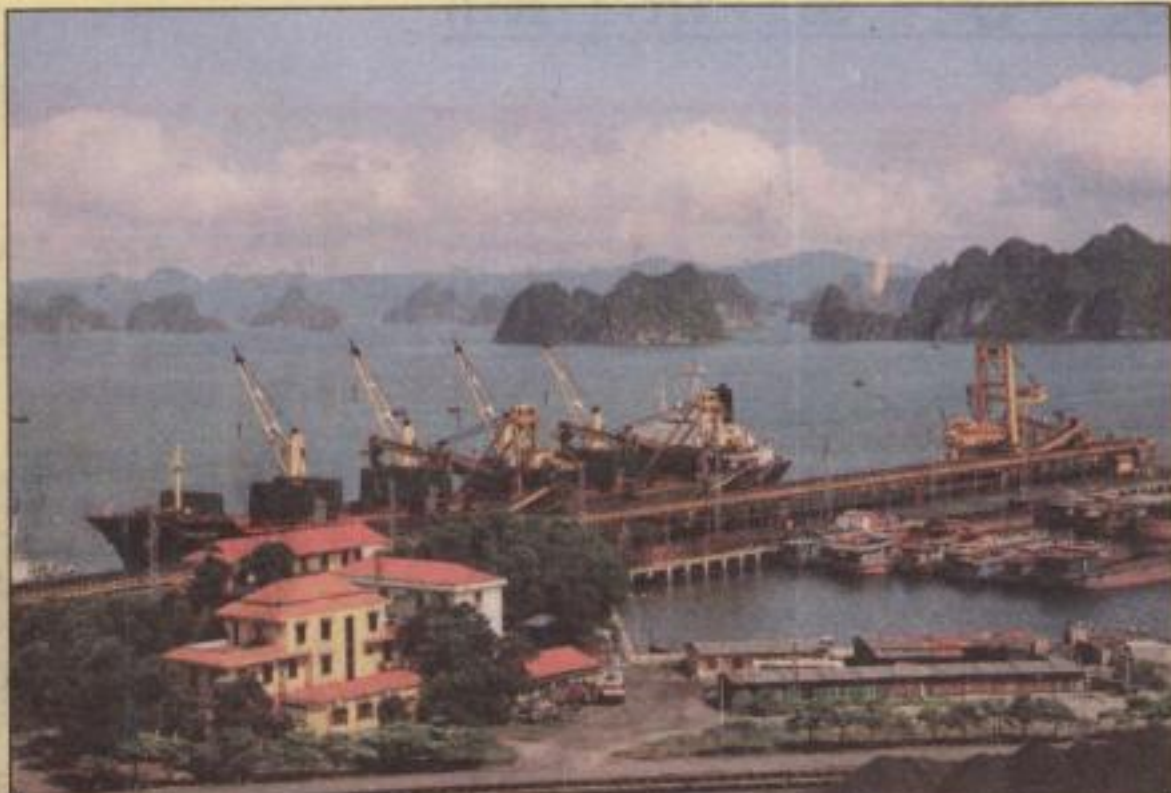
công cuộc phòng, chống HIV/AIDS ở Việt Nam 20 năm qua là không thể phủ nhận, nhưng hiện nay, cũng như trong thời gian tới, chúng ta vẫn còn phải đương đầu với không ít khó khăn và thách thức, như về tình hình dịch, tuy đã bị kiềm chế ở mức độ thấp, nhưng dịch HIV vẫn tiếp tục lây lan trên đất nước ta, với một số xu hướng thay đổi đáng lưu ý, như gia tăng sự lây nhiễm HIV qua quan hệ tình dục, gia tăng số người nhiễm HIV vốn được coi là những người ít có nguy cơ... Mỗi năm gần đây chúng ta vẫn phát hiện thêm hơn 15.000 người nhiễm HIV mới. Một bộ phận đáng kể dân cư vẫn chưa thực sự có nhận thức đúng đắn về HIV/AIDS. Hành vi nguy cơ lây nhiễm HIV trong một số nhóm người như tiêm chích ma túy, mua bán dâm vẫn còn ở mức độ cao... Điều đó có nghĩa là, mặc dù chúng ta đã làm được tốc độ lây lan của HIV, nhưng về cơ bản chúng ta vẫn chưa khống chế được dịch HIV/AIDS, dịch vẫn diễn biến khó lường và vẫn ẩn chứa những yếu tố có thể gây bùng nổ dịch nếu chúng ta không có những biện pháp ứng phó toàn diện và quyết liệt hơn...

Nhận thức rõ điều này, các địa phương, các bộ, ngành, đoàn thể, các cơ quan thông tin đại chúng và nhân dân cả nước trong thời gian qua đã đóng góp sức lực, trí tuệ, tiền của cho công cuộc phòng, chống HIV/AIDS, và đã đạt được những thành tích rất đáng tự hào mà các lực lượng phòng, chống HIV/AIDS thuộc các thể hệ khác nhau trong suốt 20 năm qua đã nỗ lực phấn đấu giành được trong công tác phòng, chống HIV/AIDS trên phạm vi cả nước. Qua các thời kỳ, hệ thống phòng, chống HIV/AIDS đã xây dựng, kiện toàn và ngày càng làm việc có hiệu quả, đã đào tạo và rèn luyện được một đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị, thể hiện được trí tuệ và đạo đức của người cán bộ y tế, thấm nhuần lời dạy của Hồ Chủ tịch “Người thầy thuốc đồng thời phải như là người mẹ hiền”, luôn hết mình phục vụ người bệnh... Từ những kết quả đó, chúng ta tin tưởng mạnh mẽ rằng, công tác phòng, chống HIV/AIDS ở nước ta sẽ tiếp tục vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đi lên một cách bền vững, đạt được nhiều thành công hơn nữa trong thời gian tới...

Nguồn: Cục phòng chống HIV/AIDS - Bộ Y tế
135/3 Núi Trúc, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Tel: (844) 7367128,
Fax: (844) 8465732
E-mail: aidsmoh@vaac.gov.vn





TUYỂN THAN CỦA ÔNG - TKV VƯƠN LÊN TẦM CAO MỚI

MAI PHƯƠNG

... Ủy viên Ban thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Đảng ủy Than Quảng Ninh, Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Kỹ sư Bùi Văn Khích: "Không ngừng sáng tạo, không ngừng phát triển... Vươn lên mọi lúc, mọi nơi, khi thuận lợi cũng như những khi khó khăn; Trong hoà bình cũng như dưới làn bom đạn, lúc nào và bao giờ đội ngũ cán bộ, công nhân Tuyển than Cửa Ông cũng ở vào tư thế của người tiên công, người làm chủ. Luôn đứng ở tầm cao của từng suy nghĩ và hành động."

Họ xứng đáng là một trong những tấm gương sáng của Than Khoáng sản Việt Nam; xứng đáng với truyền thống cha anh của vùng đất "địa linh nhân kiệt" nơi đó có đến thời vị anh hùng dân tộc Hưng Nhượng Vương Trán Quốc Tảng và tấm gương người Cộng sản ưu tú Ngô Huy Tăng - Người đã anh dũng cầm lá cờ búa liềm lên cao Poóc Tích từ những năm 1929.

"Khó khăn nào cũng vượt qua" ông Khích nhấn mạnh đến vị trí của Tuyển than Cửa Ông. Đầu mối chính trong dây chuyền chế biến và tiêu thụ lớn của Than Khoáng sản Việt Nam. Nhìn toàn cục Tuyển than Cửa Ông là hết sức quan trọng. ở đây! Và chỉ có ở đây sản phẩm làm ra của người thợ mỏ mới được gia tăng giá trị, mới đến được với mọi miền của Tổ quốc và đến được với bốn biển năm châu.

Và, cũng phải nói thật một điều rằng nơi khai thác được hòn than, lộ thiên cũng như hầm lò cố gắng một thì ở Tuyển than Cửa Ông phải hai ba, nếu không muốn nói rằng bốn năm, thậm chí là ngoài con số đó.

Kéo mỏ, sàng tuyển, bốc rót và... tiêu thụ đều ở đây. Bốn nhiệm vụ cơ bản nhưng mỗi nhiệm vụ là cả một khối những dây chuyền liên hoàn hết sức phức tạp và rất khoa học. Đó là chưa nói đến việc phải làm thế nào để mỗi ngày một nâng cao giá trị sản phẩm làm ra. Đây không chỉ là thương hiệu hết sức quan trọng của một hoạt động kinh tế mà còn là mồ hôi, nước mắt của hàng vạn lao động trên tầng cao, trong lò sâu vô cùng cực nhọc...

Ông Khích, nhà quản lý khai thác kỹ cựu của Than Khoáng sản Việt Nam trong câu chuyện với chúng tôi đã nói rằng, chỉ riêng một khâu kéo than các mỏ thời cũng khối vấn đề phải bàn. Không tổ chức tốt, thiếu khoa học, thiếu thực tiễn

sẽ không thể làm hết. Than lộ thiên, các mỏ lớn, than hầm lò, các tuyển vận tải có những yêu cầu, những đòi hỏi khác nhau. Lại trong giai đoạn mà ngành than tăng tốc, phát triển đi lên... Không đổi mới tư duy và công nghệ thì không thể nào làm được. Cho lên nói Tuyển than Cửa Ông trong suốt quá trình đi lên của mình không ngừng sáng tạo, không ngừng đổi mới mọi lúc, mọi nơi là như thế...

Đây là chưa nói đến việc các năm 1997 - 1998, than làm ra không bán được, cứ như những đống "Trường Sơn" nhỏ, tràn ngập cả mặt bằng. Nguy cơ không có chỗ chứa làm cho không chỉ ngành mà còn cho cả người dân địa phương lo ngại... Rồi thì không biết có phải trời cũng muốn thử sức người thợ ở đây hay không mà ngày 6/8/2008 đã nổi trận lôi đình làm đổ sập cả ba cỗ máy rót hiện đại. Hai của Nhật, một của CHLB Đức. Cả trăm tỉ bạc chốc tiêu tan.

Đúng là sự thử thách từ thiên nhiên. Đây chính là khâu yết hầu của toàn ngành. Đầu ra, gần như duy nhất và là chủ lực sản phẩm của Than Khoáng sản Việt Nam. Người đứng đầu Tổng hành dinh TKV tức khắc có mặt ngay tại hiện trường và quyết định tại chỗ phải nhanh chóng khắc phục; nhanh chóng tìm cách thay thế trong một thời gian ngắn nhất, không quá ... 23 ngày!

Và, đến cả trời rồi cũng phải bất ngờ. Chỉ trong vòng mười ngày một hệ thống băng rót được thay thế. Công suất 800T/h đã đảm bảo cho dây chuyền hoạt động. Than được tiêu thụ một cách bình thường cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu, trả lại niềm vui cho chính người thợ mỏ ở đây, và hàng vạn thợ mỏ toàn ngành. Đúng là kỳ tích của Tuyển than Cửa Ông thời CNH- HĐH: "Khó khăn nào cũng vượt qua".

**Xây dựng con người
Đổi mới công nghệ
Bài học thành công của Tuyển than Cửa Ông - TKV**

Trong tổng thể của Than Khoáng sản Việt Nam trước công cuộc CNH-HĐH, Tuyển than Cửa Ông đã làm nên nhiều sự tích đáng được ghi nhận. Từ sàng tuyển, kéo mỏ, bốc rót và tiêu thụ... khâu nào cũng đều thể hiện một tinh thần trách nhiệm, sáng tạo và... vươn lên.

Có một Tuyển than Cửa Ông phát triển lớn mạnh, với đầy đủ ý nghĩa của hai nhóm từ này, theo kịp với đà tăng tốc không ngừng của Than - Khoáng sản Việt Nam, không gì khác hơn là chúng ta đã có một Tuyển than cửa Ông tự chủ,

truyền thống, lạc quan và đoàn kết đến tuyệt vời trong suốt bao tháng năm qua. Lúc thuận lợi cũng như khi khó khăn. Trong hoà bình cũng như ngày bom đạn.

Đứng trước bất cứ khó khăn nào cũng đều bắt gặp nét lạc quan, tin ở chính mình, tin ở ngày mai của những con người ở đây. Giai đoạn 1999 - 2000 chẳng hạn. Than làm ra không tiêu thụ được như trên đây đã nói. Thụ nhập người lao động không những không ổn định mà còn giảm sút. Khó khăn đến với họ từng ngày. Bữa cơm của mẹ già và cặp sách con thơ.

Nhưng không một ai nao núng. Ngược lại họ còn say mê hơn. Sáng tạo hơn và dũng cảm hơn... Đó chính là bản lĩnh của người lao động ở Tuyển than Cửa Ông này.

Đó là gì nếu không muốn nói rằng đó chính là bài học thành công của Tuyển than Cửa Ông trong việc xây dựng con người trong cả quá trình đi lên của mình. "Có con người sẽ có tất cả". Nhưng con người ở đây là con người ý chí, trách nhiệm, sáng tạo hiểu biết và cả dũng cảm nữa. Các thế hệ lãnh đạo ở Tuyển than Cửa Ông nhất quán vấn đề này. Họ đề ra nhiều biện pháp, nhiều chương trình thiết thực cụ thể và khoa học nhằm khuyến khích người lao động học tập, nâng cao trình độ, động viên, khen thưởng người có công, người có sáng tạo... từ nhỏ đến lớn làm cho sự ham muốn hiểu biết, ham muốn khám phá luôn nảy nở trong từng con người, tạo cho họ ý thức vươn lên phía trước trong từng hoàn cảnh, dù khó khăn, phức tạp như thế nào.

Đội ngũ người lao động ở Tuyển than Cửa Ông hôm nay là một đội ngũ như thế. Dạn dày trước mọi cam go thử thách. Dấn thân với một ý thức và sự hiểu biết khoa học, trách nhiệm với từng công việc được giao. Không có cách nói nào khác là tự hào với một đội ngũ như thế.

Đồng thời với xây dựng con người, Tuyển than Cửa Ông nhanh chóng đổi mới công nghệ.

Luân công khoa học và đòi hỏi thực tế được bắt đầu từ khâu sàng tuyển, năm 1980 công nghệ Ba Lan công suất 3 triệu tấn/ năm được coi là hiện đại, nhưng do yêu cầu chất lượng đòi hỏi từ nhiều phía của thị trường, Tuyển than Cửa Ông nhanh chóng đổi mới công nghệ này từ úc theo phương pháp tuyển rửa huyền phù, tiên tiến hơn. Chất lượng sản phẩm được thị trường trong nước và quốc tế ưa chuộng hơn.

Tuy vậy, Tuyển than Cửa Ông vẫn chưa bằng lòng những gì có được nhưng lại chưa thật xứng đáng với tầm nhìn mới hơn. Năm 2009 Tuyển than Cửa Ông tiến thêm một bước mới nữa: đầu tư cải tạo Tuyển than 1 theo phương pháp tuyển lắng nhưng công nghệ lại do cán bộ, công nhân tự nghiên cứu, thi công đã đưa năng suất từ 2 triệu lên đến 3,5 triệu tấn/ năm.

Đổi mới công nghệ? Chỉ nói riêng một khâu sàng tuyển: Tuyển than 1, Tuyển than 2 và Tuyển than 3 từ công suất nhỏ bé đến nay đã nâng lên một mức lý tưởng. Đáp ứng đầy đủ yêu cầu sản lượng không chỉ ngày một tăng, mà còn là chất lượng ngày một đòi hỏi và đòi hỏi gay gắt, khắt khe của cả thị trường trong nước và quốc tế.

Và, cái được của việc đổi mới chỉ một khâu sàng tuyển ở Tuyển than Cửa Ông không riêng về sản lượng, chất lượng mà còn quan trọng hơn, đáng nói hơn là đảm bảo cải thiện về sinh môi trường, đặc biệt là bảo vệ môi trường vịnh Bái Tử Long, cảnh đẹp thiên nhiên đất nước. Chấm dứt việc thải bùn triển triển hết tháng năm này qua tháng năm khác hàng nhiều thập kỷ qua.

Việc làm mang tính lịch sử trong đổi mới công nghệ ở Tuyển than Cửa Ông hiện đại, cả bùn và nước thải được tận thu trở lại từ việc dùng công nghệ mới bơm tăng áp ép bùn nước thành bùn, phục vụ cho nhà máy nhiệt điện vừa hoàn thành nằm ngay bên cạnh, và thu hồi triệt để nguồn nước tuần hoàn phục vụ cho cả ba nhà máy Tuyển than, lợi ích nhiều mặt được coi là tuyệt vời trong đổi mới công nghệ ở Tuyển than Cửa Ông thời hội nhập.

Đổi mới bốc rót. Đổi mới vận tải... cũng được coi là chương mới trong hành trình đi tới của Tuyển than Cửa Ông.

Trên cả hai tuyến: Phía Tây và phía Đông, từ đầu kéo, đến toa xe cũng đều hoàn toàn khác trước. Đầu máy diesel công suất 1200 CV thay cho đầu máy 400 CV. Toa xe 30 tấn thay cho toa xe 8 tấn. Đường sắt cũng cũng vậy ray P43... đã đưa năng lực thông qua của tuyến lên gấp đôi, đáp ứng việc kéo than mỏ lên đến 12 triệu tấn. Hiện tại và cao hơn con số đó trong một tương lai gần.

Còn biết bao những điều kỳ diệu, những sự tích từ xây dựng đội ngũ CBCNV từ đổi mới công nghệ mà trong một vài trang sách không thể kể hết. Chỉ có thể nói rằng chính từ đó đã đưa Tuyển than Cửa Ông lên một tầm cao mới. Tầm cao của phát triển và hội nhập.■

CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN
XỔ SỐ KIẾN THIẾT THỦ ĐÔ



SỬ DỤNG DỊCH VỤ CỦA CÔNG TY XSKT THỦ ĐỨC

XEM KẾT QUẢ XỔ SỐ CHÍNH XÁC NHẤT

KẾT NỐI TRỰC TIẾP VỚI BIÊN BẢN CỦA HỘI ĐỒNG GIÁM SÁT QUAY SỐ



Để lấy kết quả xổ số truyền thống mỗi nhất

Soạn tin: **XSTD** Gửi đến **8197**



Để lấy 3 kết quả: xổ số truyền thống
- xổ số **điện toán** và **lô tô cặp số**

Soạn tin: **XSTD** Gửi đến **8297**



Để nhận kết quả xổ số trực tiếp từ trường quay

Soạn tin: **XSTD** Gửi đến **8597**



Để lấy kết quả xổ số **truyền thống** - xổ số
điện toán và **lô tô cặp số 20 ngày** liên tục.

Soạn tin: **XSTD** Gửi đến **8797**

3 6 9 12 14 16

1 5 7 10 12 15

Để nhận kết quả xổ số 3 tỉnh Miền Nam

Soạn tin **XSMN** Gửi đến **8297**

Để nhận kết quả xổ số Miền Trung

Soạn tin **XSMT** Gửi đến **8297**

Được đảm bảo Vàng thương hiệu xổ số kiến thiết Thủ Đức

MẠNG RIÊNG ẢO QUỐC TẾ

"Mạng của chính Khách hàng"

Cuộc sống đích thực VNPT



S-VPN

Gọi 18001001
hay 04.38410036
Để biết thêm chi tiết



Công ty Viễn thông Quốc tế

www.vti.com.vn

Sản phẩm của VNPT

